

## MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ .....	1
BÁO CÁO TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2023 .....	2
Phụ lục I .....	27
Phụ lục II .....	35
<b>THAM LUẬN CỦA CÁC BỘ, ĐỊA PHƯƠNG</b>	
1. Bộ Tài nguyên và Môi trường .....	38
2. Bộ Nội vụ (Vụ Công chức - Viên chức).....	42
3. Bộ Nội vụ (Vụ Tổ chức - Biên chế).....	49
4. Bộ Nội vụ (Vụ Tiền lương) .....	54
5 Bộ Nội vụ (Vụ Tổ chức phi chính phủ).....	58
6. Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) .....	62
7. Bộ Nội vụ (Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước).....	66
8. UBND thành phố Hà Nội .....	72
9. UBND tỉnh Gia Lai .....	75
10. UBND tỉnh Vĩnh Phúc .....	80
11. UBND tỉnh Bình Phước .....	84
12. UBND tỉnh Quảng Ngãi .....	87
13. UBND tỉnh Ninh Bình .....	92
14. UBND tỉnh Hậu Giang.....	96
15. UBND tỉnh Sơn La .....	99
16. UBND tỉnh Hải Dương .....	103
17. UBND thành phố Đà Nẵng .....	108
18. UBND tỉnh Điện Biên.....	112
19. UBND tỉnh Tây Ninh.....	115
20. UBND Thành phố Hồ Chí Minh .....	120
21. UBND tỉnh Bắc Ninh.....	124
22. UBND tỉnh Hà Giang.....	127
23. UBND thành phố Cần Thơ.....	130
24. UBND tỉnh Phú Yên .....	136
25. UBND tỉnh Thái Nguyên .....	139
26. UBND tỉnh Bình Thuận .....	144
27. UBND tỉnh Đồng Tháp .....	148
28. UBND tỉnh Quảng Ninh.....	153
29. UBND tỉnh Thái Bình .....	157
<b>NỘI DUNG TRAO ĐỔI, GIẢI ĐÁP KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG THUỘC LĨNH VỰC NỘI VỤ.....</b>	<b>162</b>

**BỘ NỘI VỤ****CHƯƠNG TRÌNH**

**Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết công tác năm 2023  
và triển khai nhiệm vụ năm 2024 của ngành Nội vụ**  
(Ngày 20 tháng 12 năm 2023)

<b>THỜI GIAN</b>	<b>NỘI DUNG</b>
13h30-14h00	Đón tiếp đại biểu
14h00-16h00	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu (Chánh Văn phòng Bộ)
	Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà phát biểu khai mạc Hội nghị
	Trình chiếu Video Clip kết quả công tác năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của ngành Nội vụ
	Các đại biểu Hội nghị phát biểu tham luận, thảo luận
	Công bố các Quyết định khen thưởng
16h00-17h00	Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính phát biểu chỉ đạo Hội nghị
	Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ
	Bế mạc Hội nghị

**BỘ NỘI VỤ****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-BNV

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2023

DỰ THẢO

**BÁO CÁO****Tổng kết công tác năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ  
công tác năm 2024 của ngành Nội vụ**

Năm 2023, tình hình thế giới diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, nhiều thách thức mới; cạnh tranh chiến lược xung đột giữa các nước ngày càng nghiêm trọng, kéo dài; kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm; lạm phát ở mức cao. An ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng gặp nhiều thách thức; biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng. Trong nước, Việt Nam cơ bản vẫn giữ được ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nợ công, nợ nước ngoài, bội chi ngân sách được kiểm soát. Tuy nhiên, nền kinh tế chịu tác động của nhiều yếu tố bất lợi bên ngoài và những khó khăn nội tại bên trong; khả năng cạnh tranh, sức chống chịu còn hạn chế; thiên tai bão lũ gây thiệt hại nặng nề ở nhiều địa phương. Trong bối cảnh đó, toàn ngành Nội vụ luôn bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ đề ra phương châm hành động năm 2023 là “**Đoàn kết, kỷ cương, gương mẫu, đổi mới, sáng tạo, hiệu quả**” và tập trung vào “**3 đột phá, 4 trọng tâm**”<sup>1</sup>, ngành Nội vụ cơ bản hoàn thành khối lượng lớn nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền giao, phát huy vai trò của Bộ đa ngành, đa lĩnh vực, chú trọng công tác hoàn thiện thể chế và đề xuất sửa đổi, bổ sung nhiều chính sách quan trọng nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khơi thông những điểm nghẽn trong quá trình tổ chức, thực hiện chính sách, pháp luật ngành Nội vụ góp phần quan trọng vào nhiệm vụ chính trị chung của đất nước và xây dựng nền hành chính nhà nước phát triển theo hướng dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ Nhân dân.

**PHẦN THỨ NHẤT****TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2023****I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

1. Toàn ngành Nội vụ đã quán triệt thực hiện nghiêm túc chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để hoàn thành nhiệm vụ chính trị năm 2023 được Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, UBTWQH, Chính phủ, Thủ

<sup>1</sup> Ba đột phá: (1) Tập trung hoàn thiện thể chế; (2) Tập trung sắp xếp tổ chức bộ máy, nhất là các đơn vị sự nghiệp công lập và thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế; (3) Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Bốn trọng tâm: (1) Công vụ, công chức; (2) Cải cách hành chính; (3) Thanh tra, Pháp chế; (4) Thực hiện chuyển đổi số của Bộ, ngành Nội vụ.

tướng Chính phủ và cấp thẩm quyền giao; quyết liệt triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và của Đảng bộ các địa phương liên quan đến lĩnh vực nội vụ.

**2.** Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành có nhiều đổi mới, tập trung, quyết liệt, sát sao, có trọng tâm, trọng điểm, vừa tập trung tham mưu, tổ chức thực hiện các chủ trương lớn của Đảng trên lĩnh vực ngành, vừa giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn bảo đảm yêu cầu, mục tiêu nhiệm vụ trước mắt và chiến lược lâu dài. Đặc biệt, tập trung đổi mới mạnh mẽ công vụ, công chức; tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Trung ương; tham mưu đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với bộ, ngành, chính quyền địa phương nhằm phát huy tính chủ động năng động, sáng tạo, tự chủ của các cơ quan, đồng thời để các bộ, ngành tập trung nguồn lực xây dựng thể chế chính sách; thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; quyết tâm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, quan tâm giải quyết khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở; triển khai thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở và tham mưu cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương nhằm nâng cao đời sống cán bộ, công chức, viên chức.

Quyết liệt đôn đốc các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; tăng cường đối thoại với các tổ chức hội, quỹ, tổ chức tôn giáo,... nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước bảo đảm ổn định, phát triển.

**3.** Công tác phối hợp giữa Bộ Nội vụ với các bộ, ngành, địa phương được duy trì thường xuyên; kịp thời trao đổi, giải đáp các kiến nghị, đề xuất nhằm tạo sự thống nhất, thông suốt trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao. Đặc biệt là giải quyết những vấn đề có tính liên ngành bước đầu đã mang lại hiệu quả tốt.

**4.** Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương ban hành, điều chỉnh chương trình, kế hoạch công tác cho phù hợp với thực tiễn; quán triệt, triển khai nghiêm túc các chủ trương của Đảng trên lĩnh vực ngành tại địa phương; cụ thể hóa nhiệm vụ chính trị, trọng tâm theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ và cấp ủy chính quyền địa phương; bám sát yêu cầu thực tiễn, kịp thời tham mưu nhiều nhiệm vụ, giải pháp quyết liệt, hiệu quả, nhất là những việc quan trọng, khó, phức tạp, nhạy cảm như: xây dựng vị trí việc làm, sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế; phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; tập trung hoàn thiện để đưa vào vận hành Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức.

5. Tập trung đôn đốc trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội, kiến nghị của cử tri, phản ánh của người dân và doanh nghiệp bảo đảm thực chất không né tránh, không đùn đẩy và đi thẳng vào vấn đề được đại biểu Quốc hội và cử tri quan tâm.

## II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC

### 1. Công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách

Năm 2023 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2021-2025), các Nghị quyết của Chính phủ Khóa XV, theo đó, ngay từ những ngày đầu năm, Bộ Nội vụ đã xác định công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt và ưu tiên hàng đầu theo hướng vừa sát với yêu cầu thực tiễn đặt ra trong tình hình mới, vừa đồng bộ, thống nhất theo các Nghị quyết của Đảng về hoàn thiện thể chế phát triển là một trong ba đột phá chiến lược. Kết quả nổi bật trong năm 2023, Bộ Nội vụ đã chủ trì xây dựng **01** dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi) báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội Khóa XV; chủ trì xây dựng **04** văn bản, đề án trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư; trình UBTVQH xem xét, ban hành **14** Nghị quyết; trình Chính phủ ban hành **14** Nghị định, **03** Nghị quyết; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành **20** Quyết định và **03** Công điện; Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành theo thẩm quyền **22** Thông tư, **07** văn bản hợp nhất. Đồng thời, chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền về phương án, lộ trình thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị TW7, Khóa XII trình Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV thông qua tại Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 để tổ chức thực hiện từ ngày 01/7/2024.

Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách thuộc lĩnh vực nội vụ có nhiều đổi mới, hoàn thiện theo hướng thống nhất, chặt chẽ, bảo đảm sự liên thông giữa các quy định của Đảng với pháp luật của Nhà nước; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính trong cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương và địa phương, góp phần thực hiện mục tiêu tinh gọn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; đổi mới công tác quản lý công vụ, công chức, chính sách tiền lương, cải cách hành chính, thi đua khen thưởng, tín ngưỡng tôn giáo, văn thư lưu trữ và thúc đẩy chuyển đổi số.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).*

### 2. Tổ chức bộ máy và biên chế

Để tiếp tục thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, Bộ Nội vụ đã tập trung hoàn thiện thể chế về tổ chức bộ máy, biên chế, nổi bật là: tham mưu Chính phủ ban hành quy định về tinh giản biên chế<sup>2</sup>; Chương trình hành động thực hiện Kết

<sup>2</sup> Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023.

luyện số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW<sup>3</sup>; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 23/2023/QĐ-TTg ngày 18/9/2023 về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành; tham mưu triển khai Kế hoạch tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ (từ khóa XII đến khóa XV) theo yêu cầu tại Nghị quyết số 99/NQ-CP.

*a) Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập*

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Bộ Nội vụ đã tích cực đôn đốc các bộ, ngành ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, ngành đáp ứng tiêu chí theo quy định của Chính phủ<sup>4</sup>; đồng thời, các bộ, ngành đã ban hành **18/19** Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

Tiếp tục thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của các bộ, ngành, Bộ Nội vụ đã tham mưu ban hành Thông báo Kết luận số 114/KL-BCĐĐMSXTCBM ngày 08/12/2023 của Trưởng Ban Chỉ đạo đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ làm cơ sở để triển khai sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập của bộ, ngành theo hướng thu gọn đầu mối, nâng cao tự chủ về tài chính và thúc đẩy xã hội hóa hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công để đạt mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, theo đó, dự kiến kết quả sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành đến hết năm 2024 còn **895** đơn vị sự nghiệp công lập<sup>5</sup>, giảm **140** đơn vị so với năm 2021 (tương ứng giảm **13,53%**); đẩy mạnh tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập đạt khoảng **63%** (tăng 24% so với năm 2021). Các địa phương đã tập trung triển khai việc rà soát, sắp xếp tổ chức hành chính bên trong, theo đó giảm **13** sở và tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh; giảm **2.572** tổ chức phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn UBND tỉnh, huyện trong cả nước; đồng thời, tiếp tục rà soát, sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL), tính đến hết năm 2023 đã giảm **7.867** đơn vị SNCL; riêng năm 2023 đã giảm **236** đơn vị, còn **46.385** đơn vị SNCL (năm 2022 có 46.621 đơn vị); trong đó, đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư là **345** đơn vị (tỷ lệ 0,74%), đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên là **2.538** đơn vị (tỷ lệ 5,47%), đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là **8.559** đơn vị (tỷ lệ 18,45%), đơn vị SNCL do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên là **34.943** đơn vị (tỷ lệ 75,34%).

<sup>3</sup> Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023

<sup>4</sup> Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy đến nay giảm **17** Tổng cục và tổ chức tương đương; giảm **10** Cục và **144** Vụ/Ban thuộc tổng cục và thuộc bộ (gồm 25 vụ thuộc bộ, ngành và giảm 119 vụ và tương đương thuộc tổng cục); giảm **108** phòng trong vụ/ban thuộc bộ, ngành; giảm **22** đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, ngành.

<sup>5</sup> Chưa bao gồm 04 cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng đang tổng hợp trong phương án sắp xếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Bên cạnh đó Bộ Nội vụ đã tập trung xây dựng các Đề án Đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức lại hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập, phục vụ sơ kết 05 năm Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; tham mưu Chính phủ triển khai thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về việc tiếp tục triển khai các Nghị quyết nêu trên; báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ kết quả rà soát số liệu biên chế viên chức đang đảm nhiệm vị trí việc làm là công chức tại các bộ, ngành, địa phương để điều chỉnh, bổ sung biên chế với một số bộ, ngành do được giao thêm nhiệm vụ, theo đó đã bổ sung gần **10.500** biên chế công chức cấp xã, bổ sung trên **28.700** biên chế giáo viên cho các địa phương.

*b) Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*

Căn cứ các Quyết định của Bộ Chính trị về biên chế giai đoạn 2022-2026, Bộ Nội vụ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề giao biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách trong đơn vị sự nghiệp công lập của các bộ, ngành giai đoạn 2022-2026. Bộ Nội vụ hướng dẫn UBND cấp tỉnh thực hiện trình tự phê duyệt, giao biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập của địa phương theo quy định<sup>6</sup>.

Các bộ, ngành, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện lộ trình tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; đồng thời xác định đối tượng và thực hiện chính sách tinh giản biên chế linh hoạt, hợp lý hơn theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP về tinh giản biên chế; từ ngày 01/01/2023 đến ngày 15/12/2023, tổng số đối tượng tinh giản biên chế là **7.151 người** (trong đó: Trung ương **146 người**; địa phương **7.005 người**).

*c) Tập trung xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*

Bộ Nội vụ đã phối hợp với các bộ, ngành rà soát, xây dựng danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã<sup>7</sup>. Đến nay, đã có **20/20** bộ, cơ quan ngang bộ ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành; **15/15** bộ, cơ quan ngang bộ ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên ngành. Trên cơ sở đó, Bộ Nội vụ đã tham mưu cho Chính phủ tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai xây dựng, quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập để quán triệt, tổ chức triển khai thống nhất, đồng bộ về vị trí việc làm tại các bộ, ngành, địa

<sup>6</sup> Năm học 2023-2024, các địa phương đề xuất biên chế giáo viên là 1.189.241 biên chế (tăng/bổ sung 104.656 biên chế so với năm học 2022-2023), trong đó: cấp mầm non 41.542 biên chế (chiếm 39,7%), cấp tiểu học 22.485 biên chế (chiếm 21,5%); cấp trung học cơ sở 27.818 biên chế (chiếm 26,6%); cấp trung học phổ thông 12.811 biên chế (chiếm 12,2%). Theo đó, năm học 2023-2024 dự kiến bổ sung là 27.868 biên chế giáo viên, số còn lại sẽ bổ sung đối với các trường hợp cần thiết trong các năm học tiếp theo đến năm 2026. Bộ Nội vụ đang phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ có ý kiến đề nghị Ban Tổ chức Trung ương xem xét, quyết định phương án cụ thể.

<sup>7</sup> Tổng số vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính: **866** vị trí; tổng số vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp: **615** vị trí; tổng số vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã: **17** vị trí.

phương. Đây là những kết quả bước đầu, là điều kiện quan trọng giúp các bộ, ngành, địa phương có thêm cơ sở pháp lý trong việc xây dựng Đề án vị trí việc làm của đơn vị, bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức gắn với tuyển dụng, sử dụng, quản lý hiệu quả đội ngũ công chức, viên chức và thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo chức vụ, chức danh lãnh đạo và vị trí việc làm công chức, viên chức.

Các bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai xây dựng và phê duyệt đề án vị trí việc làm đối với các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập để làm cơ sở thực hiện việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức theo vị trí việc làm đáp ứng đồng bộ, liên thông với quy định về vị trí việc làm trong hệ thống chính trị, tiêu biểu như: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch... Một số địa phương đã thực hiện tốt công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và quản lý biên chế, như: Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng, Yên Bái, Lạng Sơn, Hải Dương, Hưng Yên, Nghệ An, Bà Rịa - Vũng Tàu,....

#### *d) Tiếp tục tham mưu Chính phủ đẩy mạnh phân cấp, phân quyền*

Bộ Nội vụ tham mưu, phối hợp, đôn đốc các bộ, ngành tập trung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp triển khai Nghị quyết số 04/NQ-CP của Chính phủ về phân cấp, phân quyền. Trong giai đoạn 03 năm vừa qua (từ năm 2021 đến nay), hầu hết văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Chính phủ ban hành (28 Luật và trên 400 Nghị định, hàng nghìn Nghị quyết, văn bản quy phạm pháp luật) đã chú trọng các quy định về phân cấp, phân quyền giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành với địa phương gắn với kiểm tra, kiểm soát quyền lực, bước đầu đã có cải thiện nhất định, khơi thông điểm nghẽn trong tổ chức thực hiện chính sách pháp luật.

### **3. Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

#### *a) Về quản lý cán bộ, công chức, viên chức*

Năm 2023, Bộ Nội vụ đã tập trung nghiên cứu, rà soát, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý cán bộ, công chức, viên chức<sup>8</sup>, trong đó có nhiều nội dung đổi mới cơ chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức, đẩy mạnh phân cấp và cải cách thủ tục hành chính trong các khâu tuyển dụng, nâng ngạch công chức, xét thăng hạng viên chức, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đánh giá, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, liên thông giữa các quy định của Đảng và yêu cầu thực tiễn đổi mới công vụ, công chức; tiếp tục hoàn thiện quy định, cơ chế để sàng lọc, thay thế kịp thời những người thiếu trách nhiệm, năng lực hạn chế... Đặc biệt đã tham mưu Chính phủ thể chế hóa chủ trương của Đảng về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách

<sup>8</sup> (1) Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023; (2) Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023; (3) Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14/9/2023; (4) Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023; (5) Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023; (6) Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.



nhệm vì lợi ích chung tạo cơ sở quan trọng để khắc phục tình trạng không ít cán bộ sợ sai, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, không dám làm khiến công việc nhiều nơi bị trì trệ, gây ách tắc; qua đó tạo thêm động lực để cán bộ, công chức tự tin, bản lĩnh hơn khi đương đầu với khó khăn, thử thách trong thực thi nhiệm vụ, công vụ (*đến nay đã có nhiều địa phương ban hành văn bản triển khai Nghị định số 73/2023/NĐ-CP, như: Thành phố Hồ Chí Minh, Ninh Bình, Bình Phước, Hải Dương, Quảng Nam*); Báo cáo kết quả rà soát Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức và các Luật có liên quan để báo cáo Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trên cơ sở đó đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi cho phù hợp. Đồng thời, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành theo thẩm quyền **05** Thông tư<sup>9</sup>.

Thực hiện thu hút, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài vào hệ thống cơ quan nhà nước và chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, Bộ Nội vụ đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050<sup>10</sup> để các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện; Báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ trình Bộ Chính trị về “Đề án thí điểm mở rộng việc bố trí Chủ tịch UBND, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân, Chánh Thanh tra cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ lãnh đạo cấp trưởng các ngành công an, thuế, hải quan... không phải là người địa phương”; đồng thời, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức việc thống nhất kiểm định chất lượng đầu vào công chức nhằm nâng cao chất lượng tuyển dụng và tiết kiệm ngân sách, thời gian, công sức trong tổ chức tuyển dụng.

Tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thực hiện chủ trương của Đảng về kịp thời thay thế cán bộ năng lực hạn chế, uy tín giảm sút, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm; Báo cáo về thực trạng, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp chấn chỉnh, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm không dám làm trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước; báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ hoàn thiện các quy định của pháp luật nhằm tạo môi trường, hành lang pháp lý an toàn, đầy đủ cho các bộ, cơ quan, địa phương yên tâm thực hiện chức trách nhiệm vụ, công vụ theo quy định; hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện nghiêm quy định của Đảng, pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức. Trong năm 2023 (từ 01/01 đến 15/12/2023), tổng số cán bộ đảng viên, công chức, viên chức bị kỷ luật là **17.808** người; số lượng cán bộ, công chức, viên chức nghỉ việc, thôi việc là **10.880** người (*trong đó: Trung ương 983 người (110 công chức, 873 viên chức), địa phương 9.897 người (866 công chức, 9.031 viên chức)*).

Về chuyển đổi số trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Bộ Nội vụ đã quyết liệt hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương cập nhật, kết nối, đồng bộ dữ liệu CBCCVC với CSDLQG. Tính đến thời điểm tháng 12/2023,

<sup>9</sup> (1) Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30/4/2023; (2) Thông tư số 05/2023/TT-BNV ngày 03/5/2023; (3) Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 03/5/2023; (4) Thông tư số 12/2023/TT-BNV ngày 08/8/2023; (5) Thông tư số 17/2023/TT-BNV ngày 28/11/2023.

<sup>10</sup> Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

**100%** bộ, ngành và địa phương đã hoàn thành việc kết nối, đồng bộ dữ liệu với CSDLQG về CBCCVC. Kết quả đã đồng bộ được gần **2,5** triệu hồ sơ CBCCVC để kết nối với CSDLQG về dân cư.

*b) Về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức*

Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức tiếp tục được đổi mới theo hướng gắn với vị trí việc làm và chức danh công chức; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới, nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ các cấp, gắn với tiêu chuẩn chức danh và quy hoạch. Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2023-2025; phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai đánh giá, rà soát, cập nhật, biên soạn lại hệ thống chương trình, tài liệu bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Nghị định số 89/2021/NĐ-CP nhằm đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao 05 bộ chương trình, tài liệu đến Sở Nội vụ và Trường Chính trị các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Vụ/Ban Tổ chức cán bộ và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc. Đồng thời, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho các bộ, ngành, địa phương về quản lý vận hành và khai thác CSDLQG về CBCCVC trong cơ quan nhà nước. Theo báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, năm 2023 đã cử **562.452** lượt công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh và vị trí việc làm (*trong đó, Trung ương 35.102 (công chức đào tạo 181, bồi dưỡng 8.883; viên chức đào tạo 585, bồi dưỡng 25.453), địa phương 527.350 (công chức đào tạo 14.173, bồi dưỡng 245.327; viên chức đào tạo 23.000, bồi dưỡng 244.850)*).

Việc đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đã mang lại kết quả tích cực; trong năm Bộ Nội vụ đã tổ chức được **04** đoàn đi bồi dưỡng tại Cộng hòa Pháp và Nhật Bản cho cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý nữ của chính quyền địa phương. Đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới.

Trong năm 2023, các bộ, ngành, địa phương đã thực hiện tuyển dụng **42.115** công chức, viên chức (*trong đó, Trung ương 1.293 người (488 công chức, 805 viên chức), địa phương 40.822 người (3.176 công chức, 37.646 viên chức)*), trong đó các địa phương đã quan tâm, chú trọng thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao; kịp thời bổ sung số công chức, viên chức xin nghỉ việc, thôi việc. Một số địa phương tiếp tục thí điểm tổ chức thi tuyển chức danh lãnh đạo quản lý cấp sở, cấp phòng, như: Hà Nội, Quảng Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đà Nẵng...

Vụ/Ban Tổ chức cán bộ, Sở Nội vụ các bộ, ngành, địa phương đã chủ động tham mưu trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện chính sách về tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo phù hợp với vị trí việc làm, tiêu biểu như: Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà

nước Việt Nam, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng, Yên Bái, Nghệ An, Gia Lai, Tây Ninh, Bến Tre.

*c) Về chính sách tiền lương*

Tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang<sup>11</sup>, trong đó, tăng lương cơ sở từ **1.490.000đ/tháng** lên **1.800.000đ/tháng** (tăng 20,8%) từ ngày 01/7/2023; đồng thời, trên cơ sở trình cấp có thẩm quyền Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018, Bộ Nội vụ đã tham mưu cho Chính phủ trình Ban Chấp hành Trung ương tại kỳ họp thứ 8 và trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 6 thông qua lộ trình cải cách chính sách tiền lương từ ngày 01/7/2024<sup>12</sup>. Đồng thời, ban hành theo thẩm quyền **03** Thông tư thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức<sup>13</sup> và điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc.

Hiện nay, Bộ Nội vụ đang tích cực xây dựng Nghị định về chế độ tiền lương mới đối với đối tượng thuộc thẩm quyền của Chính phủ; phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương trình Ban Bí thư ban hành quyết định về chế độ tiền lương mới đối với khu vực Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; phối hợp với Ban Công tác Đại biểu trình UBTVQH ban hành Nghị quyết về chế độ tiền lương mới đối với đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Quốc hội, UBTVQH.

#### **4. Xây dựng chính quyền địa phương, quản lý địa giới hành chính**

a) Về triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã

Thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, Bộ Nội vụ đã tham mưu trình UBTVQH ban hành Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023; trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 117-NQ/CP về kế hoạch tổ chức sắp xếp ĐVHC để triển khai đồng bộ kế hoạch trên phạm vi toàn quốc, đồng thời tham mưu tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc quán triệt triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành **03** Công điện về việc rà soát, hoàn thiện các quy định và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030<sup>14</sup>; thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030<sup>15</sup>; tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 và phối hợp với **12** bộ, cơ quan ban hành **13** văn bản hướng dẫn các nội dung liên quan đến sắp xếp ĐVHC. Trên cơ sở phương án tổng thể của các tỉnh, thành phố, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các bộ, cơ

<sup>11</sup> Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023.

<sup>12</sup> Báo cáo số 18/BC-CP và số 19/BC-CP ngày 30/9/2023 của Chính phủ.

<sup>13</sup> Thông tư số 10/2023/TT-BNV ngày 26/6/2023; Thông tư số 11/2023/TT-BNV ngày 01/8/2023; Thông tư số 04/2023/TT-BNV ngày 03/5/2023; Văn bản số 02/VBHN-BNV ngày 03/5/2023.

<sup>14</sup> Công điện số 557/CD-TTg ngày 18/6/2023, Công điện số 616/CD-TTg ngày 14/7/2023 và Công điện số 972/CD-TTg ngày 17/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>15</sup> Quyết định số 1268/QĐ-TTg ngày 28/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

quan trung ương liên quan hoàn thiện việc cho ý kiến Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của **56/56** địa phương. Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Kế hoạch xây dựng Quy hoạch tổng thể ĐVHC các cấp giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

b) Về tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính

Tham mưu cho Chính phủ trình UBTWQH ban hành **12** Nghị quyết để thành lập **60** đơn vị hành chính đô thị của **12** tỉnh, thành phố (*trong đó: 01 thành phố thuộc tỉnh, 04 thị xã, 43 phường và 12 thị trấn*); trình Quốc hội khóa XV tại kỳ họp thứ 6 Báo cáo Sơ kết 03 năm thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng và thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh; triển khai xây dựng Đề án mô hình chính quyền đô thị trực thuộc cấp tỉnh. Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố<sup>16</sup>, đây là một bước tiên mới nhằm nâng cao vai trò, vị trí của đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thiết thực nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị cấp xã trong tình hình mới và giải quyết những khó khăn, bất cập trong thực tiễn, tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân và chính quyền địa phương các cấp; Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 54/2018/NĐ-CP về hướng dẫn việc lấy kiến nghị cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính<sup>17</sup>. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định kéo dài thời gian thực hiện Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”<sup>18</sup>; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định công nhận, xã, phường An toàn khu tại một số địa phương bảo đảm quy định; triển khai các bước xây dựng Đề án quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính của quốc gia và từng địa phương (đến ĐVHC cấp xã).

Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thường xuyên rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật về chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã; tham mưu xây dựng Kế hoạch của UBND cấp tỉnh và trình HĐND cùng cấp ban hành Nghị quyết để triển khai thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

Sở Nội vụ các địa phương đã tích cực tham mưu trình cấp có thẩm quyền triển khai Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị; kịp thời tham mưu ban hành Kế hoạch thực hiện và Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn theo đúng tinh thần Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của UBTWQH và Nghị quyết số 117/NQ-CP của Chính phủ; tính đến ngày 20/12/2023, Bộ Nội vụ đã phối hợp cho ý kiến phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của **56/56** địa phương, tỉnh, thành phố; đồng thời nhiều địa phương tiếp tục giải quyết dứt điểm

<sup>16</sup> Thay thế 04 Nghị định của Chính phủ, gồm: (1) Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003; (2) Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009; (3) Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011; (4) Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019.

<sup>17</sup> Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24/8/2023 của Chính phủ

<sup>18</sup> Quyết định số 302/QĐ-TTg ngày 28/3/2023

số lượng cán bộ, công chức dôi dư sau sắp xếp giai đoạn 2019-2021, tiêu biểu như: Cao Bằng, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hà Nội, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Bến Tre, An Giang.

## 5. Cải cách hành chính

Với vai trò cơ quan thường trực cải cách hành chính (CCHC) của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã tích cực, chủ động theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ CCHC; kịp thời tổng hợp các kiến nghị, đề xuất và trực tiếp giải quyết hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị có nội dung liên quan đến công tác CCHC, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện; tổng hợp báo cáo Chính phủ tình hình, kết quả thực hiện công tác CCHC của các bộ, ngành, địa phương trình Phiên họp thường kỳ Chính phủ (*định kỳ báo cáo theo quý, 6 tháng, năm*). Bộ Nội vụ đã tham mưu Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ (Ban Chỉ đạo) tổ chức 04 phiên họp của Ban Chỉ đạo, tham mưu ban hành, tổ chức thực hiện có kết quả Kế hoạch hoạt động và Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2023 của Ban Chỉ đạo. Đẩy mạnh triển khai Đề án Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Đề án tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2022-2030.

Bộ Nội vụ đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan có liên quan để triển khai các hoạt động thẩm định, đánh giá xác định kết quả Chỉ số CCHC năm 2022 (PAR Index) của các bộ, các tỉnh, bảo đảm chính xác, khách quan và công bằng trong đánh giá, xếp hạng; triển khai các hoạt động khảo sát người dân, tổ chức để xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2022 (SIPAS). Kết quả các chỉ số trên đã được Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ công bố vào ngày 19/4/2023<sup>19</sup>, trên cơ sở đó các bộ, ngành, địa phương đã có những chỉ đạo, quán triệt nhằm kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại hạn chế, nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác cải cách hành chính. Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ đã chủ động phối hợp với Văn phòng Chính phủ rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính không cần thiết phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Công tác cải cách hành chính của các bộ, ngành, địa phương đã đạt được kết quả toàn diện trên các lĩnh vực, thể chế của nền hành chính tiếp tục được hoàn thiện; cải cách thủ tục hành chính (TTHC) được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục quan tâm<sup>20</sup> chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện; thành lập Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ để chỉ đạo, đôn đốc các

<sup>19</sup> Giá trị trung bình Chỉ số PAR INDEX của 17 bộ, cơ quan ngang bộ năm 2022 là 84.05%, giảm 2.02% so với năm 2021; giá trị trung bình Chỉ số PAR INDEX của các tỉnh là 84.79% giảm 1.58% so với năm 2021 (do là năm đầu tiên áp dụng bộ tiêu chí mới trong đánh giá theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ). Về giá trị trung bình Chỉ số SIPAS của 63 địa phương năm 2022 là 80,08%, giảm 7.08% so với năm 2021 (là năm đầu áp dụng hệ thống tiêu chí khảo sát, đánh giá mới và mở rộng phạm vi nội dung đánh giá).

<sup>20</sup> Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các chỉ thị, công điện, như: Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09/7/2023; Công điện số 644/CĐ-TTg ngày 13/7/2023.

bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách TTHC<sup>21</sup>, từng bước đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp để phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

Hiện nay, Bộ Nội vụ đang tích cực đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện các chỉ tiêu Chính phủ đề ra tại Nghị quyết 01/NQ-CP, trong đó các chỉ tiêu năm 2023 phải đạt được, như: Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ bình quân cả nước (Par-Index) đạt **86,4**; của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bình quân cả nước (Par-Index) đạt **86,7**; Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bình quân cả nước (SIPAS) đạt **87,7**.

Các bộ, ngành, địa phương đã quyết liệt triển khai công tác cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số; hoàn thành triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh trên cơ sở hợp nhất công dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử, tiêu biểu như: Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Gia Lai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang, Trà Vinh,...

## 6. Công tác thi đua, khen thưởng

Công tác thi đua, khen thưởng luôn được chú trọng, ngày càng đi vào thực chất, nổi bật như: Trình Chính phủ dự thảo Nghị định<sup>22</sup>, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng có hiệu lực từ ngày 01/01/2024; tham mưu tổ chức thành công Hội nghị biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến toàn quốc nhân dịp Lễ kỷ niệm 75 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc vào ngày 11/6/2023; tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xét phong tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc“, “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân“, “Anh hùng lao động” thành tích đặc biệt xuất sắc, đột xuất. Nghiên cứu, tổ chức lại các Cụm thi đua và sửa đổi Hướng dẫn về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua của các Cụm thi đua; tham mưu tổ chức các phiên họp của Hội đồng và Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương; đôn đốc các bộ, ngành, địa phương tiếp tục tích cực chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, trọng tâm, trọng điểm là các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động như “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”; “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025”; “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; “Cán bộ, công chức, viên chức thi

<sup>21</sup> Trong năm 2023, các bộ, ngành đã cắt giảm, đơn giản hóa 341 QĐKD tại 30 VBQPPL; ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành 201 VBQPPL để cắt giảm, đơn giản hóa 2483 QĐKD. Các bộ, ngành đã đơn giản hóa 437 TTHC/1.086 TTHC (đạt 40%) để thực thi 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư.

<sup>22</sup> Đối với 08 nghị định khác được giao cho các bộ chuyên ngành xây dựng theo Quyết định số 917/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ (Bộ Khoa học và Công nghệ (01 Nghị định), Bộ Công thương (01 Nghị định), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (04 Nghị định), Bộ Giáo dục và Đào tạo (01 Nghị định) và Bộ Y tế (01 Nghị định) cho đến hiện tại đều đã được Bộ Tư pháp thẩm định, đang hoàn thiện, trình Chính phủ xem xét ban hành.

đưa thực hiện văn hóa công sở”; triển khai Đề án “Tuyên truyền gương điển hình tiên tiến giai đoạn 2022-2025”... Tiến hành thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng tại các bộ, ngành, địa phương theo đúng kế hoạch.

Các bộ, ngành, địa phương đã và đang tập trung tham mưu trình Chính phủ ban hành các văn bản hướng dẫn Luật Thi đua, khen thưởng 2022 để đồng bộ, thống nhất triển khai thực hiện khi Luật có hiệu lực từ ngày 01/01/2024. Đồng thời, tập trung xây dựng thông tư, các quy chế theo kế hoạch. Xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức phát động phong trào thi đua, thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được giao ngay từ đầu năm, tập trung giải quyết các nhiệm vụ trọng tâm, khó khăn để phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội năm 2023 và kế hoạch 05 năm (2021-2025) theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; hướng dẫn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng, đôn đốc các cụm, khối thi đua ký kết giao ước thi đua phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### **7. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo**

Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo năm 2023 cơ bản ổn định, tuân thủ pháp luật; Bộ Nội vụ đã hướng dẫn tổ chức thành công nhiều sự kiện quan trọng liên quan đến phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo nhân ngày lễ trọng của các tôn giáo; nhiều tổ chức tôn giáo đã tổ chức đại hội nhiệm kỳ, hội nghị thường niên theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và của Hiến chương, điều lệ do tổ chức tôn giáo đề ra và thực hiện theo đúng phương châm hành đạo gắn bó, đồng hành với dân tộc; công tác đối ngoại tôn giáo và đấu tranh nhân quyền tiếp tục được duy trì và phát huy; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân ngày càng được đảm bảo tốt hơn, đồng bào tôn giáo yên tâm, tin tưởng, gắn bó với Đảng, chính quyền và sự nghiệp xây dựng, đổi mới đất nước; chủ động nắm bắt tình hình, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề phức tạp, các điểm nóng về tôn giáo, đất đai tôn giáo. Tiếp tục tham mưu xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Công bố Sách trắng “Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam”. Chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đi thăm chúc mừng các tổ chức tín ngưỡng, tôn giáo trong và ngoài nước nhân các ngày lễ trọng của tổ chức tôn giáo.

Các địa phương đã chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định; thực hiện tốt công tác tranh thủ, vận động chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương. Về lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo các địa phương thực hiện tiêu biểu như: Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Hà Nội, Ninh Bình, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Đồng Nai, Tây Ninh, An Giang,...

### **8. Công tác văn thư, lưu trữ**

Năm 2023, Bộ Nội vụ đã tập trung hoàn thiện khung khổ pháp luật về lưu

trữ, trên cơ sở đó tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ theo hướng xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Trong đó, đã trình Quốc hội khóa XV tại Kỳ họp thứ 6 cho ý kiến về hồ sơ dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi); Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành theo thẩm quyền **04** Thông tư<sup>23</sup>.

Công tác bảo quản và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng, như: trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các nhiệm vụ, giải pháp “Bảo hiểm tài liệu lưu trữ quốc gia, giai đoạn II”<sup>24</sup>; hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thu thập và nộp lưu hồ sơ, tài liệu lưu trữ điện tử vào Lưu trữ lịch sử; tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác lập hồ sơ và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan, Lưu trữ lịch sử; xây dựng Trang thông tin điện tử giới thiệu khối tài liệu lưu trữ tiếng Pháp giai đoạn 1858 - 1954 nhân dịp kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Pháp; tổ chức Lễ trao tặng hồ sơ, kỷ vật của cán bộ nhà giáo đi B; tổ chức Triển lãm “Cầu Long Biên - Chứng nhân lịch sử” qua tài liệu lưu trữ; phối hợp tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo của tổ quốc tại các Vùng Hải quân; tổ chức hàng chục cuộc triển lãm tài liệu lưu trữ trực tiếp và trực tuyến; phục vụ hàng nghìn lượt độc giả tra tìm tài liệu tại phòng Đọc các Trung tâm Lưu trữ quốc gia.

Công tác văn thư, lưu trữ được các bộ, ngành, địa phương quan tâm, có nhiều thay đổi rõ rệt, hoạt động chất lượng, hiệu quả hơn, trong đó đã quan tâm chỉ đạo thực hiện lập, xử lý hồ sơ công việc điện tử, chuẩn hóa thư mục, tập trung thực hiện chỉnh lý bảo đảm an toàn và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ của bộ, ngành, địa phương, tiêu biểu như: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Thái Bình, Hải Phòng, Hà Giang, Yên Bái, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Phước, An Giang, Quảng Bình.

### **9. Công tác thanh niên, dân chủ, dân vận và công tác cán bộ nữ**

Công tác quản lý nhà nước về thanh niên được tăng cường thông qua việc đẩy mạnh triển khai Luật Thanh niên (sửa đổi) và các chính sách đối với thanh niên được quy định trong Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030; triển khai Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc để quán triệt, triển khai thực hiện. Triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia theo phân công của Chính phủ. Đã tham mưu Báo cáo cấp có thẩm quyền về công tác dân vận trong tình hình mới, công tác ở vùng đồng bào dân tộc ở Khmer. Tiếp tục theo dõi, đôn đốc các bộ, ngành việc thu hút, tuyển dụng, tạo nguồn cán bộ theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP; tham mưu tổ chức buổi gặp mặt của Thủ tướng Chính phủ với đại diện nữ lãnh đạo, quản lý của các bộ, ngành trung ương nhân dịp kỷ niệm 113 năm ngày Quốc tế phụ nữ 08/3 và trao giải thưởng Kovalevskaia; Hội

<sup>23</sup> Thông tư số 01/2023/TT-BNV ngày 09/3/2023; Thông tư số 08/2023/TT-BNV ngày 31/5/2023; Thông tư số 13/2023/TT-BNV ngày 31/8/2023; Thông tư 16/2023/TT-BNV ngày 15/11/2023.

<sup>24</sup> Quyết định số 71/QĐ-TTg ngày 10/02/2023



ngợi đời thoại của Thủ tướng Chính phủ với thanh niên năm 2023; tổ chức các lớp tập huấn kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, công chức cấp sở, huyện được giao theo dõi nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và tập huấn, bồi dưỡng cho nữ lãnh đạo cấp vụ và tương đương của các bộ, ngành, địa phương.

Các địa phương tập trung triển khai thực hiện chính sách, pháp luật đối với thanh niên quy định trong Luật Thanh niên và các Luật có liên quan; hướng dẫn các sở, ban ngành triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên theo ngành và lĩnh vực; triển khai Chương trình phối hợp quản lý nhà nước về thanh niên giữa tỉnh đoàn và các sở, ban, ngành; thực hiện Nghị định số 140/2017/NĐ-CP về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, các bộ, ngành địa phương đã tuyển dụng được **50** người (*trong đó, Trung ương 07 người, địa phương 43 người*) tiêu biểu như: Bộ Tư pháp, Thành phố Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Hà Tĩnh.

### **10. Công tác quản lý hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ**

Công tác quản lý hội và tổ chức phi chính phủ được thực hiện chặt chẽ và từng bước đổi mới nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của hội, phát huy vai trò tập hợp đoàn kết, đổi mới cơ chế tài chính trên cơ sở thực hiện đúng nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật. Triển khai Quyết định của Bộ Chính trị<sup>25</sup> về Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương, Bộ Nội vụ đã tập trung xây dựng, hoàn thiện Nghị định quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (*thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP*) trình Chính phủ theo quy định; Báo cáo Chính phủ về kết quả, nghiên cứu, rà soát thực hiện Luật hoạt động Chữ thập đỏ. Ban hành Thông tư bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/12/2020 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; ban hành Quy chế quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu hội, quỹ. Tổ chức phát động thi đua và hướng dẫn khen thưởng đối với công tác hội, quỹ năm 2023.

Tổ chức kiểm tra công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện tại **04** bộ, cơ quan ngang bộ, **10** địa phương, **40** hội và **06** quỹ về việc chấp hành pháp luật về điều lệ của hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện năm 2023. Thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ thành lập, hồ sơ tổ chức Đại hội của các hội, quỹ bảo đảm đúng quy định của pháp luật<sup>26</sup>; tổ chức tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ quản lý nhà nước về hội, quỹ theo kế hoạch; tập trung tham mưu giải quyết các vụ việc phức tạp trong các hội.

Ở các bộ, ngành, địa phương, công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ và tổ

<sup>25</sup> Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Bộ Chính trị.

<sup>26</sup> Năm 2023 thành lập **11** Hội; cấp phép thành lập và công nhận **05** Quỹ; ban hành **04** Quyết định về việc phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ không hoàn lại nước ngoài; phối hợp cấp phép phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam cho **134** tổ chức.

chức phi chính phủ đã bảo đảm hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích; phát huy tích cực vai trò các tổ chức hội, quỹ trong đoàn kết, tập hợp và tham gia đóng góp mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tiêu biểu như: Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thừa Thiên - Huế, Cần Thơ, Yên Bái, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc.

## 11. Công tác thanh tra, pháp chế

a) Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được tăng cường theo hướng tăng số lượng các cuộc thanh tra chuyên ngành, thanh tra đột xuất vào các nội dung được dư luận xã hội quan tâm; kiểm tra, xác minh tài sản thu nhập theo đúng quy định. Trong năm 2023, Bộ Nội vụ đã thực hiện **35** cuộc thanh tra theo kế hoạch; trình tự, thủ tục tiến hành các cuộc thanh tra được thực hiện theo quy định pháp luật; tiếp nhận và xử lý **1.372** đơn; ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Đoàn Thanh tra của Bộ Nội vụ; công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, tội phạm và kiểm tra, xác minh tài sản thu nhập năm 2023 được thực hiện theo quy định của pháp luật; ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của Bộ Nội vụ. Qua thanh tra tại các bộ, ngành, địa phương đã góp phần nâng cao hiệu quả và kỷ cương, kỷ luật, công vụ các bộ, ngành, địa phương; phát hiện những tồn tại, hạn chế trong cơ chế, chính sách, pháp luật để báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, sửa đổi các quy định pháp luật cho phù hợp; phát hiện và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý trách nhiệm, thu hồi các quyết định vi phạm pháp luật, đồng thời, kiến nghị các đơn vị kiểm điểm trách nhiệm và có biện pháp xử lý vi phạm.

Để nâng cao kỷ luật, kỷ cương, chủ động phòng ngừa vi phạm trong thực thi công vụ, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chủ động xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra công vụ năm 2023 và đã tổ chức **1.316** cuộc thanh tra, kiểm tra theo Kế hoạch (gồm 245 cuộc thanh tra, 1.071 cuộc kiểm tra)<sup>27</sup>.

b) Công tác pháp chế được quan tâm, đẩy mạnh thực hiện và đạt nhiều kết quả tích cực trên các mặt công tác về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) theo kế hoạch và theo chuyên đề; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được đổi mới về phương thức thực hiện. Trong năm 2023, Bộ Nội vụ đã tiến hành kiểm tra văn bản QPPL gắn với công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại 02 bộ, 08 địa phương<sup>28</sup>; tổ chức kiểm tra hơn **400** văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp tỉnh ban hành, chỉ ra dấu hiệu chưa phù hợp quy định của pháp luật; đã rà soát gần **1.000** văn bản QPPL theo kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL lĩnh vực nội vụ giai đoạn 2019-2023; thực hiện rà soát **236** thông tư, thông tư liên tịch. Theo đó đã góp phần tích cực vào công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, kịp thời sửa đổi, bổ sung khắc phục những vấn đề chưa phù hợp với quy định của pháp

<sup>27</sup> Các địa phương tổ chức nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra như: Trà Vinh (97 cuộc), Thái Nguyên (80 cuộc), Tây Ninh (65 cuộc), Nghệ An (63 cuộc), Vĩnh Phúc (51 cuộc), Lai Châu (34 cuộc), Bến Tre (31 cuộc), Ninh Bình (32 cuộc), Hà Giang (25 cuộc), Bình Thuận (21 cuộc).

<sup>28</sup> Đã kiểm tra tại các bộ, địa phương: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giao thông vận tải, Thái Bình, Hưng Yên, Bắc Giang, Quảng Ninh, Đồng Tháp, An Giang, Bến tre, Hòa Bình.

luật, tránh chồng chéo, mâu thuẫn, không thống nhất giữa các văn bản.

Công tác thanh tra, pháp chế tại các bộ, ngành, địa phương được tăng cường nhằm bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính, ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của ngành Nội vụ.

## **12. Hoạt động đối ngoại, nghiên cứu khoa học, công nghệ thông tin, tuyên truyền**

a) Công tác đối ngoại trong năm 2023 diễn ra sôi động, nhiều hoạt động hợp tác có ý nghĩa chiến lược, quan trọng góp phần nâng tầm vị thế, mở rộng các quan hệ có ý nghĩa chiến lược, nổi bật: đón Đoàn cấp cao của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Lào sang thăm, làm việc và ký Biên bản ghi nhớ hợp tác giai đoạn 2023-2026; Đoàn Bộ trưởng Bộ Chuyển đổi và Công vụ Pháp sang hội đàm, tổ chức hội thảo Việt Nam - Pháp chia sẻ kinh nghiệm cải cách công vụ, cải cách hành chính và chuyển đổi số; Hội nghị thường niên Tổ chức Hành chính miền Đông thế giới (EROPA) với chủ đề “Vai trò của quản trị công trong phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội hướng tới mục tiêu phát triển bền vững”. Tổ chức đón tiếp các đoàn công tác cấp cao của các nước đến thăm và làm việc tại Bộ Nội vụ như: Đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào Xây dựng đất nước, Bộ Nội vụ Campuchia, Bộ Nội vụ và Truyền thông Nhật Bản và tiếp đón các Đại sứ quán Hoa Kỳ, Canada, Hà Lan, Hàn Quốc, Pháp, Vương quốc Ả-rập-xê-út,... Bộ Nội vụ đã phê duyệt Đề án “Tăng cường hợp tác với các đối tác Hàn Quốc đến năm 2030”; Đề án “Phát triển quan hệ với các đối tác Nhật Bản của Bộ Nội vụ đến năm 2030”; tổ chức các Hội nghị tuyên truyền, phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức về các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; Đề án Tuyên bố ASEAN về vai trò của nền công vụ làm chất xúc tác trong việc đạt được Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN. Qua đó, đã góp phần quan trọng trong việc hiện thực hóa mục tiêu thu hút các nguồn lực và kinh nghiệm quốc tế để đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực nội vụ.

b) Hoạt động nghiên cứu khoa học đã có chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao chất lượng công tác tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật của Bộ; đã xây dựng các báo cáo chuyên đề về đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương và xây dựng nền hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam qua 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới; hoàn thiện các tập “Lịch sử Chính phủ Việt Nam giai đoạn 1945-2015”; Chương trình bồi dưỡng cho đội ngũ xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án phục vụ kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

c) Công tác công nghệ thông tin, truyền thông được đổi mới, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ, ngành Nội vụ, phát triển Chính phủ điện tử, chuyển đổi số của toàn Ngành; hoàn thành việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức để phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ và Chính phủ; xây dựng hạ tầng thông tin, an toàn, an ninh mạng, hệ

thống phần mềm để làm cơ sở cho xây dựng CSDL chuyên ngành Bộ Nội vụ và phục vụ chuyển đổi số, phục vụ kết nối CSDLQG về CBCCV trong các cơ quan nhà nước với CSDLQG về dân cư; chủ động, tích cực, đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước và định hướng các vấn đề dư luận xã hội quan tâm liên quan ngành Nội vụ.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm nổi bật**

Ngay từ đầu năm, Bộ, ngành Nội vụ luôn bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, UBTWQH, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đặt ra trong Chương trình công tác và các nhiệm vụ phát sinh. Theo đó, các đồng chí Lãnh đạo Bộ luôn thể hiện rõ quyết tâm cao, nỗ lực lớn và quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành để phát huy mọi nguồn lực kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động toàn ngành Nội vụ.

Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách là nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi, nhiệm vụ chính trị quan trọng luôn được Bộ Nội vụ ưu tiên, tập trung nguồn lực để thực hiện nhằm đổi mới mạnh mẽ, hiệu quả nền hành chính nhà nước theo hướng dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; theo đó đã tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung nhiều chính sách pháp luật bảo đảm tính khả thi, đến nay các quy định pháp luật thuộc lĩnh vực nội vụ đã cơ bản đồng bộ, thống nhất, liên thông với các quy định của Đảng và đáp ứng yêu cầu thực tiễn đổi mới của nền hành chính nhà nước và sự phát triển của đất nước.

Chủ động đổi mới hoạt động quản lý công vụ, công chức; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và đổi mới công tác thi tuyển, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức; có cơ chế để khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung khắc phục tình trạng cán bộ né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm thực thi công vụ; tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, kỷ cương, kỷ luật hành chính trong cơ quan nhà nước và văn hóa công vụ; kịp thời tham mưu điều chỉnh lương cơ sở tăng lên 20,8%; đồng thời tham mưu trình Quốc hội thông qua cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27 của Hội nghị Trung ương 7 Khóa XII.

Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; mở rộng chính sách tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm để nâng cao chất lượng đội ngũ và hiệu quả hoạt động của tổ chức.

Tích cực tham mưu cho Đảng, Nhà nước tổ chức thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; chủ động giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cấp cơ sở.

Công tác cải cách hành chính được thực hiện quyết liệt, tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đặc biệt là các lĩnh vực cơ bản, thiết yếu với người dân, doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số; ứng dụng công nghệ thông tin vào việc đổi mới phương pháp xác định chỉ số cải cách hành chính bảo đảm chính xác, công khai, minh bạch. Hoàn thành việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước và kết nối đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; đẩy mạnh chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực công tác của Bộ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Bộ, ngành Nội vụ.

Công tác thi đua, khen thưởng được các địa phương quan tâm, chủ động, sát sao theo hướng tôn vinh, khen thưởng, biểu dương đối tượng lao động trực tiếp. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được duy trì ổn định, tuân thủ pháp luật, chủ động nắm tình hình, kịp thời tham mưu giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh về tín ngưỡng, tôn giáo và thường xuyên hướng dẫn các tổ chức tôn giáo hoạt động theo đúng đường hướng, phương châm hành đạo. Công tác văn thư, lưu trữ, quản lý hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ, công tác thanh niên, thanh tra, pháp chế, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, đào tạo, bồi dưỡng... đã có nhiều đổi mới, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước của ngành Nội vụ.

## **2. Tôn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành Nội vụ thẳng thắn nhìn nhận vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới, đó là:

- Công tác triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực nội vụ chưa kịp thời, đặc biệt là tập huấn, hướng dẫn triển khai các chính sách mới đã ban hành; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị tuy đã được cải thiện song hiệu quả chưa cao, chưa làm hết trách nhiệm.

- Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ; vẫn còn tình trạng một số cán bộ, công chức, viên chức có biểu hiện né tránh, đùn đẩy công việc, sợ sai, sợ trách nhiệm, không dám tham mưu, đề xuất xử lý công việc dẫn đến chậm tiến độ, giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và niềm tin của người dân, doanh nghiệp. Kỷ luật, kỷ cương hành chính đã có tiến bộ nhưng có nơi chưa nghiêm, còn có công chức bị kỷ luật.

- Việc sắp xếp, sáp nhập, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập ở nhiều nơi còn mang tính cơ học để giảm số lượng đầu mối dẫn đến hiệu lực, hiệu quả và chất lượng cung ứng đơn vị sự nghiệp công lập chưa có sự thay đổi về cơ chế hoạt động, chất lượng dịch vụ còn hạn chế; công tác triển khai xây dựng vị trí việc làm tại một số bộ, ngành, địa phương còn chậm, chưa bảo đảm yêu cầu.

- Công tác Chuyển đổi số ngành Nội vụ tại một số cơ quan, đơn vị chưa nhận được sự quan tâm đúng mức, thiếu nguồn lực và nhân lực chuyên sâu về công

nghe thông tin; cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ chưa đồng bộ đã ảnh hưởng đến việc kết nối tích hợp dữ liệu.

### **3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

- Khối lượng văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực nội vụ cần xây dựng và sửa đổi, bổ sung trong năm 2023 có số lượng lớn.

- Khó khăn, lúng túng trong phương pháp mô tả vị trí việc làm và khung năng lực của từng vị trí việc làm đối với các ngành, lĩnh vực đặc biệt có tính chất phức tạp, đặc thù.

- Một số cơ chế, chính sách còn chồng chéo hoặc mâu thuẫn dẫn đến thiếu nhất quán trong tổ chức thực hiện; quá trình tổ chức thực hiện phát sinh nhiều vấn đề mới từ thực tiễn song pháp luật chưa kịp điều chỉnh, bổ sung. Một số thể chế, chính sách khi xây dựng chưa đánh giá tác động một cách toàn diện, đầy đủ, nhiều chiều hoặc không tham vấn đối tượng thụ hưởng chính sách nên còn khó khăn, vướng mắc, bất cập trên thực tiễn.

- Một bộ phận công chức, viên chức năng lực hạn chế, ý thức trách nhiệm và tinh thần, thái độ làm việc chưa cao; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương của một bộ phận lãnh đạo các đơn vị và công chức, viên chức chưa chuẩn mực.

- Chưa kịp thời có chính sách thu hút, đãi ngộ, để tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử và Chính phủ số; năng lực của đội ngũ làm công tác pháp chế còn hạn chế, chưa có chính sách để họ tập trung đầu tư nghiên cứu, học tập để nâng cao trình độ và an tâm công tác.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chưa kịp thời, chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Vẫn còn nhiều ý kiến góp ý thiếu trách nhiệm, chưa sâu, chưa kỹ, chưa bảo đảm thời hạn trả lời văn bản.

## PHẦN THỨ HAI

### PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2024

Trong năm 2024, dự báo tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường, những bất ổn gia tăng trên toàn cầu, rủi ro, nguy cơ tiềm tàng từ cạnh tranh chiến lược các nước lớn; theo đó sẽ tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Nền kinh tế nước ta tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là những yếu tố bất lợi từ bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại đã kéo dài nhiều năm; tình hình thiên tai, dịch bệnh, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí hậu diễn biến có thể phức tạp hơn... Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, toàn ngành Nội vụ quyết liệt thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và đề ra phương châm hành động **“Kỷ cương, gương mẫu, chuyên nghiệp, hiệu quả”** nhằm tạo sự chuyển biến tích cực mạnh mẽ hơn, hiệu quả hơn trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành Nội vụ, trong đó tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, cụ thể như sau:

#### I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Ưu tiên toàn diện và tập trung nguồn lực cho công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách thuộc lĩnh vực nội vụ, trọng tâm là đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả về tổ chức bộ máy, biên chế; công vụ, công chức; xây dựng chính quyền địa phương, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động chính quyền cấp xã.

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).*

2. Đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, cơ bản hoàn thiện mô hình chế độ công vụ theo vị trí việc làm; hoàn thiện tiêu chuẩn, chức danh công chức và tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý các cấp. Đổi mới thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức chính quyền địa phương và bộ, ngành Trung ương; triển khai các quy định về chế độ, chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài; khuyến khích cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung; nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách liên thông đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã với cấp huyện, cấp tỉnh nhằm xây dựng chung một chế độ công vụ.

3. Tham mưu trình cấp có thẩm quyền triển khai đồng bộ, thống nhất, toàn diện, hiệu quả thực hiện cải cách chính sách tiền lương từ ngày 01/7/2024 theo Nghị quyết số 27-NQ/TW; trong đó xây dựng Nghị định về chế độ tiền lương mới đối với đối tượng thuộc thẩm quyền của Chính phủ; phối hợp Ban Tổ chức Trung ương trình Ban Bí thư ban hành quyết định về chế độ tiền lương mới đối với khu vực Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; phối hợp với Ban công tác đại biểu Quốc hội trình UBTVQH ban hành Nghị quyết về chế độ tiền lương mới đối với đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Quốc hội, UBTVQH.

4. Quyết liệt phân cấp, phân quyền giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với bộ, ngành và với chính quyền địa phương nhằm khơi thông điểm nghẽn phát triển, phát huy sự năng động, sáng tạo, tự chủ của các địa phương gắn với thanh tra, kiểm tra, kiểm soát quyền lực; thực hiện quyết liệt việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan, đơn vị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trọng tâm là rà soát, sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập của bộ, ngành, địa phương; tham mưu giải quyết đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức dôi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính các cấp. Phối hợp các bộ, ngành hoàn thiện chính sách, pháp luật về tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa dịch vụ công nhằm đẩy mạnh tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa dịch vụ công ở các lĩnh vực có điều kiện.

5. Triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả Kết luận của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 bảo đảm đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra; hoàn thành trước Quý IV/2024 việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã nhằm ổn định để tổ chức đại hội Đảng các cấp ở địa phương năm 2025; phối hợp chặt chẽ với các địa phương, các bộ, ngành thẩm định trình cấp có thẩm quyền về thành lập các ĐVHC đô thị gắn với nâng cao chất lượng đô thị, thúc đẩy tốc độ đô thị hóa theo chủ trương của Đảng; xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách về mô hình tổ chức chính quyền đô thị.

6. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính; đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy, công vụ, công chức và xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả về đánh giá chỉ số CCHC (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện cải cách hành chính các bộ, ngành, địa phương.

7. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực công tác khác của ngành Nội vụ:

a) Nâng cao chất lượng, hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, khen thưởng kịp thời, thực chất, bảo đảm triển khai tích cực Luật Thi đua, khen thưởng có hiệu lực từ ngày 01/01/2024, gắn với nhiệm vụ từng cơ quan, đơn vị, địa phương, hướng về cơ sở để tập hợp, vận động toàn dân tham gia phong trào thi đua theo hướng dẫn của Trung ương và địa phương; quan tâm nhân rộng điển hình tiên tiến, kịp thời tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện các phong trào thi đua và tham gia thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng tại địa phương, cơ sở.

b) Tổ chức triển khai chủ trương, chính sách của Đảng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; khuyến khích hoạt động tôn giáo gắn với dân tộc, nhân đạo, nhân văn, tiên bộ, tốt đời, đẹp



đạo; chủ động nắm bắt tình hình, kịp thời giải quyết các vấn đề phức tạp, các điểm nóng về tôn giáo, đất đai tôn giáo; cung cấp thông tin, phản bác luận điệu xuyên tạc của các thế lực chống phá chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; tăng cường đối ngoại, đấu tranh nhân quyền.

c) Hoàn thiện chính sách pháp luật về văn thư, lưu trữ; tiếp tục triển khai có hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư lưu trữ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Chủ động, phát huy giá trị tài liệu lưu trữ trong nước và quốc tế nhằm phục vụ sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc, đổi mới, phát triển đất nước.

d) Tham mưu triển khai hiệu quả công tác quản lý nhà nước về thanh niên, nhất là Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam; công tác cán bộ nữ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tình hình mới; tăng cường quản lý nhà nước về hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ bảo đảm hoạt động đúng theo tôn chỉ, mục đích và quy định của pháp luật.

đ) Đẩy mạnh công tác thanh tra Bộ và toàn ngành, nhất là thanh tra công vụ, công chức, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, kỷ luật, kỷ cương công vụ, công chức nhằm nâng cao chất lượng nền công vụ đáp ứng yêu cầu tình hình mới và khơi dậy tinh thần trách nhiệm, cống hiến vì lợi ích chung của đất nước; nâng cao hiệu quả công tác pháp chế góp phần tích cực xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách của Chính phủ và ngành Nội vụ.

**8.** Tăng cường công tác đối ngoại trên mọi lĩnh vực; thực hiện có hiệu quả chương trình hành động thực hiện Đề án đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030; hợp tác hiệu quả với các tổ chức quốc tế trong vấn đề công vụ, nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, đào tạo nguồn nhân lực của ngành Nội vụ, chú trọng đào tạo cán bộ trẻ tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của Bộ, ngành Nội vụ.

**9.** Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Bộ, ngành Nội vụ nhằm góp phần xây dựng nền hành chính dân chủ, pháp quyền, hiện đại, chuyên nghiệp, công khai, minh bạch, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả phục vụ Nhân dân. Trọng tâm là hoàn thành toàn bộ dữ liệu chuyên ngành bảo đảm kết nối, liên thông các bộ, ngành, địa phương. Coi trọng công tác thông tin, tuyên truyền; đẩy mạnh truyền thông chính sách lĩnh vực nội vụ tạo sự thống nhất, đồng thuận và huy động cả hệ thống chính trị, cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng nền hành chính nhà nước và các cơ chế, chính sách mới, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay. Tổ chức các hội nghị, hội thảo với các chuyên gia, nhà khoa học, đại diện các cấp, các ngành, địa phương và ý kiến, kiến nghị của cử tri, đại biểu Quốc hội để bổ sung, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách thuộc lĩnh vực nội vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới.

**10.** Vụ/Ban Tổ chức cán bộ các bộ, ngành, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục tham mưu cấp có thẩm quyền kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực nội vụ. Trong đó, chú trọng công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị sự nghiệp công lập,

tin giản biên chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; tăng cường quản lý, siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp; đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của ngành Nội vụ.

## II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

**Một là**, tập trung rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoàn thiện thể chế, chính sách trên cơ sở đánh giá tác động để bảo đảm tính khả thi; phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo sự đồng bộ, thống nhất trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực nội vụ.

**Hai là**, rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong của các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu tại các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và đáp ứng tiêu chí thành lập tổ chức theo quy định của Chính phủ mà trọng tâm là thu gọn đầu mối hành chính và nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập để giảm số người hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Hoàn thiện chính sách pháp luật về tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập của các bộ, ngành, trong đó xác định rõ số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tương ứng với mức độ tự chủ về tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh xã hội hóa một số dịch vụ công nhất là trong các lĩnh vực có điều kiện, đổi mới hình thức cấp ngân sách nhà nước theo hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ gắn với sản phẩm, chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

**Ba là**, xây dựng đội ngũ công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng ngang tầm nhiệm vụ và sự phát triển của đất nước; đổi mới công tác quản lý đội ngũ từ khâu tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, đề bạt, bố trí cán bộ, công chức, viên chức cho đến khâu đánh giá, nhận xét, xếp loại để xây dựng môi trường làm việc năng động, công bằng, dân chủ, thân thiện, đoàn kết, chuyên nghiệp, hiện đại và có cơ chế tạo động lực để công chức, viên chức thể hiện năng lực, trách nhiệm, tận tụy, tâm huyết, nỗ lực phấn đấu, rèn luyện và cống hiến.

Nâng cao chất lượng đội ngũ gắn với cải cách chính sách tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi, tổ chức lao động khoa học để bảo đảm sức khỏe cho người lao động (*các địa phương có điều kiện phát triển kinh tế cần có các chính sách hỗ trợ phù hợp, ngoài các chính sách chế độ tiền lương chung của công chức, viên chức*).

**Bốn là**, đẩy mạnh phân cấp, giao quyền chủ động cho chính quyền địa phương cấp tỉnh trong việc quyết định số lượng cụ thể biên chế cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách của cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính và trên cơ sở khung quy định của Chính phủ; giao thẩm quyền cho chính

quyền địa phương cấp tỉnh quyết định số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

*Năm là*, chú trọng công tác cải cách hành chính, tiết giảm chi phí xã hội để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước; tăng cường ý thức kỷ luật, kỷ cương hành chính, thanh tra, kiểm tra thực thi công vụ; đề cao trách nhiệm người đứng đầu và phát huy dân chủ trong công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp; đổi mới phương pháp, lề lối làm việc theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

*Sáu là*, tăng cường thông tin, truyền thông về quá trình xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật của Bộ, ngành Nội vụ nhằm lan tỏa thông tin tích cực, tạo khí thế, niềm tin, động lực thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2024 của ngành Nội vụ./.

**BỘ NỘI VỤ**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN TRÌNH CẤP THẨM QUYỀN BAN HÀNH**  
**VÀ THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ BAN HÀNH TRONG NĂM 2023**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNV ngày / /2023 của Bộ Nội vụ)

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
<b>I.</b>	<b>BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ XEM XÉT CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN (04)</b>	
1.	Quy chế sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của Ban Cán sự đảng Chính phủ	Đã báo cáo Bộ Chính trị ngày 02/6/2023
2.	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 198-QĐ/TW ngày 18/9/2013 của Bộ Chính trị ban hành “Quy chế về quan hệ công tác giữa Ban cán sự đảng Chính phủ với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc Trung ương, đảng ủy các đơn vị sự nghiệp Trung ương, các ban đảng Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương”	Đã báo cáo Bộ Chính trị ngày 02/6/2023
3.	Báo cáo tổ chức Hội nghị biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến toàn quốc	Đã có Báo cáo số 2384/BC-BNV ngày 22/5/2023
4.	Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030	
<b>II.</b>	<b>QUỐC HỘI XEM XÉT CÁC DỰ ÁN LUẬT, BÁO CÁO (01 DỰ ÁN LUẬT, 04 BÁO CÁO )</b>	
1.	Dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi)	Bộ trưởng Bộ Nội vụ thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình số 501/TTr-CP ngày 01/10/2023 trình Quốc hội dự án luật. Đã báo cáo dự thảo Luật tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV
2.	Báo cáo về lộ trình cải cách chính sách tiền lương và việc bố trí nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cho cải cách chính sách tiền lương giai đoạn sau năm 2023	Bộ trưởng Bộ Nội vụ thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Báo cáo số 19/BC-CP và Báo cáo số 18/BC-CP ngày 30/9/2023
3.	Báo cáo của Chính phủ về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức	Bộ trưởng Bộ Nội vụ thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Báo cáo số 479/BC-CP ngày 30/9/2023
4.	Báo cáo thực hiện một số nghị quyết của Quốc hội khóa XIV về giám sát chuyên đề, chất vấn và nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề, chất vấn từ đầu nhiệm kỳ khóa XV đến hết kỳ họp thứ 4 thuộc lĩnh vực Nội vụ	Bộ trưởng Bộ Nội vụ thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Báo cáo số 519/BC-CP ngày 06/10/2023

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
5.	<p>Báo cáo Sơ kết thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội và thí điểm bố trí chức danh đại biểu hoạt động chuyên trách của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;</p> <p>Báo cáo Kết quả 03 năm thực hiện Nghị quyết số 131/2020/QH14 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh</p>	<p>Bộ trưởng Bộ Nội vụ thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Báo cáo số 592/BC-CP ngày 22/10/2023; Báo cáo số 593/BC-CP ngày 22/10/2023</p>
<b>III.</b>	<b>ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI BAN HÀNH, XEM XÉT BAN HÀNH: 14 NGHỊ QUYẾT</b>	
1.	Nghị quyết số 727/NQ-UBTVQH15 ngày 13/02/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập các phường thuộc thị xã Điện Bàn và thị trấn Trung Phước thuộc huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam	
2.	Nghị quyết số 729/NQ-UBTVQH15 ngày 13/02/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập thị trấn Hóa Thượng thuộc huyện Đông Hỷ và nhập xã Quân Chu vào thị trấn Quân Chu thuộc huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	
3.	Nghị quyết số 725/NQ-UBTVQH15 ngày 13/02/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập thành phố Tân Uyên thuộc tỉnh Bình Dương	
4.	Nghị quyết số 723/NQ-UBTVQH15 ngày 13/02/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập thị xã Thuận Thành và các phường thuộc thị xã Thuận Thành, thị xã Quế Võ và các phường thuộc thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	
5.	Nghị quyết số 724/NQ-UBTVQH15 ngày 13/02/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập thị trấn Tiên Thủy thuộc huyện Châu Thành, thị trấn Tiệm Tôm thuộc huyện Ba Tri và thị trấn Phước Mỹ Trung thuộc huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	
6.	Nghị quyết số 730/NQ-UBTVQH15 ngày 13/02/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập thị trấn Kim Long thuộc huyện Tam Dương, thị trấn Tam Hồng thuộc huyện Yên Lạc và phường Định Trung thuộc thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	
7.	Nghị quyết số 722/NQ-UBTVQH15 ngày 13/02/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập thị trấn Vân Tùng thuộc huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	
8.	Nghị quyết số 726/NQ-UBTVQH15 ngày 13/02/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập thị trấn Pong Drang thuộc huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk	
9.	Nghị quyết số 728/NQ-UBTVQH15 ngày 13/02/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính giữa xã Long Khánh và xã Ngũ Lạc thuộc huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	
10.	Nghị quyết số 721/NQ-UBTVQH15 ngày 13/02/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập thị xã Tịnh Biên, các phường thuộc thị xã Tịnh Biên, thị trấn Đa Phước thuộc huyện An Phú và thị trấn Hội An thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	
11.	Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2022 - 2030	
12.	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trình tự cử tri bãi nhiệm đại biểu HĐND	<p>Bộ trưởng thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình số 393/TTr-CP ngày 21/8/2023 trình UBTVQH</p>

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
13.	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập thị xã Việt Yên và các phường thuộc thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.	
14.	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc nhập xã Thiệu Phú vào thị trấn Thiệu Hóa và thành lập thị trấn Hậu Hiền thuộc huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	
<b>IV.</b>	<b>CHÍNH PHỦ BAN HÀNH, XEM XÉT BAN HÀNH CÁC NGHỊ ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT</b>	
<b>A</b>	<b>BAN HÀNH: 14 NGHỊ ĐỊNH</b>	
1.	Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức	
2.	Nghị định 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang	
3.	Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ về tinh giản biên chế	
4.	Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố	
5.	Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức	
6.	Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở	
7.	Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 về hướng dẫn việc lấy kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính	
8.	Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp	
9.	Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức	
10.	Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung	
11.	Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	
12.	Nghị định Quy định chi tiết một số điều Luật tín ngưỡng, tôn giáo (thay thế Nghị định số 162/2017/NĐ-CP)	

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
13.	Nghị định quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” và việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến	
14.	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2022	
<b>B.</b>	<b>BAN HÀNH: 03 NGHỊ QUYẾT</b>	
1.	Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 50-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”	
2.	Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030	
3.	Nghị quyết số 196/NQ-CP ngày 22/11/2023 của Chính phủ về việc nhập xã Thiệu Phú vào thị trấn Thiệu Hóa và thành lập thị trấn Hậu Hiền thuộc huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	
<b>V.</b>	<b>THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH CÁC QUYẾT ĐỊNH, CÔNG ĐIỆN</b>	
<b>A</b>	<b>BAN HÀNH: 20 QUYẾT ĐỊNH</b>	
1.	Quyết định số 42/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ thay thế thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ	
2.	Quyết định số 49/QĐ-TTg ngày 06/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về công nhận xã An toàn khu tại tỉnh Quảng Trị	
3.	Quyết định số 67/QĐ-TTg ngày 08/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã An toàn khu thuộc tỉnh Cao Bằng	
4.	Quyết định số 71/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các nhiệm vụ, giải pháp bảo hiểm tài liệu lưu trữ quốc gia, giai đoạn II	
5.	Quyết định số 4/QĐ-BCĐCCHC ngày 03/3/2023 thành lập Tổ công tác của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ về kiểm tra, rà soát tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành chính	
6.	Quyết định số 12/QĐ-BCĐCCHC ngày 08/03/2023 ban hành Kế hoạch kiểm tra của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ năm 2023	
7.	Quyết định số 13/QĐ-BCĐCCHC ngày 08/03/2023 ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ năm 2023	
8.	Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 20/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về kiện toàn Ban Chỉ đạo đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	
9.	Quyết định số 302/QĐ-TTg ngày 28/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc kéo dài thời gian thực hiện dự án “Hoàn thiện, hiện đại hoá hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính	

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
10.	Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 25/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập	
11.	Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 11/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổ chức các hoạt động kỷ niệm 75 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948 – 11/6/2023)	
12.	Quyết định số 346/QĐ-TTg ngày 06/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở	
13.	Quyết định số 375/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều lệ Hội nhà báo Việt Nam	
14.	Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	
15.	Quyết định số 21/2023/QĐ-TTg ngày 10/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quyết định số 26/2018/QĐ-TTg ngày 22/6/2018 thí điểm thành lập Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã tại thành phố Hà Nội	
16.	Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 21/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về công nhận xã, phường An toàn khu tại Thành phố Hồ Chí Minh	
17.	Quyết định số 1006/QĐ-TTg ngày 30/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về công nhận xã, phường An toàn khu tại tỉnh Kiên Giang	
18.	Quyết định số 1079/QĐ-TTg ngày 15/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu thuộc tỉnh Ninh Bình	
19.	Quyết định số 23/2023/QĐ-TTg ngày 18/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành	
20.	Quyết định số 1268/QĐ-TTg ngày 28/10/2023 thành lập Ban chỉ đạo thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 của địa phương	
<b>B</b>	<b>BAN HÀNH: 03 CÔNG ĐIỆN</b>	
21.	Công điện số 557/CĐ-TTg ngày 18/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về rà soát, hoàn thiện các quy định về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030	
22.	Công điện số 616/CĐ-TTg ngày 04/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về rà soát, hoàn thiện các quy hoạch để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030	
23.	Công điện số 972/QĐ-BNV ngày 17/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025	
<b>VI.</b>	<b>BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ BAN HÀNH THEO THẨM QUYỀN</b>	
<b>A</b>	<b>BAN HÀNH: 22 THÔNG TƯ</b>	
1.	Thông tư số 01/2023/TT-BNV ngày 09/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 02/2020/TT-BNV ngày 14/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2014/TT-BNV hướng dẫn về quản lý Chứng chỉ hành nghề lưu trữ và hoạt động dịch vụ lưu trữ	



STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
2.	Thông tư số 02/2023/TT-BNV ngày 23/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ thay thế Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018 quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ	
3.	Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	
4.	Thông tư số 04/2023/TT-BNV ngày 03/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ Thông tư số 03/2008/TT-BNV ngày 03/6/2008 về việc hướng dẫn thực hiện xét nâng ngạch không qua thi đối với cán bộ, công chức, viên chức đã có thông báo nghỉ hưu	
5.	Thông tư số 05/2023/TT-BNV ngày 03/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn mẫu hợp đồng dịch vụ và mẫu hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập	
6.	Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước	
7.	Thông tư số 07/2023/TT-BNV ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	
8.	Thông tư số 08/2023/TT-BNV ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Lưu trữ	
9.	Thông tư số 09/2023/TT-BNV ngày 03/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực Nội vụ về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	
10.	Thông tư số 10/2023/TT-BNV ngày 26/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội	
11.	Thông tư số 11/2023/TT-BNV ngày 01/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc	
12.	Thông tư số 12/2023/TT-BNV ngày 08/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ một số Thông tư quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	
13.	Thông tư số 13/2023/TT-BNV ngày 31/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử	
14.	Thông tư số 14/2023/TT-BNV ngày 05/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ	

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
15.	Thông tư số 15/2023/TT-BNV ngày 15/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua khen thưởng đối với ngành Nội vụ	
16.	Thông tư số 16/2023/TT-BNV ngày 15/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức kinh tế - kỹ thuật chính lý tài liệu giấy	
17.	Thông tư số 17/2023/TT-BNV ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn nội quy, quy chế kiểm định chất lượng đầu vào công chức	
18.	Thông tư số 18/2023/TT-BNV ngày 08/12/2023 bãi bỏ một phần Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện	
19.	Thông tư quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng	
20.	Thông tư quy định biện pháp thi hành Nghị định quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” và việc khen thưởng tổng kết kháng chiến	
21.	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố	
22.	Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố	
<b>B</b>	<b>BAN HÀNH: 07 VĂN BẢN HỢP NHẤT</b>	
1.	Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV ngày 30/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất 03 Thông tư hướng dẫn về quản lý Chứng chỉ hành nghề lưu trữ và hoạt động dịch vụ lưu trữ	
2.	Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BNV ngày 03/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất 03 Thông tư hướng dẫn về chuyển xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức khi thay đổi công việc và các trường hợp được chuyển công tác từ lực lượng vũ trang, cơ yếu và công ty nhà nước vào làm việc trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập	
3.	Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BNV ngày 03/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức	
4.	Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 26/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định số 66/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính	
5.	Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BNV ngày 13/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức	

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
6.	Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BNV ngày 13/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14/9/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp	
7.	Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BNV ngày 10/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm thành lập Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã tại thành phố Hà Nội	

**Phụ lục II**  
**DỰ KIẾN CÁC NHIỆM VỤ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN NĂM 2024**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNV ngày / 12/2023 của Bộ Nội vụ)*

STT		NỘI DUNG
<b>I</b>		<b>LUẬT (04)</b>
1	1	Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) và Luật Viên chức (sửa đổi)
2	2	Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật hoạt động chữ thập đỏ
3	3	Nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ
4	4	Nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương
<b>II</b>		<b>NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ (10)</b>
5	1.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 và Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức
6	2.	Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định về cấp phó tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020
7	3.	Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội
8	4.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức
9	5.	Nghị định quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính Nhà nước
10	6.	Nghị định phân cấp quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực cho Thành phố Hồ Chí Minh thay thế Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12/12/2001
11	7.	Nghị định về chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập
12	8.	Nghị định quy định chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004; đồng thời đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan (một Nghị định sửa nhiều Nghị định) để đảm bảo thực hiện đồng bộ, thống nhất về chính sách tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang kể từ ngày 01/7/2024)
13	9.	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ (sửa đổi)
14	10.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện

STT		NỘI DUNG
<b>III</b>		<b>QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ (01)</b>
15	1	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/2022/QĐ-TTg ngày 19/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia trực thuộc Bộ Nội vụ
<b>IV</b>		<b>THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ (24)</b>
16	1.	Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành
17	2.	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập
18	3.	Thông tư sửa đổi Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức
19	4.	Thông tư hướng dẫn quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức vụ chỉ huy của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã
20	5.	Thông tư hướng dẫn khoản 3 Điều 9 Nghị định số 103/2022/NĐ-CP ngày 12/12/2022 của Chính phủ quy định về trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân
21	6.	Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực
22	7.	Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.
23	8.	Thông tư hướng dẫn chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với công chức, viên chức
24	9.	Thông tư hướng dẫn thực hiện chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức
25	10.	Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động đối với cán bộ, công chức, viên chức.
26	11.	Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương đối với công chức, viên chức
27	12.	Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức
28	13.	Thông tư hướng dẫn chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức
29	14.	Thông tư hướng dẫn chế độ phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức theo phân loại đơn vị hành chính và theo phân hạng đơn vị sự nghiệp
30	15.	Thông tư hướng dẫn chế độ phụ cấp theo nghề đối với công chức, viên chức
31	16.	Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức
32	17.	Thông tư hướng dẫn thực hiện phụ cấp công tác ở vùng đặc biệt khó khăn
33	18.	Thông tư hướng dẫn định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ

STT		NỘI DUNG
34	19.	Thông tư hướng dẫn về cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lưu trữ
35	20.	Thông tư hướng dẫn nghiệp vụ lưu trữ tài liệu lưu trữ số
36	21.	Thông tư hướng dẫn về chính lý; tổ chức sử dụng tài liệu; quản lý tài liệu lưu trữ trong trường hợp cơ quan, tổ chức được tổ chức lại, giải thể, phá sản
37	22.	Thông tư hướng dẫn về cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề lưu trữ và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ lưu trữ cho cá nhân được cấp Chứng chỉ hành nghề lưu trữ
38	23.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 18/2014/TT-BNV ngày 25/11/2014 quy định việc xác nhận phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong đã được thành lập và hoạt động trong các thời kỳ đối với đơn vị chưa được xác định phiên hiệu
39	24.	Thông tư quy định phân cấp, ủy quyền một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về tin ngưỡng, tôn giáo của Bộ Nội vụ
<b>II</b>		<b>CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN (05)</b>
40	1	Tổng kết thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 21/5/2004 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng và trình Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị về công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới.
41	2	Báo cáo nội dung cụ thể của chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang để xây dựng, hoàn thiện khung khổ pháp lý đồng bộ thực hiện phương án cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW từ ngày 01/7/2024
42	3	Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm của Việt Nam và về Việt Nam, giai đoạn 2025 - 2035
43	4	Trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội các đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của 56 tỉnh, thành phố.
44	5	Quyết định về việc nâng cao tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong các cơ quan nhà nước giai đoạn hiện nay

# THAM LUẬN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

## 1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

**Tham luận về “Nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh xây dựng vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường”**

Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; viễn thám; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường<sup>29</sup> có 36 đơn vị trực thuộc, gồm: 22 đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước (07 Vụ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, 01 Tổng cục, 12 Cục); 14 đơn vị sự nghiệp (03 trung tâm; 06 viện; 02 Trường Đại học; Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường; Báo Tài nguyên và Môi trường; Tạp chí Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng).

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về cải cách chế độ công vụ, công chức; đổi mới cơ chế quản lý công chức hướng tới một nền công vụ hiệu lực và hiệu quả; tăng cường đổi mới phương pháp quản lý, sử dụng, đánh giá công chức, viên chức trên từng lĩnh vực cụ thể, sắp xếp bố trí nhân lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ đảm bảo khoa học, hiệu quả, công khai, minh bạch, phát huy được năng lực, khả năng công tác của công chức, viên chức ở từng cơ quan, đơn vị; căn cứ quy định của pháp luật và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong thời gian qua Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức triển khai xây dựng, hướng dẫn vị trí việc làm trong ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường và đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

### I. Kết quả hướng dẫn vị trí việc làm theo phân công của Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Bộ Nội vụ và các địa phương xây dựng, ban hành:

1. Thông tư số 05/2023/TT-BTNMT ngày 31/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

2. Thông tư số 10/2023/TT-BTNMT ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh

---

<sup>29</sup>Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ TNMT; Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 07/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ

ngành nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

## **II. Việc triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan, đơn vị thuộc Bộ**

### **1. Kết quả triển khai thực hiện**

Thi hành Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ, căn cứ Thông tư hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ triển khai xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với các đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.

Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của việc xác định vị trí việc làm; để việc xây dựng Đề án vị trí việc làm của các đơn vị bảo đảm chất lượng và tiến độ, Ban Cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn đơn vị triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Quán triệt, chỉ đạo Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ trực tiếp tổ chức thực hiện, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của năm 2022 và 2023;

- Tăng cường phổ biến, nâng cao nhận thức của công chức, viên chức về ý nghĩa, vai trò của việc xác định vị trí việc làm thông qua các hội nghị, hội thảo, tập huấn;

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn xây dựng đề án vị trí việc làm cho cán bộ lãnh đạo và cán bộ trực tiếp phụ trách công tác xây dựng đề án vị trí việc làm của các đơn vị thuộc Bộ.

- Căn cứ các Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các bộ, ngành; Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn đơn vị xây dựng Đề án vị trí việc làm.

- Tổ chức đoàn công tác, làm việc với các đơn vị trực thuộc Bộ để nắm bắt tình hình triển khai xây dựng đề án vị trí việc, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu ngạch viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị; trao đổi, hướng dẫn giải quyết những khó khăn, vướng mắc của đơn vị trong việc xây dựng đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu ngạch viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

- Thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định đề án vị trí việc làm của Bộ và mời đại diện Bộ Nội vụ tham gia để thẩm định, có ý kiến kịp thời trong quá trình xây dựng, hoàn thiện đề án vị trí việc làm của các đơn vị trực thuộc bộ;

- Giao cho Vụ Tổ chức cán bộ hướng dẫn, theo dõi, thường xuyên đôn đốc các đơn vị và báo cáo Ban cán sự đảng thông qua trước khi được phê duyệt.

Đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành, phê duyệt danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của các đơn vị hành chính thuộc Bộ.

Đối với vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự đảm bảo kinh phí



chi thường xuyên rà soát, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, gửi về Bộ để xem xét, phê duyệt.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo toàn bộ kinh phí chi thường xuyên, Bộ đã có văn bản chỉ đạo thủ trưởng đơn vị tự phê duyệt đề án vị trí việc làm của đơn vị và báo cáo Bộ kết quả thực hiện.

## 2. Thuận lợi và những khó khăn, vướng mắc

### a) Thuận lợi

- Ban Cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ đã quan tâm, chỉ đạo sát sao và kịp thời.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường luôn nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời của Bộ Nội vụ.

- Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ đã nhận thức được ý nghĩa của việc xác định vị trí việc làm cũng như những khó khăn, thách thức của quá trình xây dựng vị trí việc làm, qua đó đã có sự đầu tư thời gian, nguồn lực để tổ chức thực hiện.

### b) Khó khăn, vướng mắc

Qua thực tế triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của tại các đơn vị trực thuộc; Bộ Tài nguyên và Môi trường đã gặp phải một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Một số vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung<sup>30</sup> không quy định các vị trí việc làm mang tính tổng hợp về một hoặc nhiều lĩnh vực; nên khi xác định vị trí việc làm dùng chung đối với các đơn vị có quy mô nhỏ, biên chế ít, cần bố trí vị trí kiêm nhiệm rất khó lựa chọn vị trí việc làm phù hợp để bảo đảm thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ<sup>31</sup>.

- Do chưa có quy định về tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức cao nhất (mức trần, mức sàn) đối với mỗi loại hình tổ chức và chưa có hướng dẫn về các tiêu chí, phương pháp tính cơ cấu ngạch công chức; nên trong quá trình xây dựng Đề án, các đơn vị còn lúng túng trong quá trình xác định tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức.

## 3. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ hoàn thiện, trình phê duyệt và phê duyệt theo thẩm quyền Bản mô tả công việc và khung năng lực của các vị trí việc làm công chức đã được phê duyệt để làm cơ sở cho việc cơ cấu lại đội ngũ công chức theo vị trí việc làm; bố trí, sử dụng và quản lý công chức theo vị trí việc làm.

- Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ trình phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền danh mục vị trí việc làm và cơ

<sup>30</sup> quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ

<sup>31</sup> Theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV, công tác kế hoạch - tài chính và công tác tổ chức cán bộ được tách ra thành các vị trí việc làm theo các mảng công việc như: kế hoạch, đầu tư; tài chính; tổ chức bộ máy; quản trị nguồn nhân lực; không có các vị trí chung cho các công tác trên. Do vậy, đối với các đơn vị có quy mô nhỏ, chi cần bố trí một công chức thực hiện các nhóm nhiệm vụ nêu trên (*hiều đơn vị còn kiêm thêm các vị trí việc làm khác như: cải cách hành chính; thi đua, khen thưởng...*); nhưng lại phải thể hiện dưới dạng vị trí việc làm kiêm nhiệm, tên vị trí không thể hiện đúng nội hàm nhiệm vụ.

cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đảm bảo hoàn thành theo đúng chỉ đạo của Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (trong Quý I năm 2024).

### **III. Bài học kinh nghiệm**

Qua quá trình triển khai xây dựng vị trí việc làm, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rút ra các bài học kinh nghiệm sau đây:

1. Xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức là nhiệm vụ khó, do vậy sự quan tâm, chỉ đạo và quyết tâm của lãnh đạo cơ quan, đơn vị là yếu tố quyết định.

2. Cần có sự tham gia của toàn bộ hệ thống và từng công chức, viên chức.

3. Cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, đầu tư thỏa đáng và hỗ trợ chuyên môn kịp thời.

### **IV. Kiến nghị, đề xuất**

1. Đề nghị rà soát lại danh mục vị trí việc làm tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập cho phù hợp với thực tế.

2. Đề nghị xem xét sửa đổi Thông tư 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Nội vụ hướng dẫn xác định cơ cấu ngạch công chức theo hướng bổ sung nội dung quy định về tỷ lệ ngạch cơ cấu cao nhất cho từng loại mô hình tổ chức và các tiêu chí để xác định cơ cấu ngạch cho một đơn vị.

3. Đề nghị Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát lại các Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức, viên chức theo ngành, lĩnh vực để có sửa đổi, bổ sung để bảo đảm tính thống nhất, bao quát, tránh bỏ sót vị trí việc làm, nhất là đối với các đơn vị sự nghiệp công lập các ngành, lĩnh vực.

Trên đây là báo cáo tham luận của Bộ Tài nguyên và Môi trường về một số nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh xây dựng vị trí việc làm của công chức, viên chức trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường./.

## **2. Bộ Nội vụ (Vụ Công chức - Viên chức)**

### **Tham luận về “Giải pháp thực hiện kiểm định chất lượng đầu vào công chức bảo đảm mục tiêu, yêu cầu trong giai đoạn mới”**

Thông nhất việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức là chủ trương của Đảng nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng công tác cán bộ. Nội dung này đã được thể chế hóa tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019. Thể chế hóa chủ trương của Đảng, thực hiện quy định của Luật, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức. Theo đó, việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức lần đầu tiên được thực hiện thống nhất trong phạm vi toàn quốc kể từ tháng 7 năm 2024.

### **I. Thực trạng công tác thi tuyển công chức và yêu cầu đổi mới trong xu thế hiện nay**

#### **1. Công tác thi tuyển công chức qua các giai đoạn**

Tuyển dụng công chức từng bước được đổi mới đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ trong từng giai đoạn.

Theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008, thi tuyển công chức được đổi mới theo 02 giai đoạn:

- *Từ năm 2010 đến năm 2018* thực hiện theo quy định của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP<sup>32</sup>: Gồm 04 bài thi tính theo thang điểm 100, trong đó có yếu tố cạnh tranh ở bài kiến thức chung và bài nghiệp vụ chuyên ngành; ngoại ngữ và tin học chỉ tính là điểm điều kiện;

- *Từ năm 2018 đến trước khi ban hành Nghị định số 06/2023/NĐ-CP*: Nghị định số 161/2018/NĐ-CP<sup>33</sup> quy định việc thi tuyển công chức được thực hiện theo 2 vòng (vòng 1 gồm môn kiến thức chung, môn ngoại ngữ, môn tin học; vòng 2 thi môn nghiệp vụ chuyên ngành bằng một trong hai hình thức phỏng vấn hoặc viết). Đã ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thi vòng 1; nội dung câu hỏi vòng 1 đã bước đầu được đổi mới theo hướng phù hợp hơn với thực tế, việc ra đề có sự tham gia của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả kiểm tra, đánh giá năng lực của thí sinh. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP<sup>34</sup> tiếp tục bổ sung quy định ở vòng 2, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định một trong ba hình thức thi: phỏng vấn; viết; kết hợp phỏng vấn và viết.

#### **2. Yêu cầu đổi mới công tác tuyển dụng công chức theo hướng thống nhất kiểm định chất lượng đầu vào công chức**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, công tác tuyển dụng công chức trong thời gian qua đã có nhiều

<sup>32</sup> Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

<sup>33</sup> Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>34</sup> Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

đổi mới và đạt được nhiều kết quả tích cực; chất lượng công chức được tuyển dụng ngày một nâng cao, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ công chức trong từng giai đoạn. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, tồn tại nhất định ảnh hưởng đến công tác tuyển dụng cũng như chất lượng nguồn tuyển dụng thời gian qua. Chất lượng đề thi giữa các bộ, ngành chưa thống nhất, đồng đều; chưa phản ánh, đánh giá đúng mặt bằng chất lượng nguồn tuyển dụng, do đó chất lượng công chức được tuyển dụng còn chưa đồng đều giữa các bộ, ngành, địa phương. Việc xây dựng ngân hàng câu hỏi tại nhiều nơi còn thiếu chủ động; phần mềm thi tuyển chưa có tiêu chuẩn thống nhất hoặc phần mềm chưa có bản quyền theo quy định. Các cơ quan, địa phương trực tiếp tổ chức thi vòng 1 theo phân cấp, trong khi nguồn tuyển dụng không lớn dẫn đến việc lãng phí nguồn lực, công sức, thời gian; cơ hội của thí sinh có năng lực trong nhiều trường hợp bị hạn chế.

Từ thực tế đó, tại Nghị quyết số 26-NQ/TW<sup>35</sup> đã xác định “thống nhất việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức để các địa phương, cơ quan, đơn vị lựa chọn, tuyển dụng theo yêu cầu, nhiệm vụ” là một trong những giải pháp giải đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ. Tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 quy định sửa đổi, bổ sung Điều 39 Luật Cán bộ, công chức quy định “Việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức được thực hiện theo lộ trình, bảo đảm công khai, minh bạch, thiết thực, hiệu quả”. Nghị quyết số 76/NQ-CP<sup>36</sup> đề ra nhiệm vụ: “Xây dựng, ban hành các quy định thực hiện thống nhất việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức, làm cơ sở cho các bộ, ngành, địa phương lựa chọn, tuyển dụng theo yêu cầu, nhiệm vụ; tăng cường phân cấp kiểm định theo lĩnh vực đặc thù và theo vùng, khu vực”.

Kiểm định chất lượng đầu vào công chức là hoạt động đánh giá, công nhận kiến thức nền tảng cần thiết đối với ứng viên trước khi tham gia tuyển dụng công chức tại cơ quan có thẩm quyền. Đây là một bước trong quy trình tuyển dụng, có ý nghĩa quan trọng trong đổi mới tuyển dụng công chức ở Việt Nam hiện nay. Việc thực hiện thống nhất kiểm định chất lượng đầu vào công chức sẽ bảo đảm mặt bằng chất lượng chung, tạo ra nguồn ứng viên thực sự có chất lượng để các cơ quan, đơn vị thực hiện các bước tiếp theo trong quy trình tuyển dụng; đồng thời khắc phục sự phân tán trong tuyển dụng, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho thí sinh và cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức; góp phần khoa học hóa, minh bạch hóa quy trình tuyển dụng công chức đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh cải cách công chức, công vụ hiện nay.

### ***3. Những nội dung cơ bản về kiểm định chất lượng đầu vào công chức của Nghị định số 06/2023/NĐ-CP***

Nghị định số 06/2023/NĐ-CP về kiểm định chất lượng đầu vào công chức là một bước đột phá trong công tác tuyển dụng công chức, là một trong những Nghị

<sup>35</sup> Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương lần thứ bảy, khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

<sup>36</sup> Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030

định được xây dựng hết sức công phu, thận trọng và nghiêm túc, qua quá trình nhiều bước (từ xây dựng Đề án, khảo sát đến việc lấy ý kiến rộng rãi của các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; các chuyên gia trong và ngoài nước). Đặc biệt, Dự án hỗ trợ cải cách thi tuyển công chức Việt Nam đang được Cơ quan nhân sự quốc gia Nhật Bản (NPA) hỗ trợ kỹ thuật tích cực, thông qua tài trợ trực tiếp của Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA).

Những nội dung cơ bản, nổi bật nhất về kiểm định chất lượng đầu vào công chức theo Nghị định số 06/2023/NĐ-CP bao gồm:

*Thứ nhất*, quy định kiểm định chất lượng đầu vào công chức là một trong những nội dung quản lý nhà nước về công chức; Bộ Nội vụ là cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm định. Việc thống nhất kiểm định chất lượng đầu vào công chức tập trung trên phạm vi toàn quốc sẽ bảo đảm mặt bằng chất lượng chung, rút ngắn trình tự, thủ tục cho các cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng và tiết kiệm chi phí cho ngân sách nhà nước. Kết quả kiểm định chất lượng đầu vào được sử dụng trong toàn quốc sẽ tạo nguồn tuyển dụng rộng rãi cho các Bộ, ngành, địa phương, tạo cơ hội cho ứng viên tham gia công khai và thuận lợi trong việc hướng nghiệp.

Kết quả kiểm định được công khai trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Nội vụ, Trang thông tin về kiểm định chất lượng đầu vào công chức. Không cấp chứng chỉ kiểm định cho từng thí sinh mà công khai kết quả kiểm định trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Nội vụ, Trang thông tin về kiểm định chất lượng đầu vào công chức. Kết quả kiểm định có giá trị trong 24 tháng (tương tự như thời hạn của một số chứng chỉ quốc gia, quốc tế) và được thống nhất sử dụng trong toàn quốc. Cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng căn cứ vào kết quả này để xác định nhu cầu, đối tượng tuyển dụng sát với vị trí việc làm.

*Thứ hai*, điểm nổi bật nhất của việc kiểm định là nâng cao chất lượng và đổi mới về nội dung câu hỏi, theo hướng tập trung đánh giá năng lực tư duy, năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tiễn của thí sinh, bổ sung kiến thức về xã hội, văn hóa, lịch sử. Các hiểu biết chung, cơ bản của thí sinh về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; quyền, nghĩa vụ của công chức; đạo đức công vụ được kế thừa từ những nội dung còn phù hợp trước đây và xây dựng nội dung mới đảm bảo phù hợp hơn với thực tiễn.

*Thứ ba*, tạo nguồn tuyển dụng lớn từ những ứng viên đạt kết quả kiểm định trong phạm vi cả nước thay vì giới hạn từ các thí sinh đạt kết quả thi vòng 1 trong mỗi kỳ tuyển dụng do bộ, ngành, địa phương tổ chức trước đây, từ đó cơ quan tuyển dụng công chức có điều kiện lựa chọn những ứng viên có năng lực cao, phù hợp tham gia kỳ thi tuyển (vòng 2 - thi môn nghiệp vụ chuyên ngành) để trở thành công chức phù hợp với vị trí việc làm và khung năng lực của vị trí cần tuyển. Mặt khác, nguồn dự tuyển công chức luôn có tính chủ động từ các thí sinh đạt kết quả kiểm định chất lượng đầu vào công chức thay vì phụ thuộc vào nguồn dự tuyển từ thông báo và kết quả thi vòng 1 do bộ, ngành, địa phương tổ chức trước đây.

*Thứ tư*, giảm chi phí trong tổ chức tuyển dụng công chức do các bộ, ngành, địa phương không phải chi kinh phí trả cho những cơ quan, tổ chức có điều kiện, năng lực xây dựng ngân hàng câu hỏi thi và tổ chức chấm thi cũng như thuê cơ sở vật chất để tổ chức thi vòng 1 như trước khi ban hành Nghị định.

Việc tổ chức kiểm định sẽ được *thực hiện định kỳ 2 lần/năm* và theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có nhu cầu tuyển dụng công chức, bảo đảm quyền lợi của ứng viên và sự chủ động của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức. Việc kiểm định đầu vào là công việc được tiến hành thường xuyên, nên không phát sinh tổ chức bộ máy và biên chế, địa điểm tổ chức kiểm định, thời gian kiểm định được công khai để thí sinh có đủ thời gian chuẩn bị các điều kiện cần thiết.

*Thứ năm*, rút ngắn thời gian tuyển dụng công chức. Thực tế tuyển dụng công chức ở nhiều địa phương cho thấy, từ khi được phân bổ chỉ tiêu biên chế công chức và đề án tuyển dụng công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc tổ chức thi vòng 1 đến tổ chức thi vòng 2 có kết quả phải chờ trong khoảng thời gian từ 4 đến 6 tháng. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm định vừa đảm bảo công khai, minh bạch; vừa giúp tiết kiệm thời gian và chi phí, bởi Nghị định cho các thí sinh có quyền lựa chọn đăng ký tham dự kiểm định ở bất cứ địa phương nào trong phạm vi cả nước, kết quả và giá trị kiểm định không bó hẹp trong phạm vi của một cơ quan, bộ, ngành, địa phương cụ thể.

*Thứ sáu*, bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng thông qua việc thông báo công khai về các kỳ kiểm định trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Nội vụ và Trang Thông tin về kiểm định chất lượng đầu vào công chức chậm nhất 30 ngày tính đến ngày tổ chức kiểm định; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức thực hiện kiểm định chất lượng đầu vào công chức. Từ đó, tạo khả năng thu hút được những người có tài năng vào nền công vụ, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ công chức của từng bộ, ngành, địa phương và của cả nước. Kết quả kiểm định có giá trị như thời hạn của một số chứng chỉ quốc gia, quốc tế và được thống nhất sử dụng trong toàn quốc.

Nghị định số 06/2023/NĐ-CP quy định rõ, từ ngày 01/8/2024, người tuyển dụng vào công chức chỉ được tuyển dụng khi đã đạt kết quả kiểm định. Tính đến hết ngày 31/7/2024, công chức vẫn được tuyển dụng thông qua việc tổ chức thi tuyển vòng 01 như Nghị định số 138/2020/NĐ-CP với môn thi kiến thức chung, ngoại ngữ và tin học. Tuy nhiên, song song với việc tổ chức thi vòng một, nếu công chức nào đã tham gia kiểm định chất lượng đầu vào với kết quả đạt thì sẽ được miễn thi vòng 01 theo quy định của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP. Như vậy, từ ngày 01/8/2024, tất cả người tuyển dụng vào công chức đều phải tham gia kiểm định chất lượng đầu vào và chỉ khi đạt tiêu chuẩn thì mới được tuyển dụng nếu đạt kết quả ở các vòng thi sau (nếu có).

## **II. Một số hoạt động triển khai thực hiện Nghị định số 06/2023/NĐ-CP**

Để tổ chức việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã chỉ đạo quyết liệt các đơn vị chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ sau:

**1. Xây dựng văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện:** Để triển khai thực hiện Nghị định số 06/2023/NĐ-CP, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 17/2023/TT-BNV<sup>37</sup>; Quyết định số 308/QĐ-BNV<sup>38</sup>.

**2. Thành lập Hội đồng xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án:** Hiện nay, Hội đồng xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án đã huy động gần 200 cán bộ, công chức, viên chức ở các Bộ, ngành, địa phương và một số đơn vị sự nghiệp công lập có kinh nghiệm trong việc đánh giá năng lực (Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội, Học viện Hành chính Quốc gia) tham gia xây dựng câu hỏi và đáp án kiểm định chất lượng đầu vào công chức. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chương trình; tổ chức bồi dưỡng kinh nghiệm, kỹ năng cho đội ngũ xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án để phục vụ kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

**3. Tổ chức kỳ thi thử nghiệm kỹ thuật:** Với sự hỗ trợ của JICA thông qua Dự án hỗ trợ cải cách kỹ thuật thi tuyển công chức Việt Nam, Vụ Công chức - Viên chức đã tổ chức kỳ thi thử nghiệm kỹ thuật tại cơ quan Bộ Nội vụ vào ngày 29/11/2023. Mục đích của kỳ thi thử nghiệm này nhằm đánh giá chất lượng câu hỏi và đáp án kiểm định chất lượng đầu vào công chức đã được xây dựng (sau lớp tập huấn và định hướng của Ban xây dựng đề); mức độ phù hợp của câu hỏi và đáp án đáp ứng yêu cầu kiểm định theo quy định của Nghị định số 06/2023/NĐ-CP (phạm vi đánh giá và mức độ cân bằng giữa năng lực tư duy, kiến thức và hiểu biết chung; tương quan giữa độ khó của câu hỏi và thời gian làm bài của thí sinh...), và mức độ đáp ứng của các điều kiện đảm bảo, hệ thống công nghệ thông tin phục vụ kiểm định. Từ đó, có cơ sở điều chỉnh cách thức, các tiêu chí xây dựng câu hỏi, đáp án, hiệu chỉnh hệ thống công nghệ thông tin và bổ sung kinh nghiệm thực tế triển khai tổ chức kiểm định.

**4. Tổ chức xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án phục vụ kiểm định chất lượng đầu vào công chức:** Bên cạnh những yêu cầu chung của chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng đầu vào công chức đặc biệt nhấn mạnh và ưu tiên những tiêu chí, tiêu chuẩn phù hợp với môi trường công vụ, đồng thời xuất phát từ những điểm mới về nội dung, số lượng câu hỏi và thời gian kiểm định so với thi trắc nghiệm vòng 1 hiện nay: Nội dung tập trung về đánh giá năng lực tư duy, năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tiễn... kiến thức về xã hội, văn hóa, lịch sử; số lượng câu hỏi cho mỗi bài thi cũng nhiều hơn (quy định hiện hành là 60 câu) và thời gian cho mỗi câu cũng kéo dài hơn (trung bình là 1,2 phút/câu).

Có thể nói, một trong những vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng và hiệu quả của kiểm định chất lượng đầu vào công chức là nội dung kiểm định. Tuy nhiên, để xây dựng được các câu hỏi đánh giá năng lực tư duy, năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tiễn phù hợp với các ứng viên tuyển vào công chức là vấn đề rất khó và phức tạp. Do đó, trong quá trình tổ chức triển khai xây dựng ngân hàng câu hỏi và tổ chức thi kiểm định, cần quan tâm đầu tư kinh phí và thu hút các chuyên gia,

<sup>37</sup> Thông tư số 17/2023/TT-BNV ngày 28/11/2023 về Quy chế và Nội quy tổ chức kiểm định chất lượng đầu vào công chức

<sup>38</sup> Quyết định số 308/QĐ-BNV về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai Nghị định số 06/2023/NĐ-CP quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

nhà quản lý tham gia xây dựng ngân hàng câu hỏi kiểm định, thường xuyên bổ sung, cập nhật những câu hỏi mới sau những kỳ kiểm định. Mặt khác cần có những bước thử nghiệm (tổ chức kiểm định thử đối với một số đối tượng tự nguyện phù hợp) trước khi áp dụng vào kiểm định chính thức.

### **III. Những nội dung cần tập trung triển khai trong thời gian tới**

Trên cơ sở những kết quả bước đầu triển khai thực hiện Nghị định số 06/2023/NĐ-CP, để kịp thời tổ chức kiểm định đầu vào công chức theo kế hoạch đã được phê duyệt, Vụ Công chức – Viên chức sẽ tiếp tục tham mưu Lãnh đạo Bộ Nội vụ lãnh đạo, chỉ đạo triển khai một số nội dung chủ yếu như sau:

#### ***1. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện ngân hàng câu hỏi và đáp án phục vụ kiểm định chất lượng đầu vào công chức***

- Phối hợp với các cơ quan của Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, các bộ, ngành và địa phương để xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án phục vụ kiểm định chất lượng đầu vào công chức để vừa đảm bảo liên thông, thống nhất về nội dung kiến thức; vừa phù hợp và đáp ứng yêu cầu tuyển dụng công chức của cả hệ thống chính trị.

- Tiếp tục phối hợp với và Cơ quan Nhân sự quốc gia Nhật Bản, thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản tổ chức các hoạt động đánh giá về các kỳ thi kiểm định chất lượng đầu vào công chức năm 2023 và năm 2024. Trong đó chú trọng đánh giá kỹ chất lượng của các câu hỏi tư duy đã được đưa vào các kỳ thi kiểm định để xác định các nội dung và phương án tiếp tục hỗ trợ của chuyên gia của Cơ quan nhân sự quốc gia Nhật Bản.

#### ***3. Một số nội dung cụ thể triển khai thực hiện trong năm 2024***

- Thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng đầu vào công chức năm 2024 (trong tháng 12/2023).

- Ban hành Kế hoạch tổ chức kiểm định chất lượng đầu vào công chức năm 2024 (trong tháng 12/2023).

- Ban hành Thông báo đăng ký kiểm định chất lượng đầu vào công chức (trong tháng 01/2024).

- Khảo sát, chuẩn bị phương án tổ chức kiểm định chất lượng đầu vào công chức (tháng 3/2024).

- Tổ chức các kỳ thi kiểm định chất lượng đầu vào công chức vào tháng 7 và tháng 11 năm 2024.

### **IV. Kết luận**

Nghị định số 06/2023/NĐ-CP về kiểm định chất lượng đầu vào công chức là một bước đột phá rất quan trọng trong công tác tuyển dụng công chức. Kết quả và giá trị kiểm định chất lượng đầu vào công chức không chỉ giúp cơ quan tuyển dụng đánh giá được mức độ đáp ứng của ứng viên so với các tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu, nhu cầu vị trí tuyển dụng mà còn giúp các ứng viên có thêm thông tin trong việc tự đánh giá, xác định phẩm chất, năng lực bản thân so với các tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu, nhu cầu vị trí tuyển dụng để từ đó có những điều chỉnh phù hợp, tiếp tục



hoàn thiện phẩm chất, năng lực cá nhân (nếu họ tiếp tục có nguyện vọng gia nhập nền công vụ. Đồng thời, các cơ sở giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng có thêm căn cứ đánh giá sản phẩm của mình (người học) từ đó điều chỉnh hoạt động đào tạo để đáp ứng nhu cầu của nền công vụ; nhà nước, xã hội có thêm thông tin về thực trạng chất lượng nguồn nhân lực để có những điều chỉnh về chính sách phát triển nhân lực phù hợp. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ, cải cách chế độ công vụ, công chức, xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, hiện đại, công khai, minh bạch, hiệu quả, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân./.

### 3. Bộ Nội vụ (Vụ Tổ chức - Biên chế)

#### Tham luận về “Xây dựng vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức theo vị trí việc làm”

*Việc xác định vị trí việc làm (VTVL) trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập là nhiệm vụ, giải pháp quan trọng, có ý nghĩa quyết định cho việc cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và từng bước thực hiện lộ trình cải cách chính sách tiền lương, tiến tới trả lương theo VTVL theo yêu cầu của Nghị quyết số 26-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khoá XII.*

#### 1. Yêu cầu đặt ra đối với việc xây dựng VTVL gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cải cách chính sách tiền lương

##### 1.1. Về quan điểm chỉ đạo

Việc xây dựng VTVL cán bộ, công chức, viên chức là nhiệm vụ, giải pháp quan trọng, có ý nghĩa quyết định cho việc: (1) Đổi mới việc phân loại, đánh giá, tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; (2) Từng bước cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; (3) Thực hiện cải cách chính sách tiền lương, tiến tới trả lương theo VTVL theo yêu cầu của Nghị quyết số 26, 27-NQ/TW.

##### 1.2. Một số yêu cầu chung

Để tổ chức triển khai đồng bộ, thống nhất, bảo đảm tính liên thông giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong cả hệ thống chính trị, việc xây dựng VTVL cần đáp ứng một số yêu cầu sau:

- **Một là**, việc xây dựng danh mục VTVL, bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL cần đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của Thường trực Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- **Hai là**, các VTVL cần được xây dựng với mức độ khái quát cao theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, lĩnh vực từ Trung ương đến địa phương, có tính đến mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động, phạm vi đối tượng phục vụ, quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ của công việc theo chức năng, nhiệm vụ tương ứng với từng ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức. Mỗi VTVL có **03 yếu tố** cấu thành sau: (1) **Tên VTVL**; (2) **Bản mô tả VTVL**; (3) **Khung năng lực VTVL**, trong đó:

+ Tên VTVL thể hiện “**ngạch công chức**” hoặc “**hạng chức danh nghề nghiệp**” và “**chức năng, nhiệm vụ chính theo ngành, lĩnh vực**” của VTVL với mức độ khái quát cao.

+ Bản mô tả thể hiện “**công việc**” của VTVL gắn với sản phẩm, kết quả đầu ra tương ứng với tính chất, mức độ phức tạp, tầm quan trọng theo yêu cầu của “**ngạch công chức**” hoặc “**hạng chức danh nghề nghiệp**” theo từng ngành, lĩnh vực.

+ Khung năng lực thể hiện các “**năng lực**” cơ bản, cần thiết theo yêu cầu “**công việc**” tương ứng với “**ngạch công chức**” hoặc “**hạng chức danh nghề nghiệp**” theo từng ngành, lĩnh vực.

- **Ba là**, trên cơ sở xác định danh mục VTVL của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, việc xác định cơ cấu công chức, cơ cấu viên chức theo VTVL cần đáp ứng yêu cầu sau: (1) Kế thừa và từng bước điều chỉnh để cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; (2) Phù hợp với hạng của đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sự nghiệp, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

- **Bốn là**, việc phê duyệt VTVL và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cần gắn với lộ trình thực hiện tinh giản biên chế công chức và giảm biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước, đặc biệt đối với đơn vị sự nghiệp công lập cần thực hiện đồng bộ với Đề án tự chủ để từng bước cơ cấu lại số lượng người làm việc theo hướng tăng số lượng người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tương ứng với mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 75/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội.

- **Năm là**, sử dụng danh mục VTVL để thiết kế hệ thống thang bảng lương theo VTVL, bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW.

## **2. Tình hình triển khai và kết quả đạt được**

### **2.1. Tình hình triển khai**

Việc triển khai xây dựng VTVL được thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và được phân chia theo các khối sau: (1) Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn VTVL khối các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; (2) Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành hướng dẫn VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương; (3) Ban Công tác đại biểu tham mưu Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo hướng dẫn VTVL trong các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

Đối với các nội dung cần hướng dẫn thuộc phạm vi quản lý của Chính phủ, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, ngay từ Quý I/2019, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành triển khai xây dựng VTVL cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã như sau:

#### **a) Đối với vị trí việc làm cán bộ, công chức**

Để tổ chức triển khai nhiệm vụ xây dựng VTVL cán bộ, công chức, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo và giao trách nhiệm cho các Bộ, ngành triển khai thực hiện; đồng thời, giao Bộ Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương để thống nhất với các Bộ, ngành về nguyên tắc xây dựng VTVL và danh mục VTVL cán bộ, công chức của từng ngành, lĩnh vực. Theo đó, Bộ Nội vụ đã tổng hợp, báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ để gửi Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị về kết quả xây dựng VTVL cán bộ, công chức.

*b) Đối với vị trí việc làm viên chức và cán bộ, công chức cấp xã*

Trên cơ sở kết quả xây dựng VTVL cán bộ, công chức, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành tiếp tục triển khai xây dựng VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã, gửi Bộ Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ thông qua để gửi Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp, trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 24/9/2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế và Văn bản số 1581-CV/BTCTW ngày 30/8/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về hoàn thiện hệ thống VTVL cán bộ, công chức, viên chức, trên cơ sở kết quả xây dựng VTVL cán bộ, công chức, viên chức, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Nội vụ phối hợp với các Bộ, ngành rà soát danh mục VTVL cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã, báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ, gửi Ban Tổ chức Trung ương về kết quả xây dựng VTVL cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã.

**2.2. Kết quả đạt được**

Quán triệt yêu cầu đổi mới xây dựng, quản lý VTVL theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW và Nghị quyết số 27-NQ/TW và ý kiến chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư, hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, căn cứ quy định của Chính phủ tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, thời gian qua, Bộ Nội vụ và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao. Kết quả cụ thể như sau:

**Một là**, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật quy định về VTVL từng bước được hoàn thiện. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về VTVL và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về VTVL và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã ban hành Thông tư hướng dẫn về VTVL theo phân công của Chính phủ, cụ thể: Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư hướng dẫn về VTVL công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp; Thông tư hướng dẫn xác định cơ cấu ngạch công chức. 20/20 Bộ, ngành đã ban hành Thông tư hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành. 15/15 Bộ, ngành đã ban hành Thông tư hướng dẫn về VTVL lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập.

**Hai là**, tổng hợp được danh mục VTVL cán bộ, công chức, viên chức (thuộc khối Chính phủ quản lý) và cán bộ, công chức cấp xã, trong đó: Cơ quan, tổ chức hành chính có 840 vị trí; cơ quan thuộc Chính phủ có 31 vị trí; Đơn vị sự nghiệp công lập có 559 vị trí; cán bộ, công chức cấp xã có 17 vị trí.

Cụ thể theo từng nhóm:

+ Nhóm lãnh đạo, quản lý: Cơ quan, tổ chức hành chính có 122 vị trí; Cơ quan thuộc Chính phủ có 31 vị trí; Đơn vị sự nghiệp công lập có 110 vị trí.

+ Nhóm nghiệp vụ chuyên ngành: Cơ quan, tổ chức hành chính có 656 vị trí; Đơn vị sự nghiệp công lập có 392 vị trí.

+ Nhóm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: Cơ quan, tổ chức hành chính có 40 vị trí; Đơn vị sự nghiệp công lập có 30 vị trí.

+ Nhóm hỗ trợ, phục vụ: Cơ quan, tổ chức hành chính có 22 vị trí; Đơn vị sự nghiệp công lập có 27 vị trí.

+ Cán bộ chuyên trách có 11 vị trí; Công chức cấp xã có 06 vị trí.

### **3. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới**

#### **3.1. Mục tiêu**

Tiếp tục tập trung rà soát, hoàn thiện thể chế về xây dựng và quản lý VTVL trong hệ thống chính trị theo quy định Đảng, Quốc hội và của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; gắn việc phê duyệt VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện tinh giản biên chế công chức và giảm biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước; đổi mới công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá công chức, viên chức theo VTVL gắn với kết quả sản phẩm đầu ra và thực hiện trả lương theo VTVL phù hợp với lộ trình cải cách chính sách tiền lương.

#### **3.2. Nhiệm vụ, giải pháp**

**Một là**, tiếp tục quán triệt các chủ trương, yêu cầu của việc xây dựng, quản lý VTVL theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, coi việc xây dựng và phê duyệt VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý là nhiệm vụ chính trị quan trọng cần hoàn thành để thực hiện việc trả lương theo VTVL đã được thông qua tại Nghị quyết Trung ương 8 khóa XIII và Nghị quyết của Quốc hội khóa XV về tiếp tục thực hiện một số nghị quyết của Quốc hội khóa 15 và từ đầu nhiệm kỳ đến hết kỳ họp thứ 4 về giám sát chuyên đề, chất vấn.

**Hai là**, cơ quan đầu mối các khối theo phân công có trách nhiệm tổng hợp kết quả xây dựng VTVL, gửi Ban Tổ chức Trung ương để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế về VTVL trong hệ thống chính trị.

**Ba là**, tiếp tục rà soát, điều chỉnh và sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy định hướng dẫn VTVL theo ngành, lĩnh vực; đồng thời, kịp thời, giải đáp, hướng dẫn để các Bộ, ngành, địa phương triển khai, bảo đảm tính thống nhất, liên thông, đồng bộ trong hệ thống chính trị.

**Bốn là**, khẩn trương hoàn thành việc xây dựng Đề án VTVL và phê duyệt VTVL gắn với cơ cấu công chức, cơ cấu viên chức theo VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trong Quý I/2024.

*Năm là*, trên cơ sở Đề án VTVL được phê duyệt, các cơ quan, tổ chức, đơn vị từng bước thực hiện cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo VTVL gắn với thực hiện tinh giản biên chế công chức và giảm biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước; thực hiện tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá công chức, viên chức theo VTVL gắn với kết quả sản phẩm đầu ra và thực hiện trả lương theo VTVL phù hợp với lộ trình cải cách chính sách tiền lương./.

#### **4. Bộ Nội vụ (Vụ Tiền lương)**

##### **Tham luận về “Giải pháp thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW từ ngày 01/7/2024”**

1. Chính sách tiền lương là một chính sách đặc biệt quan trọng của hệ thống chính sách kinh tế - xã hội; liên quan trực tiếp đến các cân đối lớn của nền kinh tế, thị trường lao động và đời sống người hưởng lương; chính sách tiền lương là nguồn lực, là động lực thúc đẩy sự phát triển của đất nước, góp phần xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Nước ta đã trải qua 4 lần cải cách chính sách tiền lương (năm 1960, năm 1985, năm 1993 và năm 2003), trong đó cải cách chính sách tiền lương năm 1993 đã thực hiện đường lối đổi mới theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đến năm 2003 tiếp tục điều chỉnh, cải cách. Nhờ đó, tiền lương trong khu vực công của cán bộ, công chức viên chức và lực lượng vũ trang đã từng bước được cải thiện, nhất là ở những vùng, lĩnh vực đặc biệt khó khăn, góp phần nâng cao đời sống của người lao động.

Bên cạnh kết quả đạt được, chính sách tiền lương hiện hành vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Chính sách tiền lương trong khu vực công còn phức tạp, thiết kế hệ thống bảng lương chưa phù hợp với vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo, còn mang tính bình quân, không bảo đảm được cuộc sống, chưa phát huy được nhân tài, chưa tạo được động lực để nâng cao chất lượng và hiệu quả làm việc của người lao động. Quy định mức lương cơ sở nhân với hệ số không thể hiện rõ giá trị thực của tiền lương. Có quá nhiều loại phụ cấp, nhiều khoản thu nhập ngoài lương do nhiều cơ quan, nhiều cấp quyết định bằng các văn bản quy định khác nhau làm phát sinh những bất hợp lý, không thể hiện rõ thứ bậc hành chính trong hoạt động công vụ. Chưa phát huy được quyền, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc đánh giá và trả lương, thưởng, gắn với năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả công tác của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

2. Để khắc phục những hạn chế nêu trên, Hội nghị Trung ương 7 khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp để thực hiện từ ngày 01/7/2021, trong đó đã nêu rõ quan điểm: tiền lương phải thực sự là nguồn thu nhập chính bảo đảm đời sống của người lao động và gia đình người hưởng lương; tạo động lực giải phóng sức sản xuất, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc của người lao động. Việc thực hiện cải cách tiền lương cũng góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp. Đồng thời, làm trong sạch và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, ổn định nguồn nhân lực trong khu vực công.

Nội dung cải cách chính sách tiền lương tại Nghị quyết số 27-NQ/TW gồm 06 nội dung sau:

(1) **Nội dung 1:** Xây dựng hệ thống bảng lương mới theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo để thay thế hệ thống bảng lương hiện hành, gồm 05 bảng lương: 01 bảng lương chức vụ, áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo (bầu cử và bổ nhiệm) trong hệ thống chính trị (bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập) từ Trung ương đến cấp xã; 01 bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ áp dụng đối với công chức, viên chức không giữ chức danh lãnh đạo; 03 bảng lương đối với lực lượng vũ trang, trong đó: 01 bảng lương sĩ quan quân đội, sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ công an (theo chức vụ, chức danh và cấp bậc quân hàm hoặc cấp hàm); 01 bảng lương quân nhân chuyên nghiệp, chuyên môn kỹ thuật công an và 01 bảng lương công nhân quốc phòng, công nhân công an.

(2) **Nội dung 2:** Sắp xếp lại các chế độ phụ cấp hiện hành bảo đảm cơ cấu tiền lương mới, gồm: Lương cơ bản chiếm khoảng 70% và các khoản phụ cấp chiếm khoảng 30% tổng quỹ lương.

(3) **Nội dung 3:** Bổ sung chế độ tiền thưởng bằng khoảng 10% tổng quỹ tiền lương của năm (không bao gồm phụ cấp).

(4) **Nội dung 4:** Hoàn thiện chế độ nâng bậc lương phù hợp với quy định của bảng lương mới.

(5) **Nội dung 5:** Nguồn kinh phí thực hiện chế độ tiền lương.

(6) **Nội dung 6:** Quản lý tiền lương và thu nhập. Trong đó xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện; áp dụng tiền lương tăng thêm; khoản quỹ lương.

Mục tiêu của Nghị quyết số 27-NQ/TW là từ năm 2021 áp dụng chế độ tiền lương mới thống nhất đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trong toàn bộ hệ thống chính trị. Tuy nhiên, do dịch bệnh COVID-19 và nhiều khó khăn của nền kinh tế nên Hội nghị Trung ương 13 khóa XII và Trung ương 4 khóa XIII cho lùi thời điểm cải cách chính sách tiền lương.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 107/NQ-CP, căn cứ tình hình kinh tế - xã hội của đất nước năm 2023 và dự báo những năm tiếp theo, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan trình Chính phủ, Ban Cán sự đảng Chính phủ trình Bộ Chính trị để trình Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII ban hành Kết luận số 64-KL/TW ngày 18/10/2023 và Chính phủ đã báo cáo Quốc hội ban hành Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, trong đó đã chỉ đạo: *Từ ngày 01/7/2024, thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương khu vực công theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.*

3. Để triển khai thực hiện 06 nội dung của chính sách tiền lương mới khu vực công từ ngày 01/7/2024 đảm bảo theo yêu cầu về quan điểm, mục tiêu, nội dung đề ra tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khoá XII, Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018 của Chính phủ, Kết luận số 64-KL/TW ngày 18/10/2023 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII và Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội cần tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm, cụ thể như sau:



**Thứ nhất, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền,** nâng cao nhận thức về quan điểm, mục tiêu, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung của cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang; nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, phương pháp, cách làm, tạo sự đồng thuận cao ở các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người hưởng lương và toàn xã hội trong việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chính sách tiền lương.

Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành, địa phương chủ động làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền nhằm tạo đồng thuận xã hội, các ngành, các cấp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị về thực hiện việc cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW khóa XII, Kết luận số 64-KL/TW và Nghị quyết số 104/2023/QH15.

**Thứ hai, xây dựng và hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm** “là giải pháp căn bản mang tính tiên đề để thực hiện cải cách chính sách tiền lương”

- Ban Tổ chức Trung ương: Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua danh mục vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến cấp xã.

Phối hợp với Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương xây dựng Đề án danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý, chỉ huy trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị tiếp tục hoàn thiện danh mục vị trí việc làm theo các Nghị quyết của Đảng và quy định của Chính phủ đã được ban hành.

**Thứ ba, các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị** tiếp tục thực hiện việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu quả, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với cải cách tiền lương theo yêu cầu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW (đây là giải pháp rất quan trọng để cải cách chính sách tiền lương đồng bộ); ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành Danh mục chức danh, chức vụ tương đương thuộc phạm vi quản lý để làm căn cứ thực hiện chính sách tiền lương mới.

**Thứ tư, quyết liệt thực hiện các giải pháp tài chính, ngân sách,** coi đây là nhiệm vụ đột phá để tạo nguồn lực cho cải cách chính sách tiền lương. Nguồn kinh phí để thực hiện chế độ tiền lương từ 5 nguồn, gồm:

(1) Từ nguồn tăng thu và nguồn dư của địa phương đã bố trí cho cải cách tiền lương các năm trước chuyển sang (Hàng năm, dành khoảng 50% tăng thu dự toán và 70% tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương, khoảng 40% tăng thu ngân sách Trung ương cho cải cách chính sách tiền lương);

(2) Từ nguồn ngân sách Trung ương (Ngân sách Trung ương bổ sung nguồn kinh phí thực hiện chế độ tiền lương cho các Bộ, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong trường hợp đã thực hiện đúng các quy định nêu trên mà vẫn còn thiếu);

(3) Từ một phần nguồn thu sự nghiệp: Đơn vị sự nghiệp công lập đã tự chủ tài chính phải tự bảo đảm nguồn để thực hiện cải cách chính sách tiền lương; đối với đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên, tiếp tục sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ (riêng ngành Y tế sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ các chi phí đã kết cấu vào giá dịch vụ), tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để bảo đảm nguồn thực hiện cải cách chính sách tiền lương,...

(4) Từ 10% tiết kiệm tăng thêm chi thường xuyên (Thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên tăng thêm hằng năm cho đến khi thực hiện khoán quỹ tiền lương trên cơ sở biên chế được cấp có thẩm quyền giao).

(5) Từ nguồn do thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Xây dựng các quy định về cơ chế quản lý tiền lương và thu nhập khu vực công; Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa dịch vụ công nhằm giảm ngân sách nhà nước chi cho nguồn nhân lực đơn vị sự nghiệp công lập.

*Thứ năm, xây dựng và ban hành chế độ tiền lương mới*, Báo cáo Bộ Chính trị xem xét, thông qua chủ trương, nguyên tắc chính sách tiền lương mới của toàn hệ thống chính trị để làm cơ sở các cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản về chế độ tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang từ Trung ương đến cấp xã thực hiện từ ngày 01/7/2024:

- Ban Bí thư ban hành Quyết định về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội;

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các chuyên ngành Tòa án, Kiểm sát và Kiểm toán;

- Chính phủ ban hành Nghị định về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang./.

## **5. Bộ Nội vụ (Vụ Tổ chức phi chính phủ)**

### **Tham luận về “Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện”**

Trải qua các thời kỳ cách mạng và trong công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng công tác tập hợp, đoàn kết quần chúng, phát huy sức mạnh của các hội, quỹ xã hội quỹ từ thiện, tạo điều kiện để các tổ chức này hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, theo quy định của pháp luật. Hiện nay, các hội, quỹ xã hội đã phát triển về số lượng, đa dạng các loại hình tổ chức và hoạt động trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Đến tháng 12/2022, tổng số hội trong cả nước là 71.669 hội, trong đó có 587 hội có phạm vi hoạt động trên toàn quốc và tổng số quỹ trong cả nước là 3.082, trong đó có 94 quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trên toàn quốc.

Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật về hội, quỹ nhằm tạo cơ sở pháp lý, bảo đảm tổ chức, hoạt động của hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, đáp ứng nhu cầu hợp pháp của công dân, tổ chức trong việc thành lập hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, trong đó ban hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Chính phủ; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 về sửa đổi, một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù; Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo hội chuyên trách tại các hội; Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

1. Thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, đến nay hoạt động của hội cơ bản tuân thủ điều lệ, bảo đảm tôn chỉ, mục đích, từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn và hiệu quả, đã phát huy vai trò của tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên; đã vận động đông đảo hội viên chấp hành tốt chủ trương của Đảng, quy định pháp luật và làm tốt vai trò là cầu nối giữa các tầng lớp nhân dân với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ đã phát huy tốt vai trò, có nhiều đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội; tập hợp được đông đảo hội viên tham gia vào các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện Nghị định số 93/2019/NĐ-CP, đến nay các quỹ đã vận động quyền góp, tài trợ và tiếp nhận tài sản do các cá nhân, tổ chức tài trợ, hiến, tặng theo quy định của pháp luật để triển khai hoạt động hỗ trợ, tài trợ phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, nông thôn, hỗ trợ khắc phục sự cố do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn và đối tượng khác thuộc diện khó khăn, yếu thế cần sự trợ giúp của xã hội theo quy định của pháp luật và điều lệ quỹ.

Tuy nhiên, một số ít hội, quỹ hoạt động chưa thường xuyên, liên tục, hiệu quả chưa cao, chưa phát huy được tính tự chủ; chưa làm tốt vai trò tập hợp, đoàn kết hội viên; chưa thực sự đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các hội viên; chưa

gắn hoạt động của hội với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Còn có hội, quỹ trong quá trình tổ chức, hoạt động chưa tuân thủ chế độ thông tin báo cáo định kỳ.

2. Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đã tạo cơ sở pháp lý, điều kiện để các cơ quan quản lý nhà nước hướng dẫn hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện hoạt động đúng theo quy định pháp luật và Điều lệ. Công tác quản lý nhà nước đối với hội, quỹ đảm bảo chặt chẽ, hội được thành lập và hoạt động đúng quy định của pháp luật. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Nội vụ thực hiện tốt nhiệm vụ giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hội, quỹ, trong đó đã tập trung chỉ đạo công tác tham mưu xây dựng thể chế, chính sách; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan để tuyên truyền, quán triệt các hội, quỹ hoạt động tuân thủ pháp luật và Điều lệ; thẩm định chặt chẽ việc thành lập, phê duyệt hoặc công nhận Điều lệ theo đúng quy định pháp luật; phối hợp thực hiện nhiều biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn âm mưu lợi dụng thành lập, tổ chức, hoạt động của các hội quỹ để có hoạt động chống phá Đảng và Nhà nước; ngăn chặn và phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố thông qua việc tài trợ cho hội, quỹ. Qua đó đã tạo điều kiện cho hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện hoạt động và phát triển có đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, trong quá trình thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến nay đã phát sinh bất cập vướng mắc, chưa bao quát, điều chỉnh hết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn tổ chức, hoạt động của hội, quỹ cũng như công tác quản lý nhà nước đặt ra trong tình hình hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.

3. Trước yêu cầu đổi mới của đất nước và quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, Đảng và Nhà nước chủ trương tạo mọi điều kiện cho hội, quỹ phát triển để đoàn kết, tập hợp nhân dân, khơi dậy mọi nguồn lực, mọi sức mạnh để xây dựng đất nước và phát triển xã hội; đồng thời nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, công dân Việt Nam thực hiện quyền lập hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, thể hiện đầy đủ quyền công dân, quyền và trách nhiệm của tổ chức; có chính sách hỗ trợ hội quần chúng khi thực hiện nhiệm vụ được giao; minh bạch và đơn giản hoá một số thủ tục hành chính về hội, quỹ, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và tham mưu, trình Chính phủ xem xét, ban hành cơ chế, chính sách hoàn thiện hệ thống pháp luật về hội, quỹ trong thời gian tới như sau:

*a) Hoàn thiện pháp luật về hội*

Thể chế hóa các chủ trương của Đảng về hội quần chúng, trong đó Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương và tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện quyền lập hội theo quy định của Hiến pháp năm 2013; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hội trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân và quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và có Tờ

trình số 7177/TTr-BNV ngày 06/12/2023 trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, trong đó kế thừa các quy định phù hợp trong các văn bản quy phạm pháp luật về hội và bổ sung các quy định bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn như sau:

- Bổ sung các quy định theo hướng Nhà nước ban hành cơ chế chính sách để hội tham gia các hoạt động cung cấp dịch vụ, tư vấn; tham gia phản biện và giám định xã hội; thực hiện chương trình, dự án, đề tài, đề án và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí theo quy định của pháp luật gắn với nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; quy định về cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ để cơ quan tài chính có căn cứ hỗ trợ kinh phí theo nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao phù hợp với quy định của pháp luật; quy định chính sách riêng của Nhà nước đối với hội và người làm việc tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

- Bổ sung các quy định về điều kiện thành lập hội, ban vận động thành lập hội, hội viên, điều chỉnh lại thời gian xem xét cho phép thành lập hội, bổ sung trường hợp điều lệ hội thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời bổ sung trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập hội có văn bản thông báo tính hợp pháp khi hội đã tổ chức đại hội thành công, đúng quy định, nhằm cung cấp thông tin; quy định chức trách, nhiệm vụ của ban chấp hành, ban thường vụ; tiêu chuẩn, điều kiện; quy định thẩm quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và trách nhiệm của chủ tịch, phó chủ tịch hội đối với tất cả các hội; về các khoản thu, chi, quản lý, sử dụng tài sản, tài chính, thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê của hội nhằm đáp ứng nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, tự đảm bảo kinh phí và để đảm bảo tính chặt chẽ trong công tác quản lý tài sản, tài chính của hội theo quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán, thống kê; về kỷ luật và giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ hội.

- Tập trung phân cấp và bổ sung nội dung sau: (1) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều lệ hội có đảng đoàn phạm vi hoạt động toàn quốc; (2) Bộ trưởng Bộ Nội vụ giải quyết các thủ tục về hội, phê duyệt điều lệ đối với hội có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh; (3) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết các thủ tục về hội, phê duyệt điều lệ đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh và (4) Chủ tịch UBND cấp huyện giải quyết các thủ tục về hội, phê duyệt điều lệ đối với hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã. Đồng thời loại trừ một số trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác trong việc phê duyệt điều lệ hội như quy định tại Luật Luật sư, Luật Công chứng; đồng thời bổ sung nội dung sử dụng chung điều lệ đối với tất cả các hội có cùng lĩnh vực hoạt động chính.

- Bổ sung quyền, nghĩa vụ của hội như được cấp chứng chỉ năng lực khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành; hội phải đăng ký mã số thuế và kê khai thuế theo quy định của pháp luật (pháp luật về thuế đã quy định); bổ sung nội dung không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu gây tranh cãi, nhầm lẫn với danh hiệu của Nhà nước; việc thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê; việc quy định này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong việc quản lý nhà nước về hội.

- Bổ sung quy định hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương và địa phương; quy định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm, nghĩa vụ của hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

- Hoàn thiện quy định pháp luật về đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ có thời hạn và giải thể hội, trong đó tập trung bổ sung hoàn thiện các quy định về chế tài xử lý, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm pháp luật về tổ chức, hoạt động của hội.

- Bổ sung rõ trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, trong đó có trách nhiệm của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

*b) Hoàn thiện quy định pháp luật về quỹ xã hội, quỹ từ thiện*

Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, hoàn thiện Báo cáo số 7270/BC-BNV ngày 11/12/2023 trình Thủ tướng Chính phủ về việc sơ kết thi hành Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 11/12/2023, trong đó có đề xuất sửa đổi Nghị định số 93/2019/NĐ-CP theo hướng như sau:

- Chỉnh sửa một số quy định vướng mắc, phát sinh bất cập trong việc thực hiện Nghị định số 93/2019/ NĐ-CP, gồm: tôn chỉ, mục đích tổ chức, hoạt động của quỹ; tên gọi, trụ sở của quỹ; quyền và nghĩa vụ của quỹ; thủ tục hành chính của quỹ, tài sản, tài chính của quỹ.

- Bổ sung quy định về việc phân cấp thẩm quyền thủ tục hành chính từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Chủ tịch UBND cấp huyện trong huyện, xã trừ trường hợp quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chuyển các quy định từ Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 vào dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 93/2019/NĐ-CP./.

## **6. Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương)**

### **Tham luận về “Nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới”**

Công tác thi đua, khen thưởng có vị trí, vai trò hết sức quan trọng, luôn được Đảng, Nhà nước ta đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và Nhân dân, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước. Trong khoảng 20 năm trở lại đây, Bộ Chính trị đã ban hành 03 chỉ thị và 01 Kết luận (Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 03/6/1998, Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 21/5/2004, Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014, Kết luận số 120-KL/TW 13/01/2013), Ban Bí thư có 02 Chỉ thị và 01 Kết luận (Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 22/12/2007, Chỉ thị số 22-CT/TW ngày 22/01/2018, Kết luận số 83-KL/TW 30/8/2010) và nhiều thông báo, văn bản chỉ đạo về thi đua, khen thưởng; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều Chỉ thị về công tác thi đua, khen thưởng. Tại Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ X, Tổng Bí thư phát biểu khẳng định: Công tác thi đua, khen thưởng có vai trò, vị trí hết sức quan trọng, là phương thức lãnh đạo của Đảng, công cụ quản lý Nhà nước, là động lực phát triển kinh tế, xã hội.

Thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trong phạm vi cả nước và là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, trong năm 2023, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, tập thể công chức, viên chức, người lao động Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã đoàn kết, nhất trí, nỗ lực phấn đấu, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng, đạt được những kết quả tích cực:

**1.** Công tác nghiên cứu, tham mưu xây dựng, hoàn thiện các quy định của pháp luật được tập trung triển khai thực hiện, tạo cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng. Trên cơ sở các nội dung của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, Ban đã chủ trì tham mưu xây dựng 02 nghị định (Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” và việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến); nghiên cứu, xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ 02 dự thảo thông tư quy định các biện pháp thi hành Luật. Phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham mưu, trình Chính phủ 08 Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật; đồng thời đôn đốc các bộ, ban, ngành, địa phương ban hành Thông tư, Quy chế, Quy định để kịp thời triển khai các quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

**2.** Tiếp tục tham mưu triển khai hiệu quả các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương phát động: Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; phong trào “Vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau”; phong trào “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở”; phong trào “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thi đua thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”; phong trào “Cả nước

thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời”... được triển khai đến các cấp, các ngành, các địa phương, với nhiều biện pháp, giải pháp cụ thể, phù hợp, mang lại hiệu quả thiết thực, đã thật sự trở thành nòng cốt trong các phong trào thi đua của cả nước, có tác động tích cực trên các mặt, các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bên cạnh đó, Ban đã tích cực phối hợp, hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ban, ngành, địa phương tổ chức phát động các phong trào thi đua ở các cấp, các ngành, các vùng, miền, địa phương, bám sát nhiệm vụ chính trị, tập trung giải quyết những khâu khó, việc khó, những nhiệm vụ trọng tâm, có tính đột phá, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh của đất nước và mỗi bộ, ban, ngành, địa phương.

**3.** Thực hiện tốt công tác tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; đẩy mạnh việc phát hiện, tuyên truyền, biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến, thực hiện đồng bộ ở 4 khâu (phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến). Tích cực triển khai Đề án “Tuyên truyền gương điển hình tiên tiến giai đoạn 2022 - 2025” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Trong năm 2023, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã tham mưu xây dựng Đề án và tổ chức thành công các hoạt động thiết thực kỷ niệm 75 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948 - 11/6/2023). Đặc biệt, đã tham mưu tổ chức thành công Hội nghị biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến toàn quốc, có nhiều đổi mới, sáng tạo về nội dung và hình thức, với sự tham dự của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và 700 đại biểu điển hình tiên tiến được lựa chọn tại các bộ, ban, ngành, địa phương, trở thành ngày hội biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến, được dư luận xã hội quan tâm theo dõi và đánh giá cao. Tại hội nghị đại diện các tập thể và cá nhân tiêu biểu xuất sắc nhất đã được biểu dương, giao lưu trực tiếp và giới thiệu qua video clip; Thủ tướng Chính phủ phát biểu chỉ đạo và trao tặng Bằng khen cho 75 cá nhân tiêu biểu xuất sắc, tạo sự động viên, khích lệ, không khí phấn khởi trong cả nước.

**4.** Tham mưu thực hiện công tác khen thưởng kịp thời phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành, địa phương, đặc biệt là khen thưởng đột xuất, các trường hợp dũng cảm cứu người, cứu tài sản hoặc hi sinh trong khi làm nhiệm vụ... Chất lượng khen thưởng ngày càng được nâng lên, thực hiện đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch. Từ đầu năm đến nay, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã tiếp nhận 2.178 tờ trình đề nghị khen thưởng; thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ 1.846 tờ trình khen thưởng; thực hiện 1.085 quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước cho 96.043 trường hợp và 755 quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ cho 6.891 trường hợp. Việc chuẩn bị, cấp phát hiện vật khen thưởng kịp thời, đúng quy định.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác thi đua, khen thưởng năm 2023 còn có một số tồn tại, hạn chế: Phong trào thi đua ở một số địa phương còn dàn trải, chưa đồng đều, thiếu trọng tâm, trọng điểm; công tác kiểm tra, đôn đốc và sơ kết, tổng kết chưa thường xuyên, kịp thời. Trong công tác khen thưởng, cá biệt vẫn có tập thể, cá nhân thành tích chưa thật sự tiêu biểu, xuất sắc; khen thưởng người trực tiếp



lao động, sản xuất, công tác, khen thưởng thông qua phát hiện các điển hình chưa tạo được sự chuyển biến sâu rộng từ cơ sở. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác phần mềm quản lý để giải quyết công việc, cải cách hành chính trong công tác thi đua, khen thưởng còn hạn chế.

Trong năm 2024, để tiếp tục nâng cao chất lượng hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tiếp tục đoàn kết, phấn đấu, tập trung hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, tập trung thực các nhiệm vụ trọng tâm sau:

*Một là*, tiếp tục quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước, Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 7/4/2014 của Bộ Chính trị (khoá XI) về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng; Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và Kế hoạch 05 năm (2021-2025) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Tham mưu tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW, trên cơ sở đó đề xuất Bộ Chính trị xem xét, ban hành chỉ thị mới để định hướng, chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới. Thực hiện tốt chức năng cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương; cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; tham mưu hoàn thiện thể chế, pháp luật, tạo cơ sở pháp lý, góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

*Hai là*, tham mưu triển khai thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và các Nghị định quy định chi tiết thi hành, đặc biệt là những quy định mới, có tính đột phá, tạo sự chuyển biến tích cực trong đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng trong thời gian tới, như: (1) Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, đơn vị, cơ sở trong tổ chức triển khai phong trào thi đua, để việc phát động, triển khai các phong trào thi đua phải thực sự thiết thực, hướng về cơ sở, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, gắn với lợi ích của người trực tiếp tham gia thi đua, hạn chế tính hình thức trong thi đua. (2) Thực hiện các quy định mới về khen thưởng bảo đảm phù hợp với vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền khen thưởng trong hệ thống chính trị; bao quát hết các đối tượng khen thưởng, bảo đảm hài hòa, cân đối trong khen thưởng giữa khu vực công và khu vực tư; quan tâm khen thưởng người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác, chiến đấu, địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo; đề cao tính kịp thời trong khen thưởng. (3) Thực hiện phân cấp, phân quyền trong thực hiện các quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng. (4) Cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng.

*Ba là*, tiếp tục tham mưu triển khai các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động, đặc biệt là phong trào “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thi đua thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”; tham mưu tổ chức phát động phong trào thi đua mới về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương phát động, tổ chức triển khai các phong trào thi đua với nội dung và hình thức phong

phù, đa dạng, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, hướng phong trào thi đua vào việc giải quyết những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước cũng như của các bộ, ngành, địa phương.

*Bốn là*, chủ động tham mưu, phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong đổi mới phương pháp tổ chức các phong trào thi đua. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc phát hiện, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ; mở rộng nêu gương, học tập trong cơ quan, đơn vị, địa phương, cơ sở. Thực hiện đồng bộ tốt cả 4 khâu: Phát hiện - bồi dưỡng - tổng kết - nhân điển hình tiên tiến.

*Năm là*, thực hiện công tác khen thưởng kịp thời, đúng quy định, công khai, minh bạch. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin từ việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, thông báo kết quả khen thưởng bảo đảm đồng bộ, liên thông giữa các cơ quan, tổ chức liên quan. Tập trung giải quyết hồ sơ khen thưởng thành tích kháng chiến và tham mưu triển khai việc tặng thưởng “Huy chương Thanh viên xung phong về vàng” theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng. Tham mưu khen thưởng kịp thời tập thể nhỏ, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trực tiếp... thực hiện nâng cao chất lượng công tác khen thưởng, phát huy tính tuyên truyền, giáo dục, nêu gương.

Phát huy truyền thống thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên cơ sở kết quả công tác thi đua, khen thưởng đã đạt được trong năm 2023 và trong thời gian qua; năm 2024, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương sẽ tiếp tục đoàn kết phấn đấu, khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt hơn nữa các nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước./.

## **7. Bộ Nội vụ (Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước)**

### **Tham luận “Cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập ngành lưu trữ”**

Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có nội dung đổi mới cơ chế tài chính đã được Đảng và Nhà nước đặt ra từ rất sớm nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động; từng bước thực hiện xã hội hóa các dịch vụ công, tạo được dịch vụ tốt nhất, có hiệu quả nhất và thu hút rộng rãi các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ công. Thời gian qua, để tạo hành lang pháp lý cho việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân lực và tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhằm hướng dẫn thực hiện. Cụ thể: cơ chế tự chủ về hoạt động và tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được quy định lần đầu tiên tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ, tiếp theo là Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 và hiện nay là Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021.

Lưu trữ là một lĩnh vực đặc thù, thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. Hiện nay, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước có 07 đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng trực tiếp quản lý tài liệu lưu trữ thuộc Phòng Lưu trữ nhà nước Việt Nam, thực hiện hoạt động lưu trữ theo thẩm quyền được giao và thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp) cũng chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên về cơ chế tự chủ tài chính, cụ thể; từ năm 2008-2022 thực hiện tự chủ về tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP và từ năm 2023 thực hiện tự chủ về tài chính theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP. Trong đó, 06/07 đơn vị sự nghiệp công lập là đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, 01/07 đơn vị sự nghiệp công lập là đơn vị do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên. Đơn vị có mức tự bảo đảm một phần chi thường xuyên cao nhất là 43% và thấp nhất là 10,6%.

Trải qua 15 năm thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính, các đơn vị sự nghiệp thuộc Cục đã đạt được nhiều thành quả góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, nhưng bên cạnh đó cũng gặp không ít thách thức cần tiếp tục tháo gỡ để phát huy hơn nữa năng lực và động lực phát triển của các đơn vị sự nghiệp.

## **I. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC CỤC**

### **1. Kết quả đạt được**

#### ***a) Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ để thực hiện cơ chế tự chủ tài chính***

- Quyết định số 765/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sử dụng ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực nội vụ, trong đó lĩnh vực lưu trữ bao gồm:

+ Dịch vụ sự nghiệp công cơ bản: Dịch vụ thu thập tài liệu lưu trữ Phòng lưu trữ Nhà nước Việt Nam của Lưu trữ lịch sử; Dịch vụ bảo quản tài liệu lưu trữ Phòng lưu trữ Nhà nước Việt Nam của Lưu trữ lịch sử; Dịch vụ sử dụng tài liệu lưu trữ Phòng lưu trữ Nhà nước Việt Nam của Lưu trữ lịch sử phục vụ nhiệm vụ chính trị.

+ Dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu: Dịch vụ sử dụng tài liệu lưu trữ Phòng lưu trữ Nhà nước Việt Nam của Lưu trữ lịch sử phục vụ nhu cầu xã hội.

- Thông tư 08/2023/TT-BNV ngày 31/5/2023 của Bộ Nội vụ quy định tiêu chí, tiêu chuẩn làm cơ sở để đánh giá chất lượng và nghiệm thu sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực lưu trữ.

- Quyết định số 564/QĐ-BNV ngày 08/08/2020 Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài chính; sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất; mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên; quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ Nội vụ.

- Xây dựng hệ thống các quy định về định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi các nghiệp vụ ngành lưu trữ làm căn cứ giao kế hoạch công tác và đánh giá mức độ hoàn thành đối với từng viên chức và tổ chức, gồm 07 định mức kinh tế - kỹ thuật, cụ thể như sau:

+ Thông tư số 03/2010/TT-BNV ngày 29/4/2010 của Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật chính lý tài liệu giấy, nay được thay thế bởi Thông tư 16/2023/TT-BNV ngày 16/11/2023;

+ Thông tư số 15/2011/TT-BNV ngày 11/11/2011 quy định định mức kinh tế - kỹ thuật vệ sinh kho bảo quản tài liệu và vệ sinh tài liệu lưu trữ nền giấy;

+ Thông tư số 08/2012/TT-BNV ngày 26/11/2012 của Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật lập danh mục tài liệu hạn chế sử dụng của một phòng lưu trữ và Phục vụ độc giả tại Phòng đọc;

+ Thông tư số 10/2012/TT-BNV ngày 14/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật xử lý tài liệu hết giá trị;

+ Thông tư số 04/2014/TT-BNV ngày 23/6/2014 của Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ;

+ Thông tư số 05/2014/TT-BNV ngày 23/6/2014 của Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật giải mật tài liệu lưu trữ;

+ Thông tư số 12/2014/TT-BNV ngày 28/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật bồi nền tài liệu giấy bằng phương pháp thủ công;

+ Thông tư 08/2023/TT-BNV quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực lưu trữ.

Các quy định pháp lý trên đã tạo cơ sở quan trọng trong xây dựng dự toán, trình các cấp có thẩm quyền giao ngân sách nhà nước, đồng thời là căn cứ để đánh giá, nghiệm thu khối lượng công việc và bình xét thi đua, xác định mức thu nhập tăng thêm dựa trên kết quả công việc hàng năm của người lao động.

***b) Tăng nguồn thu, tạo thêm việc làm và thu nhập từ hoạt động kinh doanh dịch vụ***

Thực hiện chủ trương tăng tính tự chủ, tích cực tham gia hoạt động cung ứng dịch vụ công phù hợp chức năng, nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức có nhu cầu, các đơn vị sự nghiệp công lĩnh vực lưu trữ đã không ngừng nỗ lực cạnh tranh trên thị trường để tìm kiếm nguồn thu và thu được kết quả rất tốt. Hoạt động kinh doanh dịch vụ chính của các đơn vị sự nghiệp gồm dịch vụ chỉnh lý, khử trùng, bồi nèn, số hóa, nghiên cứu khai thác sử dụng tài liệu, ứng dụng tin học và hướng dẫn, tư vấn về các nghiệp vụ lưu trữ... Bên cạnh đó, để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất các đơn vị còn triển khai hoạt động bảo quản tài liệu, cho thuê khuôn viên, hội trường... trong thời gian nhàn rỗi theo Đề án sử dụng tài sản công đã được Bộ Nội vụ phê duyệt. Vì vậy, từ việc không có nguồn thu trong những năm đầu thực hiện cơ chế tự chủ, đến nay bình quân một năm tổng số thu hoạt động dịch vụ đã đạt 110 tỷ/năm, lớn hơn 25% so với nguồn thu từ ngân sách (bao gồm chi thường xuyên và không thường xuyên) và lớn hơn 300% so với nguồn thu từ ngân sách giao thường xuyên. Thu nhập từ việc tham gia hoạt động dịch vụ cũng là thu nhập tăng thêm chính, góp phần cải thiện đời sống của người lao động tại các đơn vị sự nghiệp lưu trữ.

***c) Tăng hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, đóng góp vào nguồn thu cho ngân sách nhà nước***

Thông qua cơ chế tự chủ về tài chính, các đơn vị sự nghiệp đã thực hiện sắp xếp lại nhân sự phù hợp với yêu cầu công việc, thực hiện tiết kiệm chi hành chính, từ đó tạo được nguồn kinh phí để chi các khoản phúc lợi tập thể, khen thưởng, thu nhập tăng thêm nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, viên chức và người lao động. Trung bình trong 03 năm vừa qua, hàng năm tiết kiệm khoảng 9,2% số ngân sách giao thường xuyên, thu nhập tăng thêm bình quân đầu người/tháng cao nhất từ ngân sách là 2 triệu đồng và thấp nhất là 0,1 triệu đồng.

Chỉ tiêu	Năm		
	2020 (triệu đồng)	2021 (triệu đồng)	2022 (triệu đồng)
Số giao ngân sách thường xuyên	32.532	37.078	36.150
Số kinh phí tiết kiệm từ ngân sách	3.792	3.868	2.107
Tỷ lệ tiết kiệm/ngân sách giao (%)	11,6%	10,4%	5,8%
Thu nhập tăng thêm bình quân đầu người/tháng cao nhất từ ngân sách	2	2	1,8
Thu nhập tăng thêm bình quân đầu người/tháng thấp nhất từ ngân sách	0,2	0,2	0,1

***d) Tạo nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và và nguồn quỹ cải cách tiền lương***

Lợi nhuận được để lại từ hoạt động kinh doanh dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp đã được trích vào các quỹ như: quỹ cải cách tiền lương, quỹ phát triển hoạt

động sự nghiệp, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ dự phòng ổn định thu nhập. Trong đó, trích lập lớn nhất là quỹ cải cách tiền lương dùng để chi lương tăng thêm khi Nhà nước thực hiện chính sách tiền lương mới và quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để thực hiện mua sắm, sửa chữa tài sản và các khoản chi hợp lệ khác phục vụ cho các hoạt động của đơn vị, góp phần giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước và kịp thời khắc phục những hư hỏng đột xuất mà ngân sách không có kế hoạch bố trí.

STT	Tên quỹ	Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)	Lũy kế số đư nguồn cải cách tiền lương cuối năm 2022
1	Nguồn cải cách tiền lương	4.517	4.083	3.797	21.125
2	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	3.136	2.493	3.285	

Theo số liệu thống kê, trung bình các đơn vị sự nghiệp thuộc Cục trích lập nguồn cải cách tiền lương được 4 tỷ/năm, tồn quỹ tích lũy đến cuối năm 2022 đạt 21,1 tỷ đồng. Với số kinh phí này, khi nhà nước thực hiện chính sách tiền lương mới sẽ không phải cấp thêm ngân sách cho đơn vị để thực hiện trong 2-3 năm tới (với mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng).

#### ***d) Tăng năng lực quản lý và chất lượng nguồn nhân lực***

Thông qua việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tổ chức quy trình nghiệp vụ theo hướng tinh gọn hơn, tham gia cạnh tranh trực tiếp trên thị trường đã góp phần nâng cao kiến thức, trình độ tay nghề, nghiệp vụ cho viên chức và trình độ quản lý cho viên chức lãnh đạo do được tiếp xúc với nhiều loại hình tài liệu, nhiều nghiệp vụ, lĩnh vực mới.

## **2. Tồn tại và nguyên nhân**

Bên cạnh những kết quả thu được, việc thực hiện hiện cơ chế tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP trước đây và Nghị định 60/2021/NĐ-CP hiện nay của các đơn vị sự nghiệp công lập lưu trữ đang gặp khó khăn và bộc lộ nhiều hạn chế, làm giảm tính sáng tạo và tính tự chủ trong hoạt động của đơn vị, cụ thể:

a) Ngân sách chi thường xuyên nhà nước giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập lưu trữ được giao theo số ổn định của giai đoạn tự chủ và liên tục giảm cơ học qua các năm (khoảng 2 - 3%/năm), do đó kinh phí tiết kiệm và thu nhập tăng thêm từ nguồn ngân sách cũng ngày càng khó khăn. Do đó, không khuyến khích người lao động tăng năng suất, tăng hiệu quả công việc. Với cơ chế như hiện tại, người lao động chỉ làm hết khối lượng công việc bình quân được giao tương ứng với mức lương ngạch bậc được hưởng mà không quan tâm đến việc cải tiến phương thức, nâng cao tay nghề làm việc để gia tăng khối lượng sản phẩm và từ đó có thêm thu nhập.

Nguyên nhân: Mặc dù Bộ Nội vụ đã ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực lưu trữ; hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật; tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực lưu trữ nhưng chưa hoàn thiện được hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật (đặc biệt là định mức trong công tác phát huy giá trị tài liệu), chưa ban hành giá dịch vụ công cơ bản, thiết yếu sử dụng ngân sách làm căn cứ giao, phân bổ ngân sách nhà nước theo hình thức đặt hàng, gắn với khối lượng, kết quả sản phẩm đầu ra.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập ngành lưu trữ được thực hiện cơ chế tự chủ, được phân cấp về quản lý tài chính, tài sản công nhưng không được phân cấp, tự chủ về nhân sự. Điều này cũng làm giảm đáng kể hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp.

c) Các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh dịch vụ ngày càng khó mở rộng do vướng về cơ chế huy động người lao động trong đơn vị tham gia.

Đặc điểm các hoạt động kinh doanh dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập lưu trữ là không thực hiện tại trụ sở đơn vị mà phải thực hiện tại địa điểm của khách hàng. Để có thể tham gia hoạt động dịch vụ này, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập lưu trữ phải bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị hưởng lương được giao và vẫn bị kiểm soát theo thời gian hành chính làm việc tại trụ sở. Điều này đã hạn chế việc cử lao động của đơn vị sự nghiệp tham gia hoạt động kinh doanh dịch vụ, thay vào đó các đơn vị phải tổ chức thuê lao động bên ngoài để bảo đảm hoàn thành hợp đồng.

d) Nguồn thu từ việc sử dụng tài sản công vào hoạt động kinh doanh, cho thuê hạn chế và khó thực hiện do quy định về nộp tiền thuê đất quá cao (nhất là đối với đơn vị có vị trí nằm ở khu vực giá đất cao) dẫn tới chi phí giá thành cao, trong khi hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp lưu trữ doanh thu thường thấp.

đ) Việc sử dụng nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP chưa được quy định rõ ràng đối với nội dung chi cho việc “phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp” và “chi khác”, do đó các đơn vị khó thực hiện, đặc biệt là những nội dung đặc thù của ngành như sưu tầm, thu thập bổ sung tài liệu lưu trữ (khảo sát, thăm hỏi chủ sở hữu, mua tài liệu); triển lãm, biên soạn, xuất bản ấn phẩm công bố tài liệu lưu trữ. Vì vậy, ngân sách vẫn phải chi cho các nội dung nêu trên.

### 3. Kiến nghị, đề xuất

Từ những tồn tại, hạn chế nêu trên, để phát huy hơn nữa năng lực tự chủ và nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Nghị định 60/2121/NĐ-CP, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước đề xuất Bộ Nội vụ thực hiện các giải pháp sau:

**Thứ nhất**, xây dựng giá dịch vụ công cơ bản, thiết yếu sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực làm căn cứ giao ngân sách theo cơ chế đặt hàng gắn với khối lượng, kết quả sản phẩm đầu ra.

**Thứ hai**, thực hiện phân cấp trong công tác quản lý và sử dụng viên chức song song với thực hiện tự chủ về tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, như là tiếp nhận, thăng hạng, tuyển dụng viên chức.

**Thứ ba**, xây dựng quy chế hoạt động dịch vụ bảo đảm huy động tối đa viên chức tham gia, quản lý việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức theo khối lượng sản phẩm sản đầu ra. Hoạt động kinh doanh dịch vụ phải được coi là một trong những hoạt động chính của đơn vị sự nghiệp lưu trữ và nghĩa vụ tham gia của người lao động là bắt buộc, thời gian hành chính được sử dụng cho cả hoạt động theo nhiệm vụ chính trị và hoạt động kinh doanh dịch vụ. Đồng thời, quy định rõ các nội dung chi từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp lưu trữ để hỗ trợ thêm cho ngân sách.

**Thứ tư**, kiến nghị Bộ Tài chính cần đơn giản phương pháp tính tiền thuê đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập có sử dụng tài sản vào hoạt động kinh doanh cho thuê, theo hướng quy định tỷ lệ khoán cố định tính trên doanh thu hoạt động này./.



## 8. UBND thành phố Hà Nội

### Tham luận về “Phương án giải quyết những vấn đề cơ bản sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã (liên quan đến cán bộ dôi dư, trụ sở, tài sản công) trên địa bàn thành phố Hà Nội”

Thành phố Hà Nội luôn nhận thức, công tác sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước với mục tiêu là “nhằm tổ chức hợp lý đơn vị hành chính các cấp phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước; bảo đảm hoàn thiện thể chế về đơn vị hành chính, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội”.

Trong giai đoạn 2023-2025, qua rà soát và đối chiếu với các tiêu chí, tại 30 đơn vị hành chính cấp huyện, 579 đơn vị hành chính cấp xã: thành phố Hà Nội có 173 đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện phải sắp xếp. Thành phố đã xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trình Bộ Nội vụ thống nhất thông qua. Theo Phương án tổng thể của Thành phố, sau khi thực hiện việc sắp xếp, Thành phố có 30 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm 17 huyện, 12 quận, 01 thị xã) và dự kiến có 509 đơn vị hành chính cấp xã (321 xã, 168 phường, 20 thị trấn), dự kiến giảm 70 đơn vị hành chính cấp xã (54 xã, 15 phường, 01 thị trấn). Sau khi sắp xếp Thành phố sẽ phải thực hiện bố trí lại số lượng cán bộ, công chức dôi dư, trụ sở, tài sản công tương đối lớn.

Tại Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 và các Công điện của Thủ tướng Chính phủ (Công điện số 557/CD-TTg ngày 18/6/2023; Công điện số 616/CD-TTg ngày 04/7/2023), đã có rất nhiều điểm mới, một số vướng mắc, khó khăn khi thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021 đã được quan tâm tháo gỡ, quy định rất cụ thể, đầy đủ như: Việc giải quyết chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động dôi dư; phương án xử lý trụ sở, tài sản công... tạo sự đồng bộ, thống nhất và thuận lợi rất lớn cho các địa phương trong triển khai thực hiện.

Để giải quyết hiệu quả các vấn đề cơ bản sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong quá trình sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2023-2025, Thành phố đề ra một số phương án giải quyết những vấn đề cơ bản nêu trên như sau:

*Một là*, tập trung thực hiện tốt việc sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; chế độ, chính sách đặc thù đối với đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và các nội dung khác có liên quan về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

(1) Hiện tại, Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội đã định hướng xây dựng các phương án luân chuyển, điều động sắp xếp phù hợp, UBND Thành phố đã chỉ đạo

các đơn vị xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính, song song với việc xây dựng Đề án phải rà soát, dự kiến phương án bố trí, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm, xác định rõ số lượng cán bộ, công chức, viên chức dôi dư gắn với việc thực hiện tinh giản biên chế; việc sắp xếp số lượng lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, tổ chức mới và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư phải có lộ trình phù hợp với đặc thù của từng địa phương và thời hạn quy định.

(2) Tại kỳ họp tháng 12 vừa qua, Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành:

- Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư nghỉ công tác do sắp xếp thôn, tổ dân phố khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025, trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Nghị quyết về chức danh, cơ cấu, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, tổ dân phố; mức phụ cấp hàng tháng, mức hỗ trợ kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

*Hai là*, UBND Thành phố tiếp tục triển khai thực hiện để đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã:

Căn cứ các quy định của pháp luật, trong thời gian qua UBND Thành phố ban hành 04 văn bản chỉ đạo, yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã tiếp tục rà soát tổng thể các cơ sở nhà, đất được giao quản lý, sử dụng (*trong đó bao gồm các cơ sở nhà, đất xử lý sau khi sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, xã*), đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định, để tổng hợp, trình UBND Thành phố xem xét, phê duyệt theo đúng quy định và thẩm quyền.

Kết quả qua rà soát: có 182 cơ sở nhà, đất thuộc danh mục phải sắp xếp lại, xử lý nhà, đất. UBND các quận, huyện, thị xã đã lập danh mục và dự kiến phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa bàn đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2030, cụ thể như sau: dự kiến giữ lại tiếp tục sử dụng: 155; điều chuyển: 05; chuyển giao về địa phương xử lý: 22 cơ sở nhà, đất thuộc danh mục phải sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.

Để công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 và giải quyết những vấn đề cơ bản sau sắp xếp đạt kết quả cao, thành phố Hà Nội tập trung một số nội dung triển khai cụ thể sau:

1. Làm tốt công tác quán triệt, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng đến đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân tạo sự đồng thuận, ủng hộ, thống nhất cao;

2. Tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, xây dựng Đề án sắp xếp, làm tốt công tác tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phương án xử lý tài sản công; nguồn lực đầu tư kết nối hạ tầng giao thông; tiêu chí đô thị...đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu; giải quyết chế độ, chính sách dôi dư tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

3. Tập trung chỉ đạo sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 – 2025 theo đúng quy định./.

## 9. UBND tỉnh Gia Lai

**Tham luận về “Nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh xây dựng vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập ở tỉnh Gia Lai”**

### 1. Về nhiệm vụ xây dựng vị trí việc làm và kết quả thực hiện

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo chỉ đạo của Thường trực Ban bí thư và các quy định của Chính phủ, xác định đây là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, có ý nghĩa trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức nhằm góp phần cải cách chế độ công vụ, công chức, phục vụ cho lộ trình cải cách tiền lương theo tinh thần Nghị quyết 27-NQ/TW năm 2018 của Ban chấp hành Trung ương, tỉnh Gia Lai đã tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện. Tổng quan quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng vị trí việc làm trên địa bàn tỉnh thời gian qua, cụ thể như sau:

- Giai đoạn 2013-2020: Thực hiện các quy định của Chính phủ và thông tư của Bộ Nội vụ về vị trí việc làm<sup>39</sup>, tỉnh Gia Lai đã triển khai tổ chức xây dựng Đề án vị trí việc làm trong toàn tỉnh theo đúng các quy trình, thủ tục quy định. Kết quả, hoàn thành 100% nội dung công việc theo yêu cầu. Kết quả phê duyệt vị trí việc làm được sử dụng làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Giai đoạn từ 2020 đến nay:

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, nhằm đáp ứng yêu cầu mới trong công tác xây dựng vị trí việc làm so với trước đây như: yêu cầu về sự đồng bộ, liên thông theo hướng dẫn thống nhất của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; vị trí việc làm được phân thành 4 nhóm so với 03 nhóm trước đây; việc phân cấp quyết định phê duyệt vị trí việc làm được đẩy mạnh, nhất là đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo các mức độ tự chủ của đơn vị... Theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh, 100% các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã nghiêm túc triển khai thực hiện việc xây dựng vị trí việc làm theo các quy định mới. Tuy nhiên do chưa có sự thống nhất hướng dẫn của các Bộ, ngành, đề án của các cơ quan đơn vị chủ yếu thực hiện việc phân nhóm lại theo yêu cầu mới, danh mục vị trí việc làm cơ bản vẫn xây dựng như trước đây, do đó, giai đoạn này, tỉnh Gia Lai chỉ thực hiện việc phê duyệt đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện việc tổ chức lại và phê duyệt Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ theo thẩm quyền để làm cơ sở cho việc tuyển dụng, hợp đồng lao động đáp ứng nhu cầu công việc của đơn vị.

Từ cuối năm 2022, sau khi Bộ Nội vụ ban hành Thông tư hướng dẫn số 12/2022/TT-BNV, Thông tư số 13/2022/TT-BNV, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực

<sup>39</sup> Nghị định số 41/2012/NĐ-CP, ngày 08-5-2012 quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 36/2013/NĐ-CP, ngày 22-4-2013 quy định về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức. Bộ Nội vụ xây dựng và ban hành: Thông tư số 14/2012/TT-BNV, ngày 18-12-2013 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP và Thông tư số 05/2013/TT-BNV, ngày 25-6-2013 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP

ban hành các Thông tư hướng dẫn: tỉnh tiếp tục đẩy mạnh triển khai, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện<sup>40</sup>. UBND tỉnh đã kịp thời có văn bản chỉ đạo, yêu cầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh khẩn trương xây dựng, hoàn thiện, trình UBND tỉnh phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền đã được phân cấp theo đúng thời hạn 31/12/2023 (chỉ đạo của Bộ Nội vụ tại văn bản số 6139/BNV-TCBC ngày 20/10/2023), trong đó giao Sở Nội vụ thường xuyên đôn đốc, tổng hợp kết quả, báo cáo UBND tỉnh xem xét trách nhiệm của các cơ quan đơn vị trong việc triển khai hoàn thành xây dựng vị trí việc làm. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tập trung đẩy mạnh tiến độ, tăng cường công tác chỉ đạo, tích cực, chủ động thực hiện theo trách nhiệm và sự phân công<sup>41</sup>.

Quá trình triển khai xây dựng vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị của tỉnh có những thuận lợi và khó khăn, hạn chế như sau:

*\* Về thuận lợi:*

- Việc xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm để thực hiện lộ trình trả lương là quan điểm thống nhất được cả hệ thống chính trị quan tâm tập trung thực hiện, đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của Thường trực Ban Bí thư, sự hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương. Nhận thức đây là nhiệm vụ quan trọng, cần ưu tiên tập trung hoàn thành trong giai đoạn hiện nay, UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, địa phương quan tâm chỉ đạo và chung tay thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ.

- Việc xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm tuy là nhiệm vụ khó, khá phức tạp, còn nhiều vấn đề vướng mắc nhưng cũng đã có quá trình triển khai thực hiện từ năm 2012; giai đoạn hiện nay có những kết quả và kinh nghiệm nhất định, vừa bảo đảm tính kế thừa, vừa điều chỉnh kịp thời, đáp ứng theo những yêu cầu mới.

- Khác với giai đoạn trước đây, việc xây dựng vị trí việc làm có tính thống nhất, liên thông, đồng bộ trong cả hệ thống chính trị, vị trí việc làm được các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn thống nhất về tên gọi, gắn với ngạch công chức hoặc hạng chức danh nghề nghiệp, được phân định theo tính chất, mức độ phức tạp, đặc điểm, quy mô, phạm vi, đối tượng phục vụ, thuận lợi cho các cơ quan, địa phương khi xác định danh mục vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị mình.

*\* Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân như sau:*

- Đến thời điểm này, việc phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan đơn vị chưa đạt tiến độ để kịp thời hoàn thành trong năm 2023<sup>42</sup>. Áp lực về thời gian và một số nguyên nhân khách quan, chủ quan khác như việc các Bộ ngành chậm ban hành Thông tư hướng dẫn, các sở ngành có phạm vi, đối tượng quản lý rộng, có nhiều cơ

<sup>40</sup> Sở Nội vụ có chủ động thực hiện đầu mối tham mưu, tổng hợp, có 05 văn bản triển khai, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện và thực hiện công tác thẩm định; các cơ quan, đơn vị triển khai việc xây dựng trình hồ sơ đề án vị trí việc làm.

<sup>41</sup> Sở Nội vụ giữ vai trò đầu mối theo dõi, tổng hợp, tiếp tục có các văn bản đôn đốc, hướng dẫn; thường xuyên tổng hợp tiến độ, kết quả Đề án của các cơ quan; phối hợp với các cơ quan hoàn thiện hồ sơ đề thẩm định, trình UBND tỉnh.

<sup>42</sup> Cụ thể, UBND tỉnh chỉ mới phê duyệt đề án của 01 cơ quan đơn vị và đang thẩm định, trình phê duyệt đối với Đề án vị trí việc làm của các Sở, ban ngành

quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc và UBND cấp huyện không thể kịp thời triển khai việc xây dựng và hoàn thiện Đề án; sự thiếu quyết liệt chỉ đạo của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, sự thiếu chủ động nghiên cứu của công chức và các bộ phận chuyên môn nên chất lượng đề án của một số cơ quan, đơn vị chưa bảo đảm theo yêu cầu.

- Quá trình xây dựng vị trí việc làm bộc lộ nhiều hạn chế, vướng mắc như: (1) Việc thống kê, phân loại công việc và xác định vị trí việc làm (bao gồm ngạch công chức hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng) để phù hợp chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn công việc ở một số cơ quan, đơn vị còn khó đảm bảo chính xác và khoa học, (2) Việc xác định một số vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị còn lúng túng (ví dụ như vị trí việc làm chuyên môn dùng chung và vị trí việc làm của các tổ chức giúp việc của HĐND tỉnh, huyện, vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị đặc thù thuộc phạm vi điều chỉnh của nhiều ngành, lĩnh vực) dẫn đến xác định nhiều vị trí việc làm chưa phù hợp với thực tế công việc, vị trí việc làm chuyên môn không đồng bộ (cụ thể vị trí việc làm có kiêm nhiệm được lựa chọn xác định, với nhiều tên gọi khác nhau); (3) Việc xác định tỉ lệ cơ cấu công chức chưa thật sự bảo đảm các căn cứ, hợp lý và không đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị; (4) Khó khăn lớn nhất, trong quá trình xây dựng vị trí việc làm từ trước đến nay là việc giải quyết mối quan hệ giữa vị trí việc làm và việc xác định biên chế công chức, số lượng người làm việc tương ứng nhằm đáp ứng nhiệm vụ theo yêu cầu công việc, nhất là trong điều kiện tinh giản biên chế hiện nay.

Nguyên nhân của những hạn chế nói trên là:

(1) Hiện không có quy định, hướng dẫn cụ thể để thống kê, định lượng chính xác khối lượng, tỉ lệ, thời gian hoàn thành gắn với sản phẩm của từng vị trí việc làm, việc thống kê phụ thuộc vào chủ quan của người thực hiện nên khó khách quan, chính xác; trên thực tế một số công việc rất khó xác định thời gian hoàn thành vì liên quan đến nhiều yếu tố như tính phức tạp, ổn định, sự phối hợp giữa các cá nhân, tổ chức có liên quan và kỹ năng, năng suất làm việc của người thực hiện...

(2) Thông tư hướng dẫn của các bộ ngành chưa thể bao quát được hết đặc thù của địa phương, đồng thời chưa có sự đồng bộ, thống nhất (có Bộ ngành hướng dẫn cụ thể, ban hành đầy đủ các phụ lục mô tả công việc, khung năng lực, có Bộ ngành thì chỉ hướng dẫn chung chung, quy định về nhiệm vụ, mục tiêu chính của công việc, không kèm bản mô tả cụ thể công việc và khung năng lực)...

(3) Không có quy chuẩn, hướng dẫn về tỉ lệ cơ cấu ngạch trong các cơ quan đơn vị (như căn cứ xác định tỉ lệ, tỉ lệ tối đa nên khó khăn trong việc thẩm định); nhiều cơ quan, đơn vị ngại đụng chạm đến lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức nên xác định vị trí việc làm, cơ cấu biên chế, người làm việc của các bộ phận và tỉ lệ cơ cấu ngạch chủ yếu dựa trên số hiện có.

(4) Theo Quyết định 72-QĐ/TW của Bộ Chính trị đến năm 2026 tiếp tục giảm 5% biên chế công chức, 10% biên chế viên chức; trên thực tế, một số các cơ quan, đơn vị có số lượng biên chế chưa đáp ứng yêu cầu công việc của vị trí việc làm nhưng đồng thời vẫn phải thực hiện đủ tỉ lệ tinh giản theo yêu cầu của cấp trên nên

việc xác định biên chế tại các đề án không thực tế, tỉ lệ cơ cấu ngạch xác định tại thời điểm xây dựng vị trí việc làm dễ bị phá vỡ.

## **2. Giải pháp đẩy mạnh xây dựng vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập**

Xác định nhiệm vụ xây dựng vị trí việc làm là một nội dung quan trọng, có ý nghĩa trong công tác quản lý, sử dụng công chức, viên chức, ở mỗi giai đoạn, tỉnh Gia Lai đều đã bám sát yêu cầu, chỉ đạo của cấp trên và quy định pháp luật liên quan để triển khai, lựa chọn những giải pháp phù hợp để thực hiện có hiệu quả.

- Giai đoạn 2012-2020, khi nhiệm vụ xây dựng vị trí việc làm còn mới mẻ, chưa có hướng dẫn thống nhất, đồng bộ của cấp trên, các cơ quan, đơn vị rất khó khăn trong việc xác định tên gọi vị trí việc làm phù hợp. Các cơ quan chuyên môn ở tỉnh đã nêu cao trách nhiệm phối hợp, chủ động trong cách thức thực hiện, Sở Nội vụ nghiên cứu, xây dựng Đề án mẫu; hình thành khung tên gọi vị trí việc làm ở những cơ quan, tổ chức, bộ phận tương đồng về chức năng, nhiệm vụ; triển khai tập huấn tập trung để hướng dẫn đồng bộ, thống nhất cho các cơ quan, đơn vị; tổ chức thẩm định với từng cơ quan đơn vị để cùng trao đổi, thống nhất, hoàn thiện vị trí việc làm trước khi tổng hợp, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Giai đoạn hiện nay, khi đã có sự hướng dẫn đồng bộ, thống nhất của Bộ ngành Trung ương, và Chính phủ đã phân cấp mạnh cho địa phương, các cơ quan, đơn vị chủ động trách nhiệm thực hiện theo thẩm quyền được quy định; UBND tỉnh giao Sở Nội vụ giữ vai trò là đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện. Để thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị và bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, Sở Nội vụ xây dựng Đề án mẫu, thường xuyên có văn bản triển khai, hướng dẫn, đôn đốc bám sát tiến độ ban hành Thông tư hướng dẫn của bộ ngành; hướng dẫn cụ thể về trình tự, thời gian và phương pháp thực hiện, trách nhiệm của từng tổ chức, cơ quan trong từng bước theo trình tự quy định; yêu cầu cụ thể về hồ sơ và nội dung Đề án vị trí việc làm, đồng thời kịp thời hướng dẫn những nội dung còn vướng mắc, những yêu cầu mới của cấp trên để các cơ quan đơn vị triển khai. Đồng thời, để bảo đảm việc áp dụng vị trí việc làm sau khi được phê duyệt đã cụ thể hoá một số nội dung nhằm đáp ứng yêu cầu công việc như việc hướng dẫn lựa chọn, xác định ngành nghề đào tạo cụ thể phù hợp vị trí việc làm để phục vụ cho công tác tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức; hướng dẫn xác định tỉ lệ cơ cấu ngạch trên căn cứ cụ thể và đề xuất tỉ lệ phù hợp để các cơ quan đề xuất đảm bảo tính tương quan, hợp lý giữa các cơ quan, phù hợp với tính chất, mức độ phức tạp, khối lượng công việc. Trong quá trình thẩm định đề án của các cơ quan, đơn vị, Sở Nội vụ có văn bản trao đổi, thẩm định, hướng dẫn cụ thể đối với từng cơ quan, thường xuyên tổng hợp những nội dung cần lưu ý để hướng dẫn chung đối với các đơn vị còn lại, đồng thời tổng hợp, báo cáo, tham mưu, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện khi cần thiết.

Xác định việc xây dựng vị trí việc làm là một nội dung quan trọng trong quá trình cải cách chế độ công vụ, công chức nhằm chuyển đổi nền công vụ chức nghiệp sang nền công vụ việc làm và thực hiện lộ trình trả lương theo vị trí việc làm, với quyết tâm cao trên tinh thần vừa làm, vừa học hỏi, vừa bổ sung, vừa điều chỉnh, bảo

đảm tính linh hoạt, vượt khó như chỉ đạo của đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang - Trưởng ban chỉ đạo xây dựng và quản lý việc làm và Bộ Nội vụ, tỉnh Gia Lai sẽ hoàn thành phê duyệt vị trí việc làm của tất cả các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trong toàn tỉnh trong quý I năm 2024 theo đúng tiến độ và đạt chất lượng theo yêu cầu của Chính phủ. Giai đoạn tiếp theo, hướng đến việc sử dụng kết quả phê duyệt vị trí việc làm để thực hiện việc cơ cấu lại biên chế, số lượng người làm việc của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp phù hợp chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, đồng thời thực hiện việc tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng; sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức góp phần thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức viên chức để đáp ứng yêu cầu mới trong giai đoạn hiện nay./.



## 10. UBND tỉnh Vĩnh Phúc

### Tham luận “Các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc”

Trong những năm gần đây, kết quả tăng trưởng GDP của tỉnh Vĩnh Phúc nằm trong top các tỉnh có chất lượng tăng trưởng ổn định và cao của cả nước, tốc độ tăng trưởng này được duy trì trong nhiều năm, thậm chí suốt cả trong thời điểm đại dịch COVID-19 bùng phát mạnh nhất. Tỉnh Vĩnh Phúc đã tăng cường triển khai, rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn, tồn tại, vướng mắc trong công tác quản lý Nhà nước trên tất cả các ngành, lĩnh vực, khơi thông các nguồn lực cho phát triển KT-XH. Tỉnh đã đẩy mạnh cải cách hành chính thực sự đi vào chiều sâu khi chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) xếp thứ 5, chỉ số cải cách hành chính (Par-Index) xếp thứ 5, chuyên đổi số xếp thứ 12 toàn quốc. Thu hút đầu tư đạt kế hoạch đề ra ở mức cao, sau 2 năm đạt 1,6 tỷ USD, gần đạt mục tiêu của cả nhiệm kỳ (từ 2,0 đến 2,5 tỷ USD).

Những thành tựu đó không thể không kể đến sự đóng góp quan trọng của đội ngũ CBCCVC của tỉnh. Cán bộ là gốc của mọi công việc, là khâu “then chốt” trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Vì vậy, các cấp uỷ Đảng và chính quyền tỉnh Vĩnh Phúc đặc biệt quan tâm, chú trọng việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC các cấp trên địa bàn tỉnh để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, trở thành một tỉnh trọng điểm kinh tế, trọng điểm về công nghiệp. Tuy nhiên, tỉnh vẫn xác định sự phát triển của đội ngũ CBCCVC chưa theo kịp tốc độ phát triển kinh tế - xã hội. Đội ngũ cán bộ của tỉnh đã được kiện toàn, củng cố, song vẫn còn tình trạng chất lượng đội ngũ chưa đồng đều, số lượng cán bộ, công chức và cán bộ lãnh đạo trẻ còn thấp, chưa phù hợp với xu thế chung; đặc biệt là chủ trương thu hút nhân tài chậm được cụ thể hoá bằng các cơ chế, chính sách phù hợp; kết quả thu hút trí thức trẻ và người có trình độ cao chưa đạt yêu cầu; chưa có chính sách thực sự hấp dẫn để động viên khuyến khích cán bộ thực thi nhiệm vụ.

Thực hiện các quan điểm chỉ đạo của Đảng về công tác cán bộ, nhất là Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Vĩnh Phúc đã đặc biệt coi trọng công tác cán bộ, xác định đây là 1 trong 3 khâu đột phá trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đạt một số kết quả quan trọng; Trên cơ sở đó Tỉnh uỷ đã ban hành chùm cơ chế, chính sách nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ như:

- Nghị quyết số 10-NQ/TU về xây dựng đội ngũ trí thức và trọng dụng nhân tài tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025;

- Nghị quyết số 08-NQ/TU về tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Đề án số 05-ĐA/TU về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021-2025;

- Đề án số 06-ĐA/TU về đột phá trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025;

Đề tổ chức triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng về nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC, UBND tỉnh xác định toàn diện các nhiệm vụ chủ yếu, cụ thể, khả thi, phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành để tập trung tổ chức thực hiện đổi mới trong công tác cán bộ, cụ thể:

**Một là**, tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm được giao. Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đổi mới trong công tác đánh giá cán bộ bằng “sản phẩm”, coi kết quả đánh giá cán bộ là tiêu chí quan trọng nhất để thực hiện quy hoạch, điều động, bổ nhiệm cán bộ;

Từ năm 2021, tỉnh Vĩnh Phúc đã thực hiện thí điểm và giao nhiệm vụ đánh giá cán bộ bằng sản phẩm: Đối tượng Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh lựa chọn thí điểm giao nhiệm vụ để đánh giá bằng sản phẩm là Giám đốc các sở, ngành, Bí thư và Chủ tịch UBND cấp huyện, vì đây là người quyết định mức độ hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của tập thể cơ quan và thể hiện đúng tính gương mẫu, nêu gương theo tinh thần “trên trước, dưới sau”. Nhiệm vụ giao là các nhiệm vụ khó, nhiệm vụ mới. Kết quả đánh giá xếp loại cuối năm phải được thể hiện bằng sản phẩm, chỉ tiêu, số lượng cụ thể, có kiểm chứng và tổ chức khen thưởng cho các cá nhân hoàn thành các nhiệm vụ, đây là một hình thức thể hiện sự trọng dụng người có tài năng.

Việc này, đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức, tạo áp lực cần thiết để người đứng đầu các địa phương, cơ quan, đơn vị nâng cao ý thức trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo; nhiều việc khó đã được thực hiện, nhiều “điểm nghẽn” lâu năm được tháo gỡ, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch giao. Từ năm 2022, các huyện, thành ủy và nhiều cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã thực hiện giao nhiệm vụ cụ thể cho người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc và lấy kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao làm tiêu chí quan trọng để đánh giá cán bộ.

Có thể khẳng định, việc giao nhiệm vụ và đánh giá cán bộ bằng sản phẩm là sự quyết liệt và sáng tạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong thực hiện khâu đột phá của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, giúp công tác đánh giá cán bộ ngày càng thực chất.

**Hai là**, đối với CBCCVC, Tỉnh đã xác định giải pháp đầu tiên là phải thay đổi về kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ, giao tiếp, ứng xử, phong cách làm việc đối với CBCCVC trong thực thi nhiệm vụ. UBND tỉnh đã ban hành 01 Chỉ thị, 01 Quy chế, 01 Đề án để chỉ đạo thực hiện về văn hóa công vụ nhằm làm chuyển biến, thay đổi căn bản ý thức, tinh thần, thái độ, trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức... tương xứng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong tình hình mới.

**Ba là**, xây dựng, hoàn thiện chính sách phát hiện, thu hút, sử dụng nhân tài, tạo điều kiện cho cán bộ phát huy năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì mục tiêu chung đồng thời, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 03/8/2021 về một

số chính sách đặc thù xây dựng đội ngũ trí thức và thu hút trọng dụng người có tài năng tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021- 2025 với những cơ chế, chính sách đủ mạnh, mang tính đột phá và đồng bộ; có cơ chế đặc thù, đầu tư thoả đáng để thu hút người hiền tài; tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghề nghiệp của trí thức, nhân tài.

Nghị quyết gồm các chính sách như (1) *Chính sách đặt hàng chuyên gia và chính sách đặt hàng nghiên cứu khoa học*: Người được tỉnh đặt hàng nghiên cứu đề tài khoa học cấp tỉnh nếu được Hội đồng nghiệm thu xếp loại xuất sắc và được áp dụng rộng rãi vào thực tiễn thì được thưởng bằng 20,0% tổng kinh phí ngân sách chi trả cho đề tài, mức thưởng tối đa không quá 400 triệu đồng/đề tài. (2) *Chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức*: Trường hợp được tỉnh cử đi đào tạo sau đại học được hỗ trợ 100% học phí. Sau khi được cấp bằng tốt nghiệp tiến sĩ hoặc tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II được hỗ trợ 100 triệu đồng (mức trước đây là 50 triệu); được cấp bằng thạc sĩ hoặc thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I được hỗ trợ 50 triệu đồng (mức trước đây là 30 triệu). (3) *Chính sách thu hút người có tài năng đối với các đối tượng như Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác Sĩ CK I, II, sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc*: Trường hợp được tỉnh thu hút là Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ hoặc tiến sĩ y khoa, bác sĩ chuyên khoa cấp II: Được hỗ trợ 600 triệu đồng (mức trước đây là 150 triệu); là Thạc sĩ hoặc thạc sĩ y khoa, bác sĩ chuyên khoa cấp I, bác sĩ nội trú: Được hỗ trợ 400 triệu đồng (mức trước đây là 120 triệu); là sinh viên tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên: Hỗ trợ 150 triệu đồng (mức trước đây là 100 triệu). (4) *Chính sách trọng dụng người có tài năng gồm Chính sách về môi trường làm việc, trang thiết bị làm việc, Chính sách về quy hoạch, bổ nhiệm, Chính sách thưởng theo thành tích*. Đây là chính sách có rất nhiều thay đổi, mới mẻ, nhiều chính sách chưa có trong tiền lệ của tỉnh và trong cả nước, như:

a) CBCCVC tự đào tạo, bồi dưỡng có chứng chỉ quốc tế (tương đương trình độ IELTS 6.0 trở lên) thì sẽ được tỉnh thưởng với mức thấp nhất 30 triệu đồng/người, cao nhất 40 triệu đồng/người.

b) CBCCVC có các công trình, đề án, đề tài cấp tỉnh xếp loại xuất sắc và được áp dụng hiệu quả, nhân rộng trong thực tiễn được tỉnh thưởng 50 triệu đồng/giải pháp, sáng kiến.

c) CBCCVC được tặng Huân chương hoặc đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua toàn quốc được tỉnh thưởng 25 triệu đồng/người; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được thưởng 20 triệu đồng/người; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong 3 năm liên tiếp hoặc đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp tỉnh được thưởng 15 triệu đồng/người; có giải pháp sáng tạo kỹ thuật, sáng kiến được cấp sở, được áp dụng nhân rộng trong thực tiễn được thưởng 10 triệu đồng/người.

Kết quả sau hơn 01 năm thực hiện Nghị quyết: Tỉnh đã có 202 cán bộ công chức viên chức hưởng các chính sách với tổng kinh phí hỗ trợ là 4 tỷ 435 triệu đồng từ ngân sách tỉnh.

**Bón lả**, tập trung bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ về bản lĩnh chính trị, kiến thức chuyên môn và năng lực thực tiễn, trong đó đặc biệt quan tâm tới việc đào

tạo, bồi dưỡng, thử thách qua môi trường thực tiễn. Phát huy tinh thần, ý thức trách nhiệm, đam mê khát vọng của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ. Tỉnh đã ban hành Đề án số 06-ĐA/TU ngày 05/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đột phá trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gắn với mục tiêu cụ thể như: Tỉnh đã mở lớp văn bằng 2 đại học Luật cho 54 cán bộ, công chức là lãnh đạo cấp phòng thuộc Sở trở lên; Tỉnh đã mở lớp bồi dưỡng ngoại ngữ tiếng Anh IELTS từ 6.0 trở lên cho CBCCVC; mở lớp thạc sỹ Quản lý văn hóa cho công chức, viên chức ngành Văn hóa; mở lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về Quản lý quy hoạch và đô thị, công nghệ thông tin và chuyển đổi số, phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

**Năm là**, nhằm nâng cao hiệu quả công tác tự đào tạo, bồi dưỡng, qua đào tạo, bồi dưỡng phải mang chất lượng, hiệu quả cụ thể tránh việc đào tạo, bồi dưỡng chỉ mang tính hình thức, Tỉnh đã ban hành Kế hoạch kiểm tra kiến thức chuyên môn đối với công chức cấp tỉnh, cấp huyện.

Đây là nhiệm vụ mới, đột phá từ năm 2022 của tỉnh. Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch khung để các cơ quan xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra kiến thức đối với tối thiểu 50% cán bộ, công chức đối với 02 lĩnh vực và Kiến thức chung và Chuyên môn nghiệp vụ. Công tác kiểm tra góp phần nâng cao ý thức tự học, tự đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức; trách nhiệm của mỗi cơ quan, quan, đơn vị trong việc đẩy mạnh công tác tự đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, có trình độ, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ./.

## 11. UBND tỉnh Bình Phước

### Tham luận về “Kinh nghiệm xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bình Phước”

Trong những năm qua, Đảng, Chính phủ luôn quan tâm, coi trọng phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử trong hoạt động cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức nhằm quản lý, khai thác, sử dụng hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức bằng các hệ thống, phần mềm. Trong giai đoạn vừa qua, công tác quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã được củng cố và ngày càng hoàn thiện, đảm bảo phục vụ có hiệu quả công tác quản lý, khai thác, sử dụng; bên cạnh những ưu điểm, kết quả đã đạt được, trong công tác quản lý hồ sơ vẫn còn nhiều hạn chế, khó khăn. Do việc quản lý dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức phần lớn thực hiện bằng bản giấy, sổ sách, dễ dẫn đến sai sót, không đồng bộ, thống nhất; việc cập nhật và bổ sung thông tin của hồ sơ sẽ mất nhiều thời gian, công sức và tính chính xác không cao, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác cán bộ, công chức, viên chức.

Xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc xây dựng chính quyền điện tử. Trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là giảm thiểu các quy trình, thủ tục liên quan đến công tác cán bộ như: kê khai, bổ sung sơ yếu lý lịch,...; ngoài ra, phục vụ công tác thống kê, báo cáo gắn với việc quản lý điều hành, góp phần đổi mới quan trọng trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025. Trong đó, một trong những nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức viên chức, hoàn thiện trong giai đoạn 2021-2025.

Để cụ thể hoá nhiệm vụ nêu trên, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước kèm theo Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020, xác định rõ mục tiêu “*Thực hiện việc xây dựng, quản lý, cập nhật dữ liệu thường xuyên, tổ chức khai thác, sử dụng và lưu trữ cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước theo hướng hiện đại, là một trong những cấu phần quan trọng trong tiến trình xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới nền kinh tế số, xã hội số.*”

Thực hiện Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên

chức trong các cơ quan nhà nước, UBND tỉnh Bình Phước kịp thời ban hành Kế hoạch số 325/KH-UBND ngày 31/12/2020 triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Đến tháng 08/2022, phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Bình Phước đã hoàn thiện các chức năng cơ bản và tổ chức tập huấn hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức cho khoảng **1.500** cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Đến nay, cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của địa phương đã có hơn **24.000** hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tích hợp vào cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

Thực hiện Công văn số 639/BNV-VP ngày 21/02/2023 của Bộ Nội vụ về việc triển khai Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 và Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Bình Phước chỉ đạo Sở Nội vụ khẩn trương phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, VNPT tỉnh Bình Phước thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu. Chỉ trong thời gian ngắn (khoảng 36 giờ đồng hồ) tỉnh Bình Phước đã thực hiện kết nối, đồng bộ được **22.960** hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức (đạt tỷ lệ 100%) với cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ quản lý được cập nhật.

Với những nỗ lực và quyết tâm nêu trên, tại Hội nghị Sơ kết công tác 06 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2023 ngành Nội vụ do Bộ Nội vụ tổ chức, Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước nằm trong số 11/63 tỉnh, thành phố được Bộ Nội vụ tặng Bằng khen do có thành tích xuất sắc giai đoạn I Phòng trào thi đua “*cán bộ, công chức, viên chức thi đua hoàn thành cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc lĩnh vực nội vụ, góp phần đẩy mạnh Chuyển đổi số của ngành Nội vụ năm 2023*”.

Để đạt được kết quả như trên, tỉnh Bình Phước xin trao đổi một số bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức như sau:

**Thứ nhất**, bài học kinh nghiệm về quyết tâm chính trị, nhận thức và xác định đúng tầm quan trọng của việc xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, từ đó xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết ngay từ khi bước vào thực hiện triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời quyết tâm thực hiện đúng thời gian từng nội dung công việc, để tạo cơ sở cho các bước tiếp theo hoàn thành đúng tiến độ.

Sau khi nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của việc triển khai Đề án, cụ thể hóa bằng những văn bản để tổ chức thực hiện thống nhất, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc, gắn với kiểm tra, đôn đốc quyết liệt từ cơ sở, tạo hiệu ứng lan tỏa trong quá trình triển khai để đạt kết quả cao trong thời gian ngắn.

**Thứ hai**, bài học về sự phối hợp, chặt chẽ giữa các đơn vị trong giải quyết các vấn đề về kỹ thuật và nghiệp vụ để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, với sự hỗ trợ nhiệt tình của các cán bộ, công chức tại Bộ Nội vụ cùng xây dựng, hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

**Thứ ba**, để kịp thời hướng dẫn việc kê khai, tiếp nhận những khó khăn vướng mắc, triển khai các nội dung và đơn đốc thực hiện; Sở Nội vụ đã lập nhóm Zalo gồm Lãnh đạo Sở Nội vụ phụ trách nhiệm vụ; lãnh đạo và công chức trực tiếp hướng dẫn, theo dõi thực hiện nhiệm vụ và các công chức đầu mối các cơ quan, đơn vị, địa phương để kịp thời hướng dẫn, giải đáp những khó khăn, vướng mắc, chỉ đạo, điều hành, đơn đốc việc cập nhật cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tỉnh Bình Phước vẫn còn một số khó khăn như sau:

**Một là**, một số trường dữ liệu chưa đáp ứng theo yêu cầu của Bộ Nội vụ tại Quyết định số 356/QĐ-BNV ngày 17/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, do đó cần phải nâng cấp, bổ sung một số trường dữ liệu còn thiếu theo quy định.

**Hai là**, mặc dù đã tổ chức tập huấn huấn hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức, tuy nhiên một số cán bộ, công chức, viên chức vẫn chưa hoàn thiện dữ liệu, do nhận thức, trình độ; lượng thông tin dữ liệu từng cán bộ, công chức, viên chức cần cập nhật quá lớn, nhiều nội dung, dẫn đến dữ liệu của một số cán bộ, công chức, viên chức chưa đầy đủ.

Trong thời gian tới, để tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa, thực chất hơn nữa, hiệu quả hơn nữa trong công tác quản lý, khai thác hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, tiến tới sử dụng hồ sơ điện tử thay cho hồ sơ giấy truyền thống hiện nay trong công tác tổ chức cán bộ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, UBND tỉnh Bình Phước đề ra một số giải pháp cơ bản sau:

**Thứ nhất**, chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, VNPT Bình Phước kiện toàn các trường thông tin dữ liệu còn thiếu so với quy định tại Quyết định số 356/QĐ-BNV ngày 17/5/2023 của Bộ Nội vụ.

**Thứ hai**, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục rà soát, cập nhật bổ sung thông tin CBCCVC nhất là khi có Hướng dẫn của Bộ Nội vụ để đảm bảo dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Bình Phước đáp ứng yêu cầu “đúng- đủ- sạch- sống”.

**Thứ ba**, tiếp tục mở lớp tập huấn huấn hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức nhất là trách nhiệm của người đứng đầu đối với việc quản lý, sử dụng, khai thác dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị./.

## 12. UBND tỉnh Quảng Ngãi

**Tham luận về “Kinh nghiệm trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, nhất là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là nguồn chiến lược của tỉnh Quảng Ngãi”**

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị của hệ thống chính trị là nguồn lực cơ bản, quan trọng, quyết định sự ổn định và phát triển của địa phương, cơ quan, đơn vị. Hiệu quả hoạt động của bộ máy trong hệ thống chính trị được quyết định bởi trình độ, phẩm chất, năng lực và kết quả công tác của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tỉnh Quảng Ngãi đang trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Đặc biệt, trong điều kiện mới hiện nay, việc ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ vào quản trị phát triển địa phương thì việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức là vấn đề cần được quan tâm hàng đầu, cần thực hiện tốt.

Nhận thức rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, trong những năm qua, Ủy ban nhân dân tỉnh luôn quan tâm, chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đã có bước trưởng thành và tiến bộ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ chính trị và năng lực thực tiễn; dưới tác động của mặt trái kinh tế thị trường và trong điều kiện một tỉnh còn nhiều khó khăn, song đa số cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh vẫn giữ vững truyền thống cách mạng của quê hương anh hùng, tích cực học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ, kiến thức, tích lũy kinh nghiệm, không ngừng trưởng thành.

Tuy nhiên, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh hiện nay vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Vẫn còn một số trường hợp chưa đủ chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị; năng lực thực tiễn, tinh thần phục vụ, cống hiến chưa tốt; việc chuyển tiếp giữa các thế hệ chưa được chuẩn bị chu đáo; cơ cấu chưa hợp lý; thiếu những cán bộ lãnh đạo, quản lý và chuyên gia giỏi, chuyên sâu, có khả năng dự báo, xử lý, giải quyết tốt những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn...

Để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và dự nguồn có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng và cơ cấu phù hợp; có sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ; đủ sức lãnh đạo đưa tỉnh nhà vững bước đi lên, sớm đạt trình độ phát triển khá trong Vùng miền Trung; đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp chiến lược có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ là hết sức cần thiết.



## **I. Thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Quảng Ngãi**

### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định một trong ba nhiệm vụ đột phá là “*phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*”, các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh luôn quan tâm, tập trung chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức như: Kết luận số 298-KL/TU ngày 13/4/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3, khóa XX về tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ; Đề án số 09-ĐA/TU ngày 27/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 và các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã cụ thể hóa nghị quyết, quyết định, kết luận của Trung ương, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác đào tạo, bồi dưỡng để triển khai thực hiện đối với cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh như: Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định phê duyệt kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm (số 466/QĐ-UBND ngày 31/3/2021, 130/QĐ-UBND ngày 28/01/2022, 1915/QĐ-UBND ngày 31/12/2022); các quyết định phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

### **2. Kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng**

Để công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo, tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức rà soát, xác định nội dung cần đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo từng năm. Giai đoạn 2021-2023, tỉnh Quảng Ngãi chủ yếu tập trung bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vào các lĩnh vực chuyên môn tinh cần như cải cách hành chính, chuyển đổi số, du lịch,.. nhằm tạo bước đột phá để phát triển kinh tế nhanh và bền vững tại địa phương.

- Về lĩnh vực cải cách hành chính: Nhiệm kỳ 2020-2025, tỉnh Quảng Ngãi xác định cải cách hành chính là một trong 4 nhiệm vụ trọng tâm. Quan điểm này đã được

Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quán triệt ngay từ đầu nhiệm kỳ và nhất quán chỉ đạo xuyên suốt đến toàn thể các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Để nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tham mưu thực hiện công tác cải cách hành chính, giai đoạn 2021-2023, tỉnh đã tập trung bồi dưỡng cập nhật kiến thức về cải cách hành chính cho 683 lượt cán bộ, công chức, viên chức.

- Về lĩnh vực chuyển đổi số: Tỉnh đã xác định chuyển đổi số là giải pháp, động lực để rút ngắn khoảng cách phát triển với các tỉnh, thành phố trên cả nước, thời gian qua, tỉnh Quảng Ngãi huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số đã đề ra. Trong đó, công tác bồi dưỡng nguồn nhân lực chuyển đổi số là giải pháp quan trọng luôn được tỉnh quan tâm, giai đoạn 2021 - 2023, tỉnh đã tập trung bồi dưỡng cập nhật những kiến thức quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, an toàn thông tin, phát triển Chính phủ số và Chuyển đổi số cho hơn 890 lượt cán bộ, công chức, viên chức; bồi dưỡng công nghệ thông tin cho 389 lượt cán bộ, công chức, viên chức. Ngoài ra, trong năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho hơn 256.900 lượt người, đặc biệt trong đó các lớp tập huấn Tổ Công nghệ số cộng đồng địa phương cho hơn 7.000 thành viên tổ công nghệ số cộng đồng các cấp.

- Về lĩnh vực du lịch: Với mục tiêu đến năm 2025, du lịch Quảng Ngãi cơ bản trở thành ngành kinh tế quan trọng, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phấn đấu đưa Quảng Ngãi trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, tạo tiền đề phát triển đột phá du lịch trong giai đoạn tiếp theo, từng bước tạo dựng thương hiệu trên bản đồ du lịch của cả nước. Tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 về Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến 2025, tầm nhìn đến 2030, trong đó tỉnh chú trọng tổ chức các lớp bồi dưỡng về quản lý nhà nước về du lịch, xúc tiến du lịch cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phụ trách công tác quản lý nhà nước về du lịch từ cấp tỉnh đến cơ sở để nâng cao kỹ năng, chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, viên chức tham mưu quản lý nhà nước về du lịch; trong giai đoạn 2021-2023, tỉnh đã tổ chức 06 lớp bồi dưỡng về quản lý nhà nước và xúc tiến du lịch cho 218 lượt cán bộ, công chức, viên chức.

### **3. Đánh giá chung**

#### **a) Ưu điểm**

Nhìn chung, được sự quan tâm đúng mức của các cấp ủy đảng, các ngành và các địa phương trên địa bàn tỉnh về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị nói chung và trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp nhà nước nói riêng, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở các cấp, các ngành có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn ngày càng cao, góp phần quan trọng vào việc quản lý, điều hành, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và đáp ứng sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh. Công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực du lịch, cải

cách hành chính được chú trọng, chất lượng đang từng bước được cải thiện; công tác bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức được tập trung quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện ở tất cả các cấp, các ngành và địa phương trong tỉnh.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đã có tinh thần học tập vươn lên để nắm bắt kiến thức và kỹ năng làm việc; sau khi đào tạo, bồi dưỡng đã nắm vững được các nguyên tắc lý luận và kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, làm cơ sở cho việc áp dụng trong công tác quản lý, điều hành thực tiễn ở cơ quan, đơn vị, địa phương có hiệu quả; góp phần quan trọng trong việc nâng cao chỉ số cải cách hành chính, thực hiện có hiệu quả công tác chuyển đổi số và phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.

#### b) Tồn tại, hạn chế

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, tuy nhiên công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Quảng Ngãi thời gian qua còn một số tồn tại, hạn chế như:

Do sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học và công nghệ nên kiến thức, năng lực chuyên môn đã được đào tạo, bồi dưỡng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu trong giai đoạn hiện nay. Mặc dù công tác đào tạo, bồi dưỡng được tăng cường, số lượng cán bộ, công chức, viên chức qua các lớp, khóa đào tạo, bồi dưỡng khá lớn, nhưng nhìn chung, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là kiến thức, kỹ năng xử lý và nghiệp vụ công tác hành chính vẫn còn một số hạn chế nhất định.

Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức có lúc, có nơi chưa bám sát yêu cầu thực tiễn, chưa thực sự gắn với sử dụng, quy hoạch, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Do đó, một số cán bộ, công chức, viên chức tham gia nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng, nhưng vẫn thiếu kiến thức, kỹ năng làm việc.

Nguyên nhân của tình trạng nêu trên là do: Một số cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng, thiếu chủ động trong công tác đào tạo, bồi dưỡng; nhiều cơ quan, đơn vị chưa xây dựng được kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn cho từng chức danh quy hoạch, nâng cao chất lượng công việc; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn ngại học tập, chưa tập trung nghiên cứu để nâng cao trình độ, kiến thức chuyên môn; cơ sở vật chất của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chưa đáp ứng yêu cầu; công tác thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng chưa thường xuyên.

## **II. Một số bài học kinh nghiệm**

Quá trình thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Quảng Ngãi thời gian qua có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, đó là:

*Thứ nhất*, trong quá trình xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị của tỉnh, nhất là công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của từng cơ quan, đơn vị và đăng ký, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức được tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của tỉnh.

*Thứ hai*, cần phải cụ thể hóa, xây dựng kế hoạch triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm theo từng tháng, từng quý, tránh tập trung đào tạo, bồi dưỡng vào các thời điểm cuối năm, cũng như các thời điểm dễ xảy ra mưa, bão, lũ lụt của khu vực miền Trung nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

*Thứ ba*, tỉnh luôn chú trọng tập trung đào tạo, bồi dưỡng ở những ngành, lĩnh vực tỉnh còn thiếu, còn yếu như: cải cách hành chính, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, du lịch,....

*Thứ tư*, trong công tác tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng tỉnh luôn phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng uy tín, chất lượng, có đội ngũ chuyên gia, giảng viên, báo cáo viên giàu kinh nghiệm thực tiễn như Học viện Hành chính Quốc gia, Trường Chính trị tỉnh, các Trường đại học có uy tín, chất lượng như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Tôn Đức Thắng,... để truyền đạt các kiến thức, kỹ năng cho học viên tham gia bồi dưỡng.

*Thứ năm*, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh hàng năm phải luôn bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu đã được đề ra tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ<sup>43</sup>: Quyết định số 163/QĐ-TTg, Quyết định số 1659/QĐ-TTg, Quyết định số 263/QĐ-TTg. Thường xuyên rà soát, theo dõi kết quả thực hiện các chỉ tiêu đề ra, nhằm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh phù hợp, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đến năm 2025.

*Thứ sáu*, luôn gắn công tác đào tạo, bồi dưỡng với công tác quy hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; đặc biệt là công tác luân chuyển, điều động tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức được rèn luyện trong thực tiễn để thông qua đó đánh giá, tuyển chọn, bố trí cán bộ hợp lý, hiệu quả. Trong thời gian, tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện luân chuyển, điều động cán bộ trẻ về giữ các chức danh bí thư cấp ủy, chủ tịch UBND cấp xã để đào tạo cán bộ trẻ, tạo nguồn cán bộ bài bản cho hệ thống chính trị của tỉnh trong 05 năm, 10 năm, 20 năm đến.

<sup>43</sup> Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 –2025; Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 -2030”; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 –2025.

### 13. UBND tỉnh Ninh Bình

#### Tham luận về “Công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình”

Ninh Bình là địa phương có truyền thống văn hóa lịch sử lâu đời, vùng đất cổ đô, nơi phát tích của 03 triều đại: *Đinh, Tiền Lê và khởi đầu triều Lý*; cùng với tín ngưỡng bản địa, Ninh Bình có sự du nhập và phát triển từ rất sớm của hai tôn giáo là Phật giáo và Công giáo, trở thành một trong những trung tâm tôn giáo lớn của cả nước, với những công trình tôn giáo nổi tiếng (*Quần thể nhà thờ Phát Diệm, chùa Bái Đính...*).

Trên địa bàn tỉnh hiện có 1.045 cơ sở tín ngưỡng (259 đình, 438 đền, 195 miếu, 153 phủ, am và cơ sở tín ngưỡng khác). Trong đó, có 51 cơ sở xếp hạng cấp quốc gia, 253 cơ sở xếp hạng cấp tỉnh.

Về tôn giáo, hiện có 234.204 tín đồ (Phật giáo và Công giáo), chiếm trên 23% dân số của tỉnh; có 668 cơ sở thờ tự (*353 chùa; 315 nhà thờ, nhà nguyện*), phần lớn các cơ sở tôn giáo đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*trên 95% số cơ sở tôn giáo*); có Tòa Giám mục Phát Diệm, 77 giáo xứ, 01 Giám mục chính tòa, 01 Tổng Giám mục và 01 Giám mục nghỉ hưu, 180 linh mục; có Ban Trị sự Phật giáo tỉnh, 08 Ban Trị sự Phật giáo cấp huyện, 03 cơ sở An cư kết hạ, 396 tăng ni (*02 Hòa thượng, 10 Thượng tọa, 02 Ni trưởng, 30 Ni sư 292 Tỳ khiêu, 60 Sadi*). Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn 25 người theo đạo Tin lành, sinh hoạt tại gia đình.

Quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo và bám sát tình hình thực tiễn tại địa phương; những năm qua, tỉnh Ninh Bình đã không ngừng đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và đã đạt được những kết quả quan trọng.

**Thứ nhất**, tổ chức triển khai thực hiện tốt chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo

- Các cấp, các ngành chủ động hướng dẫn, đưa các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo đi vào nền nếp, ổn định, tuân thủ pháp luật; hướng dẫn các tổ chức tôn giáo tổ chức các hoạt động, hội nghị, đại hội theo đúng Giáo luật, Hiến chương, điều lệ các tổ chức tôn giáo và quy định của pháp luật.

- Tập trung giải quyết các kiến nghị, nhu cầu chính đáng của tổ chức, cá nhân tôn giáo<sup>44</sup>; đảm bảo thấu tình, đạt lý; tạo được sự đồng thuận cao của chức sắc, chức việc, nhất là người đứng đầu các tổ chức tôn giáo.

- Khuyến khích chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo, giúp đỡ đồng bào gặp khó khăn, trẻ em mồ

<sup>44</sup> Từ khi thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (từ năm 2018 - 2023), các cấp, các ngành đã chấp thuận, tiếp nhận thông báo: Phong chức 67 linh mục, chuyển chuyên địa bàn hoạt động tôn giáo 178 lượt linh mục, 75 ứng sinh đi học các trường Đại chủng viện; Thụ giới 78 sadi và tỳ khiêu, bổ nhiệm và kiêm nhiệm trụ trì 115 chùa; xem xét, giải quyết 48 đề nghị về đất đai, với khoảng 20ha; 93 đề nghị xây dựng công trình tôn giáo...

côi...; tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, vì cộng đồng, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc<sup>45</sup>.

- Chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo đã phát huy truyền thống yêu nước, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc; đoàn kết, tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng và củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, góp phần làm nên những thành tựu trong quá trình phát triển đi lên của tỉnh Ninh Bình.

**Thứ hai**, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, kịp thời kiện toàn bộ máy làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo

- Tỉnh Ninh Bình đã thành lập và thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện công tác tôn giáo các cấp (Ban Chỉ đạo do đồng chí Bí thư cấp ủy làm Trưởng ban; Phó Bí thư cấp ủy làm Phó Trưởng ban Thường trực; lãnh đạo UBND cùng cấp làm Phó Trưởng ban, các ngành: Dân vận, Mặt trận, Công an, Nội vụ, Tài nguyên & Môi trường, Văn hóa, Xây dựng... làm thành viên). Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo các cấp ở Ninh Bình được thành lập từ sớm (năm 1993), hoạt động nền nếp, hiệu quả.

- Tổ chức bộ máy làm công tác quản lý nhà nước từ tỉnh đến cơ sở từng bước được kiện toàn, củng cố, tăng cường<sup>46</sup>; chú trọng, ưu tiên lựa chọn các đồng chí có năng lực, kinh nghiệm, am hiểu về tôn giáo.

**Thứ ba**, làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, đưa pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo vào cuộc sống và thực hiện quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo bằng pháp luật.

- Tổ chức lớp tập huấn, hội nghị phổ biến pháp luật cho cán bộ làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo trong hệ thống chính trị và chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng<sup>47</sup>.

- Thông qua các hội nghị tuyên truyền, phổ biến và các lớp bồi dưỡng tập huấn đã nâng cao nhận thức, kinh nghiệm quản lý và giải quyết những vấn đề tôn giáo cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo từ cấp tỉnh đến cơ sở; chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo nắm được các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo và tự giác chấp hành.

<sup>45</sup> Từ năm 2007 - 2023, địa bàn tỉnh có 15.000 người đăng ký hiến giác mạc, mô tạng; đã có 487 người đã hiến giác mạc, 03 người hiến mô tạng, là địa phương dẫn đầu cả nước. Từ năm 2018-2023, chức sắc tôn giáo đã ủng hộ kinh phí xây dựng gần 200 ngôi nhà ở cho các hộ nghèo, hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền gần 10 tỷ đồng, nhiều ngôi nhà do chức sắc các tôn giáo cùng tham gia hỗ trợ... Trong đại dịch Covid-19, chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo đã tích cực ủng hộ, hỗ trợ công tác phòng, chống dịch, ủng hộ Quỹ vắc xin, các thiết bị, vật tư y tế, với trị giá khoảng 190 tỷ đồng; 05 tăng ni đã tham gia tình nguyện ra tuyến đầu chống dịch, vào các bệnh viện dã chiến giữa tâm dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>46</sup> Ở cấp tỉnh: Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ (có 12 biên chế công chức và 01 chỉ tiêu hợp đồng lao động; về tổ chức bộ máy có Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban và 02 phòng); công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo theo chức năng, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh. Ở cấp huyện: Công chức đảm nhiệm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo của Phòng Nội vụ; công chức làm công tác tôn giáo ở các ngành, đoàn thể cấp huyện. Cấp xã: Giao đồng chí Phó Chủ tịch UBND và 01 công chức theo dõi công tác tín ngưỡng, tôn giáo (phụ trách công tác Văn hóa, thể thao, thông tin và tôn giáo)

<sup>47</sup> Từ năm 2018 - 2023, UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ tổ chức 22 lớp bồi dưỡng, hội nghị tuyên truyền cho khoảng 6.000 lượt cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo các cấp, chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo, người đại diện và ban quản lý các cơ sở tín ngưỡng.

*Thứ tư, gắn công tác quản lý nhà nước với công tác vận động chức sắc, chức việc, đồng bào có đạo. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã chủ động gặp gỡ, trao đổi với chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo, nhất là người đứng đầu các tổ chức tôn giáo bằng những hình thức phù hợp<sup>48</sup>, với tinh thần cởi mở, chân thành, tạo niềm tin cho chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo hiểu, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc; tạo mối quan hệ gần gũi giữa chính quyền với chức sắc, chức việc tôn giáo; mối liên hệ thân thiện, cởi mở của các tổ chức tôn giáo với nhau. Qua đó, chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo yên tâm sống đạo, giữ đạo, đóng góp xây dựng quê hương, đất nước; nhiều chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo là đại biểu HĐND và là Ủy viên UBMTTQVN các cấp<sup>49</sup>; đồng thời chức sắc, chức việc tôn giáo luôn tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước tại địa phương, phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của các tôn giáo trong phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, gắn với định hướng phát triển du lịch, du lịch tâm linh của tỉnh; giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội.*

**Từ thực tế công tác quản lý nhà nước trong thời gian qua, tỉnh Ninh Bình rút ra một số kinh nghiệm sau:**

*Một là*, về công tác lãnh đạo, chỉ đạo: Cấp ủy, chính quyền các cấp cần phải có nhận thức đúng, hiểu biết về tín ngưỡng, tôn giáo; huy động được sự vào cuộc đồng bộ của hệ thống chính trị để lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

*Hai là*, phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo, gắn với việc xác định đúng, trúng những vấn đề trọng tâm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Thời gian qua, tỉnh Ninh Bình xác định vấn đề quản lý nhà nước về đất đai tôn giáo là một trong những nội dung trọng tâm, đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo để thống nhất về chủ trương xem xét, giải quyết đất đai tôn giáo, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức tôn giáo, đồng thời đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật; tạo sự đồng thuận cao trong chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo và quần chúng nhân dân.

*Ba là*, tăng cường nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo. Trong đó, các cấp, các ngành, nhất là cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cần hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; đồng thời chủ động xem xét, tham mưu giải quyết và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

*Bốn là*, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tín

<sup>48</sup> Hằng năm, tỉnh Ninh Bình đều tổ chức gặp mặt chức sắc, chức việc tôn giáo; thăm hỏi chức sắc, chức việc tôn giáo nhân dịp lễ trọng; các tổ chức tôn giáo đến chúc Tết cấp ủy, chính quyền các cấp.

<sup>49</sup> Có 335 chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo là đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026 (02 chức sắc, 01 tín đồ tôn giáo là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; 07 chức sắc, 06 tín đồ tôn giáo là đại biểu hội đồng nhân dân cấp huyện; 05 chức sắc và 314 tín đồ tôn giáo là đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã). 521 chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo là Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp (cấp tỉnh là 20, cấp huyện là 50 và cấp xã là 451).

ngưỡng, tôn giáo; không tham gia các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái quy định của pháp luật.

*Nhằm là*, làm tốt công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước tại địa phương.

*Nhằm tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong thời gian tới, tỉnh Ninh Bình đề nghị Bộ Nội vụ:* Tiếp tục quan tâm tham mưu cấp có thẩm quyền hoàn thiện về thể chế, tập trung việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan đến tôn giáo, nhất là pháp luật về đất đai... để tạo điều kiện huy động các nguồn lực của tôn giáo trong quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nói chung./.



## 14. UBND tỉnh Hậu Giang

### Tham luận về “Hiệu quả từ các phong trào thi đua yêu nước của tỉnh Hậu Giang”

Năm 2023, tỉnh Hậu Giang xác định là năm có ý nghĩa rất quan trọng, năm bản lề trong thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch 05 năm 2020 - 2025 của tỉnh và là năm tăng tốc, đột phá thực hiện nhiều chỉ tiêu đặt ra rất cao so với các năm trước. Tỉnh tập trung thực hiện 4 trụ cột kinh tế để phát triển đột phá, đó là: Công nghiệp hiện đại, nông nghiệp sinh thái, đô thị thông minh và du lịch chất lượng. Do đó, tỉnh tổ chức thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp phát triển 4 trụ cột kinh tế, tháo gỡ các điểm nghẽn để tạo động lực cho phát triển. Tập trung phát triển hạ tầng công nghiệp, hạ tầng giao thông.

Để tạo nên khí thế thi đua sôi nổi, huy động sự chung tay vào cuộc của toàn thể xã hội, góp phần đạt được những mục tiêu, chỉ tiêu đề ra. Tỉnh Hậu Giang đã phát huy được sức mạnh to lớn từ những phong trào thi đua yêu nước. Bên cạnh hưởng ứng các phong trào thi đua do Trung ương phát động, ngay từ đầu năm, tỉnh Hậu Giang đã chủ động phát động thực hiện nhiều phong trào thi đua yêu nước gắn với nhiệm vụ chính trị trọng tâm, cấp bách, các khâu đột phá của tỉnh, hướng vào giải quyết những vấn đề khó khăn, phức tạp, những vấn đề thực tiễn cuộc sống đòi hỏi phải có sự thay đổi, sáng tạo trong triển khai và tổ chức thực hiện. Năm 2023, trọng tâm là phát động phong trào thi đua đặc biệt lập thành tích chào mừng kỷ niệm 20 năm thành lập tỉnh Hậu Giang (01/01/2004 - 01/01/2024) với chủ đề “*Đoàn kết, đột phá, phát triển, thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 20 năm thành lập tỉnh Hậu Giang*”.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương, Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp đã hưởng ứng tích cực và tổ chức thực hiện bằng nhiều hình thức phù hợp, có trọng tâm, trọng điểm, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, không phô trương hình thức, tập trung làm nổi bật thành tựu trên các lĩnh vực của tỉnh sau 20 năm thành lập. Theo đó, tỉnh đã tổ chức, triển khai thực hiện danh mục 20 sự kiện, công trình chào mừng với nhiều hoạt động thiết thực và ý nghĩa, nổi bật là tổ chức thành công Festival Áo bà ba - Hậu Giang, đây là sự kiện văn hóa đầu tiên trong cả nước được tổ chức nhằm tôn vinh chiếc áo bà ba, tôn vinh vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ Nam Bộ, góp phần kết nối phát triển văn hóa, du lịch tỉnh nhà. Đồng thời, tổ chức thành công Festival quốc tế ngành hàng lúa gạo Việt Nam - Hậu Giang 2023 với hàng loạt hoạt động, sự kiện trình diễn, hội thảo quốc tế, gian hàng triển lãm và các hoạt động bên lề khác với sự tham gia của hơn 200 chuyên gia, khách quốc tế đến từ 39 quốc gia/vùng lãnh thổ, đây là sự kiện quan trọng, khẳng định vai trò, định vị ngành hàng lúa gạo Việt Nam trong nước cũng như khu vực và quốc tế, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam nói chung và tỉnh Hậu Giang nói riêng.

Bên cạnh đó, Tỉnh đã tổ chức thành công Đại hội Thể thao đồng bằng sông Cửu Long lần thứ IX và Giải Marathon quốc tế “Vietcombank Mekong Delta” - Hậu Giang năm 2023; Tổ chức Tuần lễ Chuyển đổi số và Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo - Mekong Delta 2023. Với sự hỗ trợ của NASA (cơ quan Hàng không và Vũ trụ Hoa

Kỳ), UBND tỉnh tổ chức Tuần lễ NASA Việt Nam - Hậu Giang 2023 hướng tới mục tiêu truyền cảm hứng cho thế hệ trẻ bằng các câu chuyện của phi hành gia trong môi trường làm việc và sinh hoạt trên không gian vũ trụ; chia sẻ về những nghiên cứu khoa học nhằm bảo vệ trái đất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cảnh báo rủi ro các tiểu hành tinh va chạm với trái đất, tìm hiểu về sự sống ngoài trái đất....

Thông qua các công trình, sự kiện, các hoạt động thiết thực, tỉnh Hậu Giang đã giới thiệu đến bạn bè trong và ngoài nước về những tiềm năng, thế mạnh, thành tựu của Hậu Giang sau 20 năm thành lập. Đồng thời, qua đây đã góp phần tạo nên khí thế thi đua sôi nổi, rộng khắp, phát huy sự đoàn kết, dân chủ, sáng tạo, khắc phục mọi khó khăn, tăng tốc, đột phá thực hiện đạt, vượt nhiều chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2023.

Tuy Hậu Giang là tỉnh nhỏ nhưng với tinh thần “đổi mới, đột phá, quyết tâm và khát vọng”; đồng thời với sự quan tâm có trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của toàn thể Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, các phong trào thi đua yêu nước của tỉnh Hậu Giang có nhiều đổi mới, tạo động lực để tỉnh bứt phá. Biến ý chí, khát vọng phát triển của tỉnh trở thành ý chí, khát vọng của mỗi người dân, tạo nên sức mạnh nội sinh, đưa Hậu Giang đạt được những thành tựu đáng tự hào.

Năm 2023, Hậu Giang thực hiện hoàn thành 18/18 chỉ tiêu kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh, trong đó có 14 chỉ tiêu vượt kế hoạch, 4 chỉ tiêu đạt kế hoạch.

- Kinh tế phát triển mạnh mẽ, tiếp tục là điểm sáng trong bức tranh kinh tế - xã hội của tỉnh, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 12,27%. Với tốc độ tăng trưởng này, tỉnh Hậu Giang trở thành tỉnh tăng trưởng cao nhất khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và đứng thứ 2 cả nước.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng, nông nghiệp tiếp tục là trụ đỡ và đóng góp tích cực cho việc bảo đảm việc làm cho người dân; diện tích rau màu, cây ăn trái tăng mạnh, chất lượng và giá trị nông sản tăng so với cùng kỳ.

- Kết quả thu ngân sách, tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn, kim ngạch xuất nhập khẩu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Các sản phẩm du lịch đã được đầu tư mới, số lượt khách đến Hậu Giang tham quan tăng cao, đặc biệt là khách du lịch nước ngoài. Các lĩnh vực lao động, việc làm, an sinh xã hội được đảm bảo. Công tác bảo vệ môi trường được đặc biệt quan tâm. Quốc phòng tiếp tục được giữ vững; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

- Công tác giải phóng mặt bằng 02 tuyến cao tốc đi qua địa bàn tỉnh Hậu Giang được tập trung nguồn lực thực hiện và đảm bảo tiến độ đề ra.

- Chuyển đổi số được đầu tư và triển khai trên nhiều lĩnh vực, cả 3 trụ cột về chính quyền số, kinh tế số và xã hội số của tỉnh đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác cải cách hành chính tạo được bước đột phá chiến lược thực chất, các chỉ số PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS đều tăng bậc qua các năm và xếp các thứ hạng cao.

Trong kết quả đó, Phong trào thi đua yêu nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đã đóng góp hết sức tích cực và hiệu quả, to lớn, tác động tích cực trên các mặt, các lĩnh

vực góp phần thực hiện mục tiêu kinh tế, xã hội, đưa Hậu Giang trở thành tỉnh khá trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và cả nước.

Kính thưa quý đại biểu!

Xác định rõ mục tiêu là tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trong nhận thức, tư tưởng và tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, làm cho thi đua thực sự trở thành ý thức tự giác, trách nhiệm và việc làm thường xuyên của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đơn vị, cá nhân, tỉnh Hậu Giang đã quán triệt sâu sắc tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân. Bước sang năm 2024, tỉnh Hậu Giang tiếp tục phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân và của cả hệ thống chính trị đẩy mạnh thực hiện các phong trào thi đua yêu nước đảm bảo hiệu quả, thiết thực. Góp phần làm giàu đẹp quê hương Hậu Giang nói riêng và cả nước nói chung./.

## 15. UBND tỉnh Sơn La

### **Tham luận về “Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để hoàn thành sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La”**

Tỉnh Sơn La ở trung tâm vùng Tây Bắc có diện tích tự nhiên trên 14 nghìn km<sup>2</sup>, là tỉnh có diện tích lớn thứ 3 của cả nước. Tỉnh Sơn La có 12 đơn vị hành chính cấp huyện (11 huyện, 01 thành phố) và 204 đơn vị hành chính cấp xã (188 xã, 07 phường, 09 thị trấn).

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, sự chỉ đạo quyết liệt từ trung ương, tỉnh Sơn La xác định việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính là nhiệm vụ chính trị hết sức quan trọng, đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt, tích cực, tập trung của các cấp ủy đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị.

#### **1. Số lượng đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Sơn La**

- Qua rà soát, tỉnh Sơn La có 03 đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023-2025, gồm: 03 thị trấn của các huyện Thuận Châu, Yên Châu, Phù Yên.

- Ngoài ra, tỉnh Sơn La khuyến khích việc sắp xếp, nâng cấp, mở rộng, thành lập đơn vị hành chính đô thị nhằm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước ở địa phương gồm:

(1) Thành lập thị xã Mộc Châu trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của huyện Mộc Châu, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của huyện Mộc Châu để thành lập (08 phường, 07 xã) thuộc thị xã Mộc Châu;

(2) Sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã;

(3) Thành lập thị trấn của huyện Quỳnh Nhai trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai.

- Việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính thuộc diện bắt buộc và diện khuyến khích cũng dẫn đến việc phải sắp xếp đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã liền kề (không bao gồm các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp của huyện Mộc Châu).

Tỉnh Sơn La sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 dự kiến có 12 đơn vị hành chính cấp huyện (10 huyện, 01 thành phố và 01 thị xã) và 200 đơn vị hành chính cấp xã (gồm: 177 xã, 15 phường, 08 thị trấn), giảm 04 đơn vị hành chính cấp xã.

Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã bảo đảm phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch nông thôn, quy hoạch đô thị hoặc các quy hoạch khác có liên quan. Các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã dự kiến hình thành sau sắp xếp đảm bảo đạt các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị

quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

## **2. Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để hoàn thành sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**Một là, công tác lãnh đạo, chỉ đạo:** Xác định việc sắp xếp đơn vị hành chính là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt trong giai đoạn 2023-2030, cần phải có sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp ủy đảng, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, UBND tỉnh Sơn La đã tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ do đồng chí Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng ban, thành lập các Tổ công tác của UBND tỉnh; chỉ đạo các Huyện ủy, UBND cấp huyện, cấp xã có liên quan đến sắp xếp ĐVHC thành lập các Ban chỉ đạo cấp huyện, cấp xã do đồng chí Bí thư cấp ủy làm trưởng ban để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

Ngày 12/9/2023, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, trong đó xác định rõ lộ trình, các công việc phải thực hiện, sản phẩm theo từng mốc thời gian của giai đoạn 2023-2025, phân công rõ nhiệm vụ và sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

**Hai là, tổ chức thông tin, tuyên truyền, vận động:** Cấp ủy, chính quyền, tổ chức đoàn thể, các cơ quan truyền thông, thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh tăng cường đưa tin, tuyên truyền bằng nhiều hình thức về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính của tỉnh đến toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân, nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất trong tư tưởng, nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Đây là nhiệm vụ, nội dung quan trọng, tác động đến kết quả lấy ý kiến cử tri vào đề án sắp xếp đơn vị hành chính.

**Ba là, xây dựng Phương án, Đề án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính:** UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng phương án báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh, gửi xin ý kiến Bộ Nội vụ. Phương án sắp xếp đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số theo quy định; đồng thời cân nhắc kỹ các yếu tố đặc thù về lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, điều kiện địa lý - tự nhiên, cộng đồng dân cư và yêu cầu bảo đảm quốc phòng an ninh, chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của Bộ Nội vụ và các bộ, ngành trung ương, UBND tỉnh Sơn La hoàn thiện Phương án, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

**Bốn là, lập, điều chỉnh quy hoạch chung đô thị và các quy hoạch khác có liên quan; lập Chương trình phát triển đô thị và Đề án phân loại đô thị:** Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Sơn La đều thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính đô thị, do đó đòi hỏi đơn vị hành chính đô thị dự kiến hình thành sau sắp xếp phải đáp ứng tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát

triển kinh tế - xã hội, loại đô thị đối với thị xã, thị trấn hoặc trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với phường theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, phạm vi phân loại đô thị phải căn cứ vào một trong các quy hoạch là quy hoạch tỉnh, quy hoạch nông thôn, quy hoạch đô thị hoặc các quy hoạch khác có liên quan.

Do đó, từ khi có chủ trương thực hiện sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2023-2025, tỉnh Sơn La đã chủ động chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch chung đô thị và các quy hoạch khác có liên quan; lập Chương trình phát triển đô thị và Đề án phân loại đô thị đối với các đơn vị hành chính đô thị dự kiến hình thành sau sắp xếp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định để làm cơ sở cho việc xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính.

**Năm là, tổ chức thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Sơn La:**

Sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết, UBND tỉnh sẽ ban hành Kế hoạch để triển khai thực hiện, đặc biệt là công tác chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn kiến toàn tổ chức Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể của đơn vị hành chính mới theo đúng quy định; hướng dẫn cấp huyện chỉ đạo cấp xã kiến toàn, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức xã và người hoạt động không chuyên trách của đơn vị hành chính có liên quan, có phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chính sách đối với số lượng dôi dư. Chỉ đạo thực hiện rà soát, tổ chức thực hiện việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương ở ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023-2025.

### **3. Một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện**

Các đơn vị hành chính thuộc diện bắt buộc và khuyến khích sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Sơn La đều là các đơn vị hành chính đô thị, do đó đòi hỏi các đơn vị hành chính đô thị sau khi sắp xếp ngoài đáp ứng tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số còn phải đáp ứng tiêu chuẩn về cơ cấu trình độ phát triển kinh tế - xã hội, loại đô thị đối với thị xã, thị trấn và cơ sở hạ tầng đô thị đối với phường theo quy định.

Tuy nhiên, việc triển khai các nội dung này cần phải thực hiện nhiều quy trình, nhiều bước, chặt chẽ theo quy định của các Luật chuyên ngành, cần có nhiều thời gian, huy động tập trung nguồn lực để đầu tư các tiêu chí còn yếu, còn thiếu của đô thị, do đó nhiệm vụ vừa đảm bảo mục tiêu sắp xếp, đảm bảo tiêu chí chất lượng đô thị và đảm bảo tiến độ hoàn thiện và trình hồ sơ Đề án trong năm 2024 là rất khó khăn.

Mặt khác, tỉnh Sơn La là tỉnh miền núi, các đơn vị hành chính bị chia cắt bởi các núi đá, mật độ dân cư, trình độ phát triển và cơ sở hạ tầng không đồng đều, nhiều đồng bào dân tộc cùng sinh sống,...rất khó khăn trong việc sáp nhập toàn bộ đơn vị hành chính cấp xã liền kề vào đơn vị hành chính đô thị cùng cấp do các đơn vị hành chính nông thôn không đáp ứng các tiêu chuẩn về cơ cấu trình độ phát triển kinh tế - xã hội, loại đô thị của đơn vị hành chính đô thị khi sáp nhập vào. Do đó, dẫn đến

Phương án sắp xếp của tỉnh Sơn La phải nhập, điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và quy mô dân số của nhiều đơn vị hành chính cấp xã liền kề vào đơn vị hành chính đô thị để đảm bảo đơn vị hành chính đô thị hình thành sau sắp xếp đáp ứng tiêu chuẩn của đô thị, việc tổ chức, triển khai liên quan tác động đến nhiều đơn vị hành chính sẽ phức tạp, khó khăn hơn.

#### **4. Đề xuất, kiến nghị**

Với sự chỉ đạo quyết liệt từ trung ương, sự quyết tâm cao của các cấp uỷ đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, tỉnh Sơn La quyết tâm triển khai thực hiện theo quy trình và tiến độ trung ương đề ra.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, trong quá trình tổ chức xây dựng thực hiện đề án, tỉnh Sơn La rất mong nhận được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn và tạo điều kiện của các bộ, ngành Trung ương mà trước hết là Bộ Nội vụ. Tỉnh Sơn La cũng rất mong muốn nhận được sự chia sẻ, cách làm hay của các tỉnh bạn đã có nhiều kinh nghiệm sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2019-2021./.

## 16. UBND tỉnh Hải Dương

### Tham luận về “Giải pháp sắp xếp và nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025 theo yêu cầu của Nghị quyết 19-NQ/TW”

Tỉnh Hải Dương nằm ở trung tâm Đồng bằng châu thổ sông Hồng, là một trong 7 tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía đông giáp thành phố Hải Phòng, phía tây giáp tỉnh Hưng Yên, phía nam giáp tỉnh Thái Bình, phía Bắc giáp các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang và Quảng Ninh. Tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 1.668 km<sup>2</sup>. Dân số là 2.118.265 người. Hải Dương có 12 đơn vị hành chính cấp huyện (02 thành phố, 01 thị xã và 09 huyện), 235 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 178 xã, 47 phường và 10 thị trấn).

Sau khi có Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25-10-2017 (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết*) của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII), hệ thống tổ chức và quản lý của các ĐVSNCL đã từng bước được đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Để thực hiện được mục tiêu của Nghị quyết trong giai đoạn 2023-2025, việc tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp gắn với trách nhiệm của các cơ quan, địa phương là yêu cầu cấp thiết trong thời gian tới.

#### I. Một số mục tiêu của Nghị quyết và kết quả đạt được thời gian qua

##### 1. Nghị quyết số 19-NQ/TW đã xác định các mục tiêu tổng quát

Đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ hệ thống các ĐVSNCL, bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; giữ vai trò chủ đạo, then chốt trong thị trường dịch vụ sự nghiệp công; cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, chất lượng ngày càng cao. Giảm mạnh đầu môi, khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải và trùng lặp; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức. Giảm mạnh tỉ trọng, nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập để cơ cấu lại ngân sách nhà nước, cải cách tiền lương và nâng cao thu nhập cho cán bộ, viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập. Phát triển thị trường dịch vụ sự nghiệp công và thu hút mạnh mẽ các thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ sự nghiệp công. Để thực hiện mục tiêu trên, Nghị quyết đã đề ra 8 nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo từng giai đoạn đến năm 2021, 2025 và 2030.

##### 2. Một số kết quả đạt được

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị quyết số 08/NQ-CP).

Thời gian vừa qua, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tổ chức triển khai nghiêm túc, kịp thời các Nghị quyết của Trung ương, tạo chuyển biến về nhận thức và hành động của



lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động, các ngành, các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập và toàn xã hội trong việc đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo triển khai của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng Đề án, Kế hoạch tổ chức thực hiện. Kết quả bước đầu, tỉnh cơ bản đã hoàn thành mục tiêu Đề án, hệ thống tổ chức bộ máy các ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; giảm mạnh đầu mối, khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải và trùng lặp; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức, từng bước giảm chi ngân sách nhà nước cho ĐVSNCL.

#### Theo đó:

- Yêu cầu việc rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh phải được tiến hành đồng bộ, toàn diện từ việc rà soát chức năng, nhiệm vụ của đơn vị gắn với tình hình thực tiễn của địa phương, đến việc sắp xếp, kiện toàn các phòng, ban và các tổ chức cấu thành khác gắn với việc sắp xếp, bố trí đội ngũ viên chức phù hợp và đảm bảo chất lượng, số lượng để nâng cao hiệu quả, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy phải được tiến hành khoa học, khách quan, quan tâm đến quyền và lợi ích của đội ngũ viên chức.

- Sắp xếp, kiện toàn phải đảm bảo nguyên tắc một đơn vị thực hiện nhiều nhóm chức năng, nhiệm vụ và một nhóm chức năng, nhiệm vụ chỉ giao cho một đơn vị chủ trì thực hiện, chịu trách nhiệm chính; đồng thời, phù hợp với điều kiện của cơ quan đơn vị, địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tránh phân tán, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ. Mô hình, quy mô tổ chức bộ máy phải phù hợp với tính chất, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Việc sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp không được làm tăng thêm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; việc thành lập mới đơn vị sự nghiệp phải thực hiện đúng nguyên tắc đơn vị sự nghiệp phải tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (trừ trường hợp phải thành lập mới để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu).

- Đồng thời, các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị ban hành kế hoạch, chương trình hành động để xác định nhiệm vụ, tiến độ thực hiện.

*\* Sau 5 năm (2015-2021), triển khai đã đạt được một số kết quả cụ thể sau:*

Tính đến nay, các đầu mối ĐVSNCL của tỉnh còn 927 đơn vị, giảm 170 đơn vị, tương ứng giảm 15.5% so với năm 2015 (1097 đơn vị), đạt mục tiêu của Nghị quyết trong giai đoạn 2015-2021.

Ví dụ một số lĩnh vực:

- Lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các trường có quy mô nhỏ và địa bàn lân cận, sắp xếp, tổ chức lại các trường mầm non, phổ thông, hình thành trường phổ thông nhiều cấp học phù hợp với nhu cầu, mục tiêu của Trung ương và thực tiễn tại địa phương, gắn liền với nâng cao chất lượng giáo dục. Ngoài ra, thực hiện chủ trương sắp xếp lại các Trường Đại học, Cao đẳng công lập nhằm

góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, năm 2023 tỉnh Hải Dương đã sáp nhập trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương,...

- Lĩnh vực y tế: một trong các biện pháp hữu hiệu nhất được Nhà nước chú trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế nói chung và của y tế dự phòng nói riêng là sắp xếp tổ chức lại bộ máy hoạt động, nhằm để củng cố và phát triển hệ thống y tế dự phòng trong tỉnh theo hướng tập trung, thu gọn đầu mối, nhằm tăng cường hiệu quả và nâng cao chất lượng hoạt động, bảo đảm đủ khả năng dự báo, kiểm soát các bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm và các bệnh liên quan đến môi trường sống, góp phần tích cực vào sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh.

+ Tuyên tỉnh: thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe, Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản.

+ Tuyên huyện: thực hiện thống nhất mô hình mỗi cấp huyện chỉ có một trung tâm y tế đa chức năng. Tỉnh đã thành lập Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố đa chức năng (gồm y tế dự phòng, dân số, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác).

Và một số lĩnh vực khác cũng được sắp xếp như: khoa học công nghệ, nông nghiệp và phát triển nông thôn, lao động, Thương binh và Xã hội..., đến nay đi vào hoạt động ổn định, đội ngũ nhân sự yêu ngành, yêu nghề, yên tâm công tác.

Biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các ĐVSNCL do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên năm 2021 là 33.219 người, giảm 3.356 người (10%) đạt mục tiêu tinh giản biên chế so với năm 2015. Đội ngũ viên chức sau khi sắp xếp, tinh giản biên chế yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức; giảm chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đã giúp các ĐVSNCL chủ động sử dụng các nguồn lực tài chính cho các hoạt động chuyên môn, bố trí hợp lý các khoản chi trong dự toán ngân sách được giao, áp dụng các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để có nguồn chi thu nhập tăng thêm cho viên chức, thu hút nhân tài, lao động giỏi làm việc, trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để tái đầu tư phát triển, tăng nguồn thu của đơn vị so với giai đoạn trước khi tự chủ, từ đó từng bước giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

Thực hiện chính sách xã hội hóa trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch; giáo dục và đào tạo; y tế... bước đầu đã khai thác, phát huy có hiệu quả, nguồn lực xã hội hóa; đóng góp tích cực vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo sự cạnh tranh, góp phần bảo đảm an sinh xã hội. Đồng thời, từng bước đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ chất lượng cao của người dân và góp phần giảm áp lực, quá tải trong cung cấp dịch vụ công của các ĐVSNCL.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết như: Việc hoàn thiện các cơ chế, chính sách và các quy định của pháp luật đối với ĐVSNCL chưa đồng bộ, đầy đủ (về cơ chế quản lý, quy hoạch mạng lưới các ĐVSNCL, định mức kinh tế - kỹ thuật...), đặc biệt là một số lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn về biên chế sự nghiệp (giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế). Hệ thống các ĐVSNCL còn chồng chéo, dàn trải, chưa tinh gọn và chưa phù hợp với thực tiễn.

Nguyên nhân chủ yếu của hạn chế nêu trên là do một số các cơ quan, đơn vị, cá nhân nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của các chủ trương, quan điểm của Nghị quyết; Một số cơ quan, địa phương chưa chỉ đạo quyết liệt trong việc thể chế hóa và tổ chức triển khai các nhiệm vụ. Việc áp dụng các chính sách chung về đẩy mạnh tự chủ ĐVSNCL, xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công... gặp nhiều khó khăn.

## **II. Giải pháp thời gian tới**

Để đạt được mục tiêu chung là việc sắp xếp phải bảo đảm tinh gọn, cơ cấu hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu quả giai đoạn 2023 - 2025 theo Nghị quyết số 19-NQ/TW và yêu cầu nhiệm vụ **“Giải pháp sắp xếp, nâng cao chất lượng hoạt động hiệu quả các đơn vị sự nghiệp công lập”**, cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

**Một là**, tiếp tục tuyên truyền, quán triệt nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của các ĐVSNCL nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong ý chí và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, sự đồng thuận của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong triển khai thực hiện.

**Hai là**, thực hiện đồng bộ trong sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; đồng thời thực hiện nghiêm, nhất quán quan điểm Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị; đồng thời phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, rà soát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết để kịp thời điều chỉnh và định hướng thực hiện các nhiệm vụ.

**Ba là**, cần tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế và ban hành các chính sách theo chiến lược và tầm nhìn tổng thể, dài hạn để phù hợp với các mục tiêu Nghị quyết đã đề ra làm cơ sở cho các sở, ngành, địa phương, ĐVSNCL xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện bảo đảm hiệu quả.

**Bốn là**, sắp xếp tổ chức bộ máy các ĐVSNCL trên cơ sở chủ trương của Đảng, Nhà nước, đồng thời cần có tính kế thừa về kết quả thực hiện nhiệm vụ, thực trạng nhân lực gắn với đổi mới tổ chức và hoạt động của đơn vị, bảo đảm sau khi sắp xếp lại ĐVSNCL sẽ tăng cường được năng lực và hiệu quả trong hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. Theo đó, việc sắp xếp, tinh gọn đầu mối ĐVSNCL được thực hiện theo các nguyên tắc sau: **(1)** Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tiêu chí, điều kiện thành lập, có tính kế thừa và phát huy kết quả triển khai sắp xếp giai đoạn 2015-2021, tránh cào bằng, bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt

động của các ĐVSNCL. (2) Một ĐVSNCL có thể cung ứng nhiều dịch vụ sự nghiệp công cùng loại nhằm giảm mạnh đầu mối, khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải và trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ. (3) Đẩy mạnh cơ chế tự chủ theo yêu cầu tại Nghị quyết và các quy định của Chính phủ. (4) Cơ cấu lại hoặc giải thể các ĐVSNCL hoạt động không hiệu quả; đẩy mạnh xã hội hóa, chuyển các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác đủ điều kiện thành công ty cổ phần.

Sắp xếp, tổ chức lại ĐVSNCL theo tiêu chí: (1) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới các ĐVSNCL theo ngành, lĩnh vực do bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định. (2) Phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, điều kiện thành lập ĐVSNCL thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

*Năm là*, xây dựng cơ chế, chính sách về tự chủ của ĐVSNCL, xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phải phù hợp với từng thời kỳ, từng giai đoạn trên cơ sở nhu cầu thực tế về dịch vụ sự nghiệp công của người dân và nguồn lực của toàn xã hội. Có như vậy, việc thực hiện phương án tự chủ của ĐVSNCL sẽ bảo đảm được tính bền vững, hiệu quả; thu hút được các khu vực ngoài công lập tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Theo đó, địa phương khẩn trương chỉ đạo và phê duyệt đề án tự chủ của các ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý, trong đó xác định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân lực, cơ chế tài chính với lộ trình nâng cao mức độ tự chủ về tài chính trong giai đoạn từ 05 đến 10 năm phù hợp với lộ trình tính đủ giá dịch vụ theo quy định, tiến tới giao tự chủ hoàn toàn đối với các đơn vị có thu, tạo điều kiện cho đơn vị phát triển ổn định, bền vững. Từ đó, từng bước dịch chuyển số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tương ứng với tỷ lệ tự chủ chi thường xuyên của đơn vị, bảo đảm giảm chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho ĐVSNCL./.

## 17. UBND thành phố Đà Nẵng

**Tham luận về “Việc triển khai xây dựng vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức ở thành phố Đà Nẵng”**

*Vị trí việc làm là công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh, chức vụ tương ứng, là cơ sở xác định biên chế công chức, số lượng người làm việc để tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức. Xác định vị trí việc làm có ý nghĩa rất lớn, tác động đến nhiều khía cạnh, đặc biệt là đối với việc quản lý, tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và cải cách tiền lương. Tại thành phố Đà Nẵng, trong những năm qua, việc triển khai xây dựng và thẩm định Đề án vị trí việc làm được thực hiện một cách nghiêm túc với sự nghiên cứu công phu, hướng dẫn chi tiết gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, từ đó làm cơ sở để tuyển dụng và quản lý công chức, viên chức.*

### 1. Về việc chỉ đạo rà soát, xây dựng Đề án vị trí việc làm

a) Nhận thức được tầm quan trọng của Đề án vị trí việc làm đối với công tác quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, ngay từ trước khi Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, thành phố Đà Nẵng đã chủ động triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm tại cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp trên địa bàn thành phố; tổng hợp báo cáo và được Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 2075/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của thành phố Đà Nẵng. Bên cạnh đó, thành phố Đà Nẵng đã triển khai phân hệ xây dựng vị trí việc làm tại Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức của thành phố để tạo công cụ hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị xây dựng, thẩm định Đề án vị trí việc làm trên cơ sở danh mục vị trí việc làm do Bộ Nội vụ phê duyệt.

b) Triển khai Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020, UBND thành phố Đà Nẵng đã chủ động ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, địa phương, đơn vị tiến hành rà soát, xây dựng lại đề án vị trí việc làm. Đồng thời, Sở Nội vụ đã ban hành nhiều văn bản đôn đốc, hướng dẫn rà soát, xây dựng Đề án vị trí việc làm để tạo sự thống nhất và thuận lợi cho các cơ quan sớm hoàn thành việc xây dựng Đề án<sup>50</sup>.

Đối với cơ cấu ngạch công chức, căn cứ nguyên tắc xác định tại khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, UBND thành phố Đà Nẵng đã thống nhất xác định cơ cấu ngạch công chức (ngạch công chức cao nhất của vị trí việc làm để làm cơ sở quản lý, sử dụng, nâng ngạch) theo nguyên tắc đảm bảo tỉ lệ

<sup>50</sup> Công văn số 1040/UBND-SNV ngày 26/02/2021 của Chủ tịch UBND thành phố về triển khai việc rà soát, xây dựng đề án vị trí việc làm đến các cơ quan, địa phương; Công văn số 2132/SNV-CCVC ngày 07/7/2021 của Sở Nội vụ về việc rà soát, xây dựng Đề án vị trí việc làm; Công văn số 2165/SNV-XDCQ ngày 12/7/2021 của Sở Nội vụ về rà soát và xây dựng đề án vị trí việc làm cơ quan hành chính khối quận, huyện; Công văn số 2435/SNV-CCVC ngày 06/8/2021 của Sở Nội vụ về việc trao đổi, hướng dẫn một số nội dung về xây dựng Đề án vị trí việc làm cơ quan hành chính.

chuyên viên chính hoặc tương đương trở lên không quá 50%; cụ thể: tỉ lệ công chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp từ 5% - 10%; ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương từ 40% - 45%; ngạch chuyên viên, cán sự, nhân viên hoặc tương đương: từ 50% - 55%.

c) Trong năm 2022, để triển khai Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư của các Bộ, ngành hướng dẫn về vị trí việc làm công chức, viên chức nghiệp vụ chuyên ngành; UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Công văn số 5698/UBND-SNV ngày 18/10/2023 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát xây dựng lại đề án vị trí việc làm theo thông tư mới của các Bộ, ngành hướng dẫn về danh mục vị trí việc làm. Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 3558/SNV-CCVC ngày 29/11/2023 hướng dẫn một số nội dung về nghiệp vụ xây dựng Đề án vị trí việc làm.

## **2. Kết quả xây dựng vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

Tính đến tháng 12/2018, 100% cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Đà Nẵng đã được phê duyệt Đề án vị trí việc làm với tổng số vị trí việc làm (cộng dồn) là 1.991 vị trí, trong đó khối sở ngành 1.658 vị trí và khối quận, huyện 333 vị trí.

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ, UBND thành phố đã phê duyệt mới Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của 30 cơ quan, địa phương (gồm 22 sở, ban, ngành và 08 quận, huyện) với 346 vị trí việc làm, trong đó gồm có 67 vị trí việc làm nhóm lãnh đạo, quản lý; 243 vị trí việc làm thuộc nhóm nghiệp vụ chuyên ngành, 16 vị trí việc làm thuộc nhóm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung và 20 vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ. Bên cạnh đó, từ khi thành phố thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị, công chức của UBND phường thuộc biên chế công chức của UBND quận và do UBND quận quản lý, sử dụng. Nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã và quy định khung số lượng cán bộ, công chức cấp xã cho phù hợp theo hướng xác định rõ vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh và để phù hợp với bối cảnh thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị, UBND thành phố đã chỉ đạo xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề án vị trí việc làm của 45/45 phường, đạt tỉ lệ 100%.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, mặc dù các Bộ chuyên ngành chưa ban hành Thông tư hướng dẫn về danh mục vị trí việc làm, UBND thành phố đã đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị chủ động rà soát, điều chỉnh lại đề án vị trí việc làm để phù hợp với quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, làm cơ sở để giao chỉ tiêu số lượng người làm việc và thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng viên chức. Từ năm 2020 đến nay, Sở Nội vụ tiếp tục tham mưu Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt đề án điều chỉnh vị trí việc làm đối với 06 đơn vị sự nghiệp mới thành lập hay thực hiện

sắp xếp, sáp nhập<sup>51</sup>.

Tại thành phố Đà Nẵng, Đề án vị trí việc làm được xem là cơ sở để xác định định mức lao động, thời gian lao động, số lượng người làm việc cần thiết. Trên cơ sở vị trí việc làm, các cơ quan, đơn vị đã rà soát lại đội ngũ công chức, viên chức, đối chiếu với tiêu chuẩn, khung năng lực quy định của từng vị trí việc làm cụ thể để bố trí lại cho phù hợp, cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và làm cơ sở để thực hiện tinh giản biên chế trong trường hợp chưa đạt yêu cầu về trình độ, chuyên ngành nhưng không thể bố trí công việc khác, tăng cường kiêm nhiệm đối với các vị trí hỗ trợ phục vụ. Cơ cấu ngạch công chức là cơ sở để UBND thành phố cử công chức tham dự các kỳ thi nâng ngạch, đặc biệt là nâng ngạch lên chuyên viên chính và tương đương. Khung năng lực (yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ) là cơ sở để thẩm định, xác định nhu cầu tuyển dụng công chức, viên chức có chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm đã xác định.

Hiện nay, các cơ quan, đơn vị, địa phương đang khẩn trương rà soát, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm phù hợp với quy định hiện hành, đảm bảo tiến độ chung theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

### 3. Những khó khăn, vướng mắc

a) Hiện nay, Bộ Nội vụ và các bộ chuyên ngành đã ban hành thông tư quy định về danh mục vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Tuy nhiên, xuất phát từ nguyên tắc phân cấp, phân quyền, nhiều cơ quan, đơn vị được giao các chức năng nhiệm vụ đặc thù; một số cơ quan, đơn vị do sáp nhập, sắp xếp tổ chức bộ máy nên có thêm nhiều chức năng, nhiệm vụ riêng do UBND thành phố giao. Do đó, thực tế phát sinh nhiều vị trí của công chức, viên chức tại địa phương chưa có trong quy định tại thông tư của các bộ, ngành nhưng thực sự cần thiết và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương. Bên cạnh đó, đa số thông tư của các bộ, ngành quy định đối tượng áp dụng là các cơ quan, đơn vị thuộc ngành quản lý; vì vậy, các cơ quan, đơn vị khác có chức năng, nhiệm vụ liên quan không thuộc đối tượng áp dụng

*(Ví dụ: Một số đơn vị sự nghiệp của thành phố Đà Nẵng hiện nay chưa có hướng dẫn về danh mục vị trí việc làm như: Ban Quản lý Bán đảo Sơn Trà và các bãi biển du lịch, Trung tâm Xúc tiến du lịch, Trung tâm Thông tin, Giám sát điều hành thông minh, Ban Quản lý tòa nhà Trung tâm hành chính, Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp, ... một số đơn vị sự nghiệp đã có danh mục vị trí việc làm nhưng chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu về chức năng, nhiệm vụ)*

c) Nghị định 106/2020/NĐ-CP quy định các bộ, ngành “Hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên

<sup>51</sup> Năm 2020: Trung tâm Phát triển hợp tác quốc tế trực thuộc Sở Ngoại vụ, Trung tâm Quản lý hạ tầng đô thị thành phố Đà Nẵng trực thuộc Sở Xây dựng. Năm 2021: Ban Quản lý Tòa nhà Trung tâm Hành chính thành phố thuộc Văn phòng UBND thành phố, Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Năm 2022: Trung tâm Công tác xã hội trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Trạm Kiểm tra tải trọng xe lưu động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Năm 2023: Trung tâm Thông tin và giám sát, điều hành thông minh Đà Nẵng trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Quản lý hạ tầng đô thị trực thuộc Sở Xây dựng.

chức theo chức danh nghề nghiệp”. Tuy nhiên vừa qua, nhiều Thông tư của các Bộ, ngành chỉ hướng dẫn về danh mục vị trí việc làm; và giao cho địa phương tự xác định cơ cấu viên chức theo các nguyên tắc quy định tại Nghị định 106/2020/NĐ-CP. Do đó việc xác định cơ cấu chức danh nghề nghiệp giữa các địa phương chưa có sự đồng bộ.

d) Việc giao chỉ tiêu biên chế và vị trí việc làm chưa gắn liền với nhau; theo yêu cầu tinh giản biên chế như hiện nay thì khó khăn trong việc đảm bảo biên chế theo vị trí việc làm.

đ) Khó khăn trong việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007, Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 và hiện nay là Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ đối với một số vị trí việc làm quy định khung năng lực cụ thể với chuyên ngành hạn chế.

#### **4. Kiến nghị, đề xuất**

a) Việc xác định cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp có vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý, sử dụng công chức, viên chức, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của mỗi công chức, viên chức. Vì vậy, kính đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, hướng dẫn về cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức để thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước.

b) Ngoài các vị trí việc làm do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành, kính đề nghị Bộ Nội vụ báo cáo Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm cho phép các địa phương xây dựng các vị trí việc làm đặc thù, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; đảm bảo nguyên tắc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập./.



## **18. UBND tỉnh Điện Biên**

### **Tham luận về “Kinh nghiệm xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên”**

Thực hiện Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước; Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Công văn số 639/BNV-VP ngày 21/02/2023 của Bộ Nội vụ về việc triển khai Quyết định số 893/QĐ-TTg và Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh Điện Biên đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh và phối hợp với VNPT Điện Biên thực hiện tích hợp, đồng bộ dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia.

Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên với tinh thần trách nhiệm cao đã tích cực, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp danh sách cán bộ, công chức, viên chức và số điện thoại kết nối Zalo để hướng dẫn triển khai, sử dụng phần mềm đồng thời tạo tài khoản cho từng cá nhân trên hệ thống; phối hợp với VNPT Điện Biên theo sát tình hình, kịp thời giải quyết vướng mắc trong tổ chức thực hiện; cung cấp đường dây nóng để tiếp nhận thông tin, thường xuyên liên lạc, giải đáp vướng mắc và hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh thực hiện kê khai thông tin trên phần mềm.

Các cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh đã thực hiện kê khai Sơ yếu lý lịch hợp nhất theo mẫu mới vào bản giấy; được lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương xác nhận thông tin trong Sơ yếu lý lịch hợp nhất theo phân cấp đảm bảo hoàn thành xong trước ngày 31/3/2023.

#### **1. Về kết quả triển khai thực hiện**

Đến ngày 15/3/2023, tỉnh Điện Biên đã tạo lập được hơn 25.000 tài khoản cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khối Nhà nước trên địa bàn tỉnh (trong đó có gần 1.000 tài khoản của người lao động theo Hợp đồng 68 đã được tỉnh chọn lọc, loại bỏ khỏi cơ sở dữ liệu).

Đến ngày 20/4/2023 toàn tỉnh đã có tổng cộng 24.059 cán bộ, công chức, viên chức khối Nhà nước hoàn thành kê khai nội dung cơ bản của 109 trường thông tin và được lãnh đạo đơn vị, địa phương phê duyệt theo phân cấp, đạt tỷ lệ 100%, được đồng bộ lên cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu. Như vậy, chỉ trong thời gian gần 2 tháng (từ ngày 23/02 đến ngày 20/4) tỉnh Điện Biên đã hoàn thành giai đoạn 1 về cập nhật dữ liệu cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh (trước thời hạn yêu cầu của Bộ Nội vụ hơn 1 tháng) và là một trong các tỉnh đứng đầu về tiến độ cập nhật dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức.

#### **2. Một số kinh nghiệm của tỉnh Điện Biên trong triển khai thực hiện**

Một trong những yếu tố quan trọng nhất để tỉnh Điện Biên hoàn thành nhiệm

vụ cập nhật cơ sở dữ liệu trước thời hạn là việc ứng dụng công nghệ thông tin trong trao đổi, giải đáp khó khăn vướng mắc thông qua các công cụ Zalo và Google Sheet, trong đó: Lập các nhóm Zalo để thường xuyên trao đổi, giải đáp thắc mắc, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức hoàn thiện thông tin hồ sơ và kịp thời xử lý các vấn đề kỹ thuật để đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ thông suốt, liên tục. Lập các trang tính bằng Google Sheet để phân công từng nhóm nhiệm vụ cụ thể và cho phép các thành viên đầu mỗi cập nhật tiến độ thực hiện trực tiếp trên trang tính, qua đó hình thành hệ thống thông tin tổng thể, bao quát và cập nhật liên tục tình hình, tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

Việc tạo tài khoản cho từng cán bộ, công chức, viên chức để chủ động nhập trực tiếp thông tin vào phần mềm cũng là phương án tối ưu hơn so với việc đồng bộ qua file Excel do có thể tận dụng các tính năng kiểm soát dữ liệu đầu vào, trực tiếp kiểm tra các trường thông tin cần thiết và tránh được các sai sót mang tính hệ thống do nhập file Excel.

UBND tỉnh đã tích cực chỉ đạo Sở Nội vụ và các sở, ngành địa phương nêu cao tinh thần trách nhiệm, thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn vướng mắc để hoàn thành nhiệm vụ theo tiến độ yêu cầu. Bên cạnh đó, không thể không nhắc đến sự cố gắng, nỗ lực, tinh thần trách nhiệm của tập thể cán bộ, công chức, viên chức ngành Nội vụ nói riêng và toàn tỉnh nói chung, đã tập trung, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao bài bản, chuyên nghiệp, không ngại làm thêm giờ, làm việc qua đêm; sự phối hợp chặt chẽ, nhiệt tình của VNPT Điện Biên và các đơn vị kỹ thuật, công nghệ thông tin đã góp phần giúp tỉnh Điện Biên hoàn thành nhiệm vụ trước thời hạn yêu cầu và đạt thành tích tốt trên cả nước.

Thay mặt các đồng chí lãnh đạo tỉnh, tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện của Chính phủ, sự hướng dẫn kịp thời của Bộ Nội vụ và các bộ, ngành, địa phương đã giúp tỉnh Điện Biên hoàn thành xuất sắc mục tiêu nhiệm vụ đề ra.

### **3. Phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới**

Trong thời gian tới, để tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trong giai đoạn 2, tỉnh Điện Biên đã yêu cầu các cơ quan, đơn vị rà soát, làm sạch, cập nhật thông tin và tải lên các văn bản, tài liệu, văn bằng, chứng chỉ... là thành phần hồ sơ tương ứng với thông tin đã kê khai trên cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện phê duyệt, xác nhận thông tin theo phân cấp để đảm bảo tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”; tiếp tục theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương đánh giá, báo cáo tiến độ đảm bảo yêu cầu theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ.

### **4. Kiến nghị**

Để sớm hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức, viên chức, tỉnh Điện Biên có một số kiến nghị như sau:

1. Hiện nay, nhiều trường thông tin của cán bộ, công chức, viên chức đã được cập nhật trên nhiều hệ thống khác nhau (như cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...); đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp với các

bộ, ngành Trung ương thực hiện kết nối liên thông giữa các hệ thống với cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức.

2. Đề nghị Chính phủ, Bộ Nội vụ nghiên cứu phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương thực hiện hợp nhất việc quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức khối Đảng với khối Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên.

3. Đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu sớm ban hành Thông tư về quản lý hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức, tạo cơ sở pháp lý để sớm thay thế hoàn toàn hồ sơ giấy bằng hồ sơ điện tử nhằm đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống” và thuận lợi cho việc tra cứu, lưu trữ.

4. Đề nghị Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 4223/QĐ-BNV ngày 30/11/2016 ban hành Danh mục chuẩn thông tin và quy định kỹ thuật về dữ liệu dùng cho phần mềm, cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã hiện đã không còn phù hợp.

Với sự quyết tâm, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự nỗ lực, cố gắng của các cơ quan, đơn vị, địa phương cùng toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên, trong giai đoạn 1 tỉnh đã hoàn thành nhiệm vụ sớm hơn thời hạn. Tuy nhiên, để tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trong giai đoạn 2, tỉnh Điện Biên sẽ tiếp tục nỗ lực, sát sao trong triển khai thực hiện, đồng thời nghiên cứu, tiếp thu các phương pháp hiệu quả của các tỉnh, thành phố trên cả nước để áp dụng vào thực tiễn, phấn đấu tiếp tục đạt vượt chỉ tiêu đề ra.

## 19. UBND tỉnh Tây Ninh

### **Tham luận về “Nâng cao đạo đức công vụ trong phục vụ, thực thi công vụ, góp phần nâng cao trách nhiệm, dám nghĩ, dám làm của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tây Ninh”**

Đạo đức công vụ là hệ thống các chuẩn mực, quy tắc, nguyên tắc, hành vi trong hoạt động công vụ của người cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, nhằm điều chỉnh thái độ, hành vi, cách ứng xử, chức trách, bổn phận, nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công vụ. Về đạo đức công vụ: “Cán bộ, công chức phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong hoạt động công vụ”.

Trong những năm qua, Đảng bộ tỉnh Tây Ninh thường xuyên quan tâm, chú trọng xây dựng đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, trong đó việc nâng cao đạo đức công vụ có ý nghĩa rất quan trọng để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, nêu cao trách nhiệm phục vụ Nhân dân, góp phần nâng cao trách nhiệm, dám nghĩ, dám làm của cán bộ, công chức, viên chức.

#### **1. Thực trạng nâng cao đạo đức công vụ trong phục vụ, thực thi công vụ**

Tây Ninh hiện có khoảng 19.506 cán bộ, công chức, viên chức. Qua đánh giá hàng năm, nhìn chung đại bộ phận cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, giữ vững đạo đức, phẩm chất cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật và chấp hành sự phân công của tổ chức, có lối sống lành mạnh, giản dị, gần bó với nhân dân và góp to lớn vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Kết quả nhận xét đánh giá cuối năm 2022: 32,87% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 64,08% hoàn thành tốt nhiệm vụ; 2,56% hoàn thành nhiệm vụ; 0,49% không hoàn thành nhiệm vụ.

Đội ngũ CB, CC, VC tham gia công tác quản lý, lãnh đạo các cấp phát huy tốt vai trò và khả năng của mình, không ngừng nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý, điều hành, góp phần tích cực vào sự đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh. Từ tỉnh đến các huyện, thị xã, thành phố, phường, xã, thị trấn đã xuất hiện nhiều phong trào, sáng kiến hay, việc làm tốt, có sức lan tỏa rộng khắp, góp phần tạo chuyển biến trong nhận thức và hành động của CB, CC, VC về trách nhiệm thực thi công vụ, qua đó giúp củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, chính quyền như: phong trào "Cán bộ công chức, viên chức Tây Ninh thi đua thực hiện văn hóa công sở"; cuộc vận động "Cán bộ, công chức, viên chức nói không với tiêu cực", "Xây dựng cơ quan, đơn vị xanh - sạch - đẹp - an toàn"; Mô hình "Xã, phường vì dân"; Mô hình "Đảng bộ 4 tốt", "Chi bộ 4 tốt"; "Đẩy mạnh thực hiện công tác Dân vận Chính quyền"; "Tuổi trẻ tình nguyện hỗ trợ thủ tục hành chính"; ...

Từng bước thực hiện tinh giản, sắp xếp lại bộ máy hành chính, đi kèm với giữ nghiêm kỷ luật hành chính, từ đó nâng cao hiệu quả thực thi công vụ. Khung năng lực vị trí việc làm từng bước được xác định rõ, góp phần lựa chọn, bố trí đúng người, đúng việc, giúp đánh giá chất lượng thực thi nhiệm vụ sâu sát hơn, chính xác hơn. Tính đến

thời điểm hiện nay, UBND tỉnh đã phê duyệt 100% Đề án vị trí việc làm của 29/29 Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và 612/612 đơn vị sự nghiệp công lập; phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bảng mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc của 29/29 cơ quan hành chính và 489/612 đơn vị sự nghiệp công lập. Các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã sắp xếp và thực hiện cơ bản đảm bảo cơ cấu ngạch công chức hợp lý theo từng chức danh trong cơ quan, đơn vị.

Cải cách thủ tục hành chính là nhiệm vụ quan trọng được triển khai thường xuyên, đồng bộ. Trong quý III năm 2023, tỉnh Tây Ninh tiếp nhận 132.499 hồ sơ thủ tục hành chính; trong đó có 111.961 (chiếm tỷ lệ 86,43%) hồ sơ trước hạn, đúng hạn; số lượng hồ sơ đang giải quyết: 13.380 hồ sơ; có 4.198 hồ sơ quá hạn (chiếm tỷ lệ 3,24%)... Số hồ sơ trễ hạn chủ yếu là lĩnh vực đất đai, còn lại ở một số cơ quan mặc dù đã giao trả hồ sơ cho người dân nhưng công chức không thực hiện thao tác kết thúc trên phần mềm, nên phần mềm báo giải quyết trễ hạn. Tỷ lệ thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình và một phần đã tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia là 1180 thủ tục hành chính, đạt 66,4%. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 41,41%.

Trong thời gian qua, công tác kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh được thực hiện thường xuyên và đi vào nề nếp, tăng cường hình thức kiểm tra đột xuất, không thông báo trước cho các cơ quan, đơn vị; nội dung kiểm tra gắn với việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ, tinh thần phục vụ nhân dân của đội ngũ CBCCVV và giải quyết thủ tục hành chính của các cấp, các ngành trong tỉnh. UBND tỉnh thường xuyên ban hành các văn bản chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra công vụ, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ, trong thực hiện giải quyết thủ tục hành chính; trong năm 2023, tỉnh đã thực hiện 385 cuộc kiểm tra công vụ, trong đó: Đoàn kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh đã tổ chức kiểm tra 08 cuộc kiểm tra tại các cơ quan, địa phương; Tổ kiểm tra công vụ thuộc tỉnh thực hiện kiểm tra công vụ đột xuất 61 cuộc; các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh thực hiện 316 cuộc kiểm tra công vụ. Nhìn chung, sau kiểm tra, các cơ quan, đơn vị thực hiện khắc phục kịp thời các kiến nghị của Đoàn kiểm tra, Tổ kiểm tra, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định. Trong năm 2023, tỉnh đã xử lý kỷ luật đối với 47 CBCCVV.

Công tác tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính được thực hiện nghiêm túc và ngày càng chặt chẽ hơn. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã thiết lập đường dây nóng để nhân dân phản ánh kịp thời những vấn đề sai phạm, khó khăn và những thuận lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã góp phần làm lành mạnh nền công vụ. Tỉnh đã triển khai thêm nhiều kênh giao tiếp giữa chính quyền và Nhân dân như Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên ứng dụng Zalo, Cổng Dịch vụ công quốc gia, kênh “Hỏi đáp trực tuyến”, phản ánh, kiến nghị qua số điện thoại đường dây nóng, Tổng đài 1022, đặc biệt là qua Trung tâm Giám sát Điều hành kinh tế xã hội tập trung của tỉnh... nên số lượng phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp cũng tăng lên nhiều so với trước đây.

Hiện nay, đã có 18/20 sở, ban, ngành đã tích hợp số liệu lên Trung tâm IOC của tỉnh. Triển khai các giải pháp nhằm tăng cường giao tiếp giữa người dân và

Chính quyền tỉnh thông qua các kênh Zalo OA, ứng dụng Tây Ninh Smart, hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp... Đến nay, đã có hơn 140.386 tài khoản đăng ký trên ứng dụng Tây Ninh Smart; 4.594 phản ánh, trong đó đã xử lý 3.959 phản ánh (tỷ lệ 86.2%), đúng hạn 2.883 phản ánh (tỷ lệ 72.8%). Tổng số câu hỏi trên hệ thống 18.159 câu hỏi của cá nhân tổ chức, trong đó đã trả lời được 17.229 câu hỏi (tỷ lệ 94.9 %).

## **2. Hạn chế**

Bên cạnh các mặt đã thực hiện được, vẫn còn một số cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức chưa thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, sử dụng chưa hiệu quả thời gian làm việc; công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra việc triển khai thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính có lúc, có nơi chưa được quan tâm thực hiện thường xuyên; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đề cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao, vẫn còn tình trạng né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm không dám làm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

## **3. Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế nêu trên**

### **3.1. Nguyên nhân khách quan**

Nhiều quy định pháp luật chưa cụ thể, rõ ràng, chưa đồng bộ, thống nhất và có nhiều bất cập. Thực tiễn phát sinh nhiều vấn đề mà pháp luật chưa dự liệu hết nên chưa có quy định điều chỉnh.

Công tác đánh giá cán bộ chưa sát, đúng, nhất là chưa xác định rõ trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đến nơi, đến chốn để kịp thời xử lý, thay thế, chuyển đổi vị trí đối với người thiếu trách nhiệm, sợ rủi ro, sợ trách nhiệm, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, “né nặng, tìm nhẹ”, không thể hiện quyết tâm chính trị, khát vọng vươn lên vì sự phát triển của địa phương, ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết công việc, tác động xấu đến môi trường đầu tư.

Cơ chế xử lý trách nhiệm khi xảy ra vi phạm còn chung chung, chưa phân định được trách nhiệm cấp tham mưu với trách nhiệm của cấp lãnh đạo, quản lý khi xảy ra vi phạm. Do đó, khi áp dụng các quy định về xử lý kỷ luật trong một số vụ việc cụ thể thì phát sinh bất cập, không đồng bộ về kết quả xử lý tuy có cùng tính chất, mức độ vi phạm; một số trường hợp có xu hướng giảm nhẹ cho cá nhân lãnh đạo, quản lý không đúng tính chất sự việc (điển hình như các vụ việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu để xảy ra tham nhũng), từ đó một số công chức, viên chức không có chức vụ ngại đề xuất, phát huy sáng tạo để nâng cao hiệu quả quản lý xã hội theo lĩnh vực vì lo ngại thực trạng mà trong dư luận đang phản ánh “công trạng của lãnh đạo, trách nhiệm của tham mưu”.

### **3.2. Nguyên nhân chủ quan**

- Trình độ, năng lực, trách nhiệm của cán bộ tham mưu, cán bộ lãnh đạo quản lý một số ngành, địa phương chưa đồng đều, còn hạn chế về việc hiểu và áp dụng pháp luật còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc tham mưu giải quyết chậm, chưa chặt chẽ, không đạt yêu cầu phải làm lại nhiều lần, mất thời gian, thậm chí sợ rủi ro

không dám tham mưu, gây ách tắc công việc; có những việc phát luật quy định rõ nhưng vẫn không dám tham mưu giải quyết.

- Tình trạng phân công nhiệm vụ không đồng đều giữa các vị trí trong cơ quan, đơn vị dẫn đến tình trạng một bộ phận do ít va chạm công việc dẫn đến thiếu kinh nghiệm, bản lĩnh để hoàn thành nhiệm vụ; khi được giao việc thì phát sinh tâm lý làm việc cầm chừng, đối phó, hình thức.

- Một bộ phận cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát hành chính (kiểm tra, thanh tra, giám sát...) chưa nhận thức được vai trò của mình trong thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, chỉ tập trung vào phát hiện và xử lý sai phạm mà không đánh giá được nguyên nhân vi phạm là khách quan hay chủ quan; không hướng dẫn, đưa ra giải pháp khắc phục cụ thể cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng đơn vị sau khi được thanh tra, kiểm tra không dám thực hiện nhiệm vụ; mặt khác cũng tạo lý do cho những cá nhân có biểu hiện suy thoái, tiêu cực lợi dụng để phản bác, gây áp lực cho cơ quan thẩm quyền nhằm đổ lỗi, xuyên tạc hoạt động thanh tra, kiểm tra là cản trở, khiến đội ngũ chuyên môn không yên tâm công tác.

- Một bộ phận công chức, viên chức ngại khó, ngại đổi mới, sợ công việc chưa có tiền lệ, không lăn xả vào nhiệm vụ,... vì lo ngại bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ.

#### **4. Nhiệm vụ, giải pháp**

- Tiếp tục nghiên cứu, kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật có liên quan đến hoạt động thanh tra và các luật chuyên ngành để vừa phòng ngừa tham nhũng, vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống nội quy, quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ một cách chặt chẽ, cụ thể. Thường xuyên bổ sung, đổi mới hệ thống nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị về trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ nhằm phù hợp với tình hình, điều kiện xã hội ở những giai đoạn cụ thể.

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác chỉ đạo, điều hành việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, quy tắc ứng xử và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc; không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, bỏ sót nhiệm vụ, nêu cao tinh thần trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, quyết liệt trong hành động, chủ động tham mưu, giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền. Kiên quyết thay thế, điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ sợ rủi ro, sợ trách nhiệm, né tránh, đùn đẩy công việc, gây trì trệ, ách tắc công việc; cán bộ những nhieu, tiêu cực, cản trở, kìm hãm vì sự phát triển chung trên tinh thần “Ai không dám làm, sợ rủi ro, sợ trách nhiệm thì đứng sang một bên để người khác, để cán bộ khác làm”.

- Đề xuất cấp có thẩm quyền chỉ đạo nâng cao chất lượng, minh bạch trong công tác đánh giá cán bộ; xác định rõ trách nhiệm và xử lý trách nhiệm trong thực thi công vụ. Trên cơ sở đánh giá cán bộ để sắp xếp bố trí cán bộ trúng và đúng với năng lực, trình độ, trách nhiệm cán bộ.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn nhân lực chất lượng với phương châm “sâu một việc, biết nhiều việc”; lựa chọn những nhân sự có năng lực, hội tụ đầy đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, nói không với tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm để phát triển thành đội ngũ quản lý kế thừa; đồng thời có biện pháp để tinh giản, xử lý những nhân sự kém chất lượng, có tâm lý ỷ lại, né tránh, kén chọn nhiệm vụ.

- Kịp thời đề xuất, kiến nghị khen thưởng những cán bộ, công chức, viên chức có thành tích tiêu biểu, điển hình trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và trong thực thi nhiệm vụ, công vụ. Đồng thời, xử lý nghiêm minh các hành vi những nhiều, tiêu cực trên tinh thần “mọi hành vi những nhiều, tiêu cực phải được phát hiện và xử lý triệt để”. Tăng cường các biện pháp xử lý khi có biểu hiện, hành vi né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm không dám làm. Kịp thời rà soát, xử lý, thay thế hoặc điều chuyển sang công việc khác đối với cán bộ, công chức, viên chức năng lực yếu, không dám làm, né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm.

### **5. Đề xuất, kiến nghị Bộ, ngành Trung ương**

Hoàn thiện cơ chế xử lý kỷ luật theo hướng phân định trách nhiệm cụ thể của từng cấp theo đúng tinh thần phần việc của cấp nào thì cấp đó chịu trách nhiệm tương ứng (như thu thập dữ liệu, xử lý thông tin sai là nguyên nhân chính của vi phạm thì thuộc trách nhiệm của chuyên viên; trường hợp thông tin đúng nhưng sử dụng không hiệu quả, đề xuất, chỉ đạo sai thì thuộc trách nhiệm của quản lý, lãnh đạo); tránh tình trạng “công trạng của lãnh đạo, trách nhiệm của tham mưu” mà dư luận đã phản ánh nhiều năm./.



## 20. UBND Thành phố Hồ Chí Minh

### Tham luận về “Phương án giải quyết những vấn đề cơ bản sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã (liên quan đến cán bộ dôi dư, trụ sở, tài sản công) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, lớn nhất cả nước về dân số và quy mô kinh tế; là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ lớn nhất của cả nước; là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói riêng và cả nước nói chung. Để xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh văn minh, hiện đại, với vai trò đô thị đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp, hiện đại hóa, đóng góp ngày càng lớn với khu vực và cả nước trong những năm vừa qua Bộ Chính trị, Quốc hội đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố và cơ chế, chính sách cho phép Thành phố thí điểm về quản lý đất đai, quản lý đầu tư, quản lý tài chính - ngân sách nhà nước và cơ chế ủy quyền, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý.

Công tác sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước với mục tiêu là *“nhằm tổ chức hợp lý đơn vị hành chính các cấp phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước; bảo đảm hoàn thiện thể chế về đơn vị hành chính, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội”*.

Để thực hiện có hiệu quả chủ trương, định hướng nêu trên, cũng như thực hiện tốt các quy định liên quan đến tiêu chuẩn đơn vị hành chính và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, từ năm 2018, Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức rà soát và chủ động xây dựng Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn Thành phố giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2030, theo 3 giai đoạn: 2019 - 2021, 2023 - 2025 và 2026 - 2030.

Trong giai đoạn 2019 - 2021, thực hiện Nghị quyết số 111/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thành phố Hồ Chí Minh đã sắp xếp 03 quận: 2, 9, Thủ Đức để thành lập thành phố Thủ Đức (giảm 02 đơn vị hành chính cấp huyện) và sắp xếp 19 phường còn 09 phường (giảm 10 đơn vị hành chính cấp xã). Qua sắp xếp, Thành phố đã bố trí lại số lượng cán bộ, công chức dôi dư, từng bước đảm bảo đúng theo quy định. Cụ thể: đã sắp xếp giảm 170 cán bộ, công chức cấp huyện: gồm 42 lãnh đạo (10 cán bộ, 01 Trưởng phòng, 31 Phó Trưởng phòng); 109 công chức và 19 hợp đồng. Đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã: giảm 100 cán bộ, công chức và 124 người hoạt động không chuyên trách cấp xã; đồng thời, đã thực hiện sắp xếp bố trí đối với 08 địa chỉ nhà, đất để bố trí sử dụng cho các cơ quan, đơn vị của Thành phố Thủ Đức và 02 địa chỉ nhà đất khi thực hiện sát nhập Ủy ban nhân dân các phường thuộc Quận 3.

Trên cơ sở kết quả đạt được, thay mặt Lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh xin được thông tin, chia sẻ những kinh nghiệm việc triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị

hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

## **1. Về giải quyết cán bộ dôi dư sau sắp xếp**

### ***1.1. Thuận lợi***

Việc giảm bớt bộ máy quản lý hành chính nhà nước cấp huyện, cấp xã góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao tính tự chủ, năng động, tiết kiệm ngân sách, khắc phục sự trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, bảo đảm tính thống nhất, xuyên suốt, nâng cao hiệu lực, hiệu quả bộ máy hành chính nhà nước.

Sau sắp xếp, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận đã quyết liệt, chủ động thực hiện rà soát, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại địa bàn phù hợp với phẩm chất, năng lực cán bộ, tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí công tác mới và nguyện vọng của cá nhân. Đa số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được sắp xếp, bố trí lại cơ bản thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Trình tự, thủ tục thực hiện sắp xếp, bố trí và giải quyết chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được thực hiện đúng theo các quy định hiện hành tương ứng với từng vị trí tiếp nhận, bố trí. Việc giải quyết tinh giản biên chế được thực hiện đúng trình tự quy định trên cơ sở sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức bộ máy; danh sách đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế được công khai, bảo đảm dân chủ trong cơ quan, đơn vị, đồng thời không làm ảnh hưởng, xáo trộn lớn đến tư tưởng, đời sống của cán bộ, công chức, viên chức.

Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương được quan tâm thực hiện xuyên suốt để kịp thời ghi nhận những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố có ý kiến chỉ đạo hoặc kiến nghị các cơ quan Trung ương hướng dẫn tháo gỡ.

### ***1.2. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân***

Việc phân bổ, bố trí người làm việc tại Ủy ban nhân dân phường theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP<sup>52</sup> là chưa phù hợp. Số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách bị kéo giảm trong khi địa bàn quản lý rộng hơn; quy mô dân số đông hơn; đặc điểm an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội ngày càng phức tạp hơn; khối lượng công việc quản lý ngày càng tăng; trách nhiệm và áp lực tham mưu của Ủy ban nhân dân phường ngày càng gia tăng và điều này ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả công việc của cơ quan, đơn vị và hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Thời gian hoàn thành việc sắp xếp bố trí đúng thời gian quy định (trong 02 năm), số lượng dôi dư cần sắp xếp không nhỏ trong khi cần đảm bảo giải quyết hài hòa giữa nguyện vọng của các cá nhân và sự đáp ứng, phù hợp với vị trí việc làm dự kiến sắp xếp, bố trí cũng ít nhiều tạo áp lực đối với các địa phương. Nhất là việc sắp xếp, bố trí lại đối với các trường hợp đang là lãnh đạo và kéo giảm, sắp xếp lại số

<sup>52</sup> Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn tổ dân phố.

lượng cấp phó đúng theo quy định (trong đó nhiều trường hợp là cán bộ lãnh đạo, quản lý còn trẻ, được đào tạo bài bản, có nguyện vọng cống hiến lâu dài trong các cơ quan của hệ thống chính trị). Nếu giải quyết không khéo có thể ảnh hưởng đến tâm lý, tư tưởng, quyền lợi của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức dôi dư nên phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức trong giai đoạn đầu khi thực hiện sắp xếp, bố trí lại.

Sau sắp xếp, bố trí áp lực và khối lượng công việc cần giải quyết ngày càng gia tăng, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phải nỗ lực nhiều hơn. Tuy nhiên vẫn còn một số mang tư duy, cách thức điều hành cũ chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, lúng túng trong xử lý công việc dẫn đến hiệu quả đạt được chưa cao. Việc quản lý, sử dụng, đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức ở một vài cơ quan, đơn vị chưa thật sự mạnh dạn, thẳng thắn, khách quan để làm cơ sở thực hiện tinh giản biên chế. Trên cơ sở đánh giá cán bộ hằng năm, hầu hết cán bộ, công chức, viên chức đều được đánh giá hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ. Do vậy, việc tinh giản biên chế chủ yếu là tự nguyện, chưa mạnh dạn để thực hiện đúng quy định đối với những trường hợp trình độ, năng lực yếu.

Việc giải quyết chế độ chính sách đối với các trường hợp tinh giản biên chế cần thực hiện đúng theo trình tự và đòi hỏi đúng đối tượng, thành phần hồ sơ theo quy định. Vì vậy, quá trình thực hiện có thể kéo dài và ít nhiều gây ảnh hưởng, tâm tư đối với các trường hợp được sắp xếp.

## **2. Về giải quyết trụ sở, tài sản công sau sắp xếp**

Sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, có phát sinh các trường hợp dôi dư trụ sở làm việc thì được ưu tiên bố trí sử dụng cho các cơ quan, đơn vị còn khó khăn về trụ sở hoặc đề xuất bán đấu giá thu tiền nộp ngân sách hoặc bố trí tạm làm nơi sinh hoạt cộng đồng cho người dân.

Ủy ban nhân dân Thành phố đã thực hiện sắp xếp bố trí đối với 08 địa chỉ nhà, đất để bố trí sử dụng cho các cơ quan, đơn vị của Thành phố Thủ Đức (trong đó 2 địa chỉ nhà đất đề xuất bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, 2 địa chỉ nhà đất xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai, 4 địa chỉ nhà đất còn lại Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức rà soát để đề xuất theo quy định) và 02 địa chỉ nhà đất khi thực hiện sát nhập Ủy ban nhân dân các phường 6, 7, 8 thành Ủy ban nhân dân phường Võ Thị Sáu, Quận 3 (trong đó 1 địa chỉ nhà đất đề xuất bán, 1 địa chỉ nhà đất giữ lại tiếp tục sử dụng). Riêng Ủy ban nhân dân các quận: 4, 5, 10 và Phú Nhuận đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp, bố trí sử dụng nhà, đất *khi thực hiện* sắp xếp đơn vị cấp phường để thực hiện theo quy định.

### **1. Thuận lợi**

Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã góp phần làm giảm số lượng đơn vị hành chính, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, giảm chi ngân sách nhà nước, mở rộng không gian phát triển, phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương; các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị ở những địa phương thực hiện sắp xếp được kiện toàn và bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao;

quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; đời sống Nhân dân ổn định.

## ***2. Khó khăn, vướng mắc***

Bên cạnh mặt tích cực nêu trên, công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã còn có những khó khăn sau:

Các đơn vị hành chính sau khi sáp nhập hiện nay thực tế là phép cộng của các đơn vị cũ trước khi thực hiện sắp xếp với diện tích, quy mô, mật độ dân số, khối lượng công việc không thay đổi, nếu không nói là tăng lên do số phường, quận giảm đi. Việc sắp xếp lại các trụ sở làm việc theo hướng tinh giản sẽ ảnh hưởng đến việc cung cấp các thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp, tăng mật độ sử dụng phương tiện giao thông trên đường, gây ách tắc giao thông... Do đó, thực tế *sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính, trụ sở làm việc của các phường vẫn được bố trí hoạt động tại vị trí cũ.*

Việc xử lý tài sản, trụ sở dư thừa do sắp xếp đơn vị hành chính để không lãng phí, hư hỏng cũng gặp nhiều khó khăn. Một số trụ sở có thể đấu giá, nhưng một số sẽ khó khăn khi kêu gọi doanh nghiệp đầu tư, do phải thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng và đảm bảo phù hợp với quy hoạch. Các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng sắp xếp đơn vị hành chính khi đề xuất phương án sắp xếp tài sản công chưa đảm bảo theo một trong các hình thức quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP của Chính phủ; chưa cung cấp thông tin về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chưa căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, số lượng biên chế sau khi tổ chức lại, chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị để xác định diện tích trụ sở làm việc theo tiêu chuẩn, định mức từ đó làm cơ sở để đề xuất phương án bố trí trụ sở làm việc mới cho các cơ quan, đơn vị khi thực hiện sắp xếp...

Với những kết quả đạt được trong giai đoạn 2019 - 2021, Thành phố Hồ Chí Minh tin tưởng rằng trong giai đoạn tiếp theo, với sự quan tâm hỗ trợ của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, nhất là các vấn đề liên quan đến việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật, cũng như kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính, Thành phố Hồ Chí Minh cùng các địa phương khác sẽ thực hiện thành công việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 và những năm tiếp theo./.

## 21. UBND tỉnh Bắc Ninh

### Tham luận về “Giải pháp phân đầu đưa tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030”

Sau hơn 25 năm tái lập tỉnh, nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo, quan tâm của Trung ương và các địa phương bạn, trong đó có sự quan tâm của Bộ Nội vụ, Bắc Ninh đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, về kinh tế, phát triển đô thị, văn hóa, xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại.

Tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XX đã xác định mục tiêu cần thực hiện trong nhiệm kỳ 2020-2025 là: “Xây dựng tỉnh Bắc Ninh phát triển bền vững, cơ bản trở thành thành phố trực thuộc trung ương theo hướng văn minh, hiện đại”.

Mục tiêu này một lần nữa được nhấn mạnh và làm sâu sắc hơn tại Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1589 ngày 08/12/2023: Đến năm 2030, Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc trung ương; là trung tâm kinh tế, văn hóa năng động của khu vực phía Bắc; một trong những cực phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng, kết nối chặt chẽ với Thủ đô Hà Nội; có hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển đồng bộ, hiện đại. Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Người dân có cuộc sống phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

Để phân đầu thực hiện mục tiêu và quyết tâm chính trị này, tỉnh Bắc Ninh xác định cần triển khai đồng bộ 05 nhóm giải pháp chính sau:

***Một là, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, tập trung đầu tư hạ tầng, phát triển đô thị; tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công***

Quán triệt thực hiện xuyên suốt, nhất quán hai quy hoạch bản lề gồm Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 đã được Thủ tướng phê duyệt. Trên cơ sở đó, tập trung xây dựng đô thị Bắc Ninh thông minh, bền vững đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; xây dựng các đơn vị hành chính cấp huyện phía Bắc sông Đuống theo mô hình quận, các trung tâm dịch vụ công cộng lớn, đa năng, hấp dẫn gắn với các điểm nút giao thông khác mức đa phương tiện; phát triển đô thị hài hoà giữa phát triển mới và hiện trạng cải tạo; áp dụng các giải pháp thiết kế xanh, thông minh để phát triển không gian, hạ tầng đô thị; chú trọng cải tạo chỉnh trang đô thị hiện hữu, bảo vệ các không gian làng xóm truyền thống, bảo tồn các không gian công cộng, không gian văn hoá truyền thống, di tích văn hoá lịch sử, cảnh quan sinh thái tự nhiên hình thành các vùng đệm xanh, dịch vụ bao quanh để bảo vệ và hạn chế đô thị hoá tự phát làm phá vỡ các không gian truyền thống; bên cạnh đó chú trọng đầu tư hạ tầng số hiện đại, dung lượng lớn, tốc độ cao, đi trước một bước, tạo nền tảng để xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và bảo vệ cảnh quan, môi

trường. Sớm triển khai xây dựng các Khu đô thị lớn, phức hợp, tạo động lực mới cho tăng trưởng của tỉnh.

Tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, tập trung nguồn vốn để triển khai các dự án hạ tầng trọng điểm, đặc biệt là các dự án giao thông có tính đột phá, như: các tuyến cao tốc, quốc lộ trọng yếu, các tuyến có nhu cầu vận tải lớn, kết nối liên vùng, đường sắt đô thị, giao thông ngầm; tiếp tục thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 và các giai đoạn tiếp theo.

Phân đầu trước năm 2030 tỉnh Bắc Ninh có 04 thành phố: Bắc Ninh, Từ Sơn, Tiên Du, Yên Phong; 02 thị xã: Quế Võ, Thuận Thành; 02 huyện: Lương Tài, Gia Bình. Tỉnh Bắc Ninh đạt tiêu chí đô thị loại I và trở thành thành phố trực thuộc trung ương vào năm 2030.

***Hai là, thực hiện các chiến lược tổng thể, toàn diện để thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững.*** Trong đó:

*Về công nghiệp:* Tiếp tục được xác định là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong thời gian tới. Theo đó, chú trọng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đầu tư trong nước, phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, hình thành trung tâm điện tử hàng đầu Việt Nam gắn với công nghệ thông minh, đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghiệp lớn, có tác động lan tỏa. Đa dạng hóa, đẩy mạnh phát triển các ngành sản xuất công nghệ cao như: sản xuất thiết bị bán dẫn, công nghệ thông tin, công nghiệp dược phẩm, y tế, thiết bị năng lượng tái tạo... nhằm nâng cao vị thế ngành công nghiệp tỉnh Bắc Ninh trong chuỗi giá trị toàn cầu

*Về thương mại, dịch vụ và du lịch:* Tập trung đầu tư phát triển, là ngành đóng vai trò quyết định trong chiến lược phát triển bền vững của tỉnh. Theo đó, định hướng xây dựng Bắc Ninh trở thành trung tâm mua sắm, thương mại và tiêu dùng của vùng Thủ đô. Phát triển dịch vụ theo hướng đa dạng, bền vững; tập trung vào các ngành dịch vụ giá trị cao, có tiềm năng, lợi thế như: dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông, logistics, tài chính và các dịch vụ hỗ trợ khác. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, ưu tiên phát triển du lịch sinh thái làng nghề, du lịch trải nghiệm lịch sử và thời gian, các sản phẩm du lịch đặc sắc, hấp dẫn gắn với giá trị văn hóa con người Bắc Ninh - Kinh Bắc; nâng cao vai trò quảng bá và giới thiệu hình ảnh của tỉnh Bắc Ninh với bạn bè trong nước và quốc tế

*Về nông, lâm nghiệp và thủy sản:* Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hàng hóa tập trung, nông nghiệp tuần hoàn gắn với công nghiệp chế biến, tham gia chuỗi giá trị; nâng cao năng suất, hiệu quả và tận dụng tối đa quỹ đất; đi đầu trong xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

***Ba là, phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội***

Chúng tôi xác định lấy truyền thống lịch sử, văn hiến và cách mạng, các giá trị di sản văn hóa, tư duy sáng tạo, khát vọng vươn lên của con người Bắc Ninh - Kinh

Bắc làm yếu tố nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế, hướng đến mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc trung ương. Vì vậy, tỉnh ủy Bắc Ninh đã ban hành Nghị quyết về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Bắc Ninh đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

***Bốn là, thực hiện chuyển đổi số tổng thể, toàn diện, coi đây là phương thức mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa***

Đồng thời, nghiên cứu triển khai các mô hình phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả tăng trưởng kinh tế, khắc phục các hạn chế trong không gian phát triển; hình thành vùng động lực tạo hiệu ứng lan tỏa trong phát triển gắn với huy động, sử dụng tiết kiệm, phân bổ hợp lý, hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

***Năm là, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh***

Thực hiện cải cách hành chính, thủ tục hành chính thực chất, hiệu quả, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để đẩy mạnh thu hút đầu tư, hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng. Tiến hành sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và đời sống của Nhân dân. Hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã./.

## 22. UBND tỉnh Hà Giang

### Tham luận về “Công tác triển khai thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố”

Ngày 10/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 33 thay thế toàn bộ các văn bản hiện hành về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, với nhiều điểm mới, đột phá so với trước đây. Đặc biệt là việc xác định số lượng, thẩm quyền quyết định, quản lý số lượng và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; thay đổi mức khoán kinh phí cho địa phương để thực hiện chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách... Do đối tượng tác động của Nghị định này là những người làm việc tại cơ sở, gần nhất với nhân dân, trực tiếp triển khai, đưa chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đi vào cuộc sống; là cầu nối giữa nhân dân địa phương với Đảng, Nhà nước. Nên việc triển khai vừa phải kịp thời, vừa phải đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

Chính vì vậy, ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị định 33, UBND tỉnh Hà Giang đã ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan liên quan, nhất là UBND cấp huyện khai thác, nghiên cứu, đẩy mạnh tuyên truyền để tạo đồng thuận trong quá trình thực hiện. Sở Nội vụ đã chủ động nghiên cứu, rà soát, xác định rõ những nội dung thuộc thẩm quyền của địa phương phải cụ thể hóa để triển khai thực hiện, phân loại quy trình (văn bản hành chính hay văn bản quy phạm pháp luật), dự kiến thời gian tham mưu, trình (dạng kế hoạch khung) để báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh. Trên cơ sở đề xuất của Sở Nội vụ, UBND tỉnh Hà Giang chỉ đạo, giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu theo quy định.

Đối với văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền UBND tỉnh: UBND tỉnh ban hành văn bản cho ý kiến đối với đề nghị xây dựng 04 văn bản quy phạm pháp luật của Sở Nội vụ (trong đó: 03 văn bản<sup>53</sup> theo Nghị định 33 và 01 văn bản bãi bỏ Quyết định hiện hành của UBND tỉnh quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã do không còn phù hợp). Đối với văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh: UBND tỉnh kịp thời đề nghị Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến làm cơ sở xây dựng dự thảo Nghị quyết theo quy định.

Đến thời điểm hiện nay, cơ bản các văn bản triển khai Nghị định 33 thuộc thẩm quyền của địa phương đã được tỉnh Hà Giang hoàn thành, như: *Nghị quyết của HĐND tỉnh về người hoạt động không chuyên trách; về quyết định số lượng CBCC cấp xã, số lượng người hoạt động không chuyên trách; Quyết định của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn, trình độ cán bộ, công chức cấp xã; chuyên ngành đào tạo công chức cấp xã; Quy chế tuyển dụng công chức cấp xã...* Việc kịp thời ban hành các văn bản triển khai, cụ thể hóa Nghị định 33 đã tạo sự chủ động cho UBND các cấp trong

<sup>53</sup> Gồm Quy định tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã; tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh công chức cấp xã và ngành đào tạo theo yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã; Quy chế tuyển dụng công chức cấp xã; Quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã.



việc thực hiện quy định của pháp luật liên quan đến đội ngũ CBCC, người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

### **Quá trình xây dựng các văn bản, kinh nghiệm tỉnh Hà Giang cho thấy:**

- Phải làm tốt công tác quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị định số 33 để tạo sự đồng thuận, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt là đội ngũ cán bộ công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

- UBND tỉnh phải có văn bản chỉ đạo mang tính kế hoạch khung, xác định rõ nội dung, cơ quan chủ trì, phối hợp, cách thức, lộ trình thời gian thực hiện; riêng nội dung triển khai là các văn bản quy phạm pháp luật phải cho ý kiến hoặc đề nghị HĐND tỉnh cho ý kiến tổng thể, đồng bộ ngay theo theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, để cơ quan tham mưu chủ động thực hiện theo quy định.

- Sở Nội vụ là cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện phải chủ động, linh hoạt thực hiện tốt các nội dung sau:

(1) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị chức năng và UBND cấp huyện rà soát, thống kê, nắm rõ thực trạng về diện tích, dân số, số lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, đặc biệt là độ tuổi, trình độ của đội ngũ này (vì liên quan đến người chưa đạt chuẩn trình độ); đồng thời đánh giá, tổng kết thực tiễn việc triển khai các quy định của pháp luật hiện hành ở địa phương để lên bức tranh tổng thể phục vụ cho việc đưa ra các phương án, giải pháp trong dự thảo văn bản triển khai thực hiện Nghị định 33.

(2) Quá trình xây dựng dự thảo các Nghị quyết, quyết định, cần nghiên cứu kỹ các văn bản của Trung ương có liên quan và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là Sở Tài chính (liên quan đến cân đối ngân sách), Sở Tư pháp (liên quan đến tính hợp Hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật và tính khả thi), Ban Pháp chế HĐND tỉnh (cơ quan thẩm tra các Nghị quyết của HĐND tỉnh về nội dung này), để đảm bảo tính chặt chẽ, đồng thuận cao khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

(3) Đảm bảo tổ chức lấy ý kiến rộng rãi, thực chất ở các cấp, các ngành, từ tỉnh đến xã, thậm chí cả thôn, tổ dân phố là đối tượng tác động của văn bản, với các hình thức phong phú, phù hợp, như: Đăng tải nội dung lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử, gửi văn bản xin ý kiến bằng văn bản.

(4) Phải dự báo, dự liệu được những tình huống phát sinh để có giải pháp cụ thể để bảo vệ quan điểm, nguyên tắc khi tham mưu xây dựng dự thảo văn bản; đảm bảo các nội dung trong dự thảo phải là phương án tối ưu, phù hợp với địa phương.

- Phát huy vai trò của các cơ quan phản biện xã hội, đặc biệt là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể để làm rõ nội dung dự thảo văn bản với nhiều góc độ tiếp cận khác nhau để đi đến thống nhất chung.

- Các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh phải tiếp thu, xem xét thấu đáo, giải trình cụ thể đối với các ý kiến của Đại biểu HĐND tỉnh vì đây là ý kiến tổng hợp, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của cử tri.

- Văn phòng UBND tỉnh phải thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc đảm bảo tiến độ tham mưu triển khai theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Trong quá trình triển khai Nghị định 33, tỉnh Hà Giang nói riêng, các địa phương trong cả nước nói chung gặp phải một số khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng thực hiện các quy định, tuy nhiên đã được Bộ Nội vụ (trực tiếp là Vụ Chính quyền địa phương) kịp thời giải đáp, hướng dẫn (như vướng mắc về cách tính số lượng công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã tăng thêm; vướng mắc về nguồn kinh phí thực hiện; vướng mắc về thời điểm xác định quy mô dân số,...).

### **Khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng dự thảo văn bản và kiến nghị với Bộ Nội vụ**

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định 33 trên địa bàn tỉnh, hiện còn nội dung chưa thống nhất với quy định của Đảng gây lúng túng, cụ thể:

**1. Về quyết định biên chế cán bộ, công chức cấp xã:** Tỉnh Hà Giang được Ban Tổ chức Trung ương giao biên chế CBCC cấp xã giai đoạn 2022-2026 theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ<sup>54</sup>. Trong khi, Nghị định 33 đã thay thế Nghị định 34 và quy định HĐND cấp tỉnh quyết định biên chế cấp xã hàng năm; theo đó số lượng CBCC cấp xã sẽ **cao hơn** số đã được Ban Tổ chức Trung ương giao giai đoạn 2022-2026 (do được tăng thêm theo quy mô dân số, diện tích tự nhiên).

Đề nghị Bộ Nội vụ có ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện thống nhất nội dung này.

**2. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã:** Theo quy định hiện nay, thẩm quyền quản lý biên chế ở địa phương thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Theo quy định tại Nghị định 33, thẩm quyền tuyển dụng công chức cấp xã thuộc UBND cấp huyện. Như vậy, khi tuyển dụng công chức xã, UBND cấp huyện có phải xin trình UBND tỉnh để trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương không và cơ quan nào phê duyệt khi tuyển dụng công chức xã? Đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể nội dung này để thuận lợi cho các địa phương khi thực hiện./.

<sup>54</sup> Quyết định số 33-QĐ/TW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương giao biên chế cán bộ, công chức cấp xã cho tỉnh Hà Giang giai đoạn 2022-2026.

## 23. UBND thành phố Cần Thơ

**Tham luận về “Định hướng và giải pháp đổi mới tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương (trong đó có chính quyền đô thị) tại thành phố Cần Thơ thời gian tới”**

### I. KHÁI QUÁT TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

#### 1. Đặc điểm, tình hình tổ chức, hoạt động chính quyền địa phương của thành phố Cần Thơ (trong đó có chính quyền ở các đô thị của thành phố)

Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (CQĐP), thành phố Cần Thơ được tổ chức thành 3 cấp chính quyền hoàn chỉnh (có Hội đồng nhân dân (HĐND) và (UBND): Chính quyền thành phố, chính quyền ở quận, huyện và chính quyền ở xã, phường, thị trấn. Trong đó, về cấu trúc tổ chức chính quyền ở đô thị quận, phường cũng tương tự giống với cấu trúc của tổ chức CQĐP ở các thành phố, thị xã, huyện, xã, thị trấn thuộc tỉnh.

Trong bối cảnh tăng cường cải cách nền hành chính nhà nước thời gian qua, tổ chức và hoạt động CQĐP của thành phố đã có những bước phát triển mới, tiến bộ nhất định về năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phục vụ Nhân dân trên địa bàn. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, bộ máy của HĐND và UBND các cấp đã được sắp xếp, điều chỉnh nhằm đảm bảo phù hợp với đặc điểm, tính chất quản lý ở đô thị, nông thôn. Phương thức hoạt động của HĐND và UBND từng bước được đổi mới, hoàn thiện theo hướng tăng cường tính thống nhất, thông suốt, nhanh nhạy trong hoạt động quản lý, điều hành. Trình độ, năng lực, trách nhiệm, phong cách, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức có chuyển biến tích cực. Kết quả, chất lượng cung cấp dịch vụ công từng bước được cải thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của các tổ chức và người dân tại địa phương. Những đổi mới, tiến bộ về tổ chức và hoạt động CQĐP của thành phố trong những năm gần đây đã góp phần nhất định vào việc nâng cao năng lực của cả bộ máy chính quyền thành phố nói chung, cũng như ở từng cấp chính quyền trong nội bộ.

#### 2. Những mặt hạn chế, bất cập còn tồn tại

Bên cạnh kết quả đạt được, tổ chức và hoạt động CQĐP của thành phố vẫn còn tồn tại một số mặt hạn chế, bất cập cần sớm được khắc phục:

*Thứ nhất*, về chức năng, nhiệm vụ của bộ máy CQĐP chưa thực sự có nhiều đổi mới, điều chỉnh thay đổi lớn để phù hợp hơn với đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước ở đô thị; nhìn chung vẫn còn giống với các cấp chính quyền ở nông thôn, chưa có sự khác biệt nhau về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền đô thị với chính quyền nông thôn. Việc giải quyết vấn đề phân cấp, ủy quyền giữa các cấp CQĐP cũng đang còn nhiều bất hợp lý, nhất là trong các lĩnh vực: quy hoạch, kiến trúc, xây dựng, kết cấu hạ tầng, quản lý ngân sách, tổ chức bộ máy, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức,....

*Thứ hai*, về cấu trúc tổ chức bộ máy chính quyền ở mỗi loại hình đơn vị hành chính nội bộ (quận, phường) vẫn còn giống như bộ máy ở các huyện, xã, đều là cấp

chính quyền hoàn chỉnh, có HĐND, UBND và các cơ quan chuyên môn trong bộ máy nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; tổ chức quản lý còn chồng chéo, thiếu sự phối hợp trong công tác xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội với các quy hoạch về phát triển ngành, lĩnh vực, quy hoạch không gian đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý dự án đầu tư,... dẫn đến phân tán quyền lực và nguồn lực, chưa bảo đảm sự tập trung, thống nhất trong quản lý.

*Thứ ba*, cơ chế vận hành, điều hành bộ máy quản lý còn nặng theo từng cấp hành chính trong nội bộ của CQĐP, phần lớn theo cơ chế quản lý mang tính chất, vai trò của tập thể, chưa phát huy triệt để vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền quyết định độc lập của cá nhân người đứng đầu bộ máy hành chính, nên hiệu lực quản lý hành chính còn chưa thống nhất, thông suốt, nhanh nhạy, chưa bảo đảm tính hệ thống và tập trung. Mọi quan hệ giữa cơ quan hành chính các cấp mang tính chất điều hành và chấp hành thông qua việc ban hành và thực hiện các quyết định hành chính.

*Thứ tư*, trước yêu cầu mới của công cuộc cải cách, hội nhập quốc tế hiện nay, đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước đang bộc lộ ngày càng rõ nét hơn những chênh lệch về trình độ, năng lực, khả năng tư duy mới, cách thức làm việc mới, kỹ năng thực thi công vụ, quan hệ giao tiếp với công dân,... so với việc đáp ứng yêu cầu thực thi công vụ; ít nhiều đã tác động đáng kể đến năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của CQĐP.

### **3. Xu hướng và yêu cầu tất yếu cần phải đổi mới tổ chức CQĐP (trong đó có chính quyền đô thị) ở thành phố Cần Thơ trong thời gian tới**

Hiện tại, với quy mô phát triển đô thị của thành phố Cần Thơ tuy còn ở mức nhất định so với các thành phố trực thuộc Trung ương khác nhưng cũng đã xuất hiện những vấn đề thách thức giống như các đô thị lớn trong cả nước. Hơn nữa, trong sự nghiệp phát triển toàn diện của cả nước, thành phố Cần Thơ là một trong 05 thành phố trực thuộc Trung ương, đóng vai trò là yếu tố hạt nhân, đầu tàu để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Sự phát triển như hiện nay của thành phố Cần Thơ cũng đang đặt ra và đòi hỏi một bộ máy tổ chức CQĐP phù hợp với những yếu tố, điều kiện phát triển trong tình hình mới. Tuy nhiên, thực trạng tổ chức CQĐP của thành phố với 3 cấp như hiện nay, trong đó chính quyền ở địa bàn các đô thị quận, phường vẫn còn duy trì tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn tương tự như chính quyền ở địa bàn nông thôn cùng cấp, tuy có thêm một số nhiệm vụ, quyền hạn quản lý trên địa bàn đô thị; song nhiều vấn đề cấp thiết của đô thị như quy hoạch, kiến trúc, xây dựng hạ tầng đô thị, xử lý ô nhiễm môi trường, chống ùn tắc giao thông, quản lý dân cư và trật tự an toàn xã hội nhiều lúc, nhiều nơi không được giải quyết kịp thời, lại chưa phù hợp với nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ.

Chính vì vậy, để tổ chức hợp lý CQĐP ở thành phố Cần Thơ trong thời gian tới, rất cần thiết phải xây dựng mô hình mới tổ chức chính quyền đô thị, xuất phát từ những đặc trưng và đặc thù quản lý khác biệt của một thành phố trực thuộc Trung ương.

## II. ĐỊNH HƯỚNG MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ TRONG THỜI GIAN TỚI

Từ những kinh nghiệm thực tiễn của tổ chức chính quyền đô thị theo mô hình thí điểm thực hiện ở một số địa phương như: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đà Nẵng, vừa thể hiện các vấn đề chung của CQĐP về bản chất, vị trí, vai trò, chức năng và các mối quan hệ giữa chính quyền các cấp theo quy định của pháp luật, vừa thể hiện các yêu cầu đặc thù riêng của phương thức tổ chức, quản lý và phát triển đô thị; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của bộ máy CQĐP, chất lượng, hiệu quả cung ứng dịch vụ công, phù hợp với đặc điểm, tính đặc thù trong quá trình phát triển toàn diện kinh tế - xã hội.

Với mục tiêu thực hiện cũng giống như các thành phố trực thuộc Trung ương nêu trên, trong thời gian tới, thành phố Cần Thơ cũng có một số định hướng đổi mới trong tổ chức và hoạt động CQĐP (trong đó có chính quyền đô thị), cụ thể:

### ***1. Rà soát, đánh giá toàn diện các yêu cầu, nhiệm vụ quản lý và phát triển đô thị trong giai đoạn hiện nay***

Thực trạng tổ chức CQĐP hiện nay đặt ra yêu cầu cần thiết phải làm rõ sự khác biệt giữa đô thị và nông thôn, từ đó xác định rõ cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, cơ chế, phương thức hoạt động phù hợp đối với chính quyền ở địa bàn đô thị. Đồng thời, trong xã hội phát triển, các đô thị không thể vận động và phát triển biệt lập so với các khu vực khác mà cần có sự gắn kết với các vùng, khu vực lân cận. Trong mối quan hệ này, yêu cầu quản lý và phát triển đô thị cũng đặt ra đối với từng cấp chính quyền, từng ngành, lĩnh vực cần có cách thức tổ chức quản lý khác nhau. Việc cụ thể hóa các đặc trưng nêu trên sẽ giúp thành phố phân định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, lĩnh vực quản lý. Đây là cơ sở nền tảng then chốt để thiết kế mô hình, xác định quy mô tổ chức chính quyền đô thị phù hợp với từng cấp đơn vị hành chính (bao gồm cả bộ máy giúp việc là các cơ quan chuyên môn).

### ***2. Xây dựng mô hình tổ chức CQĐP phù hợp với mỗi loại hình, chức năng đô thị của thành phố***

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 98/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, theo đó Chính phủ giao Bộ Nội vụ và UBND thành phố nghiên cứu, xây dựng Đề án thí điểm xây dựng tổ chức mô hình phân cấp chính quyền đô thị và mô hình quản trị đô thị ở một số quận của thành phố Cần Thơ trong giai đoạn 2021 - 2025, với định hướng mục tiêu, yêu cầu cơ bản:

*Thứ nhất*, tổ chức hợp lý chính quyền đô thị trên cơ sở phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm và phương thức hoạt động khác nhau giữa chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn (quận và huyện), bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của hệ thống hành chính nhà nước từ thành phố đến cấp cơ sở.

*Thứ hai*, tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị phải phù hợp với nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy vai trò của người đứng đầu cơ quan hành chính; phân cấp, phân quyền mạnh, rõ ràng, rành mạch giữa các cấp chính quyền ở địa phương, phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền các cấp, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của cơ quan Nhà nước cấp trên và của Trung ương.

*Thứ ba*, tổ chức và hoạt động của chính quyền các đô thị phải phù hợp với đặc điểm và yêu cầu quản lý đô thị, với quá trình hình thành và phát triển đô thị đặc trưng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, bảo đảm sự phát triển bền vững của đô thị trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

*Thứ tư*, đổi mới tổ chức của chính quyền đô thị phải gắn với chiến lược tổng thể cải cách hành chính, xây dựng và hoàn thiện tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương trên nền tảng thực hiện đồng bộ các giải pháp đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

### **3. Đổi mới và tăng cường phân cấp, ủy quyền đối với các cấp CQDP**

Bên cạnh việc xác định những nội dung phân quyền, phân cấp giữa Trung ương và chính quyền thành phố, thì việc định hướng đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền giữa các cấp CQDP trong nội bộ thành phố gắn với xác định rõ hơn, cụ thể hơn nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cấp. Tổ chức rà soát, đánh giá toàn diện để xác định rõ và cụ thể hơn vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp CQDP để tăng cường thực hiện việc phân cấp, ủy quyền hợp lý.

Theo đó, thành phố dự kiến tiếp tục thực hiện điều chỉnh việc phân công, phân cấp trong các lĩnh vực trọng tâm như: quản lý tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, đất đai, tài nguyên, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý ngân sách,... nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn của các địa phương; hướng tới việc tháo gỡ các khó khăn, giảm tải sự ùn tắc công việc tại một số cơ quan cấp thành phố, giải quyết công việc nhanh hơn, sát với tình hình thực tế quản lý; phát huy được tính chủ động, sáng tạo của chính quyền đô thị cấp quận, tận dụng và khai thác tối đa các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các đô thị.

Đồng thời, tăng cường xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền ở đô thị nhằm tăng cường phân cấp thẩm quyền quản lý theo ngành, lĩnh vực. Chính quyền cấp quận, phường chủ yếu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của chính quyền cấp trên, tạo sự khác biệt với chính quyền ở các huyện, xã chủ yếu hiện đang tổ chức quản lý theo lãnh thổ.

### **4. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, thành phố thông minh, kết hợp đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị đô thị**

Thành phố sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả khung kiến trúc chính quyền điện tử theo chỉ đạo của Chính phủ, trước mắt ngoài việc đáp ứng yêu cầu thực tiễn đòi hỏi trong công tác

quản lý, về lâu dài sẽ là nền tảng bền vững cho việc thí điểm thực hiện mô hình chính quyền đô thị hiện đại. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng công nghệ thông minh, hiện đại để từng bước mở rộng việc cung cấp các loại hình dịch vụ công và vận hành thông suốt hệ thống thông tin trong hoạt động điều hành, tác nghiệp của các cơ quan, đơn vị, tăng cường mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước và công dân. Kết nối và vận hành thông suốt các phần mềm quản lý tác nghiệp, điều hành giữa các cơ quan hành chính nội bộ thành phố, giữa thành phố với Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thúc đẩy quá trình ứng dụng các nền tảng công nghệ chính quyền điện tử, chuyển đổi số vào công tác quản trị đô thị.

### **5. Hoàn thiện tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp**

Việc đổi mới hoạt động của CQĐP các cấp gắn với tinh gọn, cải cách tổ chức bộ máy là một trong những nhiệm vụ then chốt, trọng tâm của Chương trình tổng thể cải cách hành chính thành phố đến năm 2030. Theo đó, đối với các cơ quan chuyên môn của UBND thành phố và các quận, huyện thì xu hướng cải cách theo hướng tinh gọn đầu mối các cơ quan trực thuộc của UBND, điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ của một số sở, cơ quan ngang sở, phòng và tương đương để khắc phục sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; từng bước thiết kế tổ chức bộ máy chính quyền thành phố tinh gọn để phản ứng nhanh nhạy, hoạt động thông suốt hơn; cơ quan hành chính các cấp sẽ tích cực, chủ động điều hành, quyết định nhanh chóng những vấn đề cấp bách của địa phương; nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của bộ máy CQĐP, nhất là chính quyền ở các đô thị, không chỉ trong quản lý đô thị hiện đại, phát triển mà còn bảo đảm cả trong những tình huống khẩn cấp, đặc biệt liên quan đến các lĩnh vực như: an ninh, trật tự an toàn xã hội, thiên tai, dịch bệnh,...

### **6. Đổi mới quản lý công vụ, công chức tại các cơ quan hành chính nhà nước**

Trong giai đoạn 2021 - 2030, song song với việc đổi mới tổ chức và hoạt động CQĐP thành phố thì việc xây dựng và phát triển đồng bộ nguồn nhân lực, nhất là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đi đôi với việc kiện toàn, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ là một trong những nhiệm vụ đặc biệt, trọng tâm của những trọng tâm, chiến lược then chốt của những then chốt; là yếu tố tiên quyết để quyết định sự thành công, hiệu quả của mọi công cuộc đổi mới của thành phố; xây dựng một nền hành chính thống nhất, thông suốt, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Theo đó, trong quá trình vừa thực hiện đổi mới tổ chức CQĐP kết hợp chặt chẽ với định hướng, giải pháp đổi mới công tác quản lý công vụ, công chức ở các cơ quan hành chính đô thị, nhất là trong việc tuyển chọn đội ngũ, công tác bố trí, sử dụng, quản lý, cải thiện chế độ, chính sách, điều kiện làm việc, thu nhập, cơ hội cống hiến để tạo cơ chế, động lực thúc đẩy, phát triển của cán bộ, công chức. Đổi mới cơ chế, chính sách nhằm phát hiện, tuyển chọn, tiến cử, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ người có tài năng trong hoạt động công vụ, thu hút lực lượng trí thức, chuyên gia giỏi trên các lĩnh vực tham gia xây dựng, phát triển thành phố.

Tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức theo hướng đổi mới tư duy, tác phong, phương pháp làm việc; nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, am

hiệu pháp luật và xu thế phát triển, hội nhập quốc tế; tinh thông nghiệp vụ và có năng lực để bắt kịp quá trình phát triển theo hướng phục vụ người dân, doanh nghiệp, xây dựng đô thị thông minh và hội nhập quốc tế,... Đặc biệt sẽ chú trọng bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức chính quyền đô thị về quy hoạch phát triển đô thị; quản lý phát triển hạ tầng, môi trường đô thị và vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu; quản lý xây dựng đô thị; thiết kế đô thị, quản lý đất đai, nhà ở và thị trường bất động sản; vốn đầu tư xây dựng đô thị, chính sách và giải pháp về vốn cho xây dựng phát triển đô thị./.



## 24. UBND tỉnh Phú Yên

### Tham luận về “Nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng cải cách hành chính trong lĩnh vực tổ chức bộ máy, công vụ, công chức trên địa bàn tỉnh Phú Yên”

Nghị quyết ĐH Đảng bộ tỉnh Phú Yên nhiệm kỳ 2020-2025 xác định “đẩy mạnh CCHC, nâng cao các chỉ số liên quan đến CCHC; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp” là 01 trong 06 nhiệm vụ trọng tâm, đột phá. Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động, hằng năm, UBND tỉnh ban hành nhiều Kế hoạch để chỉ đạo, triển khai thực hiện, đạt được nhiều kết quả tích cực, nhưng so với mục tiêu thì chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Đầu năm 2023, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị chuyên đề công tác CCHC nhằm phân tích, chỉ rõ những hạn chế, yếu kém, nguyên nhân, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và đề ra giải pháp thực hiện. Ban chỉ đạo CCCH tỉnh rà soát từng nội dung, hằng tháng họp đánh giá kết quả thực hiện (hình thức trực tiếp và trực tuyến đến cấp huyện, cấp xã) và nhiều nội dung kết hợp với Hội nghị UBND thường kỳ để chỉ đạo, điều hành. UBND tỉnh đã ban hành Đề án chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ buru chính công ích đảm nhiệm; Quy định về kiểm soát thủ tục hành chính và giao chỉ tiêu nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến và nhân rộng các sáng kiến, cách làm hay trong CCHC; thực hiện đánh giá xác định chất lượng hoạt động các cơ quan cấp tỉnh và UBND cấp huyện, gắn với đánh giá trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trên phần mềm điện tử; gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác phòng, chống tham nhũng, thi đua, khen thưởng, quy hoạch, đề bạt, điều chuyển cán bộ; thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước,... Kết quả tự đánh giá thực hiện công tác CCHC năm 2023 của tỉnh Phú Yên: tỷ lệ giải quyết TTHC đúng hạn đạt 97,1% (năm 2022 đạt 88,9%); tỷ lệ thực hiện dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến đạt 63,58%; tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 31,9% (năm 2022 đạt 9,46%); sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ các cơ quan hành chính được nâng lên rõ rệt.

Đối với lĩnh vực Nội vụ, trong năm 2023 đạt nhiều kết quả nổi bật như:

#### 1) Về cải cách tổ chức bộ máy nhà nước

- Chú trọng việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước các cấp. Hiện nay, có 19 sở, ban, ngành, 02 tổ chức hành chính khác, 126 phòng và tương đương trực thuộc sở, ban, ngành và tương đương; 102 phòng và tương đương trực thuộc UBND cấp huyện (so với năm 2017: giảm 37 phòng thuộc sở, ban, ngành và tương đương; giảm 09 phòng trực thuộc UBND cấp huyện).

- Triển khai sắp xếp các đơn vị sự nghiệp trên tất cả các lĩnh vực, đổi mới hệ thống tổ chức quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công. Thực hiện thí điểm hợp nhất Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện và Trung tâm

phát triển quỹ đất cấp huyện thành Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất tại 04 UBND huyện, thị xã, thành phố. Hiện nay, số đơn vị sự nghiệp công lập là 441 đơn vị, *giảm 148 đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015, đạt 25,13%, vượt 15,13% so với quy định.*

- Phê duyệt Đề án vị trí việc làm 02 cơ quan (Sở Nội vụ, BQL Khu kinh tế tỉnh); đã thẩm định và đang hoàn thiện để trình phê duyệt Đề án VTVL 08 cơ quan (*dự kiến hoàn thành phê duyệt Đề án cơ quan nhà nước trong tháng 02/2024; Đề án đơn vị sự nghiệp trong quý I/2024*). UBND tỉnh đã ban hành Quyết định ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định phê duyệt Đề án đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước trong các ngành lĩnh vực. Đối với lĩnh vực Nội vụ, đã xây dựng “dự thảo” Quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; các tổ chức hội, quỹ; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh. Hiện nay, Sở Tư pháp đang thẩm định để trình phê duyệt.

- Tổ chức rà soát, xây dựng phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã (giai đoạn 2023 - 2025); theo đó, sắp xếp lại 05 xã, phường và điều chỉnh địa giới hành chính của 03 phường thuộc thành phố Tuy Hòa (*giảm 04 ĐVHC cấp xã*), 04 phường hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số và ổn định để phát triển.

## **2) Về cải cách chế độ công vụ**

- UBND tỉnh đã chỉ đạo tổ chức thành công 02 kỳ tuyển công chức, trong đó có một kỳ thi chung khối Đảng và khối Nhà nước. Công tác tuyển dụng được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định; trình độ công chức trúng tuyển đảm bảo đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm.

- HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết Quy định chức danh, kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, khu phố; mức hỗ trợ và phụ cấp kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, buôn, khu phố. Hiện nay, toàn tỉnh có 100% cán bộ, công chức cấp xã (2.216 người) đạt chuẩn theo quy định.

## **3) Nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới**

Tỉnh Phú Yên đã chủ động, triển khai kịp thời và quyết liệt các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra; sự đồng thuận trong cả hệ thống chính trị của tỉnh trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy, kiện toàn đội ngũ CBCC, góp phần hoàn thành tốt một số nhiệm vụ của tỉnh. Năm 2023, tỉnh Phú Yên dự ước có 16/17 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra; dự ước tốc độ tăng GRDP tăng 9,16% so với năm trước, xếp vị thứ 10 cả nước, thứ 3/14 tỉnh, thành phố khu vực miền Trung.

Đối với công tác CCHC, tỉnh Phú Yên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt các nhiệm vụ để nâng cao chỉ số CCHC, đáp ứng sự hài lòng của người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Giải pháp trọng tâm thực hiện là:

- Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành và chính quyền địa phương.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao trách nhiệm, ý thức tự giác của CBCCV. Thường xuyên kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ và công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thực hiện đồng bộ các quy định: “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ quy trình, rõ thời gian hoàn thành và rõ hiệu quả”; khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

***Để thực hiện tốt hơn nữa công tác cải cách tổ chức bộ máy nhà nước và cải cách chế độ công vụ, UBND tỉnh đề xuất, kiến nghị Bộ Nội vụ:***

1. Hướng dẫn cụ thể tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức, định mức biên chế công chức; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP.

2. Phối hợp các Bộ chuyên ngành xem xét, bổ sung những vị trí việc làm chưa được quy định trong các Thông tư, hoặc cho phép địa phương xác định các vị trí việc làm phù hợp với tình hình thực tế.

3. Sớm có ý kiến đối với Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Phú Yên giai đoạn 2023 - 2025, để tỉnh kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy ổn định, hoạt động theo quy định (*UBND tỉnh Phú Yên đã có văn bản số 5935/UBND-NC ngày 31/10/2023 gửi Bộ Nội vụ Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã tỉnh Phú Yên giai đoạn 2023 – 2025*).

4. Đề nghị Ban Tổ chức Trung ương xem xét, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao số lượng CBCC cấp xã cho các địa phương theo Nghị định 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ, để UBND tỉnh có đủ cơ sở trình HĐND tỉnh quyết định giao số lượng CBCC cấp xã hàng năm theo quy định pháp luật.

***Trân trọng cảm ơn./.***

## 25. UBND tỉnh Thái Nguyên

### Tham luận về “Giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”

Chuyển đổi số là xu hướng tất yếu, là yêu cầu khách quan, góp phần quan trọng cho sự phát triển của tỉnh Thái Nguyên. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Chương trình CCHC giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Thái Nguyên đã xác định chuyển đổi số gắn với cải cách thủ tục hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, phải được triển khai đồng bộ, hiệu quả tại tất cả các cơ quan hành chính từ cấp tỉnh đến cơ sở.

Trong giai đoạn 2021-2023, công tác chuyển đổi số nói chung, chuyển đổi số gắn với cải cách thủ tục hành chính (TTHC) nói riêng của tỉnh đã đạt nhiều kết quả quan trọng, tác động tích cực đến cả 03 trụ cột: Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số, góp phần quan trọng vào kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tính bình quân giai đoạn 2021-2023, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) tỉnh Thái Nguyên đạt 6,88%/năm; Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 7,5%/năm; giá trị xuất khẩu tăng 3,5%/năm, trong đó xuất khẩu địa phương tăng 13,2%/năm; GRDP bình quân đầu người năm 2023 đạt 113 triệu đồng/người/năm, cao nhất trong số các tỉnh trong Vùng trung du miền núi phía Bắc. Năm 2021, 2022 tỉnh Thái Nguyên liên tục đứng thứ 8/63 tỉnh, thành phố trong cả nước về chỉ số chuyển đổi số DTI; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022 tỉnh Thái Nguyên (SIPAS) xếp thứ 2/63 tỉnh, thành phố, đây là minh chứng rõ nét cho những nỗ lực của tỉnh Thái Nguyên trong việc thực hiện chuyển đổi số gắn với cải cách TTHC.

Để đạt được kết quả đó là sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh cùng với sự nỗ lực của các cơ quan, đơn vị, địa phương, đặc biệt vai trò người đứng đầu trong công tác chuyển đổi số là then chốt của thành công.

Nội dung hợp nhất Công dịch vụ công trực tuyến với hệ thống thông tin một cửa điện tử thành hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã được UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện và hoàn thành từ quý I năm 2023; 100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Công dịch vụ công quốc gia để công khai, minh bạch các TTHC theo quy định, tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

Với mục tiêu khuyến khích, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 quy định giảm 50% mức thu đối với 06 loại lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh khi người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 quy định mức thu phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên địa bàn tỉnh, trong đó: 07 loại phí được giảm 20%, 01 loại phí giảm 10% so với mức thu quy định tại các Nghị quyết trước.

Trên cơ sở các quyết định công bố TTHC của bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh đã kịp thời cập nhật công bố danh mục TTHC đảm bảo theo đúng quy định. Trong năm 2023, tỉnh đã công bố 72 quyết định với 1.240 danh mục TTHC (công bố mới, sửa đổi bổ sung 607 TTHC, bãi bỏ 633 TTHC). Các TTHC sau khi công bố đều được cập nhật, tích hợp, công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và được các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức niêm yết đầy đủ tại Bộ phận một cửa các cấp, công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của đơn vị, tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tiếp cận, tra cứu thông tin về các TTHC. Đến thời điểm hiện nay, tỉnh Thái Nguyên đã tiếp nhận 703.060 hồ sơ, đã giải quyết là 680.945 hồ sơ; tỷ lệ giải quyết đúng hạn và trước hạn đạt 99,69%.

Nhằm đẩy mạnh việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch về rà soát, đánh giá TTHC để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh. Đồng thời phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên với 932 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 718 dịch vụ công trực tuyến một phần; đồng thời chỉ đạo các sở, ngành rà soát, cung cấp biểu mẫu điện tử tương tác (e-form) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh giúp người dân khi thực hiện TTHC không phải khai báo lại các thông tin đã có nhằm phục vụ cắt giảm 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa và tái sử dụng thông tin dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

Để đẩy mạnh việc thực hiện giải quyết TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính, tỉnh Thái Nguyên đã đầu tư, nâng cấp đồng bộ hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin, bảo đảm điều kiện kỹ thuật; hoàn thiện, tích hợp chức năng số hóa, quản lý hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; đã cấp trên 8.000 chữ ký số cá nhân cho các cơ quan nhà nước, trong đó 100% cán bộ, công chức tham gia trực tiếp vào quá trình giải quyết TTHC được cấp chữ ký số; Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) tỉnh Thái Nguyên được xây dựng đảm bảo đáp ứng theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, công tác đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh được triển khai theo mô hình 4 lớp (*lực lượng tại chỗ, giám sát chuyên nghiệp, độc lập kiểm tra, kết nối với hệ thống giám sát quốc gia*), các máy chủ và máy trạm của cơ quan nhà nước của tỉnh được triển khai các giải pháp, phần mềm phòng chống mã độc tập trung và giải pháp phát hiện, phản ứng lại sự cố, đồng thời được kết nối, chia sẻ thông tin về Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam.

Triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành tích hợp 53/53 Dịch vụ công thiết yếu trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để khai thác dữ liệu theo đúng tiến độ của các bộ, ngành, trung ương; tích hợp thông tin bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) vào thẻ căn cước công dân (CCCD) để phục vụ khám chữa bệnh BHYT bằng CCCD có gắn chip hoặc qua ứng dụng VNeID; thực

hiện khởi tạo dữ liệu ban đầu cho trên 1,3 triệu người dân trên phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử; 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT trên địa bàn tỉnh đã thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng CCCD gắn chip điện tử (222 cơ sở); triển khai hiệu quả thực hiện số hóa, nhập dữ liệu hộ tịch trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ việc giải quyết TTHC.

Năm 2023, Thái Nguyên là tỉnh được Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số giao nhiệm vụ thực hiện mô hình tỉnh điểm về chuyển đổi số và tỉnh điểm thực hiện Đề án 06. Đồng bộ 02 nhiệm vụ trên và tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án 06, lấy Đề án 06 làm trung tâm trong Chuyển đổi số, trong cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính. Tổ Công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ và UBND tỉnh Thái Nguyên đã ký Kế hoạch phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án 06 tại tỉnh Thái Nguyên bao gồm 21 mô hình cụ thể<sup>(55)</sup>. Theo đó, được sự quan tâm, phối hợp, tạo điều kiện của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và Tổ Công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ chủ động triển khai các các nhiệm vụ xây dựng mô hình điểm theo lộ trình đã đề ra<sup>(56)</sup>. Những kết quả đã đạt được là minh chứng rõ nét cho việc ứng dụng chuyển đổi số gắn với cải cách TTHC với mục tiêu lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện giải quyết TTHC.

Thực hiện Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai, trong đó giao Giám đốc Sở Nội vụ theo dõi, báo cáo định kỳ hằng tháng kết quả giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, công khai kết quả trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và gửi văn bản công khai số liệu đến các sở, ngành, địa phương để kịp thời khắc phục, xử lý các hạn chế, vướng mắc phát sinh; tăng cường kiểm tra công vụ đột xuất để kịp thời chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, đặc biệt là công tác giải quyết TTHC<sup>(57)</sup>.

<sup>55</sup> Kế hoạch số 93/KHPH-TCTĐA06-UBND ngày 30/6/2023.

<sup>56</sup> Trong đó nổi bật như: (1) Mô hình đảm bảo điều kiện công dân số (đã thu nhận 815.155 tài khoản định danh điện tử, đã kích hoạt 724.687 tài khoản, đạt 89%), (2) Mô hình chuẩn hóa xác thực tập trung (SSO) (Đã hoàn thành tích hợp giải pháp xác thực qua tài khoản VneID trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh), (3) Mô hình xây dựng tối thiểu 20 dịch vụ công không sử dụng hồ Sơ giấy (Sở TTTT đã triển khai thí điểm chỉ tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến đối với 13 TTHC; các sở, ngành đang phối hợp rà soát, triển khai theo lộ trình), (4) Mô hình khám chữa bệnh sử dụng thẻ CCCD và VneID (đã trang bị 48 đầu đọc thẻ CCCD tại các cơ sở y tế), (5) Mô hình triển khai tại các cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT (đã trang bị 16 thiết bị đọc mã QR, đọc Chip trên CCCD cho 12 cơ sở dịch vụ bảo vệ, 04 cơ sở cầm đồ), (6) Mô hình triển khai tại các điểm công chứng, chứng thực (chỉ đạo 01 Văn phòng công chứng trang bị thiết bị đọc mã QR, đọc Chip trên CCCD...), (7) Nhóm nhiệm vụ truyền thông (Thực hiện thường xuyên, liên tục, với nhiều hình thức đa dạng, góp phần lan tỏa và tác động tích cực đến đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động và toàn xã hội cùng đồng hành thực hiện thành công Đề án 06), (8) Trung tâm Giám sát an ninh mạng (SOC) tỉnh Thái Nguyên (Bổ sung, đầu tư thiết bị, giải pháp đảm bảo ATTT cho TTDL tỉnh đảm bảo ATTT phục vụ kết nối chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư)...

<sup>57</sup> Năm 2023, các đoàn kiểm tra cấp tỉnh, cấp huyện đã tổ chức kiểm tra 226 cuộc, qua đó kịp thời xử lý, giải quyết dứt điểm nhiều vụ việc và được người dân, cộng đồng doanh nghiệp đồng tình ủng hộ, đánh giá cao qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Để đạt được những kết quả nêu trên ngoài việc ủng hộ, tạo điều kiện của các đơn vị Ban, Bộ, ngành Trung ương đặc biệt là Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư - Cục C06 - Bộ Công an trong việc hướng dẫn về quy trình thực hiện, phương án kết nối, xây dựng phần mềm, tổ chức đào tạo, trang cấp trang thiết bị; Sự quan tâm chỉ đạo, động viên kịp thời của Tổ công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ và của tỉnh; sự phối hợp giữa các lực lượng Công an, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, các Sở, ban, ngành; các đơn vị có liên quan ... trong đó, đặc biệt là Tổ công tác triển khai đề án 06 các cấp cũng đã chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền huy động lực lượng của các tổ chức đoàn thể như: Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, giáo viên các trường, Tổ công nghệ số cộng đồng tại cơ sở từ tổ, thôn, xóm, phố..., đóng góp rất tích cực, hiệu quả trong triển khai nhiệm vụ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chuyển đổi số gắn với cải cách TTHC vẫn còn những khó khăn, hạn chế như: Nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số, đầu tư cho bộ phận một cửa các cấp còn hạn chế; tỷ lệ người dân ở vùng nông thôn thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt thấp, dẫn đến khó khăn trong việc phát triển thanh toán số; tỷ lệ thực hiện thanh toán trực tuyến chưa cao.

Để tiếp tục thực hiện tốt việc chuyển đổi số gắn với cải cách TTHC, thời gian tới tỉnh Thái Nguyên tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tiếp tục thực hiện chuyển đổi số tổng thể và toàn diện trên cả ba trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, góp phần nâng cao hiệu quả ứng dụng chuyển đổi số trong cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh.

2. Rà soát, kiến nghị đơn giản hóa TTHC nhằm giảm chi phí, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, đặc biệt là khi thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

3. Đẩy mạnh đổi mới mạnh mẽ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cải cách TTHC để công khai, minh bạch kết quả giải quyết, quy trình, thủ tục và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, không phụ thuộc địa giới hành chính; tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

4. Tiếp tục thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; thực hiện cung cấp 100% kết quả giải quyết TTHC bản giấy đồng thời với bản điện tử; tuyên truyền đẩy mạnh và thực hiện hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến.

5. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 về tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp; Công điện số 968/CD-TTg ngày 16/10/2023 về tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính các cấp.

Nhằm triển khai có hiệu quả những nhiệm vụ, giải pháp nêu trên, tỉnh Thái Nguyên trân trọng đề nghị các bộ, ngành trung ương quan tâm, tạo điều kiện triển khai một số nội dung sau:

1. Hướng dẫn cụ thể việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành với hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh đảm bảo đồng bộ, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

2. Tăng cường cập nhật, bổ sung đầy đủ, làm sạch dữ liệu tại các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia và Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

3. Công bố, công khai kịp thời TTHC trên cổng dịch vụ công quốc gia để các địa phương công bố danh mục TTHC, cập nhật, tích hợp công khai và tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định./.



## 26. UBND tỉnh Bình Thuận

### Tham luận về “Kết quả thực hiện Chiến lược thanh niên Việt Nam giai đoạn 2020-2030 của tỉnh Bình Thuận”

Thanh niên của tỉnh Bình Thuận có hơn 300.000 người, chiếm tỷ lệ 22,02% tổng số dân trong toàn tỉnh, trong đó: Thanh niên nông thôn chiếm 40%; thanh niên đô thị chiếm 25%; thanh niên là công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động và học sinh, sinh viên 35% so với tổng số thanh niên.

Nhìn chung, thanh niên tỉnh Bình Thuận luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, có trình độ học vấn, sức khỏe, tư duy năng động và sáng tạo, có lòng yêu nước, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội; có ý thức vươn lên trong học tập, lao động, lập thân, lập nghiệp; mong muốn có việc làm, thu nhập ổn định đời sống cho bản thân, gia đình và cống hiến cho quê hương, đất nước.

Bên cạnh đó, tình trạng vi phạm pháp luật trong một bộ phận thanh, thiếu niên những năm gần đây có chiều hướng gia tăng, nhất là vi phạm luật an toàn giao thông, mắc các tệ nạn xã hội, gây rối trật tự công cộng; tình trạng thất nghiệp trong thanh niên tăng, tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo còn thấp, chất lượng chưa cao, thiếu chuyên nghiệp; cơ sở vật chất phục vụ vui chơi, giải trí của thanh niên còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu của thanh niên, từ đó đặt ra những yêu cầu cấp thiết đối với công tác quản lý nhà nước về thanh niên.

Triển khai Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam và Quyết định số 1113/QĐ-BNV ngày 17/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam, giai đoạn 2021 – 2030, UBND tỉnh Bình Thuận đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 về phát triển thanh niên tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021 - 2030; ban hành Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 về Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch số 4914/KH-UBND ngày 23/12/2021 về thực hiện Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý nhà nước về thanh niên hằng năm trên địa bàn tỉnh; ngoài ra, UBND tỉnh đã ký kết Quy chế phối hợp số 2521/QC-UBND-TĐTN ngày 01/12/2023 về phối hợp công tác của UBND tỉnh và BCH Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2023 – 2027; tổ chức chương trình đối thoại giữa Chủ tịch UBND tỉnh với thanh niên trên địa bàn tỉnh Bình Thuận với chủ đề “Cơ hội học tập, phát triển bản thân và việc làm của thanh niên trong tình hình mới”; tổ chức tập huấn bồi dưỡng Luật Thanh niên 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật cho 150 công chức làm công tác thanh niên;... để thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thanh niên đã đề ra.

Trong năm 2023, Chương trình phát triển thanh niên Việt Nam của tỉnh đã đạt được một số kết quả nổi bật:

- *Về học tập, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo:* HĐND tỉnh đã ban hành 03 nghị quyết về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đã cử 151 công chức, viên chức trẻ tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án đào tạo nguồn nhân lực có trình độ sau đại học ở nước ngoài; cử 28 sinh viên, viên chức ngành y tế đi các lớp Đại học và đào tạo liên thông Đại học theo chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực ngành y tế; tổ chức cuộc thi “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bình Thuận lần II”, chọn 11 giải pháp, mô hình sáng tạo, có tính mới, có khả năng áp dụng và mang lại hiệu quả thiết thực.

- *Về đào tạo nghề và tạo việc làm:* tỉnh đã ban hành nhiều chính sách về công tác đào tạo nghề cho lao động là đối tượng thanh niên, nhất là thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an trên địa bàn tỉnh. Qua triển khai đã tuyển mới và đào tạo nghề cho 19.887 thanh niên; giải quyết việc làm cho 30.584 lao động trong độ tuổi thanh niên; cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh 3.712 lao động; tổ chức tư vấn nghề, tư vấn việc làm cho 14.708 thanh niên; tổ chức 20 phiên giao dịch việc làm.

- *Về chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho thanh niên:* Các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của thanh niên về tác hại của ma túy, bia rượu và các chất kích thích, về sự lây lan của HIV/AIDS, giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản vị thành niên. Qua đó giúp đội ngũ thanh niên nâng cao nhận thức tự bảo vệ, phòng ngừa bệnh tật, xây dựng lối sống lành mạnh, tránh xa các tệ nạn xã hội, ma túy, mại dâm, kỹ năng sống, phòng, chống ma túy, HIV/AIDS, phòng ngừa các bệnh lây truyền qua đường tình dục và các bệnh xã hội khác; vận động thanh niên không nghiện rượu, không say rượu, không hút thuốc lá và tuyên truyền cho mọi người xung quanh cùng thực hiện.

- *Về nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho thanh niên:* các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được tỉnh quan tâm đầu tư, đến nay, toàn tỉnh có 02 nhà thi đấu đa năng; 01 Trung tâm dã ngoại thanh thiếu niên; 01 Trung tâm Văn hóa tỉnh, 01 nhà thiếu nhi cấp tỉnh; 03 nhà thiếu nhi, 10/10 Trung tâm Văn hóa và Thể thao cấp huyện, nhà tập luyện thể dục, thể thao, sân bãi các môn như bóng đá, bóng chuyền và một số phòng tập khác; ở xã có Nhà Văn hóa xã; ở thôn, khu phố có nhà văn hóa, khu thể thao hoặc trụ sở sinh hoạt cộng đồng. Toàn tỉnh có hơn 226 sân bóng đá, 151 hồ bơi, 238 sân cầu lông, 218 sân bóng chuyền, 77 câu lạc bộ Võ thuật, 30 câu lạc bộ thể thao dưới nước, 02 sân golf, trên 21 sân quần vợt, 11 sân bóng rổ, 16 nhà tập luyện.... Thường xuyên tổ chức các giải thi đấu, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, thu hút đông đảo thanh niên tham gia.

- *Về phát huy vai trò của thanh niên trong tham gia phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc:* Các cơ quan, đơn vị, địa phương tạo điều kiện thuận lợi để thanh niên và các tổ chức thanh niên tham gia phát triển kinh tế xã hội của địa phương thông qua các hoạt động, phong trào như Tháng thanh niên tình nguyện, Hoạt động tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới, hoạt động tình nguyện tham gia xây dựng đô thị văn minh, hoạt động tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống dịch bệnh,... gắn với các hoạt động của Năm du lịch Quốc gia: Bình Thuận - Hội tụ xanh 2023. Thanh niên Bình Thuận hăng hái tham gia

nghĩa vụ quân sự ở địa phương, kết quả công tác tuyển quân trong năm 2023, toàn tỉnh giao quân: 1.637/1.637 chỉ tiêu, đạt 100%.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện các nội dung của Chương trình phát triển thanh niên Việt Nam của tỉnh vẫn còn một số mặt hạn chế nhất định như:

- Công tác tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình tại một số đơn vị chưa được đầy đủ, bao quát các nội dung, phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị, địa phương.

- Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ vui chơi, giải trí cho thanh niên tuy đã được quan tâm nhưng vẫn chưa đáp ứng kịp nhu cầu của thanh niên, các hoạt động dành riêng cho thanh niên còn hạn chế, chưa thu hút.

- Cán bộ, công chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên chủ yếu là kiêm nhiệm và thường xuyên thay đổi, do đó công tác tham mưu, đề xuất xây dựng văn bản và thực hiện chính sách, pháp luật đối với thanh niên còn lúng túng và chưa kịp thời.

Để tiếp tục thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến, UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp như sau:

*Một là*, tiếp tục tuyên truyền, quán triệt Luật Thanh niên 2020; Nghị định số 13/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ, Thông tư số 07/2020/TT-BNV ngày 15/12/2020 của Bộ Nội vụ; Nghị quyết liên tịch số 01/NQLT-CP-BCHTWĐ ngày 21/12/2022 của Chính phủ và Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

*Hai là*, tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác thanh niên qua tổng kết Kết luận số 80-KL/TW, ngày 25/12/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) của Tỉnh ủy.

*Ba là*, chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ theo Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 11/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh” giai đoạn 2023 - 2027. Bên cạnh đó, chú trọng phát hiện, bồi dưỡng nhân tố tích cực, có triển vọng trong các lĩnh vực như: Khoa học, công nghệ, thể dục thể thao, kinh doanh,... tạo điều kiện hỗ trợ cho những tài năng phát triển

*Bốn là*, tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp, mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược phát triển thanh niên trên địa bàn tỉnh; kịp thời đôn đốc, hướng dẫn, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, tập trung vào những vấn đề bức xúc trong thanh niên hiện nay.

Để việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030 được thuận lợi, đi vào thực tiễn cuộc sống, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của thanh niên, tỉnh Bình Thuận xin kiến nghị với các Bộ, ngành các vấn đề như sau:

(1) Các bộ, ngành sớm ban hành các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án đã được giao trong Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam, đề địa phương triển khai thực hiện.

(2) Bộ Nội vụ thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác thanh niên; tổ chức các lớp học tập, trao đổi kinh nghiệm về thanh niên và quản lý nhà nước về công tác thanh niên để nâng cao năng lực, chất lượng tham mưu của đội ngũ công chức làm công tác quản lý nhà nước về thanh niên./.

## **27. UBND tỉnh Đồng Tháp**

### **Tham luận về “Nâng cao chất lượng quản lý nhà nước đối với các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tại địa phương”**

Thực hiện Công văn số 7300/BNV-VP ngày 12/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc đề nghị tham luận tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2023, triển khai nhiệm vụ năm 2024 của ngành Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp báo cáo tham luận thực hiện nâng cao chất lượng quản lý nhà nước đối với các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tại địa phương, cụ thể như sau:

#### **I. KHÁI QUÁT CHUNG**

Đồng Tháp là tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên 3.374 km<sup>2</sup>; phía Bắc giáp tỉnh Prây Veng (Campuchia) với chiều dài đường biên giới là 48,7 km với 3 cửa khẩu chính: Thông Bình, Dinh Bà và Thường Phước; phía Nam giáp tỉnh Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ; phía Tây giáp tỉnh An Giang; phía Đông giáp tỉnh Long An và tỉnh Tiền Giang; dân số trên 1,6 triệu người; trong đó, dân tộc Kinh chiếm 99,30%, còn lại là dân tộc Hoa và Khơ-me; có 12 đơn vị hành chính trực thuộc (03 thành phố và 09 huyện) với 143 xã, phường, thị trấn và 698 ấp, khóm.

Năm 2023, Tỉnh đã triển khai nhiều nội dung chương trình nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội quan trọng của Tỉnh và lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện thành công, tạo khí thế mới, động lực mới với khẩu hiệu “*Kinh tế xanh Sen hồng bức phá, chuyển đổi số Đồng Tháp tiên phong*”, lấy khôi phục kinh tế nhanh, bền vững làm động lực phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Đối với các tổ chức hội, địa phương luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các tổ chức hội hoạt động, đặc biệt là các hội thực hiện nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao.

#### **II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI, NHẤT LÀ CÁC HỘI ĐƯỢC ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ**

Công tác quản lý nhà nước về hội tại tỉnh Đồng Tháp cơ bản được thực hiện bảo đảm theo các quy định pháp luật về hội và chủ trương của các cấp ủy đảng, nhằm tạo sự liên thông, kết nối, san sẻ giữa các tổ chức hội có nhiệm vụ chức năng tương đồng nhau hỗ trợ nhau trong hoạt động, qua đó tập trung nguồn lực tạo ra động lực mới trong làm việc của các hội, hướng đến một tổ chức hội có thể làm được nhiều nhiệm vụ, công tác phản biện xã hội sẽ sâu sắc hơn, đồng bộ, đầy đủ hơn. Từ đó, tỉnh Đồng Tháp đã nghiên cứu xây dựng phương án sắp xếp các tổ chức hội, đặc biệt là các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo thẩm quyền, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương nhằm tinh gọn tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động, nâng tầm sứ mạng của các tổ chức hội và hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn. Một số điểm nổi bật như sau:

## 1. Hiện trạng tổ chức hội trước khi sắp xếp

Năm 2017, số lượng các tổ chức hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp tương đối nhiều, có **903** hội, trong đó **841** hội được xác định là hội có tính chất đặc thù, cụ thể:

- **Hội cấp tỉnh: 64 hội** (22 hội có tính chất đặc thù), trong đó: (1) Hội có tính chất đặc thù được giao biên chế và cấp kinh phí hoạt động 07 hội, với 96 biên chế; (2) Hội có tính chất đặc thù được nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động 15 hội; (3) Hội không được xác định có tính chất đặc thù 42 hội.

- **Hội cấp huyện: 164 hội** (144 hội có tính chất đặc thù), trong đó: (1) Hội có tính chất đặc thù được giao biên chế và cấp kinh phí hoạt động 37 hội với 97 biên chế; (2) Hội có tính chất đặc thù được nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động 107 hội; (3) Hội không được xác định có tính chất đặc thù 20 hội.

- **Hội cấp xã: 675 hội** đều là hội đặc thù được nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động.

*Nhìn chung số lượng các tổ chức hội ở địa phương khá nhiều, bình quân có 10 đến 12 hội/huyện, 5 đến 6 hội/xã.*

## 2. Về thực hiện sắp xếp các tổ chức hội

Thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 28/8/2012 của Ban Bí thư “...Hội hoạt động ở cấp nào, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng và quản lý của chính quyền cấp đó...”, Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng trong tình hình mới; trong đó, đã chỉ đạo việc nghiên cứu sắp xếp, sáp nhập các hội có nhiệm vụ, tính chất tương đồng nhau.

Theo đó, tỉnh Đồng Tháp đã tổ chức thành lập Đoàn khảo sát tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng, hiệu quả tình hình hoạt động các tổ chức hội, từ đó đề ra phương án sắp xếp cho phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương. Từ năm 2018 đến nay, tỉnh Đồng Tháp đã trải qua 02 lần sắp xếp các tổ chức hội, đặc biệt là các tổ chức được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương, góp phần tinh gọn các tổ chức hội, đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hội, hạn chế được sự chồng chéo đối với các hội có nhiệm vụ tương đồng nhau. Cụ thể, UBND Tỉnh đã chủ trì, phối hợp tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 132-KH/TU ngày 27/11/2018 về sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất một số tổ chức hội thuộc tỉnh Đồng Tháp và Kế hoạch số 119-KH/TU ngày 18/10/2022 về thực hiện Thông báo số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng trong tình hình mới. Kết quả đạt được:

Sau khi sắp xếp toàn tỉnh Đồng Tháp từ **903** hội, còn lại **573** hội (giảm 330 hội); trong đó, hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ còn **490** (giảm 351 hội), cụ thể:

### \* Cấp tỉnh: Có 64 hội.

- Hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có 12 Hội (giảm 10 hội do sáp nhập, hợp nhất và sắp xếp đưa ra khỏi danh sách hội đặc thù đối với một

số hội không cần thiết), trong đó: 05 hội được Đảng, Nhà nước giao biên chế và cấp kinh phí hoạt động với 83 biên chế (*giảm 02 hội*). 07 hội được Đảng, Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động và chế độ thù lao cho người về hưu lãnh đạo chuyên trách tại hội (*giảm 08 hội*).

**Theo đó, tỉnh Đồng Tháp đã sáp nhập Hội Bảo trợ người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo với Hội Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam thành 01 hội; sáp nhập Hội Đông y, Hội Người mù vào Hội Chữ thập đỏ Tỉnh.**

- Hội quần chúng khác hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí: Có 52 hội (*năm 2022 và 2023 thành lập mới Hội Ngành hàng Sen Đồng Tháp và Hội Ngành hàng xoài Đồng Tháp*).

#### **\* Cấp huyện: Có 80 hội**

- Hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có 49 hội (*giảm 95 hội*). Trong đó, 12 hội/12 huyện/thành phố được Đảng, Nhà nước giao biên chế và cấp kinh phí hoạt động (*84 biên chế*); 37 hội được Đảng, Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động và chế độ thù lao cho người về hưu lãnh đạo chuyên trách tại hội (*mỗi huyện có 04 hội*).

**Theo đó, tỉnh Đồng Tháp đã sáp nhập Hội Bảo trợ người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo với Hội Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam. Hội Đông y, Hội Người mù vào Hội Chữ thập đỏ cấp huyện. Hợp nhất Hội Khuyến học, Hội Cựu giáo chức cấp huyện thành 01 hội; hợp nhất Hội Văn học nghệ thuật và Hội Khoa học lịch sử thành 01 hội.**

- Hội quần chúng khác hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí có 31 hội.

**\* Cấp xã: Có 429 hội** được Đảng, Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động và chế độ thù lao cho người về hưu lãnh đạo chuyên trách tại hội (*không có hội được giao biên chế*), giảm 246 hội. Mỗi xã có 03 hội.

### **3. Một số điểm mới về việc sắp xếp hội ở tỉnh Đồng Tháp**

Qua đánh giá thực tiễn về công tác quản lý nhà nước về hội, tỉnh Đồng Tháp có một số điểm mới nổi bật như sau:

- **Thứ nhất**, nghiên cứu thực hiện sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất một số hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ với nhau. Đồng thời, có thể nói là Tỉnh đầu tiên thực hiện sáp nhập Hội Đông y, Hội Người mù các cấp vào Hội Chữ thập đỏ cùng cấp.

- **Thứ hai**, UBND Tỉnh đã ban hành quy định cụ thể về việc giao số lượng cấp phó đối với các hội được giao biên chế và tiêu chí về việc thành lập các phòng/ban chuyên môn thuộc hội. Căn cứ vào quy định của UBND Tỉnh, các hội tổ chức xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở tuyển dụng, bố trí người làm việc của hội trên cơ sở biên chế được giao, bảo đảm theo lộ trình giảm biên chế.

- **Thứ ba**, đối với các mô hình về hội trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật thì không thành lập các hội chuyên ngành mà duy trì mô hình phân hội chuyên ngành như: Phân hội Văn học; Phân hội Âm nhạc, Phân hội Sân khấu, ...

- **Thứ tư**, định hướng cho cấp cấp ủy, chính quyền cấp huyện, cấp xã về mô hình tổ chức hội như: Hội nào hoạt động ở cả 03 cấp (*tỉnh, huyện, xã*), hội nào hoạt động ở 02 cấp (*tỉnh, huyện, ở cấp xã là chi hội*), hội nào chỉ hoạt động ở cấp tỉnh, **cấp huyện là chi hội**.

#### 4. Thuận lợi, hạn chế, khó khăn

##### a) Thuận lợi

- Được sự quan tâm lãnh đạo kịp thời của các cấp ủy, chính quyền, nhất là công tác quán triệt chủ trương của Đảng về sắp xếp các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương theo hướng tinh gọn, tập trung nguồn lực để hỗ trợ cho hội hoạt động hiệu lực, hiệu quả, hướng đến một tổ chức hội thực hiện được nhiều nhiệm vụ, khắc phục tình trạng trùng lặp về nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động của các hội. Đồng thời, góp phần giảm chi ngân sách Nhà nước.

- Định hướng được mô hình tổ chức các cấp hội phù hợp đối với từng tổ chức hội.

- Đa số các hội thực hiện tốt Điều lệ hội và chấp hành tốt các quy định pháp luật về hội; lãnh đạo chủ chốt của hội được lựa chọn là người có nhiều kinh nghiệm, uy tín và được hội viên tín nhiệm.

- Các tổ chức hội thực hiện tốt việc đoàn kết nội bộ, chưa xảy ra vấn đề khiếu nại liên quan đến tài chính, tài sản,... chưa xảy ra mất đoàn kết nội bộ.

##### b) Hạn chế, khó khăn

Bên cạnh kết quả đạt được có một số hạn chế, khó khăn như sau:

- Các quy định của pháp luật về hội chưa quy định cụ thể mối quan hệ giữa hội ở Trung ương với hội địa phương, còn mặc định hội địa phương là hội cấp dưới của hội ở Trung ương nên hội ở Trung ương thường xuyên có văn bản can thiệp về việc chủ trương sắp xếp các hội ở địa phương.

- Chưa có đầy đủ cơ sở pháp lý cho địa phương được ban hành chính sách về chế độ hỗ trợ cho người làm việc tại hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương khi nhà nước không giao biên chế cho các hội.

- Quy định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ chậm được sửa đổi để phù hợp với chủ trương của Đảng tại Kết luận số 102-KL/TW; Thông báo số 158-TB/TW nên công tác quản lý nhà nước về hội ở địa phương chưa đồng bộ với chủ trương, chỉ đạo của cấp ủy đảng ở địa phương.

- Bên cạnh đó, năm 2022, Bộ Nội vụ thẩm định giao cho tỉnh Đồng Tháp tổng số là **30.446** biên chế (*2.358 biên chế hành chính bằng với năm 2021 và 28.088 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, giảm 523 biên chế so với năm 2021, tương đương 1,8%*) và không bao gồm 174 biên chế các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương. Tuy nhiên, theo Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị và Quyết định số 78-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế cho tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022 - 2026 (khỏi chính quyền địa phương) là **27.990** biên chế (*2.240 biên chế công*



chức, giảm 5% biên chế công chức so với thời điểm năm 2021 (2.358 biên chế), 25.750 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, giảm 10% biên chế viên chức so với thời điểm năm 2021 (28.611)) nhưng lại bao gồm cả biên chế các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương là chưa phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương (vì địa phương đã tách biên chế hội ra khỏi tổng biên chế công chức, viên chức của địa phương) nên địa phương khó cân đối biên chế để giao cho các hội.

### III. ĐỀ XUẤT BỘ NỘI VỤ

1. Tham mưu Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, thay thế Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 về việc quy định hội có tính chất đặc thù thành hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo tinh thần Thông báo số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/W ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng trong tình hình mới.

2. Căn cứ Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 28/8/2012, có ý kiến đối với các tổ chức hội Trung ương không can thiệp vào việc sắp xếp, sáp nhập các tổ chức hội của địa phương.

3. Đối với người làm việc các hội được Đảng, Nhà nước giao ở địa phương được áp dụng cơ chế tuyển dụng, quản lý, sử dụng như viên chức.

4. Xem xét, cho địa phương ban hành chính sách, hỗ trợ chế độ thù lao cho người làm việc tại hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương nhưng không được giao biên chế để tạo điều kiện cho hội hoạt động, đặc biệt là những người không phải là người về hưu.

5. Có ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương xem xét bổ sung biên chế đối với hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương hoặc cho địa phương tự quyết định số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách tại các hội./.

## 28. UBND tỉnh Quảng Ninh

### **Tham luận về “Giải pháp và kinh nghiệm nâng cao chất lượng phong trào thi đua yêu nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”**

Quảng Ninh là tỉnh miền núi, biên giới, biển đảo, nằm phía Đông Bắc của Tổ quốc, có điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế với ưu đãi về địa lý, thiên nhiên, tài nguyên khoáng sản; song cũng là những yếu tố khó khăn trong việc phát triển kinh tế toàn diện, chăm lo đời sống an sinh xã hội cho nhân dân với đặc thù là tỉnh bao gồm cả vùng sâu vùng xa, miền núi, hải đảo; có nhiều nơi địa hình bị chia cắt, dân cư phân bố không đồng đều;... Để đạt được những thành tựu phát triển kinh tế nổi bật, đảm bảo tốt công tác an sinh, trật tự an toàn xã hội... Bên cạnh việc xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt với những giải pháp thiết thực, hiệu quả; Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh Quảng Ninh xác định phong trào thi đua và công tác khen thưởng phải là động lực để góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Trong thời gian vừa qua, phong trào thi đua yêu nước của tỉnh Quảng Ninh đã được tổ chức, triển khai bám sát theo tinh thần Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) về việc “Tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng” và Chủ đề do Thủ tướng Chính phủ phát động, đó là “Đoàn kết, sáng tạo, thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”; đồng thời đã bám sát Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hàng năm để đặt ra các chỉ tiêu, nhiệm vụ sát với tình hình thực tiễn của mỗi cơ quan, địa phương, đơn vị; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, linh hoạt, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp; phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị trở thành động lực để tháo gỡ khó khăn, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong đó đặc biệt chú trọng tập trung thực hiện đổi mới để phát triển theo Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về 3 đột phá chiến lược. Với những cách làm sáng tạo, đột phá, trách nhiệm, đến nay tỉnh Quảng Ninh đã trở thành tâm điểm của đổi mới, của dám nghĩ, dám làm, dám đột phá; của tiên phong trong tất cả các lĩnh vực: Kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, xây dựng Đảng, tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, xây dựng nông thôn kiểu mẫu,... Diện mạo của Tỉnh thay đổi từng ngày, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, chất lượng đã tạo ra cơ hội hội nhập và phát triển hơn nữa.

Tuy nhiên, đánh giá kết quả tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng thời gian qua, tỉnh Quảng Ninh xác định còn một số tồn tại cần quan tâm khắc phục, đó là: Phong trào thi đua ở cơ sở chưa có chiều sâu, còn hình thức dẫn đến hiệu quả chưa thực sự đạt được như mong muốn, chưa xứng tầm với lợi thế, tiềm năng và phát triển của tỉnh. Việc phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến hiệu quả chưa cao; biện pháp tuyên truyền thiếu đồng bộ... làm hạn chế động lực phấn đấu của các đối tượng tham gia; cơ chế, chính sách khen thưởng chưa đủ mạnh; số lượng các tập thể, cá nhân được phong tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (đặc biệt là các danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu Anh hùng Lao động) chưa phản ánh đầy đủ và tương đồng với những thành tựu mà tỉnh đã đạt được trong quá trình đổi mới và phát triển.

Nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào thi đua yêu nước trong giai đoạn tiếp theo, tỉnh Quảng Ninh xác định cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng tham mưu hệ thống văn bản quản lý về công tác thi đua, khen thưởng; trong đó xác định cần tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, vai trò của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; mở rộng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện các phong trào thi đua yêu nước gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của tỉnh. Trong năm 2022, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Đề án “Đổi mới phong trào thi đua yêu nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” (được phê duyệt tại Quyết định số 3733/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh); xây dựng Kế hoạch “Tuyên truyền gương điển hình tiên tiến” giai đoạn 2022-2025 theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 09/12/2022;... Đồng thời, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 37-CT/TU ngày 21/7/2023 về “Đổi mới phong trào thi đua yêu nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030” để lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào thi đua yêu nước của Tỉnh. Theo đó, phong trào thi đua yêu nước phải thiết thực, hiệu quả, vừa gắn với các phong trào chung của toàn quốc, vừa thể hiện tính đặc thù, đổi mới, sáng tạo của tỉnh; khơi dậy và bồi đắp niềm tin, niềm tự hào đối với Đảng, trách nhiệm công hiến, xây dựng tỉnh Quảng Ninh gắn với công cuộc đổi mới đất nước; cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và Nhân dân quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả để vượt qua khó khăn, thách thức, nắm bắt thời cơ thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV. Thi đua phát triển kinh tế - xã hội hài hòa với nhiệm vụ xây dựng văn hóa vùng đất, con người Quảng Ninh trong tổng thể văn hóa Việt Nam; thúc đẩy năng lực sáng tạo, giải phóng sức sản xuất, hình thành những giá trị tốt đẹp, có khả năng kết nối mạnh mẽ với các trụ cột kinh tế, chính trị, xã hội và khoa học công nghệ để trở thành động lực, mục tiêu của sự phát triển bền vững. Phong trào thi đua phải thiết thực, có sức lan tỏa và bao quát toàn bộ các mặt của đời sống xã hội. Nội dung và phương pháp tổ chức phong trào thi đua phải được gắn kết chặt chẽ với thực hiện nhiệm vụ chính trị, mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của tỉnh. Thi đua là động lực thúc đẩy cá nhân, tổ chức hoàn thành tốt nhiệm vụ, làm cơ sở khoa học, thực tiễn để khen thưởng; khen thưởng là yếu tố thúc đẩy phong trào thi đua phát triển.

Từ hiệu quả của phong trào thi đua đã tạo thành động lực góp phần quan trọng vào việc hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đó là: Trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có những biến động lớn chưa từng có do tác động của đại dịch Covid-19 mà Quảng Ninh là địa bàn trọng điểm tuyến đầu trong phòng, chống dịch Covid-19 ngay từ khi xuất hiện ca bệnh đầu tiên trên thế giới; biến đổi khí hậu, thiên tai gây thiệt hại, khó khăn, thách thức lớn hơn; hầu hết các chuỗi cung ứng bị đứt gãy, lạm phát tăng cao..., đã ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đời sống của Nhân dân; nhưng tỉnh Quảng Ninh đã trở thành một trong những địa phương điển hình về phòng, chống

dịch Covid-19 và thực hiện “mục tiêu kép”, đó là vừa bảo đảm an sinh, an dân, an ninh, trật tự xã hội, ổn định phát triển kinh tế, GRDP năm 2020 đạt 10,05%, năm 2021 và 2022 đạt 10,28%; quy mô bề rộng và tiềm lực nội sinh của nền kinh tế tăng mạnh.

Năm 2023, tỉnh Quảng Ninh triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị trong bối cảnh khó khăn chung của cả nước, đồng thời có nhiều khó khăn riêng do phải tập trung xử lý, khắc phục các yếu kém, tồn đọng được chỉ ra, phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, giữ ổn định để phát triển; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thiếu nhiều; cán bộ chủ chốt, nhất là cán bộ chiến lược có nhiều biến động; việc khắc phục những ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19; ngành Than có nhiều khó khăn hơn; giá vật tư, nguyên nhiên liệu đầu vào của nhiều ngành sản xuất tăng cao, bị đứt gãy chuỗi cung ứng,...; bên cạnh đó, tỉnh đồng thời phải triển khai công việc với khối lượng rất lớn, tổ chức nhiều sự kiện tầm quốc gia, quốc tế, khu vực tại tỉnh. Đồng thời, cũng là năm diễn ra sự kiện đặc biệt chào mừng Kỷ niệm 60 năm thành lập tỉnh Quảng Ninh. Đây là sự kiện lịch sử có ý nghĩa hết sức quan trọng, vừa mang tính chính trị, tôn vinh và khơi dậy những giá trị lịch sử truyền thống tự hào dân tộc, vừa khẳng định chủ quyền quốc gia, vai trò và những đóng góp to lớn của vùng đất địa đầu Đông Bắc của Tổ quốc và con người Quảng Ninh trong tiến trình lịch sử. Từ đó, khơi dậy khát vọng vươn lên mạnh mẽ của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, tiếp tục phấn đấu không ngừng, quyết tâm vượt qua khó khăn, xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Ninh ngày càng giàu đẹp, văn minh; đồng thời, là dịp để quảng bá, giới thiệu tiềm năng, lợi thế và hình ảnh vùng đất, con người Quảng Ninh đến với bạn bè trong nước và quốc tế.

Với tinh thần “*Kỷ luật và đồng tâm*”, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; tích cực hưởng ứng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Càng khó khăn thì càng phải thi đua”, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Quảng Ninh với phương châm lấy người dân làm trung tâm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, phát huy dân chủ, ý chí tự lực, tự cường, kiên trì nỗ lực, chủ động vượt qua khó khăn, thử thách, hoàn thành toàn diện 15/15 chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023. Giữ vững sự ổn định, đoàn kết, thống nhất, tinh thần cải cách, đà tăng trưởng kinh tế 02 con số liên tục trong 09 năm liên tiếp (2015 - 2023) và niềm tin của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên. GRDP năm 2023 đạt 11,03%, gấp đôi bình quân chung cả nước và là lần đầu tiên đứng đầu khu vực Đồng bằng sông Hồng, đồng thời đạt mức tăng trưởng kinh tế 02 con số liên tục trong 09 năm liên tiếp (2015 - 2023); quy mô nền kinh tế đạt hơn 315.000 tỷ đồng, gấp 1,5 lần so với năm 2020; thu ngân sách Nhà nước ước đạt trên 55.600 tỷ đồng, vượt chỉ tiêu Quốc hội giao, thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước; tạo đột phá trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt trên 03 tỷ USD, gấp 3,1 lần kế hoạch năm, đang dẫn đầu cả nước. Tạo bước chuyển lớn trong phát triển văn hoá - xã hội, con người, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, thu hẹp chênh lệch vùng miền, hoàn thành nhiều mục tiêu của cả giai đoạn 2020 - 2025. GRPD bình quân đầu người năm 2023 ước đạt trên 9.400 USD, gấp 1,4 lần so với năm 2020; tạo ra hơn 21.000 việc làm tăng thêm. Quảng Ninh là địa phương đầu

tiên trong Vùng đồng bằng sông Hồng được phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và là địa phương đầu tiên trong cả nước hoàn thành phê duyệt Kế hoạch triển khai Quy hoạch tỉnh. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị các cấp thật sự trong sạch, vững mạnh đạt được nhiều kết quả tích cực; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; công tác đối ngoại được đẩy mạnh, đi vào chiều sâu; Quảng Ninh tiếp tục khẳng định vị trí là một cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc.

Việc đẩy mạnh đổi mới, nâng cao chất lượng tổ chức các phong trào thi đua yêu nước đã thực sự trở thành động lực cách mạng to lớn để các ngành, các cấp và Nhân dân trong tỉnh thi đua thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao và là biện pháp quan trọng để thực hiện *“Khát vọng xây dựng một Quảng Ninh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, hiện đại”*./.

## 29. UBND tỉnh Thái Bình

### Tham luận về “Chuyển đổi số trong công tác văn thư, lưu trữ tại tỉnh Thái Bình”

Thái Bình là tỉnh ven biển thuộc đồng bằng sông Hồng, diện tích tự nhiên 1.584,6 km<sup>2</sup>, dân số 2.083.735 người; với số lượng đơn vị hành chính cấp huyện 08 đơn vị (07 huyện, 01 thành phố thuộc tỉnh); số lượng đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh: 260 đơn vị (10 phường, 09 thị trấn, 241 xã); có 18 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; tổng số đơn vị sự nghiệp công lập là 827 đơn vị, số biên chế công chức là 1.791, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 29.347 biên chế.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025, đã đề ra 5 nhiệm vụ trọng tâm, 3 đột phá phát triển, trong đó đột phá phát triển thứ nhất gắn với ngành Nội vụ mà tỉnh Thái Bình đang tập trung thực hiện đó là: *“tăng cường cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh”*.

Năm 2023 là năm thứ ba, Thái Bình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, trước tình hình thế giới và trong tỉnh có những diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, bên cạnh những thuận lợi cơ bản nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức đan xen. Trong bối cảnh đó, nhận thức rõ được những khó khăn, thách thức, ngay từ đầu năm, với sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo quyết liệt, kịp thời của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quyết liệt, hiệu quả, đồng bộ các chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành Trung ương; đồng thời đề ra các nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo, điều hành thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, do vậy, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh cơ bản ổn định và đạt được kết quả tích cực trên các lĩnh vực, cụ thể: Tổng sản phẩm (GRDP, theo giá so sánh năm 2010) trên địa bàn tỉnh ước đạt 67.948 tỷ đồng, tăng 7,37% so với năm 2022 (kế hoạch 11% trở lên). Tổng giá trị sản xuất ước đạt 203.029 tỷ đồng, tăng 6,6% so với năm 2022, trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,2%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,6% và khu vực dịch vụ tăng 6,2%. Bên cạnh những nỗ lực phát triển kinh tế, xã hội, tỉnh Thái Bình cũng bước vào năm thứ ba thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030", đây là một trong những chỉ đạo mang tính đột phá, chiến lược của Chính phủ nhằm xây dựng Chính quyền số, Kinh tế số hướng đến lợi ích của quốc gia, doanh nghiệp và người dân. Trước những yêu cầu cấp thiết trong tình hình mới, ngày 19/11/2021 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU về Chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, nghị quyết đã đặt ra những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về chuyển đổi số của tỉnh, của ngành nội vụ, trong đó có công tác văn thư, lưu trữ, như: Xây dựng kho lưu trữ số tập trung; Xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ; Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng; Triển khai các giải pháp để nộp lưu hồ

sơ, xác thực tài liệu điện tử; tiếp nhận hồ sơ, tài liệu điện tử có giá trị bảo quản vĩnh viễn vào lưu trữ lịch sử bảo đảm kết nối, chia sẻ, tích hợp với nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia và các bộ, ngành, địa phương...

Đề cụ thể nghị quyết của Đảng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 về phê duyệt Đề án chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 31/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết, Đề án về Chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025; Kế hoạch 134/KH-UBND ngày 12/10/2023 về triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030" (Đề án 06). Đây là những văn bản nhằm từng bước xây dựng Chính quyền số, phát triển Kinh tế số trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Hiện nay, một trong những nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XX, Nghị quyết số 02-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chuyển đổi số là xây dựng Chính quyền điện tử từ tỉnh đến xã, vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, đã đặt ra nhiều nhiệm vụ mới đối với các cơ quan, tổ chức, trong đó có lĩnh vực văn thư, lưu trữ. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đã chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể bước đầu mang lại một số kết quả như:

**Một là**, nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về chuyển đổi số đã có sự chuyển biến tích cực.

**Hai là**, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, của cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số được nâng cao; 100% các cơ quan, đơn vị đã sử dụng văn bản điện tử trong giải quyết công việc chuyên môn.

**Ba là**, hệ thống cơ sở vật chất, các trang thiết bị từng bước được đầu tư, nâng cấp. Hệ thống quản lý dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức đã đưa vào sử dụng và thực hiện kết nối đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ quản lý đảm bảo các tiêu chí "đúng, đủ, sạch, sống" với số lượng hồ sơ đã đồng bộ tính đến tháng 12/2023 là trên 39.827 hồ sơ.

**Bốn là**, công tác chuyển đổi số trong công tác văn thư, lưu trữ đã xây dựng và hoàn thiện Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tại Lưu trữ cơ quan cơ bản đáp ứng các yêu cầu của pháp luật. Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Sở Nội vụ từng bước xây dựng và hoàn thiện Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trên nền tảng dùng chung là Hệ thống Mạng văn phòng điện tử liên thông của tỉnh. Đây là hệ thống được đưa vào sử dụng từ năm 2008, đến nay đã có gần 800 cơ quan, đơn vị tham gia vào Hệ thống với số lượng người dùng là 12.356 công chức, viên chức, tạo điều kiện thuận lợi cho việc gửi, nhận văn bản điện tử và lập hồ sơ công việc trên môi trường mạng. Cho đến nay, toàn bộ dữ liệu về văn bản, hồ sơ, tài liệu lưu trữ điện tử hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan được quản lý tập trung tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh, do Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông quản lý và vận hành. Công tác ký số điện tử đã được triển khai đến hầu khắp

các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên Hệ thống Mạng văn phòng điện tử liên thông, tỷ lệ ký số văn bản điện tử của các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện đạt 99,6%, cấp xã đạt 98,4%; phần lớn tài liệu được giao dịch trên Hệ thống, chỉ có một số ít các văn bản xử lý bằng tài liệu giấy; công tác lập hồ sơ điện tử đã bắt đầu thực hiện từ các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã, tạo tiền đề quan trọng trong công tác giao nộp hồ sơ vào Lưu trữ cơ quan và Lưu trữ lịch sử tỉnh.

**Năm là**, công tác số hóa tài liệu lưu trữ đã được các cơ quan, đơn vị quan tâm triển khai thực hiện. Trong đó, các cơ quan đã triển khai thực hiện tốt việc số hóa hồ sơ, tài liệu như: Công an tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp... Tỷ lệ số hóa hồ sơ lưu trữ đạt tỷ lệ 96%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các Trung tâm phục vụ Hành chính công đạt 92,56%. Bên cạnh đó, công tác số hóa hồ sơ, tài liệu tại Kho lưu trữ lịch sử của tỉnh được thực hiện từ năm 2015 theo Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án “Số hóa tài liệu tại Kho Lưu trữ lịch sử tỉnh giai đoạn 2015-2020” và Quyết định số 2307/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 về việc phê duyệt Đề án số hóa tài liệu lưu trữ tại Kho Lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2021-2025. Sau 8 năm triển khai thực hiện Đề án đã hoàn thành số hóa **20** phong lưu trữ hồ sơ, tài liệu với trên **36.300** hồ sơ, **552.950** văn bản, **1.200.000** trang văn bản, đạt tỷ lệ **70%** trong tổng số lượng hồ sơ, tài liệu tại Kho lưu trữ lịch sử tỉnh. Công tác số hóa giúp cho việc quản lý, bảo quản an toàn và tổ chức khai thác, sử dụng nhanh chóng, kịp thời, đáp ứng yêu cầu của các cơ quan, tổ chức và công dân; giảm thiểu sự xuống cấp về mặt vật lý và hóa học của tài liệu gốc.

**Sáu là**, việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác văn thư, lưu trữ được quan tâm chú trọng; trong năm 2023, Sở Nội vụ đã tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số trong lĩnh vực văn thư, lưu trữ cho gần 1.475 công chức, viên chức ở cấp tỉnh, dự kiến năm 2024 sẽ tập huấn cho toàn bộ công chức, viên chức ở cấp huyện và năm 2025 là toàn bộ công chức ở cấp xã.

**Bảy là**, cơ sở vật chất phục vụ cho việc chuyển đổi số trong công tác văn thư, lưu trữ đã được các cơ quan, đơn vị quan tâm đầu tư. Bước đầu đã xây dựng kho lưu trữ số tập trung của tỉnh để quản lý thống nhất việc lưu trữ, chia sẻ, bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả các tài liệu lưu trữ điện tử hình thành trong quá trình chuyển đổi số làm nền tảng của chính quyền số, trở thành hạ tầng dữ liệu quan trọng hỗ trợ các cơ quan nhà nước quyết định chính sách, quản lý, điều hành và phục vụ Nhân dân.

Từ những kết quả nổi bật trên, có thể khẳng định: Chuyển đổi số trong công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh Thái Bình trong thời gian qua đã mang lại hiệu quả nhất định, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới về chuyển đổi số. Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn không ít những khó khăn, thách thức như:

- (1) Phần mềm quản lý hồ sơ điện tử còn chưa có sự thống nhất trong cả nước;
- (2) Công tác giao nộp hồ sơ, tài liệu điện tử vào Lưu trữ cơ quan và Lưu trữ lịch sử tuy đã có hướng dẫn, nhưng trong quá trình thực hiện vẫn còn nhiều bất cập.



(3) Giải pháp về bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử trước các nguy cơ rủi ro, các dấu hiệu tấn công hệ thống chưa đảm bảo.

### **Phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới**

Giai đoạn 2023-2025 có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phân đầu hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đề ra. Để tạo sự bứt phá, chuyển biến mạnh mẽ trong việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021-2025 ở mức cao nhất; nhiệm vụ đặt ra cho giai đoạn 2023-2025 là rất lớn, đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt, chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ đã đề ra, trong đó phải thực hiện việc đẩy mạnh triển khai nền tảng số, chuyển đổi số. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể năm 2024 và các năm tiếp theo đối với chuyển đổi số trong công tác văn thư, lưu trữ như sau:

1. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện 5 nhiệm vụ trọng tâm, 3 đột phá phát triển đã nêu tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025, trong đó có các nội dung về chuyển đổi số liên quan đến lĩnh vực của ngành Nội vụ.

2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của chuyển đổi số cũng như thúc đẩy sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp, các ngành bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.

3. Tăng cường sự chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai các giải pháp để tiếp nhận hồ sơ, tài liệu điện tử có giá trị bảo quản vĩnh viễn vào Lưu trữ lịch sử, xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ theo các nội dung tại Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 19/11/2021 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

4. Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất cho các cơ quan, đơn vị, Kho lưu trữ số tập trung của tỉnh để quản lý thống nhất việc lưu trữ, chia sẻ, bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả các tài liệu lưu trữ điện tử hình thành trong quá trình chuyển đổi số.

5. Triển khai các giải pháp đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số gắn với công tác văn thư, lưu trữ cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính Nhà nước.

**Kiến nghị, đề xuất:** Để phát huy kết quả đạt được, khắc phục hạn chế, khó khăn, bất cập đối với chuyển đổi số trong công tác văn thư, lưu trữ, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình mong nhận được sự quan tâm hơn nữa của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương, Bộ Nội vụ và kiến nghị, đề xuất một số nội dung:

*Thứ nhất:* Sớm trình Quốc hội ban hành Luật Lưu trữ (*sửa đổi*); nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định, hướng dẫn về lĩnh vực văn thư, lưu trữ; đặc biệt là các văn bản về quản lý hồ sơ, tài liệu lưu trữ điện tử, các tiêu chuẩn về lưu trữ số và xác thực tài liệu lưu trữ số, các quy định cụ thể về Kho lưu trữ số để địa phương có căn cứ thực hiện;

*Thứ hai:* Quan tâm tạo điều kiện hơn nữa về cơ chế, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác văn thư, lưu trữ;

*Thứ ba:* Xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử và các hệ thống ứng dụng Công nghệ thông tin dùng chung trong công tác lưu trữ của ngành Nội vụ, thống nhất từ trung ương tới địa phương như Hệ thống quản lý, lưu trữ hồ sơ tài liệu điện tử, hệ thống xác thực tài liệu điện tử... đồng thời đảm bảo sự kết nối, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu của các ngành khác;

*Thứ tư:* Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho người làm công tác văn thư, lưu trữ đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ chuyển đổi số;

*Thứ năm:* Đề nghị đưa nội dung chuyển đổi số trong lĩnh vực văn thư, lưu trữ là một trong các tiêu chí để bình xét thi đua hàng năm đối với các cơ quan, tổ chức, địa phương./.

## **NỘI DUNG TRAO ĐỔI, GIẢI ĐÁP KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG THUỘC LĨNH VỰC NỘI VỤ**

### **I. LĨNH VỰC TỔ CHỨC - BIÊN CHẾ**

#### **1. Về tổ chức, bộ máy**

*1.1. Đề nghị các bộ, ngành trung ương sớm ban hành các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện (các tỉnh: Vĩnh Long, Cà Mau)*

#### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Để bảo đảm thống nhất về phân cấp quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực giữa Trung ương và địa phương, việc ban hành các Thông tư hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được tiến hành ngay sau khi Chính phủ ban hành các Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang Bộ. Theo đó, đến nay **18/19** Bộ quản lý ngành lĩnh vực đã ban hành Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện (riêng đối với Thông tư hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra cấp tỉnh, cấp huyện, Thanh tra Chính phủ đã hoàn thiện và ban hành trong thời gian tới, bảo đảm đồng bộ với các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra năm 2022).

*1.2. Kiến nghị bộ, ngành có liên quan ban hành quy định hoặc có hướng dẫn cụ thể việc thành lập hoặc không thành lập Thanh tra thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh vì Nghị định số 107/2020/NĐ-CP không có quy định tiêu chí thành lập Thanh tra thuộc Sở nên chưa có sự thống nhất trong thực hiện (tỉnh Cà Mau)*

#### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Luật Thanh tra năm 2022, hiện nay Thanh tra Chính phủ đã xây dựng và trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, trong đó có quy định về thành lập thanh tra sở. Sau khi Nghị định được ban hành sẽ làm cơ sở cho các địa phương thực hiện.

*1.3. Rà soát, tham mưu Chính phủ quy định thống nhất về thẩm quyền ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở để làm cơ sở cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định thống nhất về thẩm quyền và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng quy định (tỉnh Bình Dương)*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị định số 120/2020/NĐ-CP), việc quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm thống nhất với quy định của luật chuyên ngành. Trường hợp luật chuyên ngành không quy định thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì đề nghị thực hiện theo quy định tại Nghị định 107/2020/NĐ-CP<sup>58</sup> (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở).

***1.4. Kiến nghị Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải xác định vị trí pháp lý, chức năng nhiệm vụ và loại hình tổ chức của cảng vụ đường thủy nội địa thuộc Sở Giao thông vận tải để hướng dẫn địa phương bố trí biên chế cho phù hợp. Trường hợp xác định là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước và phải bố trí biên chế công chức thì đề nghị xem xét, giao bổ sung biên chế công chức cho thành phố Đà Nẵng để bố trí cho Cảng vụ đường thủy nội địa (thành phố Đà Nẵng)***

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Căn cứ quy định tại Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 18/2021/TT-BGTVT ngày 14/9/2021 quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ đường thủy nội địa, theo đó đã xác định Cảng vụ đường thủy nội địa là tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giao thông vận tải đường thủy nội địa tại cảng, bến thủy nội địa. Do đó, đề nghị thành phố Đà Nẵng thực hiện mô hình tổ chức của Cảng vụ đường thủy nội địa theo đúng quy định tại các văn bản nêu trên.

Đối với biên chế tại Cảng vụ đường thủy nội địa, thực hiện quy định về quản lý biên chế giai đoạn 2022-2026, Bộ Nội vụ đã báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ để báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế và Bộ Chính trị cho phép điều chuyển số biên chế viên chức làm việc tại các tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước thành biên chế công chức (Tờ trình số 2439-TTr/BCSĐCP ngày 17/11/2023). Sau khi Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế và Bộ Chính trị cho ý kiến chỉ đạo, các bộ, ngành, địa phương (trong đó có thành phố Đà Nẵng) sẽ tổ chức triển khai thực hiện.

***1.5. Kiến nghị Chính phủ xem xét có quy định cụ thể tiêu chí về số lượng công chức tối thiểu để thành lập các cơ quan chuyên môn (phòng chuyên môn)***

<sup>58</sup> Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

*thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Đồng thời, quy định cụ thể khung số lượng cấp phó của các cơ quan chuyên môn này để thống nhất thực hiện (tỉnh Cà Mau)*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Thực hiện ý kiến của Bộ Chính trị tại Văn bản số 12318-CV/VPTW ngày 12/6/2020 của Văn phòng Trung ương Đảng về giữ nguyên khung số lượng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện không đạt yêu cầu về quy định cụ thể số lượng biên chế công chức tối thiểu để thành lập các cơ quan này. Theo đó, tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ<sup>59</sup> đã giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (bao gồm quy định về cấp phó của cơ quan chuyên môn) theo quy định của Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

**2. Về quản lý biên chế**

**2.1. Đề nghị Bộ Nội vụ báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung biên chế công chức, biên chế sự nghiệp; đặc biệt đối với biên chế sự nghiệp ngành Giáo dục và Đào tạo hiện đang còn thiếu so với định mức quy định (các tỉnh: Vĩnh Phúc, Bình Dương, Bắc Ninh)**

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Theo Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026 thì Ban Tổ chức Trung ương trực tiếp quản lý biên chế các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương (bao gồm cả biên chế của chính quyền địa phương); Ban Thường vụ tỉnh ủy trực tiếp quản lý biên chế được giao, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai giao biên chế cho các cơ quan, địa phương, đơn vị bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, đúng quy định. Do vậy, đối với việc bổ sung biên chế, đề nghị các địa phương có văn bản báo cáo Ban Tổ chức Trung ương để xem xét, quyết định.

Đối với biên chế sự nghiệp giáo dục, thực hiện ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương tại Văn bản số 1860-CV/BTCTW ngày 17/7/2023 về việc bổ sung biên chế giáo viên, trên cơ sở đề nghị của các địa phương, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ về phương án bổ sung biên chế giáo viên năm học 2023-2024 cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập của các địa phương. Căn cứ ý kiến của Ban cán sự đảng Chính phủ tại Văn bản số 2431-CV/BCSĐCP ngày 15/11/2023 về việc bổ

<sup>59</sup> Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

sung biên chế giáo viên năm học 2023-2024, Bộ Nội vụ đã hoàn thiện, gửi Ban Tổ chức Trung ương phương án phân bổ biên chế giáo viên năm học 2023-2024 (Văn bản số 410/BC-BNV ngày 15/11/2023).

**2.2. Đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giảm trừ tỷ lệ đã tinh giản biên chế công chức giai đoạn 2022-2026 đối với tỉnh Hưng Yên, do:** Trong giai đoạn 2015-2021, tỉnh Hưng Yên đã thực hiện tinh giản 10,23% (vượt 0,23%, tương ứng 4 biên chế) so với số giao 2015, tuy nhiên, tại Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026, tỉnh Hưng Yên vẫn phải thực hiện cắt giảm 5% (tương ứng 83 biên chế), không được giảm trừ tỷ lệ tinh giản đã thực hiện giai đoạn trước (tỉnh Hưng Yên)

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Căn cứ Quyết định số 2177/QĐ-TTg ngày 04/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2015, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 537/QĐ-BNV ngày 06/7/2015 về việc giao biên chế công chức năm 2015 trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Hưng Yên là 1.894 biên chế. Khi Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương được chuyển về Bộ Công Thương quản lý và thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ (tại Văn bản số 1635/VPCP-TCCV ngày 28/02/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc điều chuyển biên chế công chức quản lý thị trường), Bộ Nội vụ đã tính lại tổng số biên chế công chức của tỉnh Hưng Yên năm 2015 làm căn cứ tính giảm ít nhất 10% đến năm 2021 là 1.834 người (1.894 - 60<sup>60</sup>). Tại Quyết định số 786/QĐ-BNV ngày 12/10/2020, Bộ trưởng Bộ Nội vụ giao biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Hưng Yên năm 2021 là 1.650 người, giảm 184 người (10%) so với số được giao năm 2015 (1.834 người).

Như vậy, trong giai đoạn 2015-2021, tỉnh Hưng Yên thực hiện tinh giản biên chế công chức 10% so với năm 2015, đạt chỉ tiêu tinh giản biên chế (không phải vượt 0,23% như ý kiến của tỉnh Hưng Yên). Vì vậy, tỉnh Hưng Yên không thuộc đối tượng được giảm trừ tỷ lệ tinh giản biên chế công chức do thực hiện vượt chỉ tiêu tinh giản biên chế giai đoạn 2016-2021 theo Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026.

**2.3. Đề nghị không áp dụng chính sách tinh giản biên chế theo hướng áp dụng chung một tỷ lệ như hiện nay (nhất là với đội ngũ giáo viên, y bác sỹ) theo đúng chủ trương tại Kết luận số 28-KL/TW của Bộ Chính trị: “Thực hiện tinh giản biên chế có trọng tâm, trọng điểm không cào bằng và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị” (tỉnh Hà Giang)**

<sup>60</sup> Năm 2019, chuyển 56 biên chế công chức quản lý thị trường (thời điểm đó đã tinh giản biên chế 6,6% so với năm 2015 nên số biên chế công chức quản lý thị trường tại thời điểm năm 2015 là 60 biên chế).

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Tinh giản biên chế gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là chủ trương lớn của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, yêu cầu tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị phải thực hiện, bảo đảm biên chế giai đoạn 2022-2026 được quản lý theo đúng các Quyết định của Bộ Chính trị.

Riêng đối với biên chế giáo viên, để vừa thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, đồng thời bảo đảm nguyên tắc “có học sinh thì phải có giáo viên đứng lớp”, căn cứ ý kiến của Ban cán sự đảng Chính phủ tại Văn bản số 2431-CV/BCSĐCP ngày 15/11/2023 về việc bổ sung biên chế giáo viên năm học 2023-2024, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 410/BC-BNV ngày 15/11/2023 gửi Ban Tổ chức Trung ương phương án phân bổ biên chế giáo viên năm học 2023-2024 để Ban Tổ chức Trung ương quyết định giao cụ thể theo thẩm quyền.

**2.4. Đề nghị Bộ Nội vụ, Ban Tổ chức Trung ương:** (1) Xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền thẩm định, điều chuyển 09 biên chế khỏi Đảng, Đoàn thể tỉnh về khỏi Nhà nước để bổ sung cho Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh; giao bổ sung 28 biên chế công chức cho tỉnh để bố trí cho đội ngũ viên chức hiện có mặt làm công tác thanh tra của Sở Giao thông vận tải (20 viên chức), Sở Xây dựng (08 viên chức); (2) Báo cáo Chính phủ năm 2024 bổ sung cho tỉnh Hưng Yên 4.056 biên chế (gồm 3.454 biên chế giáo viên và 602 biên chế nhân viên y tế) còn thiếu so với định mức quy định của bộ quản lý ngành, lĩnh vực trên cơ sở kế hoạch số lớp, số học sinh năm học 2023-2024, số giường bệnh để đảm bảo theo quy định (tỉnh Hưng Yên)

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Để việc quản lý biên chế thực hiện đúng quy định của pháp luật, trong quá trình báo cáo, đề xuất biên chế giai đoạn 2022-2026, Bộ Nội vụ đã báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ để tiếp tục đề xuất với Bộ Chính trị và Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế xem xét, quyết định việc điều chuyển và giao biên chế công chức đối với một số cơ quan, tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước (tại Tờ trình số 2439-TTr/BCSĐCP ngày 17/11/2023 của Ban cán sự đảng Chính phủ), trong đó đã tổng hợp các nội dung đề xuất về bổ sung biên chế công chức tại tỉnh Hưng Yên.

Đối với biên chế giáo viên, để giải quyết trước mắt tình trạng thiếu giáo viên ở các cấp học của nhiều địa phương trong năm học 2023-2024, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát, tổng hợp về nhu cầu biên chế giáo viên và xây dựng phương án phân bổ biên chế giáo viên năm học 2023-2024 cho các địa phương (trong đó có tỉnh Hưng Yên) trong tổng số biên chế giáo viên còn lại dự kiến bổ sung giai đoạn 2022-2026 báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ, gửi Ban Tổ chức Trung ương quyết định giao cụ thể theo thẩm quyền. Trường hợp số biên chế giáo viên được giao bổ sung đối với từng cấp học vẫn còn thiếu so với định mức, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên căn cứ quy định về định mức

số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để xác định số giáo viên sẽ thực hiện hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>61</sup>, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

Đối với biên chế nhân viên y tế, trên cơ sở các quy định về định mức chi phí, đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công của lĩnh vực y tế, đề nghị tỉnh Hưng Yên khẩn trương phê duyệt đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp y tế công lập thuộc phạm vi quản lý, theo đó xác định rõ số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tương ứng với mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập theo yêu cầu của Nghị quyết số 75/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV. Trường hợp số biên chế nhân viên y tế được giao (bao gồm số hưởng lương từ ngân sách nhà nước và hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp) trong các cơ sở y tế công lập chưa đủ theo định mức, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xác định số nhân viên y tế sẽ thực hiện hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

### **3. Về xây dựng vị trí việc làm công chức, viên chức**

**3.1. Đề nghị ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực (các tỉnh: Vĩnh Phúc, Vĩnh Long, Nam Định, Hưng Yên, Bắc Ninh, Bạc Liêu)**

#### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức (sau đây viết tắt là Nghị định số 62/2020/NĐ-CP) và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị định số 106/2020/NĐ-CP), đến tháng 12/2023, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã hoàn thành việc ban hành các Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính<sup>62</sup> và đơn vị sự nghiệp công lập<sup>63</sup>.

**3.2. Đề nghị Bộ Nội vụ cho ý kiến việc hướng dẫn của một số bộ, ngành Trung ương về vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực chưa có sự thống nhất với hướng dẫn của Bộ Nội vụ (tỉnh Vĩnh Phúc)**

<sup>61</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>62</sup> **Gồm 20/20 bộ, cơ quan ngang bộ:** (1) Bộ Nội vụ; (2) Bộ Giao thông vận tải; (3) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (4) Bộ Công Thương; (5) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (6) Bộ Kế hoạch và Đầu tư; (7) Bộ Khoa học và Công nghệ; (8) Ủy ban Dân tộc; (9) Bộ Tài nguyên và Môi trường; (10) Bộ Tư pháp; (11) Bộ Thông tin và Truyền thông; (12) Bộ Tài chính; (13) Văn phòng Chính phủ; (14) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (15) Bộ Giáo dục và Đào tạo; (16) Bộ Ngoại giao; (17) Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; (18) Bộ Xây dựng; (19) Bộ Y tế; (20) Thanh tra Chính phủ.

<sup>63</sup> **Gồm 15/15 bộ, cơ quan ngang bộ:** (1) Bộ Nội vụ; (2) Bộ Giao thông vận tải; (3) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (4) Bộ Công Thương; (5) Bộ Y tế; (6) Bộ Khoa học và Công nghệ; (7) Bộ Thông tin và Truyền thông; (8) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (9) Bộ Tư pháp; (10) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, (11) Bộ Tài nguyên và Môi trường; (12) Bộ Xây dựng; (13) Bộ Giáo dục và Đào tạo; (14) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (15) Bộ Tài chính. Riêng Thông tư của Bộ Tài chính đã hoàn thiện, đang đăng trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ theo quy định và sẽ ban hành vào đầu tháng 12/2023.



***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Trong thời gian qua, các bộ, ngành đã tích cực xây dựng và hoàn thành việc ban hành các Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP. Trong quá trình tổ chức triển khai, Bộ Nội vụ sẽ cùng với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo dõi và kịp thời rà soát, hoàn thiện, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các Thông tư, tạo điều kiện cho các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện.

***3.3. Đề nghị hướng dẫn định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính, định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (các tỉnh: Vĩnh Phúc, Bạc Liêu)***

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Đối với biên chế công chức, căn cứ chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao, đề nghị các bộ, ngành, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch và phân bổ chỉ tiêu biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính, bảo đảm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và đáp ứng các nguyên tắc, căn cứ xác định biên chế công chức gắn với thực hiện lộ trình tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026.

Đối với số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập: Tại khoản 5 mục IV Phụ lục kèm theo Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 và Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị (sau đây viết tắt là Quyết định số 1046/QĐ-TTg) đã giao trách nhiệm cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý, hoàn thành trong Quý II năm 2024<sup>64</sup>. Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục đôn đốc, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành Thông tư hướng dẫn định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý theo phân công của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1046/QĐ-TTg để làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện.

---

<sup>64</sup> Đến nay, Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

**3.4. Đề nghị Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn thống nhất cách tính định mức số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, làm cơ sở để địa phương triển khai thực hiện và thẩm định định mức thống nhất, phù hợp quy định (thành phố Đà Nẵng)**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Nghị định số 106/2020/NĐ-CP có quy định về định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp). Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tương ứng với mức độ tự chủ về tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 75/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội.

**3.5. Đề nghị Bộ Nội vụ cho chủ trương đánh giá tổng kết việc xây dựng Đề án vị trí việc làm, trên cơ sở đó giao cơ quan có thẩm quyền tham mưu, trình Bộ Chính trị Đề án chung về định mức biên chế trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trong toàn bộ hệ thống chính trị từ Trung ương đến cấp huyện để tổ chức triển khai, thực hiện thống nhất trong toàn quốc - tương tự như định mức biên chế cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố hiện nay (tỉnh Hà Giang)**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về vị trí việc làm, đề nghị các bộ, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý xây dựng Đề án vị trí việc làm làm cơ sở để cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm gắn với thực hiện tinh giản biên chế trong giai đoạn 2022-2026 theo quy định của Bộ Chính trị.

**4. Về sắp xếp, đổi mới cơ chế quản lý đơn vị sự nghiệp công lập**

**4.1. Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 xác định: Đến năm 2025, giảm tối thiểu bình quân 10% đơn vị sự nghiệp công lập so năm 2021. Giai đoạn 2015-2021, tỉnh Cà Mau đã thực hiện giảm đơn vị sự nghiệp đạt 13,76% (vượt 3,76%). Hiện nay, việc sắp xếp giảm các đơn vị sự nghiệp gặp nhiều khó khăn, do các đơn vị đang hoạt động ổn định và phù hợp với quy hoạch mạng lưới được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, đề xuất Bộ Nội vụ xem xét, đề xuất Chính phủ cho tỉnh Cà Mau được tính tỷ lệ vượt của giai đoạn trước (3,76%) vào chỉ tiêu 10% của giai đoạn 2021-2025 (tỉnh Cà Mau)**

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Bộ Nội vụ ghi nhận ý kiến của tỉnh Cà Mau để tổng hợp, báo cáo trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW<sup>65</sup>. Tuy nhiên, đề nghị tỉnh Cà Mau tiếp tục rà soát, đẩy mạnh sắp xếp để thu gọn đầu mối, nâng cao mức độ tự chủ và chất lượng hoạt động của các đơn vị sự nghiệp, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW đặt ra đến năm 2030 theo yêu cầu tại Kết luận số 62-KL/TW<sup>66</sup>.

***4.2. Đề nghị hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục, nội dung xây dựng và phê duyệt Đề án tự chủ (về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và nhiệm vụ) để tổ chức thực hiện và làm căn cứ giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (tỉnh Nam Định)***

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Theo quy định hiện hành, việc xây dựng và phê duyệt Đề án tự chủ được thực hiện như sau:

- Về nội dung Đề án tự chủ: Theo quy định của pháp luật thì việc xây dựng Đề án tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập phải trên 04 phương diện, gồm: (1) Về nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành; (2) Về tổ chức bộ máy theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP; (3) Về nhân sự theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP; (4) Về tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị định số 60/2021/NĐ-CP).

- Về trình tự, thủ tục phê duyệt Đề án tự chủ: Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng Đề án gửi lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực, báo cáo cơ quan chủ quản của đơn vị sự nghiệp công lập để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

***4.3. Kiến nghị cấp có thẩm quyền ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp (tỉnh Tây Ninh)***

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, theo phân công của Chính phủ tại Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 08/NQ-CP), các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã kịp thời xây dựng, trình Chính phủ ban hành đồng bộ các quy định về tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập, gồm: (1) Bộ Tài chính đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (quy định tự chủ về tài chính)<sup>67</sup>; (2) Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 120/2020/NĐ-CP (quy định tự chủ về tổ chức bộ

<sup>65</sup> Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>66</sup> Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>67</sup> Hiện nay, Bộ Tài chính đang rà soát, đánh giá và nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

máy) và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP (quy định tự chủ về vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập).

**4.4. Đề nghị Bộ Nội vụ sớm tham mưu Chính phủ ban hành cơ chế, hướng dẫn cụ thể nội dung thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập (thành phố Đà Nẵng)**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Bộ Nội vụ ghi nhận ý kiến của thành phố Đà Nẵng và nghiên cứu trong quá trình rà soát quy định pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, trường hợp cần thiết sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

**5. Về quy định số lượng cấp phó**

**5.1. Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định số lượng cấp phó của đơn vị sự nghiệp công lập (tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên) thuộc sở được bố trí không quá 02 cấp phó.** Tuy nhiên, trên thực tế có nhiều đơn vị (như trường học) có số lượng lớp đông (trên 20 lớp), đồng thời có nhiều cấp học thì việc bố trí không quá 02 cấp phó sẽ gặp nhiều khó khăn trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục của đơn vị. Do đó, đề xuất Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2020/NĐ-CP theo hướng đối với những cơ sở giáo dục có quy mô lớn, nhiều cấp học (như nêu trên) được bố trí không quá 03 cấp phó. Kiến nghị Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung được giao tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP để địa phương làm cơ sở thực hiện (tỉnh Cà Mau)

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Chính phủ đã báo cáo Bộ Chính trị trước khi ban hành các quy định liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó có quy định về số lượng lãnh đạo cấp phó tối đa trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm quản lý chặt chẽ số lượng cấp phó. Tuy nhiên, để kịp thời khắc phục, giải quyết các vướng mắc, khó khăn theo kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 5815/VPCP-TCCV ngày 06/9/2022 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về số lượng cấp phó, trong đó có sửa đổi tiêu chí xác định số lượng cấp phó của đơn vị sự nghiệp tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP. Hiện nay, căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 3961/VPCP-TCCV ngày 31/5/2023, Bộ Nội vụ đang phối hợp với Ban Tổ chức

Trung ương báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến trước khi Chính phủ ban hành Nghị định theo quy định.

## **6. Nội dung khác**

**6.1.** *Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí để có cơ sở pháp lý ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách tại địa phương (tỉnh Nam Định)*

### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 08/NQ-CP; quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Quyết định số 1046/QĐ-TTg đã xác định rõ trách nhiệm của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trong việc: Hướng dẫn định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có); tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước làm cơ sở xác định giá, phí dịch vụ từng loại hình dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng vùng, miền. Theo đó, trong thời gian tới, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục đôn đốc các bộ, ngành rà soát, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật để làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công theo từng ngành, lĩnh vực và xác định rõ lộ trình tính đủ giá để đẩy mạnh tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 62-KL/TW.

**6.2.** *Đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu rà soát, xem xét nghiên cứu bãi bỏ các thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện thuộc lĩnh vực tổ chức bộ máy<sup>68</sup> (tỉnh Hà Tĩnh)*

### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW, việc thành lập các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục được quản lý chặt chẽ, bảo đảm thực hiện mục tiêu tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Vì vậy, việc thực hiện quy trình thẩm định theo chức năng của các cơ quan tham mưu, quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy là cần thiết. Theo yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính, các thủ tục hành chính về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập đã được rà soát và rút ngắn về thời gian, bảo đảm tiết kiệm thời gian và giảm chi phí thực hiện.

**6.3.** *Sửa đổi, bổ sung các Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, số 106/2020/NĐ-CP; đẩy mạnh hơn nữa việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (các tỉnh: Hà Tĩnh, Bạc Liêu)*

### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị, căn cứ ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính

<sup>68</sup> Như: “Thủ tục thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập”, “Thủ tục thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập”, “Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập” và lĩnh vực công chức: “Thủ tục thi nâng ngạch công chức”.

phủ Trần Lưu Quang<sup>69</sup>, Bộ Nội vụ sẽ trình dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP theo lộ trình sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức.

Đối với kiến nghị đẩy mạnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Bộ Nội vụ xin ghi nhận ý kiến đề nghiên cứu trong quá trình rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

**6.4. Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sớm hoàn thiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các đơn vị ngoài công lập tham gia cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường để đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công; hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập để phù hợp với thực tiễn hoạt động hiện nay của các đơn vị (tỉnh Quảng Bình)**

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, thời gian qua, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã triển khai xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Trong thời gian tới, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục đôn đốc các bộ, ngành hoàn thiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sử dụng ngân sách nhà nước và hoàn thiện cơ sở pháp lý, tổ chức thực hiện xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập để phù hợp với thực tiễn hoạt động hiện nay của các đơn vị; phối hợp với Bộ Tài chính tham mưu, trình Chính phủ dự thảo Nghị quyết để chỉ đạo xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các đơn vị ngoài công lập tham gia cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường để đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

## **II. LĨNH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

**1. Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ sớm ban hành quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước; viên chức lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập chuyên ngành; sửa đổi quy định về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức; sửa đổi quy định về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ (các tỉnh: Sóc Trăng, Khánh Hòa, Bắc Ninh, Hà Tĩnh, Hưng Yên).**

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 85/2023/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và đang hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành các Nghị định về: (1) Tiêu chuẩn chức

<sup>69</sup> Văn bản số 6525/VPCP-TCCV ngày 23/8/2023 của Văn phòng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP.

đánh công chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan hành chính (Bộ Nội vụ đã có Công văn số 6865/BNV-CCVC ngày 24/11/2023 gửi xin ý kiến Ban Tổ chức Trung ương để hoàn thiện dự thảo Nghị định); (2) sửa đổi, bổ sung Nghị định số 138/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và đang phối hợp với các bộ, ngành, địa phương để đánh giá, rà soát báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét việc sửa đổi Nghị định số 140/2017/NĐ-CP cho phù hợp với thực tiễn.

**2. Đề nghị Bộ Nội vụ và các bộ, ngành Trung ương xây dựng các Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức chuyên ngành để hỗ trợ cho địa phương trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cho viên chức; Đề nghị các Bộ, ban, ngành được giao xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành, theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cần thường xuyên cập nhật để nội dung chương trình phù hợp với các quy định mới ban hành và tăng cường nội dung liên quan đến kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành ở từng vị trí việc làm; sớm ban hành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với các chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc quyền quản lý để tạo điều kiện cho viên chức sớm hoàn thiện tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp (các tỉnh: Quảng Ngãi, Lào Cai).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

a) Về xây dựng các Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức chuyên ngành để hỗ trợ cho địa phương trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cho viên chức:

Tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 101/NĐ-CP<sup>70</sup> đã quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý. Do đó, việc xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp các cơ quan liên quan tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2026-2030, trong đó nghiên cứu đẩy mạnh hoạt động bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành; tiếp tục đôn đốc các Bộ khẩn trương xây dựng và ban hành chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý quy định tại Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho viên chức được trang bị kiến thức, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ và đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng của đội ngũ viên chức.

b) Về đề nghị các Bộ, ban, ngành được giao xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành, theo yêu cầu vị trí việc

<sup>70</sup> Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

làm lãnh đạo, quản lý cần thường xuyên cập nhật để nội dung chương trình phù hợp với các quy định mới ban hành và tăng cường nội dung liên quan đến kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành ở từng vị trí việc làm.

Đối với chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức; theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: Thực hiện Nghị định số 89/2021/NĐ-CP, Bộ Nội vụ đã rà soát, cập nhật, biên soạn lại hệ thống chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức (ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp); theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý (cấp phòng, cấp huyện, cấp sở, cấp vụ) quy định tại Nghị định số 89/2021/NĐ-CP, trong đó đã thiết kế các nội dung bồi dưỡng phù hợp với các quy định mới và tình hình thực tế, các chương trình đã cập nhật, giảng dạy những kiến thức, kỹ năng quản lý công mới, phương thức lãnh đạo mới, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và hội nhập quốc tế.

c) Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã có Công văn số 5355/BNV-CCVC ngày 25/10/2021 và Công văn số 1853/BNV-CCVC ngày 07/5/2022 đề nghị các Bộ quản lý ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành. Hiện nay các Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp chuyên ngành đang chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ triển khai hoàn thiện các chương trình bồi dưỡng nêu trên.

**3. Kiến nghị Bộ Nội vụ có văn bản hướng dẫn chung cho các địa phương về việc xác định cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức theo hướng như sau: Quy định cụ thể tỷ lệ phần trăm (%) ngạch chuyên viên chính, chuyên viên đối với vị trí việc làm theo chuyên môn dung chung và vị trí việc làm chuyên ngành so với tổng số biên chế giao của các cơ quan đơn vị, nhằm đảm bảo tính thống nhất chung trong cả nước (tỉnh Kiên Giang).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Hiện nay Bộ Nội vụ đang tổng hợp, đánh giá việc xây dựng Đề án vị trí việc làm, trong đó có nội dung về cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức ở các bộ, ngành, địa phương để sửa đổi hoặc trình Chính phủ sửa đổi cho phù hợp với quy định về quản lý biên chế, cải cách chính sách tiền lương trong khu vực công đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Theo đó, trong thời gian chưa có sửa đổi về các vấn đề nêu trên, đề nghị các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện quy định tại các Nghị định số 62/2020/NĐ-CP về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các Thông tư số 12/2022/TT-BNV hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý, số 13/2022/TT-BNV hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức.

**4. Đề nghị bổ sung quy định:** “Đối với việc tuyển dụng viên chức mà Hội đồng tuyển dụng không đáp ứng cơ sở vật chất, năng lực để tổ chức đánh giá trình độ năng lực ngoại ngữ tin học thì thí sinh tham dự kỳ tuyển dụng phải cung cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học để xác định có khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học



*đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự tuyển theo quy định” (tỉnh Kiên Giang).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (trong đó đã có các nội dung như kiến nghị của địa phương).

**5. Đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Tài chính quan tâm sớm ban hành Thông tư hướng dẫn nội dung, mức chi tuyển dụng, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp để các địa phương thực hiện thống nhất (thành phố Đà Nẵng).**

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Hiện nay, việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức được quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. Do đó, trong khi chưa có quy định khác, đề nghị địa phương thực hiện theo đúng quy định của Thông tư số 92/2021/TT-BTC nêu trên.

**6. Đề nghị cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế liên thông đối với các trường hợp chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện, cấp tỉnh để thuận lợi trong quá trình thực hiện việc điều chuyển cán bộ, công chức cấp xã đôi dư tại các đơn vị hành chính phải sắp xếp, sáp nhập (tỉnh Ninh Bình).**

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

a) Hiện nay, việc chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức. Theo đó, cán bộ, công chức cấp xã khi chuyển thành công chức từ cấp huyện trở lên phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện có thời gian 05 năm công tác trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) và phải thực hiện quy trình xem xét tiếp nhận theo quy định.

b) Tại Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới, trong đó có nhiệm vụ, giải pháp: “Sửa đổi chính sách, pháp luật để liên thông cán bộ từ cấp xã tới cấp huyện, cấp tỉnh”. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Nội vụ đã xây dựng Đề án liên thông cán bộ, công chức cấp xã với công chức từ cấp huyện, cấp tỉnh và đang gửi lấy ý kiến các Bộ, ban, ngành và địa phương. Trên cơ sở ý kiến tham gia, Bộ Nội vụ sẽ tổng hợp, tiếp thu hoàn thiện Đề án trình Chính phủ.

**7. Đề nghị Quốc hội sớm ban hành Luật sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức; Luật viên chức (tỉnh Hà Tĩnh).**

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Thực hiện nhiệm vụ được giao, trên cơ sở báo cáo kết quả rà soát của các bộ, ban, ngành, địa phương, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ Tư pháp và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xây dựng Báo cáo kết quả nghiên cứu, rà soát Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các Luật có liên quan trình Chính phủ.

**8. Đề nghị Chính phủ nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 về quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ (tỉnh Hà Tĩnh).**

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Chương 4 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ. Do đó, đề nghị địa phương căn cứ quy định tại Luật để triển khai thực hiện

**9. Đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan hướng dẫn nguồn kinh phí thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ để các địa phương thực hiện (thành phố Đà Nẵng).**

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Bộ Nội vụ ghi nhận kiến nghị, đề xuất của thành phố Đà Nẵng để phối hợp khi có đề nghị của Bộ Tài chính trong việc hướng dẫn nguồn kinh phí thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ để các địa phương thực hiện.

**III. LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

**1. Ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện thống nhất (các tỉnh: Long An, Khánh Hòa, Hà Tĩnh, Bình Dương, Nam Định, Quảng Trị).**

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Căn cứ tình hình thực tiễn triển khai thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và ý kiến của một số địa phương, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 4368/BNV-CQĐP ngày 09/8/2023 gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn thực hiện quy định tại Điều 6 và Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP; Văn bản số 5935/BNV-CQĐP ngày 31/8/2023 gửi Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị tổng hợp các vướng mắc, khó khăn và đề xuất để Bộ Nội vụ kịp thời hướng dẫn trả lời liên quan đến Nghị định số 33/2023/NĐ-CP nêu trên (đến nay mới có 04 địa phương<sup>71</sup> gửi ý kiến đến Bộ Nội vụ); đồng thời ban hành Quyết định số 981/QĐ-BNV ngày 01/12/2023 về việc thành lập Tổ soạn thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Bộ Nội vụ đang tiếp tục tổng hợp ý kiến của các địa phương để xây dựng dự thảo Thông tư, sớm ban

<sup>71</sup> Các địa phương gồm: Khánh Hòa, Đà Nẵng, Đắk Nông, TP Hồ Chí Minh.

hành trong thời gian tới.

**2. Sớm thẩm định, công nhận Bộ hồ sơ, bản đồ thuộc Dự án 513 “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính tỉnh Long An” để đưa vào sử dụng theo quy định (tỉnh Long An).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Bộ Nội vụ nhận được Công văn số 3991/SNV-XDCQCTTN ngày 24/11/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Long An gửi Cục Đo đạc, bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam báo cáo về việc nghiệm thu Dự án 513 của tỉnh Long An. Theo đó, sau khi có ý kiến của Cục Đo đạc, bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, đề nghị tỉnh Long An hoàn thiện hồ sơ gửi Bộ Nội vụ nghiệm thu theo quy định.

**3. Tham mưu Chính phủ quy định kéo dài lộ trình giải quyết cán bộ, công chức dôi dư đối với những ĐVHC có trên 50% đơn vị hành chính trực thuộc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính (tỉnh Nam Định).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15, chậm nhất là 05 năm kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC có hiệu lực thi hành phải hoàn thành việc giải quyết số lượng lãnh đạo, quản lý và số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư ở các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC sau sắp xếp; trường hợp đặc biệt báo cáo Bộ Nội vụ để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Do vậy, đề nghị UBND tỉnh Nam Định chủ động xây dựng phương án để giải quyết số lượng cán bộ, công chức dôi dư theo đúng lộ trình đã quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15. Trường hợp gần đến thời điểm kết thúc thời hạn theo quy định mà chưa thể giải quyết hết số lượng cán bộ, công chức dôi dư theo quy định, đề nghị UBND tỉnh Nam Định báo cáo Bộ Nội vụ để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

**4. Phối hợp các cơ quan liên quan có giải pháp tháo gỡ khó khăn lúng túng trong khâu lập dự trù kinh phí, xây dựng định mức, thanh quyết toán kinh phí trong thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã (tỉnh Nam Định).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Thực hiện Nghị quyết số 117/NQ-CP của Chính phủ, ngày 31/7/2023 Bộ Tài chính đã có Văn bản số 8006/BTC-NSNN ngày 31/7/2023 hướng dẫn thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, trong đó có nội dung hướng dẫn công tác lập dự toán, định mức chi, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã. Trong quá trình thực hiện văn bản này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị UBND tỉnh Nam Định phản ánh kịp thời đến Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính để xem xét, trả lời.

**5. Ban hành các quy định hướng dẫn thực hiện việc xây dựng Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; hướng dẫn cụ thể về lộ trình, thủ tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính đô thị hoặc cho phép các địa phương được thực hiện việc sắp xếp (mở rộng đơn vị**

*hành chính) trước, sau đó mới thực hiện việc lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch, chương trình phát triển đô thị để đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển đô thị trong giai đoạn tiếp theo. Xem xét ban hành cơ chế bán đấu giá tài sản nhà, đất phù hợp với điều kiện thực tế địa phương (tỉnh Ninh Bình).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

a) Về ban hành các quy định hướng dẫn thực hiện việc xây dựng Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Bộ Nội vụ tiếp thu để nghiên cứu báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Về lộ trình, thủ tục thực hiện sắp xếp ĐVHC hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 (trong đó sắp xếp đơn vị hành chính đô thị), đề nghị địa phương thực hiện theo đúng Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 và các văn bản hướng dẫn của các bộ, cơ quan Trung ương (không có văn bản hướng dẫn riêng thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính đô thị).

c) Về cơ chế bán đấu giá tài sản nhà, đất phù hợp với điều kiện thực tế địa phương: Đề nghị tỉnh có văn bản xin ý kiến Bộ Tài chính.

**6. Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương quan tâm, xem xét, giải quyết dứt điểm khu vực chông lán với diện tích khoảng 521,4ha (tại xã Xuân Lãn, huyện Đông Xuân, tỉnh Phú Yên với xã Canh Hòa, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định). Đồng thời, để sớm khép kín tuyến ĐGHG giữa hai tỉnh phục vụ cho công tác hoàn thiện Dự án 513 trên địa bàn tỉnh Phú Yên trình Hội đồng nghiệm thu cấp nhà nước trong năm 2023 theo quy định (tỉnh Phú Yên).**

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 870/BNV-CQĐP ngày 02/3/2023 gửi UBND tỉnh Phú Yên và tỉnh Bình Định về nội dung kiến nghị nêu trên. Theo đó, đề nghị UBND tỉnh Bình Định chủ động phối hợp với UBND tỉnh Phú Yên để tổ chức chuyển vẽ nguyên trạng đường địa giới ĐVHC giữa tỉnh Bình Định và tỉnh Phú Yên từ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC lập theo Chỉ thị số 364-CT sang hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC lập theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ để gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường kiểm tra nghiệm thu kỹ thuật hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp của 2 địa phương trước khi có văn bản đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, tổ chức thẩm định.

**7. Đề nghị Chính phủ, Bộ Nội vụ quan tâm, sớm giải quyết dứt điểm địa giới hành chính giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng (tỉnh Thừa Thiên - Huế).**

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 302/QĐ-TTg ngày 28/3/2023 về việc kéo dài thời gian thực hiện Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”, Bộ Nội vụ đang phối hợp với các bộ, cơ quan Trung ương liên quan

hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định xác định địa giới hành chính giữa 2 địa phương tại khu vực nêu trên.

**8.** *Tham mưu ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tế về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được ổn định và theo quy định (tỉnh Bắc Ninh đang phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, cần giữ ổn định, cũng như số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã hiện có, để đạt được mục tiêu trên) (tỉnh Bắc Ninh).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Triển khai thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 về kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; Thủ tướng Chính phủ ban hành 04 công điện chỉ đạo và giao nhiệm vụ cụ thể để các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã; các bộ, cơ quan Trung ương trong phạm vi thẩm quyền đã ban hành 14 văn bản hướng dẫn các nội dung liên quan đến sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Đề nghị địa phương căn cứ các văn bản nêu trên để quán triệt, tổ chức triển khai trên địa bàn. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn đề nghị địa phương kịp thời phản ánh để các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi thẩm quyền ban hành văn bản hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

**9.** *Đề nghị báo cáo Ban Bí thư xem xét điều chỉnh các mốc thời gian tiến hành Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tại Chi thị số 22-CT/TW ngày 25/5/2023 để phù hợp với tiến độ thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 (tỉnh Hà Tĩnh).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Ngày 30/11/2023, Ban Tổ chức Trung ương đã có Văn bản số 26-HD/BTCTW Hướng dẫn việc thực hiện sắp xếp tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở những địa phương thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 trong đó giao Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn việc sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, công chức, viên chức và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các tổ chức, cơ quan, đơn vị trực thuộc trên địa bàn thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

Về vấn đề này, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 7273/BNV-CQĐP ngày 11/12/2023 đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn việc tổ chức Đại hội Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp, bảo đảm phù hợp với lộ trình thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

## IV. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

### 1. Công tác quản lý nhà nước đối với Công giáo

*Đề nghị hướng dẫn công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của các Dòng tu Công giáo (tỉnh Vĩnh Long).*

#### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Giáo hội Công giáo Việt Nam hiện nay có hơn 200 dòng tu, tu hội, tu đoàn tông đồ với hơn 7.000 linh mục dòng và 30.000 nam, nữ tu sĩ. Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của các dòng tu theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay còn một số vướng mắc như: (1) Việc xác định các dòng Giáo hoàng là tổ chức tôn giáo trực thuộc theo khoản 2 Điều 67 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. Do điều khoản chuyển tiếp của Luật Tín ngưỡng tôn giáo không định danh cụ thể nên một số địa phương chưa thống nhất trong cách quản lý, cách hiểu và ứng xử đối với các dòng Giáo hoàng; (2) Việc xác định chủ thể đề nghị thành lập các dòng Giáo hoàng. Do đặc thù các dòng Giáo hoàng có trụ sở chính ở nước ngoài, theo quy định Điều 29 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo chủ thể đứng đơn đề nghị thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc là tổ chức tôn giáo, nhưng giữa Hội đồng Giám mục Việt Nam và Liên hiệp Bề trên Thượng cấp Việt Nam chưa thống nhất về chủ thể đề nghị nên gặp vướng mắc trong quản lý nhà nước; (3) Việc bắt buộc giáo hội phải có văn bản thành lập các dòng tu đã tồn tại và hoạt động ở Việt Nam từ trước năm 1975 theo khoản 4 Điều 29 của Luật, giáo hội không thực hiện được; (4) Một số nội dung không thống nhất trong cách giải quyết ở địa phương: hướng dẫn hoạt động các cộng đoàn thuộc dòng tu theo nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (Điều 16 của Luật) hay tổ chức tôn giáo trực thuộc (Điều 28, Điều 29 của Luật); việc hướng dẫn và quản lý các dòng tu mới đang hoạt động thử nghiệm; việc quản lý đất đai, cơ sở tôn giáo liên quan đến dòng tu....

Để tháo gỡ những nội dung vướng mắc trên và thống nhất trong công tác quản lý nhà nước đối với dòng tu, Bộ Nội vụ đã giao Ban Tôn giáo Chính phủ tổ chức hội nghị với các địa phương thống nhất biện pháp tháo gỡ vướng mắc nêu trên. Giáo hội Công giáo Việt Nam đã thống nhất chủ thể đứng đơn đề nghị đăng ký hoạt động và thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc đối với các dòng tu Công giáo ở Việt Nam là Ủy ban Tu sỹ thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam, Liên hiệp Bề trên Thượng cấp là tổ chức thẩm định hồ sơ của các dòng tu Công giáo. Trên cơ sở đó, ban hành văn bản hướng dẫn, thống nhất trong công tác quản lý hoạt động của các dòng tu Công giáo theo quy định của pháp luật.

### 2. Công tác quản lý nhà nước đối với tín ngưỡng và hiện tượng tôn giáo mới

*Đề nghị Bộ Nội vụ thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, thông tin tình hình, cung cấp các tài liệu liên quan về quá trình hình thành, phương thức hoạt động và những vấn đề quản lý nhà nước đối với các hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo mới, “đạo lạ”, “tà đạo”; Hướng dẫn việc quản lý hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng tư nhân, việc quản lý hoạt động tại các cơ sở tôn giáo của cộng đồng, hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo cho địa phương để biết nhằm chủ động trong công tác nắm tình hình; hướng dẫn cách xử lý đối với các hiện tượng trên*

(các tỉnh: Vĩnh Long, Hưng Yên, Nghệ An, Bắc Giang).

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

(1) Ngày 28/11/2019, Ban Tôn giáo Chính phủ đã ban hành văn bản số 1400/TGCP-TGK hướng dẫn công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng gửi tới Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong thời gian qua, khi có những vấn đề phát sinh chưa có quy định rõ tại Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ đã kịp thời thông tin và hướng dẫn địa phương như: việc xây dựng cơ sở tín ngưỡng mới, về quyền sở hữu cơ sở tín ngưỡng,...

(2) Việc xây dựng cơ sở tín ngưỡng thực hiện theo Luật Xây dựng, Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn. Theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, điện thờ tư gia không được công nhận là cơ sở tín ngưỡng. Hoạt động tín ngưỡng tại các điện thờ tư gia chỉ được phục vụ riêng cho gia đình. Việc quản lý xây dựng và hoạt động của các điện thờ tư gia thuộc trách nhiệm chính quyền cơ sở, cần ngăn chặn kịp thời việc xây dựng điện thờ tư gia với mục đích hoạt động như cơ sở tín ngưỡng của cộng đồng; không để các hoạt động tín ngưỡng tập trung đông người, hoạt động mê tín dị đoan, trục lợi ở điện thờ tư gia.

(3) Về quản lý nhà nước đối với các hiện tượng tôn giáo mới, “đạo lạ”, “tà đạo”: Bộ Nội vụ đã ban hành văn bản gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về công tác QLNN đối với hoạt động của các “đạo lạ, tà đạo”. Theo đó, Bộ Nội vụ đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đẩy mạnh công tác quản lý thông tin qua internet và xuất bản ấn phẩm liên quan đến “đạo lạ”, “tà đạo”; tuyên truyền để các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp nâng cao cảnh giác, tiếp nhận có chọn lọc các khoản viện trợ, tài trợ; vận động Nhân dân không tin theo các “tà đạo”; hướng dẫn xây dựng các quy ước, hương ước trong đó có nội dung ngăn chặn các “tà đạo”; tăng cường sự phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị để chia sẻ thông tin, chia sẻ kinh nghiệm và thống nhất phương hướng giải quyết.

Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ kịp thời cung cấp thông tin về những hiện tượng tín ngưỡng, “đạo lạ”, “tà đạo” phát sinh, tiếp tục đẩy mạnh hướng dẫn, đôn đốc Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ về công tác quản lý hoạt động tín ngưỡng, “đạo lạ”, “tà đạo”.

**3. Công tác xây dựng thể chế**

**3.1. Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ sớm ban hành Nghị định thay thế Nghị định 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ và Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng tôn giáo (các tỉnh: Nam Định, Hưng Yên, Khánh Hòa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Yên Bái, Lào Cai, Bình Định).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Thực hiện chương trình xây dựng văn bản QPPL, từ năm 2022 Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng 02 dự thảo: Nghị định thay thế Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Nghị định thay thế); Nghị định

quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng tôn giáo (Nghị định xử phạt) theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tiến độ. 02 Dự thảo đã được Bộ Tư pháp thẩm định và Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ cho ý kiến.

Đối với dự thảo Nghị định thay thế, Bộ Nội vụ đang phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành liên quan tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ về một số điều còn có ý kiến khác nhau để Chính phủ sớm thông qua và ban hành.

Đối với dự thảo Nghị định xử phạt, do các quy định về xử phạt đối với chức sắc, nhà tu hành có tính nhạy cảm, bên cạnh đó một số quy định trong Nghị định thay thế là căn cứ để quy định xử phạt chưa được ban hành nên Bộ Nội vụ đã có Tờ trình Chính phủ về việc lùi thời điểm ban hành sau khi tổng kết Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

*3.2. Đối với đề nghị Bộ Nội vụ sớm tham mưu Chính phủ quy định cụ thể xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng tôn giáo (tỉnh kiến nghị, đề xuất: Lào Cai) và đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp với các bộ, ngành có liên quan để tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành văn bản để cụ thể hóa Luật tín ngưỡng, tôn giáo như: Quy định việc xử lý vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo (tỉnh Bình Thuận).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Từ năm 2022, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng tôn giáo (Nghị định xử phạt). Dự thảo Nghị định xử phạt đã được các bộ ngành, địa phương, tổ chức tôn giáo tham gia ý kiến, Bộ Tư pháp đã thẩm định. Tuy nhiên, do các quy định về xử phạt đối với chức sắc, nhà tu hành có tính nhạy cảm, bên cạnh đó một số quy định trong Nghị định thay thế là căn cứ để quy định xử phạt chưa được ban hành nên Bộ Nội vụ đã có Tờ trình Chính phủ về việc lùi thời điểm ban hành sau khi tổng kết Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

*3.3. Kịp thời hướng dẫn những nội dung bất cập trong quá trình triển khai thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định hướng dẫn thi hành để các địa phương triển khai thực hiện thống nhất, tránh tình trạng mỗi địa phương hiểu và vận dụng khác nhau (tỉnh Khánh Hòa). Đề nghị tiếp tục quan tâm, phối hợp với các địa phương tổ chức các hội nghị phổ biến chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho đội ngũ cán bộ công chức làm công tác tôn giáo các cấp và cho chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo trên cả nước (tỉnh Quảng Trị).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Trong quá trình triển khai thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP, Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ) thường xuyên nắm bắt tình hình, thanh tra, kiểm tra để kịp thời hướng dẫn các địa phương trong việc vận dụng, áp dụng pháp luật đảm bảo tính thống nhất và đầy đủ.

Theo phân cấp và phân bổ kinh phí thực hiện, hằng năm, Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ) đã xây dựng Kế hoạch phổ biến pháp luật, tập huấn nghiệp



vụ, kỹ năng cho công chức, viên chức, người lao động thuộc Ban Tôn giáo Chính phủ và công chức làm công tác QLNN về tín ngưỡng, tôn giáo ở địa phương; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc, chức việc, nhà tu hành, các tổ chức tôn giáo. Hỗ trợ các địa phương về báo cáo viên giới thiệu Luật, Nghị định số 162/2017/NĐ-CP và công tác QLNN về tín ngưỡng, tôn giáo.

Năm 2023, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tổ chức các lớp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc, chức việc, nhà tu hành đại diện các tổ chức tôn giáo tại 04 tỉnh Hải Phòng, Cao Bằng, Lạng Sơn, Đắk Nông với tổng 05 lớp và 1034 đại biểu (Hải Phòng 02 lớp với 631 đại biểu; Cao Bằng 01 lớp với 232 đại biểu; Lạng Sơn 01 lớp với 161 đại biểu; Đắk Nông 01 lớp với 180 đại biểu).

*3.4. Việc áp dụng Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP của Chính phủ vẫn còn hạn chế nhất định, chủ trương còn thiếu đồng bộ, chưa đi vào chiều sâu, công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo từng lúc, từng nơi chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới (tỉnh Cà Mau).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Trong quá trình thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP, có một số địa phương còn bộc lộ hạn chế trong việc áp dụng pháp luật nên công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo từng lúc, từng nơi chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Do đó, Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ) sẽ thường xuyên tiến hành thanh tra, kiểm tra để đôn đốc, chấn chỉnh việc áp dụng pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo đảm bảo Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP được thực hiện nghiêm túc đúng quy định.

Đối với chủ trương công tác trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo được triển khai đối với các tổ chức tôn giáo riêng biệt phù hợp với đặc điểm, tình hình từng tổ chức tôn giáo và quy định của pháp luật.

*3.5. Đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sớm xem xét điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30/5/2014. Lý do các căn cứ ban hành Thông tư liên tịch này đã hết hiệu lực và được thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật khác, nhiều nội dung của Thông tư đã được kế thừa trong các văn bản mới có giá trị pháp lý cao hơn (tỉnh Lào Cai).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Ngày 30/5/2014, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV hướng dẫn thực hiện nếp sống văn minh tại các cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo (Thông tư số 04/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV). Đến nay, các căn cứ ban hành Thông tư liên tịch này đã hết hiệu lực và được thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật khác, nhiều nội dung của Thông tư đã được kế thừa trong các văn bản mới có giá trị pháp lý cao hơn nên Bộ Nội vụ đã triển khai đánh giá tình hình thực hiện và đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quy trình công bố

Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV hết hiệu lực. Ngày 25/10/2023 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Thông tư số 12/2023/TT-BVHTTDL (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2023) trong đó có nội dung bãi bỏ Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV.

**3.6. Đề nghị Bộ Nội vụ sớm tham mưu Chính phủ sửa bổ sung hoặc ban hành văn bản cụ thể một số điều của Luật tín ngưỡng, tôn giáo như:** Quy định việc thực hiện công tác quản lý tín ngưỡng và lễ hội tín ngưỡng về cùng một đầu mối cơ quan; quy định công tác quản lý hoạt động tín ngưỡng chung tại các cơ sở tín ngưỡng cho cơ quan quản lý về tín ngưỡng (trong đó có việc thực hiện hoạt động tín ngưỡng trong cơ sở tín ngưỡng được công nhận là di tích); quy định cụ thể xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng tôn giáo; điều chỉnh bổ sung hoặc hướng dẫn việc thực hiện đăng ký pháp nhân phi thương mại đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc (tỉnh Lào Cai).

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Quy định việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng và lễ hội tín ngưỡng đã được quy định tại Điều 61 Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Điều 22 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP nên không thể giao cho một cơ quan làm đầu mối và cũng không thể giao cho cơ quan QLNN về tín ngưỡng thực hiện công tác quản lý đối với cơ sở tín ngưỡng được công nhận là di tích.

Đối với quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng tôn giáo đang được Bộ Nội vụ hoàn thiện và trình Chính phủ ban hành sau khi tổng kết Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Đối với việc thực hiện đăng ký pháp nhân phi thương mại đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc đã được sửa đổi, bổ sung trong Nghị định thay thế Nghị định số 162/2017/NĐ-CP sẽ được ban hành trong thời gian tới.

**3.7. Đối với các đề xuất, kiến nghị liên quan đến các lĩnh vực đất đai, xây dựng, giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo...(các tỉnh: Bình Thuận, Khánh Hòa, Cà Mau).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo chỉ điều chỉnh các hoạt động tôn giáo. Các cá nhân, tổ chức tôn giáo khi tham gia các hoạt động khác cần tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan. Sau khi Nghị định thay thế Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo được ban hành, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục theo dõi, nắm tình hình triển khai Luật và Nghị định; trường hợp cần thiết Bộ Nội vụ sẽ tham mưu Chính phủ tổng kết thi hành Luật; trình Quốc hội đưa vào chương trình xây dựng luật đảm bảo đúng trình tự, thủ tục luật định nhằm từng bước hoàn thiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật đất đai, xây dựng, y tế, giáo dục...

**4. Công tác tổ chức cán bộ và tập huấn bồi dưỡng cán bộ**

**4.1. Có phương án củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ làm công**

*tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo thống nhất từ Trung ương xuống địa phương (tỉnh Bình Thuận).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Hiện nay, tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở Trung ương và địa phương mới được sắp xếp lại, thực hiện ổn định.

Ở Trung ương, tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ và Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ. Ở địa phương thực hiện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với cấp tỉnh và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc Trung ương đối với cấp huyện.

***4.2. Đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp với các bộ, ngành có liên quan để tham mưu Chính phủ quy định hướng dẫn thống nhất một số vấn đề sau: Có chế độ, chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ làm công tác tôn giáo để đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới của đất nước (tỉnh Bình Thuận).***

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Trong thời gian qua, Bộ Nội vụ đã tổ chức thi tuyển công chức, viên chức về công tác tại Bộ Nội vụ (trong đó có Ban Tôn giáo Chính phủ) theo Nghị định 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Đề nghị tỉnh Bình Thuận chủ động xây dựng kế hoạch tuyển dụng theo Nghị định 140/2017/NĐ-CP để thu hút người tài, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ để tạo nguồn cán bộ làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo đủ năng lực, trình độ, năng động, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới. Hiện tại, Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học quốc gia Hà Nội để mở mã ngành đào tạo Quản lý nhà nước về tôn giáo tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và có chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp để tạo nguồn cán bộ làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo đủ năng lực, trình độ, năng động, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới.

***4.3. Đề nghị thường xuyên mở lớp tập huấn chuyên sâu cho cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo, chia sẻ kinh nghiệm trong giải quyết các vụ việc phức tạp liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo đã được chính quyền các tỉnh giải quyết đạt kết quả tốt; tổ chức một số Hội nghị chuyên đề, trao đổi kinh nghiệm tại một số tỉnh, thành phố làm tốt công tác tôn giáo hoặc có những sáng kiến xử lý***

*các tình huống thường hay phát sinh trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo cho cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp; tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho công tác tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo ở cơ sở (các tỉnh: Vĩnh Long, Bắc Giang, Hưng Yên).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-TTg, ngày 11/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về “Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022 - 2026”, Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 273/QĐ-BNV ngày 04/4/2022 thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án “Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022 - 2026”; Kế hoạch số 1023/KH-BNV ngày 17/03/2022 triển khai Đề án “Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022 - 2026” và giao Ban Tôn giáo Chính phủ thuộc Bộ Nội vụ xây dựng triển khai hàng năm (năm 2022: Kế hoạch số 374/KH-TGCP ngày 31/3/2022 và năm 2023: Kế hoạch số 267/KH-TGCP ngày 28/02/2023). Trong 02 năm qua, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tham mưu tổ chức 10 lớp tập huấn chuyên sâu cho cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo, chia sẻ kinh nghiệm trong giải quyết các vụ việc phức tạp liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo đã được chính quyền các tỉnh giải quyết đạt kết quả tốt (tại các tỉnh: Ninh Bình, Lâm Đồng, Kiên Giang, Lai Châu, Đắk Lắk, Quảng Ngãi, Hà Nội, An Giang, Gia Lai, Tuyên Quang). Đề nghị các tỉnh Vĩnh Long, Bắc Giang, Hưng Yên tiếp tục quan tâm, cử người tham dự các lớp tập huấn do Ban Tôn giáo Chính phủ, Bộ Nội vụ tổ chức trong thời gian tới. Đề nghị các tỉnh, thành phố thực hiện Quyết định số 43/QĐ-TTg ngày 11/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo trong hệ thống chính trị, quan tâm đặc biệt đối với cán bộ, công chức cấp cơ sở, xã, phường, thị trấn. Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ) vẫn tiếp tục thực hiện việc hỗ trợ về báo cáo viên có trình độ, năng lực, kinh nghiệm và tài liệu tham khảo khi có đề nghị của địa phương.

**5. Công tác Thông tin và Truyền thông**

**5.1. Xây dựng và triển khai áp dụng phần mềm quản lý, khai thác dữ liệu cơ sở thờ tự và chức sắc tôn giáo; hệ thống cơ sở dữ liệu số về bản đồ tôn giáo và bản đồ cơ sở thờ tự tôn giáo (tỉnh Nghệ An).**

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Về việc xây dựng, triển khai áp dụng phần mềm quản lý, khai thác dữ liệu cơ sở thờ tự và chức sắc tôn giáo, nhiệm vụ này được thực hiện theo Quyết định số 427/QĐ-BNV ngày 15/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của Bộ Nội vụ - Giai đoạn 2”; Quyết định số 708/QĐ-BNV ngày 11/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ. Theo đó Ban Tôn giáo Chính phủ là đơn vị chủ trì, quản lý nhiệm vụ “Cơ sở dữ liệu về Tôn giáo”.

Hiện nay, Ban Tôn giáo Chính phủ đã xây dựng mẫu phiếu dữ liệu đầu vào gồm: Cơ sở dữ liệu về cơ sở tôn giáo và cơ sở dữ liệu về chức sắc, chức việc tôn giáo; đồng thời phối hợp với Văn phòng Bộ Nội vụ và đơn vị tư vấn hoàn thành các yêu cầu chức năng, tiêu chí quản lý của các hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu và thống nhất quy trình, nghiệp vụ của nhiệm vụ “Cơ sở dữ liệu về Tôn giáo” (Bao gồm các nội dung Cơ sở pháp lý, căn cứ thực hiện; Các nghiệp vụ cần tin học hóa; Quy trình quản lý nghiệp vụ; Nguồn cung cấp đầu vào; Báo cáo thống kê đầu ra). Về hệ thống cơ sở dữ liệu số về bản đồ tôn giáo và bản đồ cơ sở thờ tự tôn giáo sẽ thực hiện sau khi nhiệm vụ “Cơ sở dữ liệu về Tôn giáo” hoàn thành để có thể tái sử dụng tài nguyên dữ liệu đã triển khai.

## V. LĨNH VỰC CÔNG TÁC THANH NIÊN

**1. Đề nghị Bộ Nội vụ có văn bản hướng dẫn thống nhất chung về việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển thanh niên giai đoạn 2025-2030 (tỉnh Cà Mau)**

### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Khoản 1 Điều 40 Luật Thanh niên năm 2020 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình ban hành Nghị quyết về phát triển thanh niên tại địa phương để thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với thanh niên; Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam. Trong đó, giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tham mưu, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành Nghị quyết về phát triển thanh niên của tỉnh; Bộ Nội vụ đã ban hành kèm theo Quyết định số 1113/QĐ-BNV Phụ lục I các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện Chiến lược, trong đó quy định yêu cầu cụ thể về một số nội dung của Nghị quyết.

Vì vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau căn cứ chính sách quy định tại Luật Thanh niên, các mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển thanh niên giai đoạn 2021 - 2030 và văn bản hướng dẫn thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam để xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về phát triển thanh niên phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**2. Đề nghị Bộ Nội vụ đôn đốc các bộ, ngành Trung ương thực hiện các Đề án, dự án, chỉ tiêu, mục tiêu của Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và tổng hợp, hướng dẫn để địa phương có cơ sở thực hiện thống nhất, có hiệu quả Chương trình phát triển thanh niên từ Trung ương đến địa phương; kiến nghị của tỉnh Quảng Trị đề nghị Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan sớm ban hành các Chương trình, Đề án phát triển thanh niên để địa phương có cơ sở kịp thời triển khai thực hiện nhằm đảm bảo tiến độ đã đề ra (tỉnh Khánh Hòa).**

### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Thực hiện Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, một số bộ, ngành đã và đang phối hợp với Bộ Nội vụ triển khai xây dựng các

nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án thực hiện Chiến lược theo phân công của Thủ tướng Chính phủ để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, tuy nhiên, về cơ bản đều chậm tiến độ đề ra. Đến thời điểm này, mới có 06 nhiệm vụ, đề án đã được cấp có thẩm quyền ban hành và triển khai thực hiện<sup>72</sup>; 01 Dự án đã được xây dựng giai đoạn 2010 - 2020 và tiếp tục thực hiện đến hết năm 2030<sup>73</sup>; 02 Đề án được lồng ghép thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao<sup>74</sup>; 02 đề án đề nghị không thực hiện để tránh trùng lặp, chòng chéo với các chương trình, đề án khác đã được cấp có thẩm quyền ban hành<sup>75</sup>, các nhiệm vụ, đề án còn lại đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện dự thảo. Hằng năm, Bộ Nội vụ đều có văn bản hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ trọng tâm quản lý nhà nước về thanh niên, trong đó đề nghị các bộ, ngành hoàn thành việc ban hành chương trình, kế hoạch phát triển thanh niên; các nhiệm vụ, đề án, dự án được Thủ tướng Chính phủ giao và hướng dẫn các địa phương lồng ghép các chỉ tiêu phát triển thanh niên thuộc ngành, lĩnh vực quản lý. Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục phối hợp, tăng cường đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các bộ, ngành để bảo đảm kết quả thực hiện.

**3. Đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam đăng tải danh sách phiên hiệu thanh niên xung phong mới được công nhận của các địa phương để địa phương trên toàn quốc thuận tiện trong việc tra cứu, thực hiện chế độ chính sách cho thanh niên xung phong theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ (tỉnh Khánh Hòa)**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Nhằm ghi nhận công lao đóng góp của các cựu thanh niên xung phong, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 18/2014/TT-BNV ngày 25/11/2014 quy định việc xác nhận phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong đã được thành lập và hoạt động trong các thời kỳ đối với đơn vị chưa được xác định phiên hiệu. Từ những bất cập trong quá trình thực hiện, Bộ Nội vụ đã tổ chức đánh giá, lập hồ sơ sửa đổi, bổ sung Thông tư số 18/2014/TT-BNV, trong đó có tổng hợp danh mục các phiên hiệu đã được xác nhận theo quy định. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang xin ý kiến của các cơ quan liên quan và các địa phương về hồ sơ nêu trên.

Tiếp thu ý kiến của tỉnh Khánh Hòa, trong thời gian tới Bộ Nội vụ phối hợp Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam nghiên cứu, đăng tải danh sách phiên hiệu thanh niên xung phong mới được công nhận của các địa phương để địa phương trên toàn quốc thuận tiện trong việc tra cứu, thực hiện chế độ chính sách cho thanh niên xung phong.

**4. Đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn địa phương trong việc ban hành quy định các biện pháp đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở (tỉnh Long An)**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở được quy định tại Điều 8, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, trong đó đưa ra các biện pháp thực hiện:

<sup>72</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện 01 chương trình; Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh chủ trì 06 chương trình, đề án.

<sup>73</sup> Do Bộ Quốc phòng chủ trì thực hiện.

<sup>74</sup> Do Bộ Tư pháp chủ trì thực hiện.

<sup>75</sup> Do Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì thực hiện.

a) Bồi dưỡng nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

b) Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; nâng cao nhận thức cộng đồng về việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

c) Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, vai trò nêu gương của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trong việc thực hành dân chủ và bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở; lấy mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở của chính quyền địa phương cấp xã, cơ quan, đơn vị làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

d) Kịp thời phát hiện, khen thưởng các gương điển hình, có nhiều thành tích trong việc phát huy và tổ chức thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; phát hiện hành vi vi phạm và xử lý nghiêm cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

đ) Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, trang bị phương tiện, kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng chính quyền điện tử.

Do đó, thẩm quyền quy định hướng dẫn các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở thuộc trách nhiệm của địa phương đã được quy định trong Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

**5. Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động (do có nội dung về tổ chức đối thoại và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo khoản 4 Điều 63 Bộ Luật Lao động ngày 20/11/2019) (tỉnh Trà Vinh)**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Hiện nay, Bộ Nội vụ đề nghị các bộ, ban, ngành, địa phương báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy pháp pháp luật liên quan đến thực hiện dân chủ ở cơ sở; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp, hết hiệu lực thi hành hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở<sup>76</sup> (tại khoản 3 Phần II của Quyết định số 346/QĐ-TTg ngày 06/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở). Trên cơ sở báo cáo, đề xuất của bộ, ngành và địa phương, Bộ Nội vụ tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

<sup>76</sup> Công văn số 6251/BNV-CTTN ngày 27/10/2023.

**6. Đề nghị hằng năm hoặc từng giai đoạn xây dựng một số chương trình, chủ đề trọng tâm, trong số các nội dung về công tác dân vận để tập trung triển khai thực hiện đồng bộ và có hiệu quả hơn. Tăng cường công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân vận, tạo điều kiện cho cán bộ đi học tập kinh nghiệm với các địa phương để áp dụng vào tình hình thực tế của địa phương mình (tỉnh Trà Vinh)**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau**

Bộ Nội vụ đã ban hành văn bản hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước và chính quyền các cấp trong tình hình mới và thực hiện Chương trình phối hợp số 03-CTr/BDVTW-BCSĐCP ngày 15/12/2021 giữa Ban Dân vận Trung ương và Ban Cán sự đảng Chính phủ về công tác dân vận giai đoạn 2021-2025, trong đó xác định cụ thể nhiệm vụ trọng tâm và chủ đề thực hiện của năm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ; gắn việc triển khai nhiệm vụ chính trị chuyên môn với việc thực hiện nhiệm vụ công tác dân vận của cơ quan, đơn vị; việc triển khai chấm điểm tiêu chí, đánh giá xếp loại công tác dân vận hằng năm của cơ quan, đơn vị<sup>77</sup>.

Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ cũng hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương tiếp tục triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thực hiện công tác dân vận như: Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; Kết luận số 43-KL/TW ngày 07/01/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW; Quyết định số 23-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị (thay thế Quyết định số 290-QĐ/TW); Kết luận số 114-KL/TW ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư về “Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp”.

Bộ Nội vụ đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi là Nghị định số 89/2021/NĐ-CP) với nhiều nội dung mới, tạo điều kiện tối đa cho công chức, viên chức được tham gia học tập, cũng như các quy định nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. UBND các tỉnh, thành phố nói chung và tỉnh Quảng Trị nói riêng căn cứ các quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức để lồng ghép nội dung về bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân vận tại địa phương.

Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ tiếp tục tham mưu việc triển khai Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ gắn với việc triển khai thực hiện Chương trình phối hợp số 03-CTr/BDVTW-BCSĐCP ngày 15/12/2021 giữa Ban Dân vận Trung ương và Ban Cán sự đảng Chính phủ về công tác dân vận giai

<sup>77</sup> Công văn số 1432/BNV-CTTN ngày 03/4/2023



đoạn 2021-2025 với những nội dung chủ đề trọng tâm về công tác dân vận trong từng năm để tập trung triển khai thực hiện đồng bộ và có hiệu quả hơn theo đề nghị của tỉnh Quảng Trị.

## **VI. LĨNH VỰC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC**

**1.** *Đề nghị Bộ Nội vụ tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử theo Thông tư số 13/2023/TT-BNV ngày 31/8/2023 của Bộ Nội vụ và tài liệu điện tử vào Lưu trữ lịch sử tỉnh (tỉnh Khánh Hòa).*

### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Bộ Nội vụ ghi nhận ý kiến của địa phương để tổ chức tập huấn, hướng dẫn Thông tư số 13/2023/TT-BNV và các văn bản quy phạm pháp luật về văn thư, lưu trữ trong thời gian tới.

**2.** *Về hoàn thiện thể chế về khai thác, chứng thực, cấp bản sao tài liệu lưu trữ điện tử và Chỉ đạo, quan tâm hơn nữa đối với công tác lưu trữ về nguồn lực đầu tư, chế độ chính sách đối với người làm công tác lưu trữ; tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ lưu trữ để tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác lưu trữ được nâng cao kỹ năng nghiệp vụ (tỉnh Phú Yên).*

### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Các quy định, hướng dẫn về khai thác, chứng thực, cấp bản sao tài liệu lưu trữ điện tử sẽ được Bộ Nội vụ ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành tại các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Lưu trữ (sửa đổi) dự kiến sẽ được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5 năm 2024).

Về chế độ, chính sách đối với người làm công tác lưu trữ: Hiện nay, người làm công tác lưu trữ đang được hưởng chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm và bồi dưỡng bằng hiện vật. Bộ Nội vụ đã giao Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước tiếp tục nghiên cứu và đề xuất cấp có thẩm quyền về nội dung này khi thực hiện chính sách tiền lương mới.

Về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư, lưu trữ: Việc tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư, lưu trữ thuộc thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức; theo đề nghị của địa phương, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước sẽ cử báo cáo viên tại các khóa tập huấn của địa phương.

**3.** *Về “Phối hợp với Bộ Tài chính quy định cụ thể nguồn kinh phí cấp cho các hoạt động lưu trữ, nhất là công tác chỉnh lý, sắp xếp tài liệu, lựa chọn tài liệu nộp vào lưu trữ lịch sử theo quy định của Luật Lưu trữ (tỉnh Bắc Ninh)*

### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Tại điểm b khoản 3 Điều 31 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 5/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư quy định “Trong quá trình theo dõi, giải quyết công việc, mỗi cá nhân phải lập hồ sơ về công việc và chịu trách nhiệm về số lượng, thành phần, nội dung tài liệu trong hồ sơ; bảo đảm yêu cầu, chất lượng của hồ sơ theo quy định trước khi nộp lưu vào Lưu trữ cơ quan”. Sau khi nộp lưu vào Lưu trữ cơ quan, cán bộ làm công tác lưu trữ có trách nhiệm phải sắp

xếp, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ để nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử (đây là công việc thường xuyên của người làm công tác lưu trữ thuộc nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật).

4. “Ngày 14/11/2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 275/2016/TT-BTC Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tài liệu lưu trữ. Tuy nhiên, theo Thông tư quy định việc thu phí chỉ được áp dụng tại các Trung tâm Lưu quốc gia thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước (Bộ Nội vụ) và Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh; riêng việc thu phí sử dụng tài liệu lưu trữ tại Lưu trữ cấp huyện hiện nay chưa có quy định. Trong thời gian qua, việc các tổ chức, cá nhân đến Lưu trữ cấp huyện khai thác nhiều, dẫn đến nguồn kinh phí để phục vụ trích lục hồ sơ gặp nhiều khó khăn. Kiến nghị Bộ Tài chính xem xét sửa đổi, bổ sung Thông tư quy định về đối tượng áp dụng thu phí khai thác tài liệu lưu trữ tại Lưu trữ cấp huyện hoặc giao cho HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu phí cụ thể của địa phương (tỉnh Cà Mau)

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Đề nghị địa phương có văn bản gửi Bộ Tài chính để xem xét, sửa đổi bổ sung Thông tư số 275/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tài liệu lưu trữ cho phù hợp.

**VII. LĨNH VỰC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ**

1. Về kiến nghị ban hành Luật về hội và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành, tạo lập cơ sở pháp lý đầy đủ, cụ thể, rõ ràng trong việc thực hiện quyền thành lập, hoạt động và quản lý hội; nhất là cơ chế để bảo vệ quyền lợi của hội viên, cơ chế để hội tham gia các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội các chính sách, chương trình, đề án, dự án, tham gia một số hoạt động quản lý nhà nước, dịch vụ công thuộc lĩnh vực hoạt động của hội và sớm ban hành quy định về việc xác định Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (các tỉnh: Hòa Bình, Quảng Ngãi, Hưng Yên)

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

a) Dự án Luật về Hội:

Thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và do dự án Luật về hội có nội dung phức tạp, còn nhiều ý kiến khác nhau nên Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng, thấu đáo, thận trọng, toàn diện và báo cáo cấp có thẩm quyền cho chủ trương để triển khai xây dựng dự án Luật về hội vào thời điểm đủ cơ sở chính trị.

b) Các văn bản quy phạm pháp luật về hội:

Thể chế hóa Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương và chủ trương của Đảng về hội quần chúng, Bộ Nội vụ đã

phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, trong đó đề xuất việc thành lập, hoạt động và quản lý hội đảm bảo chặt chẽ; bảo vệ quyền lợi của hội viên, cơ chế để hội tham gia các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội các chính sách, chương trình, đề án, dự án, tham gia thực hiện một số dịch vụ thuộc lĩnh vực hoạt động của hội theo quy định pháp luật và quy định các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

Đến nay, Bộ Nội vụ đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị định của Bộ Tư pháp tại Văn bản số 203/BCTĐ-BTP ngày 23/10/2023 để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo và trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

*2. Về kiến nghị hướng dẫn, thống nhất việc thành lập Hội Người cao tuổi cấp tỉnh, cấp huyện theo Kết luận số 58-KL/TW của Ban Bí thư (tỉnh Hưng Yên)*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Căn cứ chủ trương của Ban Bí thư tại Kết luận số 58-KL/TW ngày 23/6/2023 về tổ chức và hoạt động của Hội Người cao tuổi Việt Nam và Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương; chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia Người cao tuổi Việt Nam Trần Hồng Hà tại Công văn số 8649/VPCP-KGVX ngày 03/11/2023 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ thống nhất với Hội Người cao tuổi Việt Nam, các cơ quan liên quan và có Công văn số 5453/BNV-TCPCP ngày 06/11/2023 về việc thành lập Hội Người cao tuổi ở địa phương nơi có đủ điều kiện hoạt động, gửi 63 Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương./.

-----